BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIẾNG VIỆT 5

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
ĐỖ HỒNG DƯƠNG – NGUYỄN LÊ HẰNG
TRỊNH CẨM LAN – VŨ THỊ LAN – TRẦN KIM PHƯỢNG

TIẾNG VIỆT 5

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

HS	học sinh
GV	giáo viên
SGV	sách giáo viên
SHS	sách học sinh
VD	ví dụ

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếng Việt 5 – Sách giáo viên là tài liệu hướng dẫn các thầy cô giáo dạy học theo sách học sinh *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Sách được biên soạn theo quan điểm dạy học phát triển năng lực và phẩm chất người học, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Tiếng Việt 5 – Sách giáo viên gồm hai phần: phần một là *Hướng dẫn chung*, phần hai là *Hướng dẫn dạy học các bài học cụ thể*. Phần *Hướng dẫn chung* nêu những yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt lớp 5, phân tích những điểm mới cơ bản của chương trình môn Tiếng Việt lớp 5, giới thiệu cấu trúc sách và cấu trúc các bài học trong sách học sinh; định hướng đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập. Phần *Hướng dẫn dạy học các bài học cụ thể* bám sát nội dung dạy học trong sách học sinh. Ở mỗi bài học, sách nêu rõ mục tiêu từng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, kiến thức về từ và câu, những đồ dùng, phương tiện dạy học, kiến thức,... cần chuẩn bị, những gợi ý về cách thức tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động kiểm tra, đánh giá và đáp án cho từng nội dung dạy học để giáo viên tham khảo. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng những hướng dẫn cụ thể trong sách cũng chỉ là một trong những phương án dạy học. Giáo viên có thể tự thiết kế bài dạy theo cách riêng của mình để phù hợp với điều kiện thực tế.

Hi vọng cuốn sách này là tài liệu hữu ích, giúp quý thầy cô dễ dàng thực hiện dạy học theo chương trình và sách giáo khoa mới, từng bước giúp học sinh phát triển những năng lực và phẩm chất cần thiết. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng, nhưng *Tiếng Việt 5 – Sách giáo viên* có thể có những hạn chế nhất định. Kính mong quý thầy cô góp ý để sách được cập nhật và ngày càng hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu dạy – học tiếng Việt của giáo viên và học sinh.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT – HƯỚNG DẪN CHUNG 5

PHẦN HAI – HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI HỌC CỤ THỂ 18

THẾ GIỚI TUỔI THƠ 18

Tuần 1 18
Bài 1. Thanh âm của gió 18
Bài 2. Cánh đồng hoa 27
Tuần 2 34
Bài 3. Tuổi Ngựa 34
Bài 4. Bến sông tuổi thơ 41
Tuần 3 48
Bài 5. Tiếng hạt nảy mầm 48
Bài 6. Ngôi sao sân cỏ 55
Tuần 4 63
Bài 7. Bộ sưu tập độc đáo 63
Bài 8. Hành tinh kì lạ 71

THIÊN NHIÊN KÌ THÚ 80

Tuần 5 80
Bài 9. Trước cổng trời 80
Bài 10. Kì diệu rừng xanh 89
Tuần 6 96
Bài 11. Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú 96
Bài 12. Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long 103
Tuần 7 109
Bài 13. Mầm non 109
Bài 14. Những ngọn núi nóng rẫy 116
Tuần 8 125
Bài 15. Bài ca về mặt trời 125
Bài 16. Xin chào, Xa-ha-ra 132

Trang

Tuần 9. Ôn tập và Đánh giá giữa học kì I 140

TRÊN CON ĐƯỜNG HỌC TẬP 150

Tuần 10 150
Bài 17. Thư gửi các học sinh 150
Bài 18. Tấm gương tự học 159
Tuần 11 166
Bài 19. Trải nghiệm để sáng tạo 166
Bài 20. Khổ luyện thành tài 173
Tuần 12 179
Bài 21. Thế giới trong trang sách 179
Bài 22. Từ những câu chuyện ấu thơ 185
Tuần 13 191
Bài 23. Giới thiệu sách *Dế Mèn phiêu lưu kí* 191
Bài 24. Tinh thần học tập của nhà Phi-lít 198

NGHỆ THUẬT MUÔN MÀU 205

Tuần 14 205
Bài 25. Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà 205
Bài 26. Trí tưởng tượng phong phú 214
Tuần 15 221
Bài 27. Tranh làng Hồ 221
Bài 28. Tập hát quan họ 227
Tuần 16 236
Bài 29. Phim hoạt hình *Chú ốc sên bay* 236
Bài 30. Nghệ thuật múa ba lê 245
Tuần 17 253
Bài 31. Một ngôi chùa độc đáo 253
Bài 32. Sự tích chú Tễu 260
Tuần 18. Ôn tập và Đánh giá cuối học kì I 267

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT LỚP 5

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC – Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút. – Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 4. – Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác. – Biết đọc theo những cách khác nhau (đọc lướt và đọc kĩ). – Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay. **ĐỌC HIỂU** VĂN BẢN VĂN HỌC *Đọc hiểu nội dung* – Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản. – Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản. – Hiểu chủ đề của văn bản. *Đọc hiểu hình thức* – Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật. – Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện.	**KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT** 1.1. Quy tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài 1.2. Một số trường hợp viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt 2.1. Vốn từ theo chủ điểm 2.2. Từ điển: cách tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác 2.4. Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu, thông dụng 2.5. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, "đồng âm khác nghĩa" 2.6. Từ đồng nghĩa: đặc điểm và tác dụng 2.7. Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản. 3.1. Đại từ và kết từ: đặc điểm và chức năng 3.2. Câu đơn và câu ghép: đặc điểm và chức năng

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản. *Liên hệ, so sánh, kết nối* – Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình. – Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện. – Nêu những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, màn kịch; lựa chọn điều tâm đắc nhất và giải thích vì sao. *Đọc mở rộng* – Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học; – Thuộc lòng ít nhất 10 – 12 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 100 chữ. VĂN BẢN THÔNG TIN *Đọc hiểu nội dung* – Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của văn bản. – Dựa vào nhan đề và các đề mục lớn, xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản. – Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản. *Đọc hiểu hình thức* – Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo; văn bản chương trình hoạt động. – Nhận biết được bố cục (phần đầu, phần giữa (chính), phần cuối) và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản. – Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng. – Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).	3.3. Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu); dấu gạch nối (nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng) 4.1. Biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ: đặc điểm và tác dụng 4.2. Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết: đặc điểm và tác dụng 4.3. Kiểu văn bản và thể loại – Bài văn viết lại phần kết thúc dựa trên một truyện kể – Bài văn tả người, phong cảnh – Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện – Đoạn văn nêu ý kiến về một hiện tượng xã hội – Bài văn giải thích về một hiện tượng tự nhiên, bài giới thiệu sách hoặc phim, báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu; văn bản quảng cáo (tờ rơi, áp phích,...)

Liên hệ, so sánh, kết nối

– Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.

Đọc mở rộng

Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

VIẾT

KĨ THUẬT VIẾT

– Biết viết hoa danh từ chung trong một số trường hợp đặc biệt khi muốn thể hiện sự tôn kính. Biết viết đúng tên người, tên địa lí nước ngoài.

VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN

Quy trình viết

– Biết viết theo các bước: xác định mục đích và nội dung viết (viết để làm gì, về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính, lập dàn ý cho bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

– Viết được đoạn văn, văn bản thể hiện rõ ràng và mạch lạc chủ đề, thông tin chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn liên kết với nhau.

Thực hành viết

– Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo.

– Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả.

– Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện.

– Viết được đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống.

– Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình đã xem (hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ).

5. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ).

KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Chủ đề
2. Kết thúc câu chuyện
3. Chuyện có thật và chuyện tưởng tượng
4. Chi tiết, thời gian, địa điểm trong câu chuyện; hình ảnh trong thơ
5. Nhân vật trong văn bản kịch và lời thoại

NGỮ LIỆU

1.1. Văn bản văn học

– Truyện dân gian, truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng; đoạn (bài) văn miêu tả

– Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ

– Kịch bản văn học

Độ dài của văn bản: truyện và kịch bản khoảng 300 – 350 chữ, bài miêu tả khoảng 200 – 250 chữ, thơ khoảng 110 – 130 chữ

1.2. Văn bản thông tin

– Văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

– Văn bản giới thiệu sách, phim

– Chương trình hoạt động; quảng cáo

Độ dài của văn bản: khoảng 230 chữ

2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Viết được báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu.

NÓI VÀ NGHE

Nói

– Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe. Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp.
– Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt.
– Biết dựa trên gợi ý, giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi.

Nghe

– Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác.
– Nhận biết được một số lí lẽ và dẫn chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe.

Nói nghe tương tác

Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

2. GIỚI THIỆU SÁCH HỌC SINH *TIẾNG VIỆT 5*

Sách giáo khoa (SGK) *Tiếng Việt 5* thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, tuân thủ các quy định của chương trình tổng thể, Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018 và Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sách thể hiện một cách tiếp cận mới mẻ và hiện đại trong lĩnh vực biên soạn SGK và dạy học Tiếng Việt, nhất quán với tinh thần đổi mới đã triển khai từ SGK ở các lớp trước.

2.1. Quan điểm biên soạn

Tiếng Việt 5 chú trọng khai thác vốn tiếng Việt của học sinh (HS) với tư cách người bản ngữ, tăng cường cơ hội cho HS thực hành để phát huy hiệu quả dạy học ngôn ngữ trong nhà trường, hạn chế yêu cầu HS nắm kiến thức về cấu trúc ngôn ngữ. Kiến thức

tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên và gần gũi với đời sống thực.

Tiếng Việt 5 phát triển một cách hợp lí kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà HS đã có được sau khi học xong lớp 4 để các em vừa đáp ứng được yêu cầu của Chương trình Tiếng Việt lớp 5, chuẩn bị tốt cho "bước ngoặt chuyển cấp", vừa được học theo sức của mình.

2.2. Những điểm mới cơ bản của sách *Tiếng Việt 5*

2.2.1. Sách được biên soạn theo mô hình sách dạy tiếng hiện đại, tiếp thu hợp lí kinh nghiệm biên soạn SGK *Tiếng Việt 5* theo chương trình cũ và tiếp tục quan điểm biên soạn SGK *Tiếng Việt* mới ở các lớp trước trong những năm qua. Các văn bản trong một bài học được gắn kết với nhau theo từng chủ điểm. Các bài học được sắp xếp vừa đảm bảo sự kết nối giữa các văn bản đọc với nhau theo chủ điểm vừa đáp ứng yêu cầu tích hợp giữa nội dung bài đọc với hoạt động viết, nói, nghe và kết nối với các kiến thức tiếng Việt, văn học của chương trình lớp 5. Tương tự SGK các lớp trước, trong sách *Tiếng Việt 5*, các bài học được thiết kế theo hoạt động giao tiếp đọc, viết, nói và nghe. Các kiến thức tiếng Việt cũng được tiếp cận theo hướng thực hành, vận dụng. Cách tiếp cận này giúp cho hoạt động dạy học ngôn ngữ gần với giao tiếp thực tế, tạo được hứng thú ở người học và nâng cao hiệu quả dạy học theo hướng phát triển năng lực.

2.2.2. Hệ thống bài đọc được lựa chọn rất kĩ lưỡng, có nhiều văn bản tươi mới, đặc sắc, có tính thẩm mĩ cao, có giá trị giáo dục lâu dài, phù hợp với HS tiểu học hiện nay. Ngữ liệu bảo đảm tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa văn bản văn học và văn bản thông tin (17 văn bản thơ, 28 văn bản truyện và văn bản miêu tả, 16 văn bản thông tin trong tổng số 62 văn bản; chưa tính các văn bản trong các phần ôn tập giữa kì và cuối kì); tăng tỉ lệ văn bản thông tin và giảm tỉ lệ văn bản văn học so với các sách Tiếng Việt trước đây. Hệ thống chủ điểm đa dạng, phong phú, bao quát được nhiều lĩnh vực trong đời sống của HS, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới của các em. Nội dung của ngữ liệu giúp HS có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân, phát triển cá tính lành mạnh và tư duy độc lập. Nhờ đó, ngoài việc giúp HS phát triển hiệu quả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, *Tiếng Việt 5* còn góp phần tích cực vào việc giúp các em phát triển kĩ năng quan sát, tư duy suy luận, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.2.3. Câu hỏi đọc hiểu đa dạng, có nhiều câu hỏi mở, phát huy khả năng suy luận hoặc phát huy trí tưởng tượng của HS, tạo cơ hội để các em phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học. Tiếp nối *Tiếng Việt 4*, trong *Tiếng Việt 5*, hệ thống câu hỏi đọc hiểu được phân chia thành 3 nhóm: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng, tạo điều kiện kết nối sách *Tiếng Việt* năm cuối ở cấp Tiểu học với Chương trình Ngữ văn

cấp Trung học cơ sở. Việc thiết kế câu hỏi theo 3 nhóm này căn cứ vào thang đo nhận thức nói chung và thang đo đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản trong môn Ngữ văn nói riêng vốn được áp dụng phổ biến trong các tài liệu dạy học ngôn ngữ và văn học trên thế giới và ngày càng rộng rãi ở Việt Nam.

2.2.4. *Tiếng Việt 5* chú trọng phát triển kĩ năng viết cho HS, tập trung vào các kiểu bài: văn bản tự sự (kể sáng tạo câu chuyện đã đọc, đã nghe); văn bản miêu tả (tả phong cảnh, tả người); văn bản biểu cảm (thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc, bài thơ, câu chuyện); văn bản nghị luận (nêu ý kiến tán thành hoặc phản đối một sự việc, hiện tượng); văn bản thuyết minh (giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình); văn bản nhật dụng (báo cáo công việc, chương trình hoạt động). Có thể thấy ở lớp 5, kĩ năng viết được nâng cao so với lớp 4. Để hoạt động viết đạt hiệu quả, HS được học, được tìm hiểu cách viết mỗi kiểu bài trước khi thực hành viết. Hoạt động thực hành viết được thiết kế gồm các bước rất cụ thể, theo một quy trình chặt chẽ: tìm hiểu; tìm ý, lập dàn ý; viết; đánh giá, chỉnh sửa. Riêng đối với kiểu bài văn tả phong cảnh và tả người, có thêm bước quan sát, luyện tập viết mở bài, kết bài và viết đoạn văn. Các đoạn văn, văn bản cần viết có sự kết nối với chủ điểm chung của bài học và các nội dung học tập trong tuần (thông qua các hoạt động đọc, nói và nghe, luyện tập về từ và câu), chẳng hạn, viết bài văn kể chuyện sáng tạo kết nối với chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*; viết bài văn tả phong cảnh kết nối với chủ điểm *Thiên nhiên kì thú*; viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách kết nối với chủ điểm *Trên con đường học tập*; viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ và viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình kết nối với chủ điểm *Nghệ thuật muôn màu*; viết bài văn tả người kết nối với chủ điểm *Vẻ đẹp cuộc sống*; viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc kết nối với chủ điểm *Hương sắc trăm miền*; viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng kết nối với chủ điểm *Tiếp bước cha ông*; viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng kết nối với chủ điểm *Thế giới của chúng ta*;... Nhờ đó, tất cả các nội dung trong bài học đều góp phần làm phong phú vốn ngôn ngữ và vốn sống, trải nghiệm cho HS, giúp các em có thể thực hiện tốt yêu cầu viết đoạn văn và văn bản.

2.2.5. Các nội dung luyện từ và câu được triển khai có tính hệ thống, khoa học, kết nối hài hoà với các bài học trong tuần và phù hợp với HS lớp 5; phục vụ trực tiếp và hiệu quả cho hoạt động viết đoạn, bài. Ở lớp 5, kiến thức tiếng Việt có một số nội dung vốn được coi là "hàn lâm", tuy vậy, *Tiếng Việt 5* triển khai dạy học những kiến thức này ở mức đơn giản nhất và chú trọng đến việc giúp HS vận dụng để thực hành tiếng Việt theo đúng định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

2.2.6. Do yêu cầu của chương trình, kênh chữ trong các trang sách của *Tiếng Việt 5* có tăng đáng kể, nhưng vai trò của kênh hình không phải vì thế mà giảm sút.

Tiếng Việt 5 thiết kế kênh hình đẹp. Không chỉ hình ảnh mà các loại bảng và sơ đồ cũng được sử dụng để tăng hiệu quả trình bày. HS sẽ cảm thấy thích thú với việc học tiếng Việt khi cầm cuốn sách trên tay và từng bước khám phá những bài học dành cho các em ở trong đó.

2.3. Cấu trúc sách và các bài học

2.3.1. *Cấu trúc sách*

Tiếng Việt 5 được chia thành 2 tập, tập một dành cho học kì I (18 tuần, mỗi tuần 7 tiết), tập hai dành cho học kì II (17 tuần, mỗi tuần 7 tiết). Ngoài các bài học chính, mỗi tập sách đều có các thành phần cơ bản: mục lục (đặt ở đầu sách), bảng tra cứu thuật ngữ, bảng tra cứu tên riêng nước ngoài (ở cuối sách). Về cơ bản, cấu trúc cả tập sách và cấu trúc của từng bài học trong 2 tập là như nhau.

Các bài học ở tập một được tổ chức theo 4 chủ điểm: *Thế giới tuổi thơ* (4 tuần), *Thiên nhiên kì thú* (4 tuần), *Trên con đường học tập* (4 tuần), *Nghệ thuật muôn màu* (4 tuần). Các chủ điểm ở tập một tập trung vào đời sống xung quanh các em và những gì gắn với sách vở, học tập hoặc hoạt động nghệ thuật. Mỗi tuần có 2 bài, bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Ngoài ra, có một tuần dành cho ôn tập giữa học kì (7 tiết) và một tuần dành cho ôn tập và đánh giá cuối học kì I (7 tiết).

Các bài học ở tập hai cũng được tổ chức theo 4 chủ điểm: *Vẻ đẹp cuộc sống* (4 tuần), *Hương sắc trăm miền* (4 tuần), *Tiếp bước cha ông* (4 tuần), *Thế giới của chúng ta* (3 tuần). Các chủ điểm ở tập hai được mở rộng sang những phạm vi khác của đời sống, thể hiện mối quan hệ của HS với cuộc sống xung quanh, với quê hương, đất nước nhìn qua chiều không gian (các vùng miền), thời gian (trải qua các thế hệ) và với thế giới mà chúng ta đang sống. Tương tự tập một, ở tập hai, mỗi tuần có 2 bài, bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Ngoài ra, có một tuần dành cho ôn tập giữa học kì (7 tiết) và một tuần dành cho ôn tập và đánh giá cuối năm học (7 tiết).

Cuối mỗi tập sách đều có đề tham khảo để giáo viên (GV) có thể dựa vào đó thiết kế đề kiểm tra học kì và cuối năm cho HS. Đề tham khảo chỉ là gợi ý về cấu trúc và các dạng bài tập cần có trong đề kiểm tra. Còn độ khó thì cần được linh hoạt trong giới hạn cho phép tuỳ theo điều kiện dạy học thực tế của mỗi địa phương và nhà trường.

2.3.2. *Cấu trúc bài học*

Như đã nêu trên, mỗi tuần có 2 bài học.

– Bài thứ nhất học trong 3 tiết:

+ Tiết 1: Đọc

+ Tiết 2: Luyện từ và câu

+ Tiết 3: Viết

– Bài thứ hai học trong 4 tiết:

+ Tiết 1 và 2: Đọc và luyện tập theo văn bản đọc

+ Tiết 3: Viết

+ Tiết 4: Nói và nghe hoặc Đọc mở rộng

Hoạt động đọc bao gồm khởi động, đọc thành tiếng và đọc hiểu. Câu hỏi đọc hiểu được thiết kế đa dạng, theo các mức độ yêu cầu khác nhau về đọc hiểu nêu trong Chương trình Tiếng Việt lớp 5. Hệ thống câu hỏi đọc hiểu cho mỗi văn bản, như đã nêu trên, thường có 3 nhóm: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng. Đối với văn bản đọc là thơ, đôi khi có yêu cầu học thuộc lòng một số khổ thơ hoặc cả bài thơ.

Hoạt động viết tập trung vào luyện viết đoạn hoặc bài văn hoàn chỉnh theo quy định của chương trình. Trước khi thực hành viết, HS được hướng dẫn nhận biết đặc điểm của kiểu đoạn, bài và cách viết đoạn, bài thuộc kiểu đó. Tương tự *Tiếng Việt 4, Tiếng Việt 5* không thiết kế phần riêng cho viết chính tả và hoàn thành bài tập chính tả vì các em đã được luyện tập những nội dung này từ các lớp dưới. Các kĩ năng liên quan đến chính tả được rèn luyện theo cách lồng ghép vào những nội dung khác của bài học, đặc biệt là ở phần viết đoạn, bài.

Hoạt động nói và nghe được thực hành theo 2 hình thức chính: 1) Thảo luận về một vấn đề đang quan tâm, một vấn đề có ý kiến khác biệt, 2) Giới thiệu về một địa điểm (di tích, địa điểm tham quan hoặc địa chỉ vui chơi), đôi khi là sự vật gắn với một địa điểm. Sách có phần *Đọc mở rộng* được phân bổ luân phiên với phần *Nói và nghe*, 4 tuần có một tiết. Tiếp nối *Tiếng Việt 4*, trong hoạt động đọc mở rộng, SGK *Tiếng Việt 5* chú ý yêu cầu HS đọc hiểu theo thể loại, trong đó chủ yếu là truyện và thơ, sau đó là văn bản thông tin. Trong nhiều phiếu đọc sách có mục yêu cầu HS nhận biết một số yếu tố cơ bản của văn bản xét về phương diện thể loại.

Phần *Luyện từ và câu* trong sách *Tiếng Việt 5* nhằm giúp HS luyện tập để phát triển vốn từ, kĩ năng đặt câu và một số kĩ năng sử dụng tiếng Việt khác, trên cơ sở đó phát triển kĩ năng viết đoạn, bài văn. Kiến thức phần *Luyện từ và câu* trong *Tiếng Việt 5* gồm: từ vựng (đồng nghĩa, đa nghĩa), từ loại (đại từ, kết từ), các kiểu câu (câu đơn, câu ghép) và cách nối các vế của câu ghép, biện pháp tu từ (điệp từ, điệp ngữ), liên kết câu trong đoạn văn; từ điển và cách sử dụng từ điển, dấu câu (dấu gạch ngang), cách viết tên riêng (tên người, tên địa lí) nước ngoài, viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. Như đã nêu trên, tất cả các kiến thức đó đều được "cài đặt" vào bài học và khai thác theo định hướng phục vụ trực tiếp cho mục tiêu phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ của HS.

Cuối mỗi bài (cả bài 3 tiết và bài 4 tiết) đều có phần Vận dụng, yêu cầu HS thực hành ngoài giờ lên lớp, thường là kể hoặc chia sẻ với người thân về câu chuyện đã nghe, cùng người thân thực hiện một việc cần ứng dụng kiến thức đã học ở lớp,...

Trong cả bài 3 tiết và bài 4 tiết, chỉ có các nội dung lớn (các mạch chính) mới được thể hiện bằng đề mục: Đọc, Viết, Nói và nghe, Luyện từ và câu. Các nội dung ở cấp độ thấp hơn đều được thể hiện bằng logo hoặc câu lệnh. Nhờ vậy, cấu trúc của bài học trông đơn giản và dễ nhận biết.

3. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO VIÊN

3.1. Cấu trúc bài hướng dẫn dạy học trong sách giáo viên

Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGV. Mỗi bài hướng dẫn dạy học trong *Tiếng Việt 5 – SGV* đều có các phần: ***Mục tiêu***, ***Chuẩn bị***, ***Hoạt động dạy học***.

Phần ***Mục tiêu*** có nội dung và cách thể hiện phù hợp với định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

Phần ***Chuẩn bị*** bao gồm hai nội dung: a. Kiến thức (tiếng Việt, văn học) mà GV cần có để dạy tốt bài học; và b. Phương tiện dạy học cần có và nên có. Ngoài những phương tiện dạy học chung (tranh minh hoạ trong SHS được phóng to; hoặc máy tính, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh;...), GV có thể sử dụng các phương tiện phù hợp khác. Do phương tiện dạy học cần chuẩn bị cho các bài về cơ bản giống nhau, nên nội dung này không được trình bày thành mục riêng ở mỗi bài, tránh trùng lặp. GV cần xác định rõ mục tiêu của từng hoạt động dạy học và chức năng của mỗi phương tiện dạy học để sử dụng đúng và hiệu quả, phù hợp với điều kiện dạy học của địa phương và nhà trường; tránh lạm dụng, gây lãng phí và làm sai lệch mục tiêu dạy học.

Phần ***Hoạt động dạy học*** bám sát các mục của bài học trong SHS. Ngoài ra, ở đầu bài học có mục ôn bài cũ, tạo tâm thế cho bài học mới; ở cuối bài học có mục ***Củng cố***, giúp GV và HS tóm tắt lại những nội dung đã học và GV nhận xét, đánh giá hoạt động học tập của HS. Tuỳ tình hình thực tế, GV vận dụng linh hoạt thời gian cho mỗi hoạt động dạy học.

3.2. Phương pháp dạy học

3.2.1. *Định hướng đổi mới phương pháp dạy học nói chung*

Phương pháp dạy học trong *Tiếng Việt 5* tuân thủ định hướng đổi mới phương pháp dạy học của Chương trình môn Ngữ văn và Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 nói chung là đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học.

GV cần chú trọng tổ chức hoạt động học đọc, viết, nói và nghe cho HS. Để đáp ứng yêu cầu đó, GV cần nắm vững kĩ thuật thực hiện các bước: khởi động bài học, giao nhiệm vụ cho HS, hướng dẫn HS học hợp tác, hướng dẫn HS tự ghi bài, tổ chức cho HS báo cáo kết quả học tập và nhận xét, đánh giá. GV cần giảm thời gian nói để HS có cơ hội được tăng cường hoạt động học (cá nhân, nhóm, lớp). GV chỉ hỗ trợ, không làm thay, không trả lời thay. Trong khi dạy học, GV cần chú ý tạo không khí lớp học thân thiện, gây được hứng thú học tập cho HS.

Theo định hướng dạy học phát triển năng lực, HS cần được phát huy vai trò chủ động, tích cực trong tất cả các hoạt động: làm việc cá nhân, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm hoặc trình bày, trao đổi ý kiến trước lớp,... Bên cạnh việc chú trọng rèn kĩ năng làm việc độc lập cho HS, GV cần tiếp tục khuyến khích HS tham gia vào những hoạt động có tính tương tác, coi đó là một cách thức quan trọng để thúc đẩy việc học tập và trưởng thành. Trong các giờ học, GV cần tạo cơ hội cho HS tham gia trao đổi, tranh luận trong nhóm, cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ,... Hoạt động có tính tương tác giúp HS phát triển ngôn ngữ, tư duy và các kĩ năng xã hội một cách hiệu quả; các em sẽ trở nên tự tin hơn, có mối quan hệ bạn bè tốt hơn, tôn trọng sự khác biệt và có kết quả học tập tốt hơn. Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần quan sát và dành thời gian hỗ trợ một số HS hoặc một số nhóm HS (nếu cần).

Ở từng bài học, GV cần chuẩn bị những hoạt động, yêu cầu hoặc câu hỏi, bài tập dành riêng cho HS có năng lực vượt trội hoặc gặp khó khăn trong học tập.

3.2.2. *Định hướng đổi mới phương pháp dạy học đối với từng hoạt động*

Hoạt động đọc: Dạy đọc nhằm giúp HS hình thành và phát triển kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu. Ở lớp 5, yêu cầu phát triển kĩ năng đọc hiểu đóng vai trò chủ đạo, yêu cầu cần đạt cũng nâng cao hơn. HS được đọc các văn bản có độ dài và độ khó cao hơn so với lớp 4 và phù hợp với yêu cầu của chương trình. Đối với đọc hiểu, phương pháp dạy học chủ yếu vẫn là GV huy động trải nghiệm, hiểu biết của HS có liên quan đến nội dung của văn bản đọc, HS được rèn kĩ năng giải thích, suy luận, so sánh, liên hệ mở rộng; đặt câu hỏi, thảo luận nhóm,... nhằm kích hoạt được việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc.

Hoạt động viết: Ở lớp 5, HS được luyện viết đoạn văn, văn bản. Phương pháp dạy viết đoạn văn, văn bản được chú trọng thông qua hoạt động tìm hiểu đặc điểm kiểu bài và cách viết từng kiểu bài rồi mới đến hoạt động thực hành viết. HS được hướng dẫn thực hành viết theo một quy trình phù hợp, qua từng bước: tìm hiểu, tìm ý và lập dàn ý; viết đoạn hoặc bài; đánh giá, chỉnh sửa (bố cục, nội dung, cách mở bài và kết bài, diễn đạt, chính tả,...).

Hoạt động nói và nghe: Ở lớp 5, dạy nói và nghe có những yêu cầu khác biệt so với các lớp trước. Phương pháp dạy nói và nghe ở lớp 5 chú trọng nhiều hơn đến phương pháp thảo luận, trình bày. Hoạt động nói và nghe được chú trọng cả yêu cầu về nội dung lẫn kĩ năng, thái độ nói và nghe. Qua hoạt động nói và nghe, GV cần chú ý tạo cơ hội để HS được trao đổi, tranh luận về một số nội dung có ý kiến khác biệt hoặc trái ngược nhau, từng bước giúp các em phát triển tư duy độc lập.

3.3. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập trong *Tiếng Việt 5* tuân thủ định hướng đổi mới về mục tiêu, nội dung, cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn nói chung và tiếp tục quan điểm đổi mới đánh giá được triển khai ở các lớp trước.

3.3.1. Về mục tiêu, đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong học tập, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học.

3.3.2. Về nội dung, đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe được quy định trong chương trình.

– ***Về phẩm chất***, đánh giá HS thông qua các biểu hiện:

+ Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên; yêu quê hương, nơi sinh sống; yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình; yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè; yêu thương những người xung quanh; không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn; sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn; biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước.

+ Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập; ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết; có ý thức tham gia các công việc của gia đình và của nhà trường vừa sức với bản thân; có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày; thường xuyên tham gia các công việc của trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân.

+ Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình; không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

+ Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích; có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi; nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường lớp; nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước nơi công cộng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.

– ***Về năng lực chung***

Năng lực tự chủ và tự học: Đánh giá khả năng tự làm được những việc của mình theo sự phân công, hướng dẫn; nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác; có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết; có ý thức học tập và làm theo những gương người tốt.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đánh giá khả năng tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; nhận ra được những bất đồng, xích mích giữa bản thân với bạn hoặc giữa các bạn với nhau; biết nhường bạn hoặc thuyết phục bạn.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đánh giá khả năng nhận ra được những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi; nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng; tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề.

– ***Về năng lực đặc thù (đọc, viết, nói, nghe)***

Đọc: Đánh giá kĩ năng đọc gồm kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu. Tương tự các lớp trước, ở lớp 5, việc đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng vẫn cần được chú ý; tập trung vào yêu cầu đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy, diễn cảm và đảm bảo tốc độ như chương trình quy định. Tuy vậy, đánh giá kĩ năng đọc hiểu vẫn cần được ưu tiên hơn.

Đánh giá kĩ năng đọc hiểu dựa vào kết quả HS trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung chính, đến điều tác giả muốn nói qua văn bản và những câu hỏi đọc hiểu hình thức văn bản, câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối, tạo cơ hội cho HS tìm hiểu về đặc điểm thể loại hoặc kiểu loại văn bản và đặc điểm ngôn ngữ của văn bản đọc. Việc thiết kế những câu hỏi liên quan đến thể loại hoặc loại văn bản này sẽ giúp HS từng bước định hình được "mô hình đọc hiểu" đối với từng thể loại hoặc loại văn bản.

Viết: Đánh giá kĩ năng viết ở lớp 5 chủ yếu dựa trên yêu cầu viết đoạn văn, văn bản dựa trên những ý tưởng sáng tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu về kiểu văn bản theo quy định của chương trình.

Nói và nghe: Đánh giá về sự tự tin của HS khi nói, trao đổi, thảo luận trong nhóm và trước lớp; khả năng tập trung vào nội dung cần nói và sử dụng ngôn ngữ chính xác; khả năng tập trung khi nghe; khả năng trả lời câu hỏi thể hiện hiểu được nội dung đã nghe.

Nhất quán với mục tiêu dạy tiếng Việt để HS có được công cụ đọc, viết, nói và nghe, theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, kiến thức tiếng Việt trong *Tiếng Việt 5* không kiểm tra, đánh giá riêng biệt mà cần được lồng ghép, tích hợp vào phần đọc và viết; trong kiểm tra, đáng giá kĩ năng đọc, viết có kiểm tra, đánh giá kĩ năng vận dụng kiến thức tiếng Việt vào hoạt động giao tiếp. Do đó, việc học thuộc các định nghĩa không còn cần thiết. Thậm chí trong nhiều trường hợp việc lẫn lộn một số đơn vị, phạm trù ngôn ngữ không còn quá quan trọng nếu sự lẫn lộn đó không dẫn đến việc đọc sai, viết sai, nói và nghe sai. Thực tế nghiên cứu và dạy học tiếng Việt trong nhiều thập niên qua cho thấy vấn đề phân biệt rạch ròi một đơn vị nào đó trong tiếng Việt là từ hay cụm từ, từ ghép hay từ láy, động từ hay tính từ, câu đơn hay câu ghép,... nhiều khi không có câu trả lời thật rạch ròi và tuỳ thuộc phần lớn vào quan điểm của nhà nghiên cứu. Ngay cả những kiến thức đã có được sự thống nhất về cách hiểu thì việc dạy học và kiểm tra, đánh giá kiến thức thuần tuý cũng không còn phù hợp với mục tiêu dạy học tiếng Việt theo tinh thần của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018. Chẳng hạn, kiến thức về âm và vần chỉ thực sự cần thiết đối với HS lớp 1 ở mức độ kiến thức đó giúp HS đánh vần âm tiết, từ đó, các em đọc được từ, cụm từ, câu. Khi đã đọc trơn được cả một câu thì kiến thức đó không còn cần thiết nữa. Trên nguyên tắc, những HS ngay từ đầu đã có thể đọc trơn (không cần đánh vần từng âm tiết) thì việc phân biệt âm đầu và vần cũng không cần được đặt ra. Tương tự, GV thường đặt những câu hỏi như: *Người anh hùng* là một từ hay nhiều từ?; *Rụng rời, lấp ló, chênh chếch, rạng rỡ,...* là từ ghép hay từ láy?; *Con chim bay trên bầu trời xanh. Cờ bay trong gió.* có phải đều là câu chỉ hoạt động hay không?,... Nếu các công trình

nghiên cứu ngôn ngữ học cần phải đưa ra những tiêu chí rạch ròi, tường minh (theo nguyên tắc của nhà nghiên cứu) để phân loại các từ ngữ, câu trên một cách nhất quán thì đối với HS, việc trả lời những câu hỏi ấy không nên coi là căn cứ để đánh giá kết quả học tập. Điều quan trọng là các em biết được nghĩa và cách dùng, chẳng hạn, ngoài kiến thức từ vựng tiếng Việt, HS còn phải có kiến thức về lịch sử và văn học để biết được vì sao có thể nói *Quang Trung là người anh hùng*, mà thường không nói *Nguyễn Du là người anh hùng*; các từ *rụng rời*, *lấp ló*, *chênh chếch*, *rạng rỡ*,... được dùng để thể hiện đặc điểm, trạng thái gì, của đối tượng nào; những từ đó gợi cho người đọc hoặc người nghe cảm nhận như thế nào về đặc điểm, trạng thái của đối tượng; có thể nói *Cờ bay phấp phới trong gió*, nhưng không thể nói *Chim bay phấp phới trên bầu trời xanh*;... Như vậy, từ phương pháp dạy học đến kiểm tra, đánh giá đều phải lấy mục tiêu phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe của HS làm căn cứ; về căn bản, các kiến thức chỉ được coi là công cụ phục vụ cho mục tiêu đó.

3.3.3. Về cách thức đánh giá, các phẩm chất và năng lực chung được đánh giá bằng định tính dựa vào kết quả GV quan sát, ghi chép, nhận xét; thực hiện trong suốt năm học. Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được đánh giá vừa bằng định tính, thực hiện trong suốt năm học; vừa bằng định lượng, được thực hiện vào cuối học kì và cuối năm. Cuối tuần ôn tập của mỗi học kì có một đề kiểm tra tham khảo. Nhà trường và GV có thể dựa vào cấu trúc và mức độ yêu cầu về đọc, viết, nói và nghe để thiết kế đề kiểm tra phù hợp với HS của mình.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI HỌC CỤ THỂ

THẾ GIỚI TUỔI THƠ

TUẦN 1

Bài 1 THANH ÂM CỦA GIÓ (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Thanh âm của gió*. Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.

   b. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện gắn với thời gian, không gian diễn ra câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Sức sáng tạo của trẻ em là vô tận nên những trò chơi của trẻ em luôn rất thú vị.

2. Ôn tập về 3 từ loại đã được học ở lớp 4: danh từ, động từ, tính từ, hiểu đặc điểm và chức năng của mỗi từ loại.

3. Nhận biết được cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

4. Biết sáng tạo trong các trò chơi và hoạt động tập thể. Hoà đồng với bạn bè và có suy nghĩ độc lập, mang cá tính riêng.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Đặc trưng của văn bản tự sự (thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ, hành động và lời nói của nhân vật).

– Từ loại tiếng Việt (danh từ, động từ, tính từ).

– Bài văn kể chuyện sáng tạo.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh phần Khởi động, tranh minh hoạ câu chuyện *Thanh âm của gió*.

– Phần *Luyện từ và câu*, để tổ chức cho HS chơi trò chơi, GV cần chuẩn bị giấy A5 (để phát cho các nhóm), chuẩn bị 4 cái hộp hoặc giỏ (để HS nộp bài).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

GIỚI THIỆU SÁCH *TIẾNG VIỆT 5* VÀ CHỦ ĐIỂM MỞ ĐẦU

– GV giới thiệu chương trình môn Tiếng Việt và cấu trúc sách *Tiếng Việt 5*:

+ Sách *Tiếng Việt 5* vẫn thống nhất với các lớp 3 và 4: mỗi tuần có 7 tiết, chia làm 2 bài học lớn (bài thứ nhất học trong 3 tiết, gồm hoạt động Đọc, Luyện từ và câu, Viết; bài thứ hai học trong 4 tiết, gồm Đọc, Viết, Nói và nghe hoặc Đọc mở rộng).

+ Sách gồm 2 tập, mỗi tập có 4 chủ điểm (tên các chủ điểm được ghi trong mục lục sách). Mỗi chủ điểm có tranh minh hoạ giúp các em cảm nhận được ý tưởng, nội dung các bài đọc, viết, nói và nghe được học trong chủ điểm.

– GV giới thiệu chủ điểm *Thế giới tuổi thơ* là chủ điểm mở đầu của sách *Tiếng Việt 5*. Các em quan sát tranh chủ điểm và cho biết bức tranh nói với em điều gì về chủ điểm này. HS phát biểu theo cảm nhận của cá nhân. GV có thể nói thêm: Chủ điểm này nói về lứa tuổi học sinh tiểu học. Các câu chuyện, bài thơ viết về thế giới tuổi thơ: tình bạn, kỉ niệm với người thân, với thầy cô, những trò chơi và những giờ phút vui chơi đáng nhớ, trí tưởng tượng bay bổng,... Qua các bài đọc, các em sẽ cảm nhận được những phẩm chất, năng lực cần có ở lứa tuổi các em.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu yêu cầu của hoạt động khởi động: *Trao đổi với bạn về những trò chơi hoặc hoạt động mà em thường thực hiện khi chơi ngoài trời*.

+ HS làm việc theo nhóm. Lần lượt từng HS nêu tên những trò chơi hoặc hoạt động mình thường thực hiện và chia sẻ về các điều liên quan (Chơi ở đâu? Chơi với ai? Chơi những gì? Thích nhất hoạt động gì?...). Các HS khác lắng nghe, trao đổi và góp ý.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp.

– GV giới thiệu: Những trò chơi hay hoạt động ngoài trời mang lại rất nhiều lợi ích cho HS. HS được vận động, được hoà vào thiên nhiên, được vui chơi trong một môi trường trong lành và thoáng đãng. Ngoài ra, khi chơi ngoài trời, HS không cần đồ chơi vẫn có thể sáng tạo ra được rất nhiều trò hay. Hôm nay, HS sẽ được tìm hiểu câu chuyện về một trò chơi thú vị của các bạn nhỏ. Trước hết, HS đọc tên bài đọc và quan sát tranh minh hoạ để đoán về nội dung câu chuyện.

– GV mời 1 HS đọc tên bài đọc và 1 HS nêu nội dung tranh minh hoạ (VD: Tranh vẽ khung cảnh thiên nhiên rộng lớn. Có con suối chảy dài uốn lượn quanh co. Xa xa, có mấy chú trâu đang thong dong gặm cỏ và nghỉ ngơi. Cạnh suối có mấy bác nông dân đang nghỉ ngơi và mấy bạn nhỏ đang chơi đùa. Có bạn ở cận cảnh đang úp hai tay vào tai, bạn bên cạnh như đang rất hào hứng với điều gì đó.). GV có thể cho HS đoán nội dung câu chuyện. Sau đó GV giới thiệu khái quát bài đọc *Thanh âm của gió* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện *Thanh âm của gió*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu các bạn nhỏ trong câu chuyện đã sáng tạo ra trò chơi gì thú vị.).

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ trong các câu hội thoại thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật; VD: *Ơ, Đúng rồi; hay lắm,...*).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *ngày nào, lên núi, lạ lắm, lần lượt, thung lũng, la lên, lùa trâu,...*

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Chiều về,/ đàn trâu no cỏ/ đầm mình dưới suối,/ chúng tôi tha thẩn/ tìm những viên đá đẹp cho mình;...*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp (đoạn 1: từ đầu đến *tìm những viên đá đẹp cho mình*, đoạn 2: tiếp theo đến *cười, cười, cười, cười...*, đoạn 3: còn lại).

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu được miêu tả thế nào?*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời. GV gợi ý HS đọc lại đoạn đầu của bài đọc và xem tranh minh hoạ để hình dung về khung cảnh thiên nhiên được miêu tả trong bài.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Cỏ tươi tốt, suối nhỏ, nước trong vắt, nắng chiếu xuống đáy làm cát, sỏi ánh lên lấp lánh; một bên suối là đồng cỏ rộng, gió không có vật cản cứ tha hồ rong chơi, thỉnh thoảng lại vút qua tai mọi người như đùa nghịch.)

Câu 2. *Em Bống đã phát hiện ra trò chơi gì? Theo em, vì sao các bạn thích trò chơi đó?*

– GV hướng dẫn HS tách thành 2 ý: 1/ Em Bống đã phát hiện ra trò chơi gì?; 2/ Theo em, vì sao các bạn thích trò chơi ấy? GV gợi ý HS đọc lại đoạn hội thoại giữa các bạn nhỏ, sau đó tìm chi tiết trả lời cho ý thứ nhất trước.

– HS trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 2 – 3 HS phát biểu ý kiến. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung (nếu cần thiết) và thống nhất đáp án cho ý thứ nhất: Trò bịt tai nghe gió chơi bằng cách bịt nhẹ tai lại rồi mở ra và lặp lại.

GV đặt câu hỏi phụ trước khi HS trả lời ý thứ hai và mời HS phát biểu trước lớp: Những chi tiết nào cho biết các bạn rất thích (rất hào hứng với) trò chơi? (Những chi tiết: bạn nào cũng thử bịt tai nghe gió, tập trung suy nghĩ để tìm lí do giải thích cho việc gió nói, mải mê nghe gió quên cả thời gian.)

– HS làm việc theo hướng dẫn của GV để trả lời ý thứ hai.

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu câu trả lời đã chuẩn bị).

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm nêu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện theo các bước chỉ dẫn, một số em phát biểu trước lớp. GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.

Đáp án tham khảo: Bạn nào cũng thích trò chơi vì khi thử bịt tai nghe tiếng gió, mỗi bạn đều nghe thấy gió nói theo một cách riêng. Các bạn được phát huy trí tưởng tượng của mình.

Câu 3. *Việc bố hưởng ứng trò chơi của hai anh em nói lên điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.*

A. Trò chơi hấp dẫn đến mức người lớn cũng thích chơi.

B. Bố khuyến khích các con chơi những trò chơi ngoài trời.

C. Bố muốn hoà nhập vào thế giới trẻ thơ của các con.

– GV nêu câu hỏi.

– GV khuyến khích HS nêu ý kiến của mình. HS có thể chọn các phương án đã có sẵn hoặc nêu ý kiến khác và đưa ra lí do lựa chọn.

– HS trao đổi trong nhóm và nhận xét, góp ý cho nhau.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp góp ý, trao đổi. GV khen ngợi những HS nêu lí do lựa chọn hay hoặc đưa ra được ý kiến riêng của mình.

Câu 4. *Tưởng tượng em cũng tham gia vào trò chơi bịt tai nghe gió, nói với các bạn điều em nghe thấy.*

– GV nêu câu hỏi hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi để tìm câu trả lời. Đây là câu hỏi mở, HS thoải mái tưởng tượng và nêu những điều tưởng tượng của mình. GV có thể hướng dẫn HS hoà nhập vào trò chơi của các bạn nhỏ bằng cách đứng trước gió (nếu lớp có quạt thì đứng trước quạt, không có quạt thì nhờ bạn ngồi cạnh quạt mạnh để tạo gió), sau đó bịt tai giống cách các bạn nhỏ trong câu chuyện đã làm để nghe tiếng gió.

– HS trao đổi trong nhóm. GV hỗ trợ các HS còn khó khăn khi trao đổi.

– 2 – 3 đại diện HS phát biểu trước lớp.

– GV khen ngợi những HS có ý kiến hay, tưởng tượng phong phú, trình bày rõ ràng, rành mạch.

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp). GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ

1. Mỗi ý ở cột B được nêu trong SHS nói về danh từ, động từ hay tính từ?

Bài tập này sẽ giúp HS ôn lại khái niệm của 3 từ loại đã học ở lớp 4: danh từ, động từ, tính từ.

– GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập, cho HS làm theo nhóm.

– Các nhóm thảo luận và tìm câu trả lời. (Có thể chọn hình thức nối 2 cột nếu GV viết lại bài lên bảng.)

– GV mời đại diện một số nhóm trả lời, sau đó chốt đáp án:

+ Danh từ: từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...)

+ Động từ: từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật

+ Tính từ: từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái

– GV cho HS nhắc lại khái niệm về 3 từ loại trên.

2. Trò chơi: Đọc đoạn đầu của bài *Thanh âm của gió* và thực hiện các yêu cầu.

Đây là bài tập vận dụng lí thuyết đã ôn ở bài tập 1. Ngữ liệu là đoạn 1 của bài *Thanh âm của gió*. GV cho HS đọc một lượt đoạn này.

– GV giới thiệu sơ bộ về trò chơi: Trò chơi có 4 vòng. Phải vượt qua vòng 1 mới được chơi tiếp vòng 2, cứ như vậy cho đến hết vòng 4. Đội nào làm đúng và nhanh nhất sẽ thắng. Có thể trao giải Nhất, Nhì và Ba theo thứ tự nộp bài.

– GV chia lớp thành các đội chơi, mỗi đội 4 – 5 người, cho các em đặt tên đội.

– GV để 4 cái giỏ ở trên bàn. Các giỏ sẽ ghi: vòng 1, vòng 2, vòng 3, vòng 4. Với mỗi vòng, mỗi đội sẽ được phát một tờ giấy. Các đội sẽ ghi tên của đội mình vào giấy.

– GV chiếu yêu cầu của vòng 1 lên bảng (hoặc cho HS đọc to yêu cầu trong SHS). Nhóm nào làm xong, lên nộp bài vòng 1 vào giỏ thì sẽ được phát giấy vòng 2. Cứ thế cho đến hết vòng 4. Nội dung của các vòng thi và đáp án như sau:

* Vòng 1: *Tìm danh từ theo mỗi nhóm:*

+ 1 danh từ chỉ con vật: *trâu*

+ 1 danh từ chỉ thời gian: *ngày*

+ 2 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên: *gió, nắng*

* Vòng 2. *Tìm 4 động từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái của người hoặc vật.*

HS có thể chọn các từ sau: *chăn, qua, ăn, lên, chiếu, rong chơi, vút, đùa nghịch.*

* Vòng 3. *Tìm 4 tính từ chỉ đặc điểm của các sự vật: cỏ, suối, nước, cát, sỏi.*

Đáp án: cỏ: *tươi tốt,* suối: *nhỏ,* nước: *trong vắt,* cát, sỏi: *lấp lánh.*

* Vòng 4. *Đặt 1 câu nói về một hiện tượng tự nhiên, trong đó có ít nhất 1 danh từ, 1 động từ, 1 tính từ.*

VD: Gió thổi rì rào./ Nắng chiếu trên những cánh hoa vàng lung linh.

– GV sẽ lấy 3 bài nộp sớm nhất ở giỏ cuối cùng (vòng 4), đọc tên đội. Sau đó chọn bài tương ứng của các đội đó ở các vòng 1, 2 và 3, chiếu lên bảng hoặc giao cho một số nhóm đọc to. Cả lớp cùng chữa. GV nhận xét và chọn ra đội giải bài đúng và nhanh nhất. (Nếu 3 bài nộp sớm nhất ở giỏ cuối cùng làm không đúng thì sẽ chọn tới bài nộp sớm thứ tư hoặc thứ năm.)

– GV biểu dương đội chiến thắng. (Có thể trao thêm các giải Nhì và Ba.)

(Có thể tổ chức trò chơi theo hướng mỗi vòng chơi đều có đấu loại. VD: Nếu cả lớp có 10 đội chơi, hết vòng 1 sẽ giữ lại 8 đội làm đúng và nhanh nhất, hết vòng 2 giữ lại 6 đội, hết vòng 3 giữ lại 4 đội. Như vậy, vòng 4 chỉ còn 4 đội tham gia chơi, chọn đội chiến thắng sẽ dễ hơn và không phải quay lại xem phiếu của 3 vòng thi trước. Nhược điểm của cách tổ chức này là tất cả HS sẽ không được cùng tham gia chơi đến vòng cuối cùng.)

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

– GV giới thiệu tiết học: Ở lớp 4, HS đã được học kiểu bài văn kể lại một câu chuyện. GV có thể nhắc lại một số nội dung quan trọng của bài văn kể lại một câu chuyện (về cách mở bài, kết bài, về các nội dung cần kể trong câu chuyện: các nhân vật, các sự việc và trình tự diễn ra các sự việc,...). Ở lớp 4, HS cũng đã được học cách viết đoạn văn tưởng tượng. Lên lớp 5, HS sẽ được học một kiểu bài mới: viết bài văn kể chuyện sáng tạo. *Lưu ý*: GV cần hướng dẫn kĩ để HS hiểu được các cách sáng tạo cho bài văn.

1. Đọc bài văn kể lại câu chuyện và các chi tiết sáng tạo (A, B), sau đó thực hiện yêu cầu.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS cách đọc (trong nhóm hoặc trước lớp): HS cần phải đọc 2 lượt.

+ Lượt 1: đọc hết bài văn kể lại câu chuyện gốc (bên trái).

+ Lượt 2: đọc lại bài văn (bên trái) kết hợp với đọc các chi tiết sáng tạo A, B (bên phải). Có 2 cách đọc lượt 2:

1/ (2 HS đọc) HS 1 đọc lại bài văn kể lại câu chuyện ở cột trái, đến đoạn có chi tiết sáng tạo (A, B) thì dừng lại để HS 2 đọc chi tiết sáng tạo ở cột phải.

2/ (1 HS đọc) HS chỉ cần đọc 1 câu trong bài văn gốc ngay trước đoạn được viết sáng tạo, sau đó đọc đoạn viết sáng tạo.

VD, đoạn A:

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu. HS làm việc cá nhân, tìm phương án trả lời cho mỗi yêu cầu trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.

– Với mỗi yêu cầu, GV mời 2 – 3 HS trình bày câu trả lời. GV và cả lớp đối chiếu kết quả, nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án:

a. Bài văn kể lại câu chuyện *Một chuyến phiêu lưu* của nhà văn Nguyễn Thị Kim Hoà.

b.

+ Mở bài: Từ đầu đến *tác giả Nguyễn Thị Kim Hoà*.

Nội dung: Giới thiệu tên câu chuyện và tác giả.

+ Thân bài: Tiếp theo đến *do cố nén cười*.

Nội dung: Kể lại câu chuyện *Một chuyến phiêu lưu*.

+ Kết bài: Phần còn lại.

Nội dung: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện.

c. Các chi tiết sáng tạo được bổ sung vào phần thân bài (phần kể lại câu chuyện) của bài văn.

d. Chi tiết A: Sáng tạo thêm lời thoại cho nhân vật; chi tiết B: Sáng tạo thêm các chi tiết tả cảnh.

Nếu HS học tốt, học nhanh, GV có thể đặt thêm 2 câu hỏi nâng cao cho HS:

1/ Các chi tiết sáng tạo có tác dụng gì trong bài văn? Câu trả lời tuỳ theo cảm nhận của HS, VD: Các chi tiết sáng tạo giúp bài văn sinh động hơn, cụ thể hơn, thể hiện rõ nét hơn những tưởng tượng của người viết bài văn về câu chuyện được kể. Ngoài ra, các chi tiết sáng tạo còn giúp người viết hoà nhập vào câu chuyện, sống cùng các nhân vật trong câu chuyện để hiểu và cảm nhận câu chuyện.

2/ Các chi tiết sáng tạo có làm ảnh hưởng đến nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện không? (Không ảnh hưởng đến nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện.)

– GV tổng kết bài tập 1: Qua bài tập 1, HS đã được làm quen với một kiểu bài văn: kể chuyện sáng tạo. Người viết có thể sáng tạo thêm các chi tiết kể, tả (tả cảnh, tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật,...), hoặc thêm lời thoại cho nhân vật. Tuỳ theo sự tưởng tượng của mỗi người, mà các chi tiết sáng tạo sẽ được đặt vào vị trí phù hợp trong bài văn.

2. Theo em, đoạn văn ở bài tập 2 trong SHS có thể thay cho đoạn nào của câu chuyện?

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và 1 HS đọc đoạn văn.

– GV hướng dẫn HS làm việc:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại bài văn trong bài tập 1 và đoạn văn trong bài tập 2, tìm đoạn truyện đã được viết lại.

+ 2 – 3 HS trình bày ý kiến trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý, thống nhất đáp án: Đoạn truyện được viết lại là đoạn kết của câu chuyện.

– GV có thể hướng dẫn HS trao đổi nhanh trong nhóm về những đoạn kết khác có thể được sáng tạo cho câu chuyện này (thay đổi đoạn kết hoặc viết thêm đoạn kết). GV nhận xét, khen ngợi các HS sáng tạo hay và chốt lại: Như vậy, khi kể chuyện sáng tạo, ngoài việc thêm các chi tiết kể, tả, thêm lời thoại, các em còn có thể thay đổi cách kết thúc cho câu chuyện.

Lưu ý: GV nhấn mạnh với HS: Dù thêm chi tiết kể, tả, thêm lời thoại hay sáng tạo đoạn kết đều không được làm thay đổi nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện. VD, kể lại truyện *Thạch Sanh*, người viết có thể viết tưởng tượng để viết thêm lời thoại cho Thạch Sanh khi giao chiến với chằn tinh hoặc thay đổi đoạn kết: mẹ con Lý Thông trở về quê nhà, ăn năn hối cải, trở thành người lương thiện, giúp đỡ những người nghèo khổ,...; dù sáng tạo như thế nào cũng không được làm thay đổi ý nghĩa nhân văn của tác phẩm: người tốt bụng, ngay thẳng sẽ được đền đáp, cái thiện sẽ chiến thắng cái ác.

– Nếu HS học nhanh, học tốt, GV có thể cho HS đọc thêm một đoạn văn sáng tạo cho câu chuyện *Thanh âm của gió* (viết thêm kết thúc) để HS hình dung rõ hơn về các cách thay đổi kết thúc cho câu chuyện.

> Hôm sau, bố gọi tôi dậy sớm để ra bờ suối nghe tiếng gió. Tôi bật dậy ngay. Trời chưa hửng nắng, gió sớm thổi lành lạnh. Chạy đến bờ suối, bố lấy hai tay bịt tai rồi mở ra. Tôi hồi hộp nhìn bố. Bố cười rất tươi: "A, gió nói "tốt, tốt, tốt". Đúng là tốt thật, vì con trai bố đã dậy sớm tập thể dục.".

3. Nêu những cách em có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

– GV gợi ý HS thực hiện yêu cầu: HS cần nhớ lại những điều quan trọng của một câu chuyện để có thể sáng tạo chi tiết:

Bối cảnh diễn ra câu chuyện	Ngoại hình, hoạt động của nhân vật	Các sự việc và trình tự sự việc	Kết thúc câu chuyện

– GV khuyến khích HS nêu ví dụ cho các phát biểu của mình. (VD: Thêm chi tiết tả ngoại hình của nhân vật: Bạn chuột có đôi mắt bé xíu, tròn xoe và đen láy như hai hạt đỗ. Lông cậu màu ghi nhạt, xù lên như một nắm bông, vì thế mọi người thường gọi cậu là chuột xù; tả hoạt động: Mèo nhép hát tướng lên. Mắt cậu nhắm tịt, đầu cậu lắc lư theo lời hát. Lúc đầu, chân cậu chỉ nhún nhảy nhè nhẹ. Rồi dần dần, đôi chân giậm càng lúc càng mạnh, cậu hứng chí nhảy nhót khắp nơi.)

– HS trao đổi trong nhóm. Từng HS nêu ý kiến của mình. Nhóm nhận xét, góp ý và tổng kết các ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp kết quả tổng hợp ý kiến của nhóm mình.

– GV khen ngợi các nhóm có nhiều ý kiến hay, sáng tạo.

Lưu ý: Các chi tiết có thể được kể sáng tạo như: thêm chi tiết tả bối cảnh (không gian, thời gian); thêm chi tiết tả ngoại hình, hành động của nhân vật; thêm (hoặc thay đổi) chi tiết kể tình huống, sự việc; thêm nhân vật vào câu chuyện; thêm lời thoại cho nhân vật; thay đổi cách kết thúc (thêm hoặc thay đổi đoạn kết) của câu chuyện,...

– GV giải thích thêm: để sáng tạo thêm chi tiết hay, hấp dẫn, điều quan trọng nhất là HS cần phát huy trí tưởng tượng và hoà mình vào câu chuyện, sử dụng các giác quan để cảm nhận mọi sự vật được kể, tả trong câu chuyện.

– GV mời 1 HS đọc to Ghi nhớ. Các HS khác đọc thầm theo. GV mời 1 – 2 HS xung phong nói lại Ghi nhớ mà không cần nhìn sách, nêu được Ghi nhớ về cách sáng tạo thêm chi tiết cho bài văn kể lại một câu chuyện. GV khen ngợi các HS nêu tốt phần Ghi nhớ. GV lưu ý HS: Khi viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách thêm chi tiết hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, HS có thể viết mở bài, kết bài trực tiếp hoặc gián tiếp (giống như đã hướng dẫn ở lớp 4). Ví dụ bài văn mẫu trong SHS, trang 11 viết theo cách mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng. Ngoài ra, câu chuyện có thể được kể lại theo cách mở bài là mở đầu câu chuyện, kết bài là kết thúc câu chuyện (mở bài không mở rộng, kết bài trực tiếp).

– Nếu còn thời gian, GV có thể cho HS sáng tạo một chi tiết khác cho câu chuyện *Một chuyến phiêu lưu*. HS làm việc cá nhân, sáng tạo chi tiết, sau đó trao đổi trong nhóm hoặc viết vào vở. GV chấm nhanh 2 – 3 bài làm của HS.

– GV nhận xét chung cả lớp và tổng kết tiết học.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng:

1/ Kể cho người thân nghe câu chuyện "Một chuyến phiêu lưu" với chi tiết em sáng tạo thêm.

HS kể lại cho người thân nghe câu chuyện *Một chuyến phiêu lưu* với những chi tiết HS sáng tạo thêm.

– GV lưu ý HS khi nói phải rõ ràng, rành mạch. Nói xong phải biết lắng nghe những trao đổi của người thân để có cách kể nội dung chuyện hay, hấp dẫn.

2/ Tìm đọc một câu chuyện về thế giới tuổi thơ.

HS tìm câu chuyện về thế giới tuổi thơ để chuẩn bị cho hoạt động Đọc mở rộng ở bài học tiếp theo.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách hoặc chọn một trong những cách dưới đây:

+ Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học.

+ Chốt lại nội dung bài học:

Đọc – hiểu: *Thanh âm của gió.*

Luyện từ và câu: Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ.

Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào (hoặc còn băn khoăn, thắc mắc về nội dung nào) của Bài 1.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 2.

Bài 2 CÁNH ĐỒNG HOA (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Cánh đồng hoa*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời người kể chuyện, lời đối thoại của các bạn nhỏ trong câu chuyện.

b. Nhận thấy những phẩm chất tốt đẹp của các bạn nhỏ người Chăm được thể hiện qua lời nói, suy nghĩ, việc làm,... (Các bạn yêu thương nhau, luôn vui tươi, hồn nhiên. Các bạn yêu quê hương, sống có trách nhiệm, biết bảo vệ môi trường bằng việc làm cụ thể, phù hợp lứa tuổi. Các bạn thông minh, tìm ra được ý tưởng sáng tạo để giải quyết tình huống.) Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện *Cánh đồng hoa*: Cần có những việc làm cụ thể để góp phần làm cho làng quê, khu phố luôn sạch đẹp. Việc làm đó, dù là nhỏ bé, cũng khiến chúng ta và mọi người cảm thấy hạnh phúc.

c. Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện viết về thế giới tuổi thơ, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về câu chuyện đã đọc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Củng cố thêm kiến thức về động từ, tính từ và từ có nghĩa giống nhau (qua hoạt động luyện tập theo văn bản đọc).

3. Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo: đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.

4. Nâng cao năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề; biết trân trọng và giữ gìn, làm đẹp cảnh quan môi trường (bài học rút ra từ câu chuyện *Cánh đồng hoa*).

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật; lời nói, cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật).

2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Cánh đồng hoa*.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

HS kể lại trò chơi mà Bống và các bạn đã chơi trong câu chuyện *Thanh âm của gió* và trả lời câu hỏi: Vì sao trò chơi đó rất thú vị và được các bạn hưởng ứng?

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giao nhiệm vụ: *Trao đổi với bạn: Em có thể làm gì để góp phần làm khu phố hay thôn xóm của em thêm sạch đẹp?*

– HS trao đổi nhóm đôi, cùng chia sẻ những việc đã làm hoặc dự định sẽ làm để góp phần làm khu phố hay thôn xóm của em thêm sạch, thêm đẹp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét, ghi nhận những chia sẻ phù hợp. (VD: quét dọn đường phố/ trồng cây ven đường/ trồng hoa bên đường/ nhặt rác ở nơi công cộng/ cùng các bạn tặng thùng rác cho tổ dân phố/ vứt rác đúng nơi quy định/ tiết kiệm nước/...)

– GV giới thiệu bài đọc mới. (VD: Các bạn nhỏ đều có những việc làm ý nghĩa, giúp thôn xóm, bản làng sạch đẹp. Câu chuyện *Cánh đồng hoa* lại kể về nhóm bạn nhỏ người Chăm đã có hành động bảo vệ môi trường theo một cách rất riêng.)

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm với ngữ điệu chung: chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện (*thở dài, rầu rĩ, giấu những giọt nước mắt,...*). GV có thể mời 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *múa hát tưng bừng.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *Biết làm thế nào bây giờ?.*

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến *chỗ đổ rác đâu.*

+ Đoạn 4: Tiếp theo đến *tiếng trống rộn ràng.*

+ Đoạn 5: Còn lại.

– GV giúp HS hiểu nghĩa của một số từ ngữ. VD: *Ja Ka, Mư Hoa, Ja Prok, Mư Nhơ* (tên của các bạn nhỏ người Chăm), *quả nhiên* (đúng như vậy, như đã đoán biết trước),...

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *chọi cỏ gà, vỗ trống, chỗ đổ rác, hoa ngũ sắc,...*), quan tâm hơn đến những HS hay mắc lỗi phát âm.

+ Ngắt giọng ở những câu dài. VD:

Họ hồ hởi/ cùng các bạn/ bắt tay vào dọn rác,/ xới đất,/ gieo hạt,/ trồng cây;/ ngày ngày/ tưới nước,/ nhổ cỏ,/ bắt sâu.

+ Đọc diễn cảm những câu thể hiện lời nói của các nhân vật: *Cứ thế này, đồng cỏ sẽ thành bãi rác mất thôi!; Bọn mình còn đâu chỗ mà vui chơi!; Biết làm thế nào bây giờ?; Các cậu có thấy bầu trời như một vườn hoa không?; Chúng ta sẽ biến nơi đây thành cánh đồng hoa. Mọi người không nỡ lấy cánh đồng đẹp làm chỗ đổ rác đâu.,...*

+ Chia bài đọc thành 5 đoạn (như đã nêu ở trên).

– 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu nêu trong SHS.

Câu 1. *Các bạn nhỏ có những hoạt động vui chơi nào trên đồng cỏ đầu làng? Chuyện gì xảy ra ở đó?*

– HS đọc câu hỏi 1.

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi 1: HS xem nhanh lại đoạn 1 và 2, suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời. Sau đó trao đổi trong nhóm đôi để thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV nhận xét và chốt câu trả lời: Trên đồng cỏ, các bạn thường thả diều, chọi cỏ gà, múa hát,... Các bạn múa hát tưng bừng theo nhịp trống của Ja Ka. Nhưng tại nơi vui chơi ấy, một bãi rác xuất hiện và cứ lớn dần lên, bốc mùi khó chịu.

Câu 2. *Khi thấy đồng cỏ có nguy cơ trở thành bãi rác, các bạn nhỏ lo buồn thế nào? Các bạn đã có ý tưởng gì?*

(Với câu hỏi 2, có thể tổ chức hoạt động học tập theo hình thức đóng vai: 1 HS làm người dẫn chuyện (dẫn đoạn 2), 4 HS vào vai 4 bạn Mư Nhơ, Mư Hoa, Ja Ka và Ja Prok.

4 HS thể hiện tâm trạng của các bạn nhỏ thông qua lời nói, cử chỉ và nét mặt (phù hợp với nội dung câu chuyện).

– GV nêu câu hỏi 2 (hoặc gọi HS đọc câu hỏi 2).

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ HS xem nhanh lại đoạn 2 và 3; suy nghĩ, tìm câu trả lời.

+ HS làm việc theo nhóm 4 (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS biết thể hiện suy nghĩ riêng của mình.

– GV nhận xét và ghi nhận những câu trả lời phù hợp. (VD: Khi thấy cánh đồng có thể thành bãi rác, các bạn nhỏ rất lo buồn. Các bạn chẳng nô đùa, hò hét như mọi ngày. Mư Nhơ thở dài; Mư Hoa quay mặt, giấu những giọt nước mắt; Ja Ka, Ja Prok rầu rĩ;... Sau đó, Mư Hoa nghĩ ra ý tưởng và được các bạn tán thành: cải tạo đồng cỏ thành cánh đồng hoa.)

Câu 3. *Các bạn nhỏ đã thực hiện ý tưởng đó như thế nào và kết quả ra sao? Các bạn có cảm xúc gì trước thành quả đạt được?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi 3.

– GV gợi ý: Các bạn thực hiện ý tưởng với một tinh thần như thế nào?; Các bạn có kể ý tưởng đó cho mọi người trong làng biết không?; Ngoài các bạn, còn ai tham gia thực hiện ý tưởng?; Tất cả đã tiến hành những công việc gì để biến ý tưởng thành hiện thực?; Sau cùng, ý tưởng đó có đạt như mong muốn?; Các bạn còn có được kết quả nào ngoài mong đợi?;...)

– HS xem lại đoạn 3, đoạn 4, suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời.

– HS trao đổi nhóm đôi để thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét. GV ghi nhận những câu trả lời hợp lí. Khuyến khích những câu diễn đạt theo ý hiểu của HS.

(VD: Các bạn quyết tâm thực hiện ý tưởng; nói với cô bác trong làng và được nhiều người hưởng ứng. Các bạn cùng cô bác bắt tay vào dọn rác, xới đất, gieo hạt, trồng cây; ngày ngày tưới nước, nhổ cỏ, bắt sâu.

Kết quả: Cây đâm chồi, nảy lộc, rồi nhú nở những bông hoa đầu tiên. Ba tháng sau, hoa đã đua nhau khoe sắc, không thấy ai đến cánh đồng đổ rác. Kết quả ngoài mong đợi: Với đồng hoa xinh đẹp, ngôi làng trở nên nổi tiếng, đón nhiều khách tới tham quan. Trước thành quả ấy, các bạn rất vui, cùng nhảy múa, ca hát giữa rừng hoa trong tiếng trống rộn ràng.)

Câu 4. *Kể tóm tắt nội dung câu chuyện "Cánh đồng hoa" theo gợi ý.*

– GV nêu yêu cầu của câu 4 (hoặc gọi HS đọc câu 4).

– HS xem nhanh lại toàn bộ câu chuyện.

– HS làm việc theo nhóm 4: dựa vào gợi ý ở SHS, lần lượt từng em tóm tắt câu chuyện, sau đó trao đổi, góp ý cho nhau.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày.

– GV nhận xét và ghi nhận những bài tóm tắt hay, đủ ý.

(VD: Ja Ka, Mư Hoa, Ja Prok và Mư Nhơ thường vui chơi trên đồng cỏ. Gần đây, trên đồng cỏ xuất hiện bãi rác lớn. Các bạn rất buồn, vì nguy cơ đồng cỏ sẽ thành bãi rác. Tất cả đang lo lắng thì Mư Hoa nghĩ ra ý tưởng biến cánh đồng hoang thành cánh đồng hoa, để mọi người không đến đổ rác. Các bạn cùng cô bác trong làng bắt tay dọn rác, xới đất, trồng cây và chăm sóc cây. Ba tháng sau, cánh đồng cỏ đã thành rừng hoa rực rỡ. Không ai đến đây đổ rác nữa. Với đồng hoa, ngôi làng trở nên nổi tiếng, đón nhiều khách tới tham quan. Các bạn nhỏ và dân làng vô cùng hạnh phúc.)

Câu 5. *Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện?*

– 2 HS đọc và nêu yêu cầu của câu hỏi 5.

– HS trao đổi ý kiến trong nhóm 4 theo hình thức "Khăn trải bàn", góp ý câu trả lời cho nhau. Thư kí tổng hợp ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS nêu ý kiến riêng của mình.

– GV ghi nhận ý kiến xác đáng, hợp lí, chân thực của HS. (VD: Cần có việc làm cụ thể để góp phần giữ gìn vệ sinh, làm đẹp làng quê, khu phố./ Cùng nhau bàn bạc, sẽ có những ý tưởng thú vị, bất ngờ./ Ai cũng có thể làm được những việc có ích./ Làm được việc có ích, mình sẽ thấy hạnh phúc./...)

4. Luyện đọc lại.

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

+ Làm việc chung cả lớp: 2 hoặc 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

+ HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

– GV đánh giá chung về kết quả đọc của HS.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

– HS làm bài tập 1 theo hình thức cá nhân, làm bài tập 2 theo hình thức nhóm đôi.

– GV chốt đáp án bài tập 1:

Động từ: vui chơi, hưởng ứng.	*Tính từ: tưng bừng, rộn ràng.*

– GV ghi nhận những từ ngữ thay thế phù hợp (bài tập 2). VD: *rộn rã, vui đùa, ủng hộ, tán thành, rộn vang,...*

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO (Tiếp theo)

GV giới thiệu tiết học: Ở tiết Viết, Bài 1, HS đã được tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo như bổ sung chi tiết kể, tả, thêm lời thoại cho nhân vật, thay đổi cách kết thúc của câu chuyện. Trong tiết học này, HS sẽ tiếp tục tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng một cách khác: đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.

1. Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu, 1 HS đọc các đoạn văn kể lại câu chuyện *Một chuyến phiêu lưu*. Lưu ý HS đọc đúng và diễn cảm theo giọng của nhân vật được đóng vai kể chuyện.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi. HS làm việc cá nhân, tìm phương án trả lời cho mỗi yêu cầu trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả. (Với câu hỏi d, HS cần đọc lại bài văn ở trang 11 để đối chiếu.)

– Với mỗi yêu cầu, GV mời 2 – 3 HS trình bày câu trả lời. GV và cả lớp đối chiếu kết quả, nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án:

a. Các đoạn văn kể lại câu chuyện theo lời của nhân vật chuột xù.

b. Chuột xù dùng "tôi" để gọi bản thân, dùng "cậu ấy" để gọi mèo nhép, dùng "bác ngựa" để gọi bác ngựa.

c. Những từ ngữ in đậm thể hiện chuột xù không chắc chắn về suy nghĩ, cảm xúc của mèo nhép (phương án A).

d. GV có thể hướng dẫn HS kẻ bảng.

	Bài văn kể lại câu chuyện ở trang 11	Các đoạn văn kể chuyện theo lời của chuột xù
Cách mở đầu câu chuyện	Người viết giới thiệu câu chuyện đã đọc/ đã nghe: tên câu chuyện, tác giả.	Người viết đóng vai chuột xù tự giới thiệu về bản thân mình (*Tôi là chuột xù*), sau đó mới giới thiệu câu chuyện mình đã trải qua (*Tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chuyện phiêu lưu li kì của tôi và cậu bạn thân mèo nhép*).
Cách kể lại các sự việc trong câu chuyện	Người viết không tham gia vào câu chuyện, không xuất hiện trong câu chuyện. Người viết kể lại các sự việc theo những gì đã đọc/ đã nghe.	Người viết đóng vai chuột xù – nhân vật trong câu chuyện. Người viết xưng là "tôi", thể hiện suy nghĩ, cảm xúc theo cảm nhận của nhân vật chuột xù.

Cách kết thúc câu chuyện	Nêu suy nghĩ, cảm xúc của người viết về câu chuyện.	Kể kết thúc của câu chuyện dưới góc nhìn của chuột xù.

– GV tổng kết bài tập 1: Qua bài tập 1, HS đã được làm quen với một cách sáng tạo trong bài văn kể lại câu chuyện: đóng vai một nhân vật để kể lại câu chuyện. Đây là một cách kể chuyện sinh động, tự nhiên và giúp cho bài văn mang đậm nét cá nhân, cá tính của người viết.

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.

– GV gợi ý HS thực hiện yêu cầu: HS xem lại câu hỏi và câu trả lời đã trình bày ở bài tập 1, sau đó nêu các điều cần lưu ý về:

+ Cách xưng hô của nhân vật được đóng vai kể chuyện.

+ Cách dùng từ ngữ của nhân vật đó.

+ Cách kể chuyện và cách bộc lộ tình cảm, cảm xúc của nhân vật đó.

– HS trao đổi trong nhóm. Từng HS nêu ý kiến của mình. Nhóm nhận xét, góp ý và tổng kết các ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp kết quả tổng hợp ý kiến của nhóm mình.

– GV khen ngợi các nhóm có nhiều ý kiến hay.

– GV mời 1 HS đọc to Ghi nhớ. Các HS khác đọc thầm theo. GV mời 1 – 2 HS xung phong nói lại Ghi nhớ mà không cần nhìn sách, nêu được ghi nhớ về bài văn đóng vai nhân vật kể lại một câu chuyện. GV khen ngợi các HS nêu tốt phần Ghi nhớ.

– Nếu còn thời gian, GV hướng dẫn HS đóng vai chuột xù, nói (hoặc viết) tiếp đoạn truyện còn thiếu trong bài văn. GV khuyến khích HS phát huy trí tưởng tượng để kể chuyện thật sinh động, hấp dẫn. HS làm việc cá nhân, đóng vai để nói trong nhóm hoặc viết đoạn truyện vào vở. 2 – 3 HS trình bày trước lớp hoặc GV chấm nhanh bài làm của một số HS (nếu HS viết).

– GV nhận xét chung cả lớp và tổng kết tiết học.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện về thế giới tuổi thơ và viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SHS.

– HS làm việc cá nhân: Đọc câu chuyện về thế giới tuổi thơ rồi viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SHS (có thể viết thêm những ý khác tuỳ theo nội dung câu chuyện đã đọc).

– HS có thể chia sẻ các câu chuyện đã đọc cho nhau để cùng trao đổi.

2. Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.

– HS trao đổi, chia sẻ với bạn về câu chuyện đã đọc theo gợi ý, hướng dẫn trong SHS.

– Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin bạn chia sẻ.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: *Kể cho người thân nghe câu chuyện về thế giới tuổi thơ mà em đã đọc hoặc đã nghe. Cùng người thân nhận xét về các nhân vật, sự việc trong câu chuyện.*

CỦNG CỐ

– GV có thể củng cố bài học theo những cách dưới đây:

+ Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học.

+ Chốt lại nội dung bài học:

Đọc – hiểu: *Cánh đồng hoa.*

Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (tiếp theo).

Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện viết về thế giới tuổi thơ.

– GV dặn dò HS: Về nhà đọc trước Bài 3: *Tuổi Ngựa*.

TUẦN 2

Bài 3 TUỔI NGỰA (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Tuổi Ngựa*, biết thể hiện giọng đọc khác nhau phù hợp với lời nói của mỗi nhân vật (mẹ và con); nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú ngựa con.

   b. Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú ngựa con và hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống,...
2. Có thêm kiến thức về 1 từ loại mới là đại từ. Bước đầu biết cách sử dụng đại từ cho phù hợp với ngữ cảnh.
3. Lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.
4. Biết thể hiện tình cảm yêu thương với người thân và chia sẻ suy nghĩ, ước mơ của mình với mọi người.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản thơ.

– Từ loại tiếng Việt (đại từ).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.

– Tranh ảnh (sưu tầm) về vẻ đáng yêu của những chú ngựa non, hình ảnh ngựa phi trên những đồng cỏ, triền núi,…

– Phần Luyện từ và câu, để tổ chức cho HS chơi trò chơi, GV cần chuẩn bị giấy A5 (để phát cho các nhóm), chuẩn bị 4 cái hộp hoặc giỏ (để HS nộp bài).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Cánh đồng hoa* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Em nghĩ gì về các bạn nhỏ trong câu chuyện *Cánh đồng hoa?*).

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu tên bài học và giao nhiệm vụ:

+ Thực hiện yêu cầu của hoạt động Khởi động theo cặp hoặc theo nhóm. GV khích lệ HS mạnh dạn nói những điều mình biết về tên gọi của các năm (theo âm lịch).

+ 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trao đổi nhóm. (Tên gọi của các năm: năm Tí (năm Chuột), năm Sửu (năm Trâu), năm Dần (năm Hổ),…)

+ GV nhắc HS đọc giải nghĩa từ ngữ ở cuối bài đọc.

– GV nhận xét các nhóm, sau đó GV giới thiệu khái quát về bài thơ (hoặc hỏi HS về tranh ảnh minh hoạ bài thơ và nội dung bài thơ (nếu đã đọc), VD: Tranh 1 vẽ cảnh hai mẹ con trò chuyện về năm sinh của con (năm Ngựa), người con nói về chú ngựa con đang phi qua triền núi đá; tranh thứ hai vẽ cảnh chú ngựa đã khôn lớn hơn, được đi đây đi đó, vó ngựa băng qua cánh đồng hoa… Đọc bài thơ, các em sẽ được biết về cuộc trò chuyện của hai mẹ con và trí tưởng tượng bay bổng của bạn nhỏ.

2. Đọc văn bản.

– GV (hoặc HS) đọc cả bài (đọc diễn cảm ở những đoạn thơ nói lên hành trình thú vị của chú ngựa theo trí tưởng tượng phong phú của bạn nhỏ. GV có thể mời 2 hoặc 4 em đọc nối tiếp các đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *Tuổi con là tuổi đi...*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *Ngọn gió của trăm miền.*

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến *Khắp đồng hoa cúc dại*.

+ Đoạn 4: Còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *triền núi đá, loá màu trắng,...*

+ Đọc diễn cảm: đọc đúng ngữ điệu câu hỏi của con và câu trả lời của mẹ (ở khổ 1); đọc với giọng điệu hào hứng, xúc động ở đoạn thơ nói về chú ngựa non rong ruổi khắp đó đây…

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển.

– 2 hoặc 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 4 đoạn) sau đó đổi đoạn để đọc.

– GV nhận xét việc đọc của các nhóm.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS. GV có thể nêu từng câu hỏi hoặc mời HS đọc từng câu hỏi rồi nêu cách thức thực hiện.

Câu 1. *Qua trò chuyện với mẹ, vì sao bạn nhỏ lại tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây?*

– GV nêu câu hỏi 1 và nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm: từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. GV có thể lựa chọn cách trình bày dựa trên ý hiểu của HS. (VD: Qua trò chuyện với mẹ, bạn nhỏ biết tuổi của mình là tuổi Ngựa. Ngựa không yên một chỗ, người tuổi Ngựa thích đi đây đi đó. Bởi vậy, bạn nhỏ đã tưởng tượng mình như một chú ngựa con rong ruổi khắp đó đây.)

Câu 2. *Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ: những miền đất đã qua, những cảnh vật đã thấy, những cảm nghĩ đã có.*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi làm việc theo nhóm hoặc theo lớp:

+ Đọc kĩ đoạn thơ thứ hai và thứ ba kể về hành trình rong ruổi của chú ngựa con (theo tưởng tượng của bạn nhỏ).

+ Chuẩn bị câu trả lời theo 3 gợi ý dưới câu hỏi 3. Có thể ghi vắn tắt những điều sẽ trình bày trong nhóm hoặc trước lớp.

– HS chuẩn bị câu trả lời (tập kể).

– HS làm việc theo nhóm.

Đáp án tham khảo:

Hai đoạn thơ như một thước phim tái hiện lại hành trình của chú ngựa con.

– Những miền đất ngựa con đã đi qua, đó là: miền trung du, vùng đất đỏ, rừng đại ngàn, triền núi đá, những cánh đồng hoa,...

– Những cảnh vật đã thấy: mỗi miền đất có những vẻ đẹp riêng: gió xanh miền trung du (trung du xanh màu cây lá), gió hồng vùng đất đỏ (vùng cao nguyên đất đỏ có bụi hồng cuốn theo vó ngựa), gió đen hút đại ngàn (những cánh rừng đại ngàn âm u), những triền núi đá mấp mô, hiểm trở; những cánh đồng bạt ngàn hoa: loá màu trắng hoa mơ; mùi hoa huệ ngọt ngào; cánh đồng hoa cúc dại xôn xao trong nắng, gió,...

– Những cảm nghĩ của chú ngựa con: nhớ mẹ, nghĩ đến mẹ, muốn mang quà về cho mẹ; ngắm hoa mơ trắng liên tưởng đến trang giấy nguyên chưa viết,...

– 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý, khen ngợi.

Câu 3. *Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ điều gì?*

– GV nêu câu hỏi, dành thời gian cho HS suy nghĩ. GV có gợi ý: Qua đoạn kể về hành trình của chú ngựa con với cảm xúc hào hứng, say sưa, theo em, bạn nhỏ muốn chia sẻ với mẹ mong ước gì của mình?

– HS trả lời câu hỏi theo nhóm hoặc trước cả lớp. (VD: Sau khi hình dung về chuyến rong ruổi khắp đó đây của mình qua hình ảnh chú ngựa con với ước mơ đi đến nhiều nơi, khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống, bạn nhỏ muốn nói với mẹ rằng mình rất yêu mẹ, dù đi khắp đó đây, ngắm bao nhiêu cảnh đẹp, vui thích trước bao điều mới lạ, nhưng luôn nhớ đến mẹ, luôn mong ước chia sẻ với mẹ những điều đẹp đẽ mình cảm nhận được và không bao giờ quên đường về với mẹ.)

Câu 4. *Nêu nhận xét về bạn nhỏ trong bài thơ.*

HS trả lời câu hỏi theo nhóm hoặc trước cả lớp. GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ, nhận xét, suy luận hợp lí, thú vị. (VD: Bạn nhỏ có trí tưởng tượng phong phú, ước mơ bay bổng và rất yêu mẹ,/…)

4. Học thuộc lòng bài thơ.

– GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ.

+ Làm việc cá nhân hoặc theo cặp: đọc bài thơ nhiều lần.

+ Một số HS đọc thuộc lòng đoạn thơ đã thuộc trước lớp.

– GV nhắc HS nếu chưa thuộc, về nhà cần tiếp tục học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

ĐẠI TỪ

GV giới thiệu về bài học: Ở lớp 4, các em đã được học 3 từ loại là danh từ, động từ và tính từ. Hôm nay, các em sẽ được làm quen với một từ loại nữa, đó là đại từ. Chúng ta sẽ xem đại từ là gì và gồm những loại nào.

1. Những từ in đậm (*vậy, thế, đó*) ở mỗi câu trong SHS được dùng để thay thế cho từ ngữ nào?

Bài tập này giúp HS hình thành kiến thức về đại từ thay thế: nhận diện được chúng và xác định được đại từ đó thay thế cho từ ngữ nào. Với bài tập này, GV nên tổ chức hoạt động nhóm.

– HS đọc yêu cầu đề bài và nhắc lại các từ in đậm: **vậy**, **thế**, **đó**.

– Các nhóm thảo luận và đưa ra đáp án. GV giúp đỡ các nhóm khi cần. Có thể gợi ý: VD: ở câu a, "Lúa cũng vậy." tức là lúa thế nào? GV lưu ý các nhóm: Có thể dùng từ ngữ thay thế để kiểm tra đáp án.

– Đại diện các nhóm trả lời.

– GV và HS cùng nhận xét và chốt lại đáp án:

a. *Nắng vàng óng. Lúa cũng **vậy**.* → Từ "vậy" được dùng để thay cho "vàng óng"; câu thứ hai được hiểu là "lúa cũng vàng óng".

b. *Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng **thế**.* → Từ "thế" được dùng để thay cho "cao và thẳng". Câu sau được hiểu là "các cây kia cũng cao và thẳng".

c. *Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu. **Đó** là thành quả lao động vất vả, "một nắng hai sương" của các cô bác nông dân.* → Từ "đó" được dùng để thay cho toàn bộ câu thứ nhất; câu thứ hai được hiểu là "cánh đồng vàng ruộm báo hiệu vụ mùa bội thu là thành quả của các cô bác nông dân".

GV nhấn mạnh: Các từ dùng để thay thế được gọi là đại từ thay thế.

2. Trong mỗi đoạn trích trong SHS, từ nào được dùng để hỏi?

Bài tập này giúp HS nhận diện đại từ nghi vấn.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của đề bài.

– HS làm việc nhóm, trao đổi, thống nhất câu trả lời. Trong khi các nhóm làm việc, GV quan sát và giúp đỡ các nhóm khi cần.

– GV có thể đặt câu hỏi phụ để gợi ý HS: Từ dùng để hỏi phải nằm trong loại câu nào? (trong câu hỏi). Dấu hiệu hình thức giúp ta nhận ra câu hỏi là gì? (dấu hỏi chấm)

– Đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

– GV và HS cùng chốt đáp án.

Đáp án:

+ Đoạn 1: từ *ai* (hỏi về người gõ cửa).

+ Đoạn 2: từ *đâu* (hỏi về nơi ngủ của nắng).

+ Đoạn 3: từ *nào* (hỏi về mùa có hoa phượng nở và ve sầu kêu).

GV nhấn mạnh: Các từ dùng để hỏi sẽ được gọi là đại từ nghi vấn. Những từ này đi cùng với dấu hỏi chấm, giúp ta nhận diện rõ câu hỏi và mục đích hỏi.

3. Đọc câu chuyện trong SHS và trả lời câu hỏi.

(Câu chuyện *Hạt thóc* được gợi ra từ một ý thơ của Lê Duy Phương.)

a. Các từ in đậm trong câu chuyện được dùng để làm gì?

b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?

GV giới thiệu: Để nói chuyện với nhau, chúng ta cần sử dụng các từ ngữ chỉ chính mình (người nói) hoặc người đang nói chuyện với mình (người nghe). Hãy đọc câu chuyện *Hạt thóc* và lần lượt trả lời các câu hỏi.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu chuyện *Hạt thóc*, sau đó nhắc lại các từ được in đậm: **tôi**, **bạn**, **tớ**, **cậu.**

– GV cho HS làm việc nhóm, trao đổi, thống nhất câu trả lời. Trong khi các nhóm làm việc, GV quan sát và giúp đỡ các nhóm khi cần.

– Đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

– GV và HS cùng chốt đáp án.

Đáp án:

a. Các từ in đậm trong câu chuyện dùng để xưng hô.

b. Cặp xưng hô thứ nhất là *tôi* và *bạn*. Từ *tôi* được dùng để chỉ người nói, là hạt thóc. Từ *bạn* được dùng để chỉ người nghe, ở đây *các bạn* dùng chỉ nhiều người nghe, là các cây ngô, khoai, sắn. Cặp xưng hô thứ hai là *tớ* và *cậu*. Từ *tớ* được dùng để chỉ người nói là ngô và từ *cậu* được dùng để chỉ người nghe là hạt thóc.

GV nhấn mạnh: Các từ được dùng để xưng hô như trên sẽ được gọi là **đại từ xưng hô**.

(Thực chất, ở đây chỉ có từ *tôi* và *tớ* là đại từ xưng hô chính danh, còn các từ *cậu, bạn* vốn là danh từ. Trong trường hợp này, chúng lại được dùng để xưng hô, có thể gọi đây là những đại từ xưng hô lâm thời. Trong tiếng Việt, số lượng đại từ xưng hô chính danh rất ít, chủ yếu là các đại từ xưng hô lâm thời, do danh từ chuyển sang. Để tránh phức tạp, GV có thể dùng thuật ngữ *đại từ* cho trường hợp danh từ được dùng để xưng hô, không cần phân biệt chính danh hay lâm thời.)

– GV mời 2 HS đọc Ghi nhớ. GV nhấn mạnh về 3 loại đại từ: đại từ xưng hô, đại từ thay thế và đại từ nghi vấn.

4. Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện *Hạt thóc*, viết câu để đáp lại lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.

Phần này là phần luyện tập sau khi HS đã nắm được khái niệm đại từ. GV có thể cho HS làm việc nhóm. HS trong nhóm dành thời gian để tự viết câu của mình, đọc lại cho các bạn trong nhóm cùng nghe, chỉ ra đại từ mà mình đã sử dụng. GV mời đại diện một số nhóm đọc câu của mình trước lớp. Cả lớp cùng nhận xét, góp ý. Có thể bình chọn câu đúng và hay nhất. (VD: **Tớ** hiểu rồi. Cảm ơn **cậu**.)

TIẾT 3

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện *Thanh âm của gió* hoặc *Cánh đồng hoa*.

Đề 2: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.

1. Chuẩn bị.

– GV mời 1 HS đọc đề bài. Cả lớp cùng đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS lựa chọn 1 trong 2 đề và xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài.

– HS đọc các yêu cầu chuẩn bị và gợi ý trong SHS:

+ HS lựa chọn một câu chuyện để kể lại.

+ HS suy nghĩ, nhớ lại câu chuyện đã chọn và các yếu tố liên quan đến câu chuyện (bối cảnh, nhân vật, diễn biến,...).

+ HS lựa chọn cách kể sáng tạo (sáng tạo thêm chi tiết, thay đổi cách kết thúc, đóng vai để kể chuyện).

– GV lưu ý HS:

+ Nếu lựa chọn cách sáng tạo thêm chi tiết, HS có thể lựa chọn các chi tiết chưa được kể cụ thể trong câu chuyện để sáng tạo thêm. HS có thể thêm hoặc thay đổi một hay một vài chi tiết, nhưng không nên sáng tạo quá nhiều chi tiết khiến bài văn bị lan man.

+ Nếu lựa chọn thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, HS cần suy nghĩ và tưởng tượng để chọn cách viết đoạn kết khác hay viết thêm đoạn kết.

+ Nếu lựa chọn cách đóng vai để kể chuyện, HS cần chú ý ngôi kể và các chi tiết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật. Có thể lựa chọn để kể sáng tạo 1 hay nhiều chi tiết trong câu chuyện, tránh lựa chọn quá nhiều chi tiết để bài văn không bị dài dòng.

+ HS cũng cần kể câu chuyện theo cách tóm tắt hợp lí, tránh kể toàn bộ như câu chuyện gốc vì không đủ thời gian.

– Từng HS trình bày các ý kiến của mình (đề đã chọn, câu chuyện đã chọn, cách sáng tạo đã chọn) trong nhóm. HS có thể trình bày miệng các ý sáng tạo của mình trong nhóm để nghe góp ý của các bạn.

2. Lập dàn ý.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý về dàn ý trong SHS theo từng phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài).

– HS dựa vào các câu trả lời đã nêu ở phần chuẩn bị, lập dàn ý cho bài làm của mình.

– HS viết dàn ý vào vở hoặc giấy.

– GV nhận xét nhanh một số bài của HS. GV khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu và hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn trong việc lập dàn ý.

3. Góp ý và chỉnh sửa.

– GV hướng dẫn HS chia sẻ dàn ý của mình với bạn trong nhóm hoặc bàn, đọc thầm phần tìm ý của bạn, góp ý nhận xét theo hướng dẫn trong SHS.

– Chỉnh sửa ý theo góp ý.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.*

CỦNG CỐ

– GV có thể củng cố bài học theo những cách dưới đây:

+ Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học hoặc còn băn khoăn, thắc mắc về nội dung nào trong bài.

+ Chốt lại nội dung bài học:

Đọc – hiểu: *Tuổi Ngựa*.

Luyện từ và câu: Đại từ.

Viết: Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 4.

Bài 4 BẾN SÔNG TUỔI THƠ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bến sông tuổi thơ*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với dòng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện; Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua tâm trạng, cảm xúc,… Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. Bước đầu tóm tắt được văn bản.

2. Biết viết bài văn kể chuyện sáng tạo theo dàn ý đã lập.

3. Biết giới thiệu về những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện đã đọc, đã nghe; hiểu và trình bày được tác dụng của những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện đó. Biết đánh giá và tôn trọng những bạn có câu chuyện hay, có cách giới thiệu hấp dẫn.

4. Biết trao đổi ý kiến về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện mà mình yêu thích. Biết đánh giá và tôn trọng những bạn kể được câu chuyện thú vị với những chi tiết thú vị, những bạn có cách trình bày hấp dẫn,...

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật và tính cách, hành động, cảm xúc,… của nhân vật); cách sắp xếp ý trong văn bản kể chuyện.

– Tìm hiểu những câu chuyện hay (cổ tích, đồng thoại, khoa học viễn tưởng,...) và những điều làm nên sự thú vị của câu chuyện: bối cảnh, nhân vật, sự việc,...

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Bến sông tuổi thơ*.

– Tranh ảnh, video, sách truyện,... minh hoạ những câu chuyện tưởng tượng lí thú.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Tuổi Ngựa* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm, trả lời câu hỏi khởi động: *Bạn yêu thích, tự hào về điều gì ở quê hương hoặc nơi mình sinh sống?* (GV khích lệ HS nói về cảm xúc của mình trong nhóm, có thể giải thích vì sao em có những cảm xúc đó.)

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (2 – 3 em) lần lượt nói trước lớp về điều em yêu thích hoặc tự hào về quê hương hoặc nơi mình sinh sống. (GV nhấn mạnh thêm: Điều em nói phải đúng với cảm xúc của em (phải chân thật) và phù hợp với hoàn cảnh sống.)

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Bến sông tuổi thơ* (VD: Nhìn vào tranh, các em thấy hình cảnh bến sông quê hương của bạn nhỏ hiện lên rất đẹp với cảnh cù lao nổi lên giữa sông, xanh màu cây lá; mấy bạn nhỏ (cả nam và nữ) chạy đuổi nhau trên bờ sông; rặng cây bần nở hoa tim tím, hoa rụng theo gió rơi xuống dòng sông… Đó là nơi bạn ấy đã từng gắn bó như là máu thịt. Các em sẽ nghe đọc và đọc kĩ để biết câu chuyện kể điều gì về những cảm xúc của nhân vật chính về bến sông quê và về quê hương mình…).

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết, những sự việc quan trọng, những từ ngữ, chi tiết diễn tả cảm xúc của nhân vật, hình ảnh bến sông quê hương hiện lên trong tâm trí bạn nhỏ như: *dòng sông êm đềm lững lờ con nước, có hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng*...). GV có thể mời 2 – 3 em đọc từng đoạn hoặc đọc toàn bài.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *lững lờ, con nước, nước ròng nước lớn, cù lao,...*). GV hướng dẫn những HS mắc lỗi phát âm khi đọc bài.

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Chiều chiều,/ gió từ phía sông thổi về man mác,/ những bông hoa bần tim tím nở xoè,/ từng cánh hoa thi nhau rơi xuống/ rồi cuốn trôi theo dòng nước.*

– 2 – 3 HS đọc luân phiên câu chuyện trước lớp.

– HS làm việc theo nhóm: Mỗi nhóm 2 – 3 HS đọc luân phiên câu chuyện.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ chú thích trong SHS và nêu thêm những từ ngữ chưa hiểu để tự tra từ điển.

3. Trả lời câu hỏi.

– GV giới thiệu về các nhân vật trong câu chuyện.

– GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi nêu trong SHS.

Câu 1. *Từ khi sinh ra, những hình ảnh nào của quê hương đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ?*

– 1 HS đọc yêu cầu trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn trả lời:

+ Cách 1: Làm việc nhóm (2 em/ nhóm), mỗi em đọc và nhận biết những hình ảnh của quê hương đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ từ khi sinh ra, phát biểu trong nhóm, bạn còn lại nhận xét, bổ sung (nếu cần).

+ Cách 2: Từng em hoặc cả nhóm cùng nhau đọc và nhận biết những chi tiết thể hiện hình ảnh của quê hương trong kí ức của bạn nhỏ.

– HS làm bài theo hướng dẫn nêu trên.

– GV yêu cầu 2 – 3 HS trả lời trước lớp.

Đáp án:

Những hình ảnh của quê hương như: dòng sông êm đềm lững lờ con nước, hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng… là những hình ảnh đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ từ khi sinh ra.

Câu 2. *Bạn nhỏ đã có những kỉ niệm gì cùng bạn bè trên bến sông tuổi thơ?*

– GV nêu câu hỏi 2 (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi 2) và hướng dẫn trả lời câu hỏi.

– HS làm việc theo nhóm, tìm những chi tiết, hình ảnh, câu văn nói về những kỉ niệm mà bạn nhỏ đã có cùng bạn bè trên bến sông quê (có thể lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị, các bạn khác có thể nhận xét hoặc bổ sung nếu bạn nêu chưa đầy đủ), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV nhận xét, khích lệ và khen ngợi những HS đã nêu đầy đủ các chi tiết, hình ảnh cho thấy những kỉ niệm mà bạn nhỏ đã có cùng bạn bè trên bến sông quê rất đẹp đẽ và sinh động.

Đáp án: Những hình ảnh bọn trẻ tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò của tuổi con nít, lấy chén muối ớt hoặc chén mắm đồng rồi rủ nhau hái những trái bần để ăn, hôm nào lỡ tay cho nhiều ớt quá thì cả bọn vừa ăn vừa hít hà vì cay.

Câu 3. *Trong cảm nhận của bạn nhỏ, vẻ đẹp của quê hương hiện lên như thế nào?*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, nhận biết và chỉ ra những hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của quê hương trong cảm nhận của bạn nhỏ.

– HS thực hiện theo chỉ dẫn các bước, một số em phát biểu trước lớp.

– GV hoặc các HS khác nhận xét hoặc có thể bổ sung nếu câu trả lời chưa đầy đủ.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã nêu đầy đủ những hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của quê hương trong cảm nhận của bạn nhỏ.

Đáp án: Vẻ đẹp của quê hương hiện lên qua những cây bần nở hoa tím biếc, từng cánh hoa thi nhau rơi xuống rồi cuốn trôi theo dòng nước, món canh chua cá bống sao hay cá bông lau mà bạn nhỏ nghĩ không có món nào ngon hơn…

Câu 4. *Bạn nhỏ nhắc đến đặc sản gì của quê hương? Chi tiết nào cho thấy bạn rất tự hào về đặc sản đó của quê hương mình?*

– GV nêu câu hỏi 4 (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi 4).

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm, chia sẻ trong nhóm về những đặc sản của quê hương mà bạn nhỏ nhắc đến, về những chi tiết thể hiện niềm tự hào của bạn nhỏ với quê hương.

– Đại diện một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS tìm ra những chi tiết thể hiện rõ tình yêu và niềm tự hào của bạn nhỏ về quê hương.

Đáp án: Đặc sản của quê hương được bạn nhỏ nhắc đến là trái bần chua, canh chua cá bống sao hay cá bông lau. Chi tiết cho thấy bạn nhỏ rất tự hào về đặc sản của quê hương mình là bạn ấy cho rằng trái bần mà đem nấu canh chua cá bống sao hay cá bông lau thì khó có món nào ngon hơn được. Ai đến cù lao quê bạn ấy mà chưa từng thưởng thức món canh chua này thì cũng xem như chưa đến.

Câu 5. *Qua bài đọc, em yêu thích hình ảnh nào của vùng đất cù lao? Vì sao?*

– GV nêu câu hỏi 5 (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi 5).

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm, chia sẻ những suy nghĩ cá nhân của mình, sau đó trao đổi trong nhóm, cùng bổ sung cho nhau để có được một câu trả lời tốt cho cả nhóm.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện theo chỉ dẫn các bước, suy nghĩ về câu trả lời của mình, sau đó chia sẻ trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu trước lớp khi GV yêu cầu.

Lưu ý: Đây là câu hỏi mở, GV khích lệ HS phát biểu theo cảm nhận của mình về những hình ảnh mà mỗi học sinh yêu thích về mảnh đất cù lao. Các em có thể yêu thích những hình ảnh khác nhau, miễn là các em thể hiện được lí do mà mình yêu thích những hình ảnh đó. VD: Hình ảnh mà em yêu thích là hình ảnh các bạn nhỏ tụ năm tụ bảy bên bến sông tuổi thơ với những trò chơi tuổi thơ vì kỉ niệm với các bạn luôn là những hình ảnh in sâu vào kí ức tuổi thơ.

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (từng cặp hoặc nhóm 2 – 3 HS đọc luân phiên); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc theo nhóm (2 – 3 em/ nhóm), góp ý lẫn nhau trong nhóm.

5. Luyện tập sau văn bản đọc.

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. GV có thể nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hay theo nhóm (tuỳ vào năng lực của HS trong lớp).

– Sau thời gian làm bài, có thể cho HS trình bày trước lớp, GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. *Từ "tôi" và "chúng tôi" ở hai đoạn đầu của bài đọc được dùng để chỉ ai? Từ nào chỉ một người, từ nào chỉ nhiều người?*

– Từ **tôi** để chỉ bạn nhỏ, nhân vật chính, người kể lại câu chuyện, từ **chúng tôi** chỉ nhân vật "tôi" và những người bạn.

– Từ **tôi** để chỉ một người, từ **chúng tôi** để chỉ nhiều người.

Câu 2.a. *Tìm từ có nghĩa giống với từ in đậm (rớt, cù lao, con nít, trái) trong các câu được nêu trong SHS.*

Đáp án:

Từ in đậm	Từ có nghĩa giống với từ in đậm
rớt	rơi
cù lao	đảo
con nít	trẻ con
trái	quả

b. *Qua những từ in đậm ở trên, em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ của nhà văn trong bài "Bến sông tuổi thơ"? Chọn đáp án đúng.*

Đáp án: C. Nhà văn sử dụng từ ngữ đậm màu sắc Nam Bộ.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện *Thanh âm của gió* hoặc *Cánh đồng hoa*.

Đề 2: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.

1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 3, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.

– GV mời 1 – 2 HS nhắc lại yêu cầu viết (đã nêu ở tiết lập dàn ý – Bài 3).

– HS đọc kĩ lưu ý trong SHS và xem lại dàn ý đã lập ở Bài 3.

– HS có thể đọc các đoạn văn trong SHS để tham khảo cách viết.

2. Hỗ trợ HS trong quá trình viết.

– GV nhắc HS viết bài theo cấu trúc đã học ở bài Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (Bài 1 và Bài 2) và các ý đã lập trên cơ sở dàn ý ở Bài 3.

– GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em có những hạn chế về kĩ năng viết.

– GV kiểm tra bài của HS khi các em đang làm bài, dự kiến một số bài hay để đọc trước lớp, những bài chưa tốt thì trao đổi, góp ý, hướng dẫn riêng từng em.

3. Chỉnh sửa bài viết.

– Làm việc nhóm:

+ HS đọc lại bài, tự chỉnh sửa lỗi (nếu có).

+ Chia sẻ bài làm, đọc bài của nhau và nêu điều mình muốn học tập của bạn, điều mình muốn góp ý cho bạn, VD:

• Bố cục bài văn đầy đủ.

• Phần mở đầu giới thiệu được câu chuyện một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc.

• Phần nội dung kể chuyện sáng tạo độc đáo nhưng không làm thay đổi nội dung chính hay ý nghĩa của câu chuyện gốc.

• Trình tự các sự việc trong câu chuyện được kể theo đúng trình tự trong câu chuyện hoặc theo cách sáng tạo của người viết, đảm bảo được logic.

• Đối với bài văn lựa chọn cách sáng tạo chi tiết, các chi tiết được lựa chọn để kể sáng tạo là các chi tiết chưa được kể cụ thể, hoặc các chi tiết có thể khai thác thêm cho sinh động hơn. Đối với bài văn lựa chọn cách thay đổi cách kết thúc, cách kết thúc mới cần phải phù hợp với diễn biến câu chuyện. Đối với bài văn lựa chọn cách đóng vai kể chuyện, cần lựa chọn ngôi kể và các từ ngữ dùng để xưng hô phù hợp với vai của nhân vật và nêu được tình cảm, cảm xúc,... của nhân vật. Cách kể sáng tạo trong bài văn cần tự nhiên để tạo sự hấp dẫn.

• Cách dùng từ, viết câu độc đáo, ấn tượng,...

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV mời một số HS đọc bài trước lớp.

+ GV và cả lớp nhận xét, khen ngợi các bài viết đúng yêu cầu và hay, sinh động.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÚ VỊ

Yêu cầu: Thảo luận về những chi tiết thú vị trong câu chuyện em yêu thích.

1. Chuẩn bị.

GV hướng dẫn HS:

– Nhớ lại câu chuyện đã được đọc, được nghe mà em yêu thích. GV có thể gợi ý thêm: Câu chuyện cổ tích, ngụ ngôn, đồng thoại, khoa học viễn tưởng,... đều là những câu chuyện thú vị, nhiều bạn yêu thích.

– Làm việc cá nhân:

+ Nhớ lại câu chuyện em yêu thích: tên câu chuyện, tác giả (nếu có), nội dung chính.

+ Liệt kê các chi tiết thú vị trong câu chuyện. VD:

• Bối cảnh câu chuyện: tình huống độc đáo, không gian thơ mộng, thời gian cổ tích,...

• Nhân vật trong câu chuyện: ngoại hình khác thường, có phép biến hoá, tài năng đặc biệt,...

• Sự việc trong câu chuyện: sự việc bất ngờ, kì lạ, cuốn hút, hài hước,...

+ Ghi chép những ý kiến dự định phát biểu.

2. Thảo luận.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc lại yêu cầu của bài học.

– GV hướng dẫn HS thảo luận:

+ Người điều hành nêu lại nội dung thảo luận: Thảo luận về những chi tiết thú vị trong câu chuyện bạn yêu thích.

+ Từng thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị.

• Giới thiệu tên, nội dung chính của câu chuyện.

• Chia sẻ những chi tiết thú vị có trong câu chuyện.

• Có thể nêu suy nghĩ, cảm xúc của mình về những chi tiết thú vị trong câu chuyện,...

– Lớp nhận xét.

– Người điều hành tổng hợp các ý kiến và rút kinh nghiệm về buổi thảo luận.

3. Đánh giá.

– HS bình chọn người kể được nhiều chi tiết thú vị nhất, người trình bày ý kiến hấp dẫn nhất, người tham gia thảo luận tích cực nhất,...

– GV đánh giá kết quả học tập; có thể giới thiệu thêm một vài câu chuyện thú vị khác (hoặc cuốn sách có nhiều câu chuyện thú vị) để HS cùng biết và tìm đọc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân về những điều thú vị trong câu chuyện em đã đọc, đã nghe.*

– Nhớ lại câu chuyện em đã giới thiệu với các bạn trong lớp.

– Kể cho người thân nghe những chi tiết thú vị trong câu chuyện đó và lắng nghe ý kiến của người thân.

CỦNG CỐ

– GV chốt lại hôm nay HS đã được:

Đọc – hiểu: *Bến sông tuổi thơ.*

Viết: Viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

Nói và nghe: Thảo luận về những chi tiết thú vị trong câu chuyện em yêu thích.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào của Bài 4.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 5.

TUẦN 3

Bài 5 TIẾNG HẠT NẢY MẦM (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Tiếng hạt nảy mầm*, biết thể hiện giọng đọc khác nhau phù hợp với lời thơ nói về các em học sinh hoặc nói về cô giáo trong lớp học đặc biệt – lớp học của trẻ khiếm thính; nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm nhận tinh tế của nhà thơ về suy nghĩ, cảm xúc của các bạn nhỏ và của cô giáo trong giờ học.

b. Hiểu bài thơ viết về một tiết học với bao nghĩ suy, cảm xúc, mong ước của cô giáo và học trò; nhận ra được mối liên hệ giữa các chi tiết về hình ảnh và âm thanh mà cô giáo mong muốn truyền tải đến các em học sinh thiệt thòi về khả năng nghe, khả năng nói. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Các em học sinh như những cánh chim non, tất cả đều được chắp cánh bay cao, bay xa bởi tình yêu thương vô bờ và sự tận tâm với nghề của thầy cô giáo.

2. Có thêm kiến thức về ba nhóm đại từ: đại từ xưng hô, đại từ thay thế và đại từ nghi vấn. Hiểu được chức năng của chúng, biết cách sử dụng những đại từ này cho phù hợp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Viết được bài văn kể chuyện sáng tạo (sáng tạo chi tiết, sáng tạo kết thúc, đóng vai kể chuyện).

4. Biết quan tâm, giúp đỡ, thể hiện sự đồng cảm sẻ chia với những người có hoàn cảnh khó khăn, thiệt thòi.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thơ (cảm xúc/ mạch cảm xúc, hình ảnh, ngôn ngữ,...).

– Từ loại tiếng Việt (đại từ).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.

– Tranh ảnh (sưu tầm), video, phóng sự,... về lớp học của trẻ khiếm thính (nếu có).

– Phần Luyện từ và câu, GV có thể thiết kế phiếu theo nội dung bài (nếu cần).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

– 2 HS đọc nối tiếp bài *Bến sông tuổi thơ* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*?).

ĐỌC

1. Khởi động.

– HS đọc yêu cầu của hoạt động Khởi động và thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm (theo hướng dẫn của GV).

+ 1 bạn nêu từ ngữ chỉ âm thanh, 1 bạn đoán đó là âm thanh của sự vật, hiện tượng nào. VD: *tí tách* (tiếng mưa rơi, tiếng nước rơi xuống từng giọt, cách quãng), *rì rào* (tiếng gió thổi qua vòm lá, tiếng sóng vỗ), *thình thịch* (tiếng tim đập mạnh, tiếng chân giẫm mạnh trên nền đất), *bì bõm* (tiếng bước chân lội nước, tiếng mái chèo khua nước),...

+ 2 HS chơi đố vui trước lớp (hoặc GV nêu một số từ ngữ chỉ âm thanh để HS đoán).

– GV nhận xét các nhóm, sau đó GV giới thiệu khái quát về bài học mới. VD:

+ Tranh minh hoạ bài thơ: lớp học của các bạn khiếm thính, các bạn đang làm động tác theo cô.

+ Bài thơ *Tiếng hạt nảy mầm* là một bài thơ rất xúc động, viết về một lớp học đặc biệt: Các bạn trong lớp học này là HS khiếm thính, các bạn không nghe được gì và vì thế các bạn cũng không nói được. Các em đọc bài thơ để biết cô giáo đã giúp các bạn học tập như thế nào.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài. GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các khổ thơ.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *nụ môi hồng, nắng vàng, lặng chăm, nảy mầm, vách đá, lo toan,…*

+ Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, VD: *tưng bừng, vụt qua song, ánh ỏi, ran vách đá,…*

– HS làm việc theo cặp: đọc nối tiếp các khổ thơ.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 hoặc 6 HS đọc nối tiếp các khổ thơ trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển, VD:

+ *Ánh ỏi*: tiếng, giọng ngân vang lảnh lót.

+ *Tưng bừng*: quang cảnh, không khí nhộn nhịp, vui vẻ.

+ *Lặng chăm*: im lặng và chăm chú.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Ở khổ thơ thứ nhất, chi tiết nào giúp em nhận ra đây là giờ học của trẻ khiếm thính (mất khả năng nghe hoặc nghe kém)?*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS đọc khổ thơ mở đầu để chuẩn bị trả lời câu hỏi.

– HS làm việc theo nhóm: Lựa chọn các chi tiết trong khổ thơ để giải thích cho ý kiến của mình. VD:

Học trò	Mắt sáng, nhìn lên bảng Lớp mươi nụ môi hồng	→ Lớp học ít HS, các bạn rất chăm chú nhìn lên bảng, nhìn lên cô giáo.
Cô giáo	Đôi tay cô cụp mở Báo tưng bừng âm thanh	→ Cô giáo sử dụng bàn tay để thể hiện kí hiệu âm (báo âm thanh).

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp, GV tổng hợp các ý kiến, VD: Bằng những động tác khéo léo, đôi bàn tay của cô đã gợi lên trong tâm trí các bạn học sinh những hình ảnh và âm thanh của cuộc sống theo cách cảm nhận riêng của các bạn học sinh trong lớp học đặc biệt này.

– GV có thể nhấn mạnh thêm: Đối với HS không thể nghe được từ nhỏ, chưa bao giờ nghe tiếng nói, cách giao tiếp thích hợp nhất với các em trước tiên là qua nét mặt, điệu bộ, ra hiệu bằng tay, "đọc môi" (khẩu hình), kết hợp giữa chữ với hình. Việc giúp các bạn nhớ các kí hiệu của tay và đọc khẩu hình ở giai đoạn ban đầu rất khó khăn, vất vả.

Câu 2. *Theo em, những khó khăn, thiệt thòi của các bạn học sinh trong bài thơ là gì?*

– GV nêu câu hỏi 2 và cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, suy đoán những khó khăn của các bạn HS khiếm thính, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm: từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời. (GV có thể gợi ý: Các em thử tưởng tượng nếu không nghe được gì thì sẽ gặp khó khăn trong giao tiếp và trong học tập như thế nào.)

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp, VD: Đây là lớp học của các bạn HS khiếm thính. Các bạn không nghe được, vì chưa bao giờ nghe được âm thanh xung quanh cũng như tiếng nói nên các bạn cũng không nói được. Việc học tập của các bạn sẽ vô cùng khó khăn,...

– GV có thể nhấn mạnh thêm: Ngày ngày, tháng tháng, năm năm, các bạn (HS khiếm thính ở mức độ nặng nhất) phải sống trong một thế giới vắng âm thanh. Vì thế, các bạn cũng không nói được, không giao tiếp được bằng tiếng nói, bằng ngôn ngữ. Để có kiến thức, khám phá, chiếm lĩnh kiến thức được ghi lại bằng ngôn ngữ, các bạn phải học rất vất vả để có thể kết nối kênh hình hoặc các kí hiệu với kênh chữ.

Câu 3. *Cô giáo đã gợi lên trong tâm trí học trò những hình ảnh và âm thanh nào của cuộc sống?*

– GV có thể mời HS nói về nội dung của 5 bức tranh nhỏ. HS có thể nêu như sau:

+ Hình hạt cây đang nảy mầm, bật ra lá non

+ Hình con chim sẻ bay trong nắng vàng

+ Hình tàu biển buông neo, sóng vỗ

+ Hình con ngựa phi bên vách núi

+ Hình ảnh cánh rừng chiều lúc chạng vạng có những ngôi sao nhấp nháy

– GV: Dựa vào lời thơ và tranh minh hoạ, các em hãy diễn tả lại ý nghĩa của bài học mà cô giáo đã đem đến cho các học trò của mình.

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân (trả lời câu hỏi dựa theo gợi ý của 5 hình ảnh dưới câu hỏi).

+ Bước 2: HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, lần lượt từng em trả lời theo ý đã chuẩn bị, thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.

VD: Cô giáo đã giúp các bạn học sinh cảm nhận những hình ảnh cùng âm thanh rộn rã, tưng bừng của cuộc sống, đó là tiếng cánh chim sẻ vụt qua song cửa, hót ánh ỏi trong nắng vàng; tiếng hạt cây tách vỏ, nảy mầm, bật dậy từ đất; tiếng lá động trong vườn vì những cơn gió thổi qua; tiếng mẹ gọi dậy mỗi buổi sớm mai; tiếng tàu biển buông neo; tiếng vó ngựa khua ran vách đá; ngôi sao mọc khi chiều buông, đêm xuống.

– GV nói: Bằng những động tác cụp – mở của bàn tay, ngón tay, cô giáo đã gợi lên trong tâm trí học sinh mình những hình ảnh của cuộc sống. Dựa vào lời thơ, hoạ sĩ đã vẽ minh hoạ về những điều cô giáo đã làm sống dậy trong tâm trí các bạn học sinh: cả hình ảnh và âm thanh của cuộc sống.

Câu 4. *Những chi tiết nào cho thấy các bạn học sinh rất chăm chú? Vì sao giờ học của cô giáo cuốn hút được các bạn?*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi làm việc theo nhóm/ lớp:

+ Đọc lướt bài thơ để tìm chi tiết cho thấy các bạn học sinh trong lớp học tập chăm chú, tích cực.

+ Chuẩn bị ý kiến giải thích vì sao giờ học của cô giáo cuốn hút được các bạn.

– HS làm việc theo nhóm:

+ Từng em phát biểu ý kiến theo điều hành của nhóm trưởng. (VD: Các chi tiết: *Mắt sáng nhìn lên bảng, Các bé vẫn lặng chăm/ Nhìn theo cô mấp máy* cho thấy các bạn học sinh trong lớp học tập chăm chú, tích cực. Giờ học của cô cuốn hút các bạn học sinh, phương pháp dạy của cô giúp các bạn cảm nhận được bao điều thú vị của cuộc sống; giúp các bạn cảm nhận được cuộc sống tưng bừng âm thanh theo một cách riêng;...).

+ Cả nhóm thống nhất câu trả lời hoặc chấp nhận các cách giải thích khác nhau.

– GV khích lệ HS nêu cách hiểu, cách suy luận của mình trước lớp, thể hiện được sự thấu hiểu, cảm thông với những bạn HS khiếm thính.

Câu 5. *Em có suy nghĩ gì về cô giáo của lớp học đặc biệt này qua 2 khổ thơ cuối?*

– HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi 5 theo cảm nhận của riêng mình.

– HS làm việc theo nhóm: Từng em trình bày ý kiến của mình; có thể giải thích lí do mình có câu trả lời đó.

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp. GV có thể tổng kết ý kiến của HS hoặc nói ý kiến của mình.

Đáp án tham khảo: Hai khổ thơ cuối bài, nhà thơ nói về nghĩ suy, tâm trạng, cảm xúc của cô giáo. Cô giáo dạy lớp học đặc biệt này mang trong lòng bao nỗi lo toan, bao nghĩ suy vất vả, mong tìm được cách giúp các em HS khiếm thính học tập, hiểu được ý nghĩa của câu chữ, giúp các em cảm nhận được những thanh âm của cuộc sống, có thể nghe tiếng vỗ cánh của chim non, có thể cảm nhận được điều diệu kì của tiếng hót... Trước vẻ hồn nhiên và sự chăm chú, háo hức học tập của các em HS, cô giáo đã vui mừng, đã xúc động trào nước mắt (*Ai mụ cười rưng rưng*).

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ. HS làm việc cá nhân, tự đọc thuộc lòng toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ

GV giới thiệu về bài học: Ở tiết trước, các em đã được học khái niệm đại từ với 3 loại: đại từ xưng hô, đại từ thay thế và đại từ nghi vấn. (Có thể yêu cầu HS nhắc lại khái niệm đại từ hoặc kể tên 3 loại đại từ). Hôm nay chúng ta cùng luyện tập về 3 loại đại từ này.

1. Tìm các từ dùng để xưng hô trong 2 đoạn văn trong SHS. Nhận xét thái độ của người nói qua các từ đó.

Bài tập này giúp HS hiểu thêm về tác dụng của đại từ xưng hô: Đại từ xưng hô có thể thể hiện tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe: thân mật, tha thiết, coi thường, kiêu ngạo, hống hách,...

– GV gọi 1 HS đọc 2 đoạn trích và các yêu cầu của đề bài.

– GV cùng HS giải nghĩa các từ *tiện, chẻ, khẩu (mía)* trong đoạn văn a: *tiện*: cắt vòng tròn bao quanh (tấm mía) cho đứt; *chẻ*: tách theo chiều dọc thành từng mảnh, từng thanh; *khẩu (mía)*: từng miếng nhỏ, có thể bỏ vừa miệng để nhai, để ăn.

– Làm việc theo nhóm: GV giao nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ lại các đoạn trích.

+ Giải quyết từng yêu cầu trong bài.

+ Thảo luận, chốt phương án đúng.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV mời từng nhóm phát biểu.

+ GV và HS nhận xét.

– GV và HS cùng chốt đáp án:

Đoạn a. Nhân vật bà gọi người cháu là *cu Dũng* và *cháu*, xưng là *bà*, gọi con và cháu của mình là *mẹ con* (đây là những danh từ được dùng làm đại từ xưng hô). Cách xưng hô như vậy thể hiện mối quan hệ gần gũi, thân thiết.

Đoạn b: Các từ xưng hô là *ta* và *ngươi*. Chuột cống xưng là *ta*, gọi cánh cam (và một số loài vật khác nữa) là *nhà ngươi/ ngươi*. Cách gọi này thể hiện sự ngạo mạn, tự tin, coi mình là hơn người khác của chuột cống.

– Sau khi HS làm xong bài tập, GV nhấn mạnh: Từ xưng hô thường thể hiện thái độ, thứ bậc, tuổi tác,... của người nói. Do vậy, khi xưng hô, cần dùng từ sao cho lịch sự, thể hiện đúng mối quan hệ với người nghe.

2. Chọn các đại từ thay thế *(đó, ấy, thế, vậy, này)* thích hợp với mỗi bông hoa và cho biết chúng được dùng để thay cho từ ngữ nào.

Bài tập này giúp HS biết cách sử dụng đại từ thay thế trong những ngữ cảnh cụ thể, đồng thời giúp HS hiểu rằng ở một vị trí nhất định, có thể chọn được nhiều đại từ thay thế khác nhau.

GV có thể tổ chức hoạt động theo cặp hoặc nhóm. GV cũng có thể cho các nhóm thi xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất.

– HS đọc yêu cầu đề bài.

– Các nhóm thảo luận và đưa ra đáp án.

– GV quan sát, hỗ trợ các nhóm khi cần.

– Đại diện các nhóm trả lời.

– GV và HS cùng nhận xét và chốt lại đáp án.

Đáp án:

a. Cô dạy mình động tác bơi ếch. Động tác **đó/ ấy/ này** thật lạ.

b. Cây lạc tiên ra quả quanh năm. Vì **thế/ vậy**, con đường luôn phảng phất mùi lạc tiên chín.

c. Mây đen đã kéo đến đầy trời. Nhưng bọn trẻ chẳng chú ý đến điều **đó/ ấy/ này**.

– GV nhấn mạnh: Các từ **đó**, **ấy** và **này** có thể thay thế cho nhau. Các từ **thế** và **vậy** có thể thay thế cho nhau.

3. Tìm đại từ nghi vấn trong các câu và xác định mục đích sử dụng tương ứng của mỗi đại từ đó.

Bài tập này giúp HS hiểu sâu về đại từ nghi vấn với mục đích sử dụng cụ thể của nó. GV có thể tổ chức hoạt động theo cặp hoặc nhóm. GV cũng có thể cho các nhóm thi xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất. Nếu GV viết sẵn bài tập đưa lên bảng thì HS có thể chọn phương án nối.

– HS đọc yêu cầu đề bài.

– Các nhóm thảo luận và đưa ra đáp án.

– GV quan sát, hỗ trợ các nhóm khi cần.

– Đại diện các nhóm trả lời.

– GV và HS cùng nhận xét và chốt lại đáp án: (Các đại từ nghi vấn được in đậm)

Câu có chứa đại từ nghi vấn	Mục đích sử dụng của đại từ nghi vấn
a. Anh muốn gặp **ai**?	(2) Hỏi về người
b. **Sao** con về muộn thế?	(5) Hỏi về nguyên nhân
c. Bạn làm được **mấy** bài tập rồi?	(1) Hỏi về số lượng
d. **Bao giờ** cháu về quê?	(3) Hỏi về thời gian
e. Nó ngồi ở **đâu**?	(4) Hỏi về địa điểm

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

– GV trả bài cho cả lớp và nhận xét chung. GV lưu ý nhận xét kĩ các lỗi nhiều HS mắc phải và khen ngợi một số bài làm tốt. GV có thể đọc 1 – 2 bài làm tốt để HS học tập.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ bài làm và nhận xét của GV.

– GV dành thời gian để HS đọc bài và sửa chữa lỗi theo nhận xét.

– Sau khi HS đã tự sửa lỗi, GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, trao đổi bài viết để đọc và góp ý cho nhau.

– GV bao quát cả lớp để hỗ trợ những cặp HS chưa biết cách trao đổi, góp ý bài làm cho nhau.

– GV khen ngợi kết quả bài viết của HS và tổng kết tiết học.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng:

1/ Ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

HS ghi lại những điều học được sau khi nhận được trao đổi, góp ý từ thầy cô, bạn bè trên lớp và có thể chia sẻ các ghi chép với người thân. HS cần lưu ý ghi sổ tay một cách khoa học và rõ ràng để dễ theo dõi, đồng thời có những khoảng trống để bổ sung những ý cần thiết sau này.

2/ Tìm đọc một bài thơ viết về trẻ em.

HS tìm đọc bài thơ viết về trẻ em để chuẩn bị cho hoạt động Đọc mở rộng ở bài học tiếp theo.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính hoặc những nội dung cần nhớ của Bài 5:

Đọc – hiểu: *Tiếng hạt nảy mầm.*

Kiến thức tiếng Việt: Luyện tập về đại từ (đại từ xưng hô, đại từ thay thế, đại từ nghi vấn).

Viết: Đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào hoặc thấy nội dung nào bổ ích hay còn băn khoăn, thắc mắc về nội dung nào) của Bài 5.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 6.

Bài 6 NGÔI SAO SÂN CỎ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Ngôi sao sân cỏ.* Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.

b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật.

Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Trong một tập thể, mỗi cá nhân đều cần biết phối hợp hài hoà với những người còn lại, không thể chỉ nghĩ đến việc toả sáng cho riêng mình.

2. Nhận biết được cách viết báo cáo công việc phù hợp với lứa tuổi.

3. Đọc mở rộng: Đọc bài thơ viết về trẻ em, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về bài thơ (về câu thơ hay, hình ảnh thơ đẹp).

4. Biết rèn luyện, phấn đấu vì mục tiêu của bản thân, biết cách phối hợp để làm việc trong một tập thể, biết nhận lỗi và sửa lỗi.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Đặc trưng của văn bản tự sự (thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ, hành động và lời nói của nhân vật).

– Cấu trúc và nội dung báo cáo công việc.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh phần khởi động, tranh minh hoạ câu chuyện *Ngôi sao sân cỏ.*

– Mẫu báo cáo công việc.

– Tranh ảnh hoặc sách báo minh hoạ cho các văn bản có thể đọc trong phần Đọc mở rộng.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể chọn một hoạt động để ôn bài cũ, VD: Nêu tên bài đọc trước và tên các nhân vật trong bài đọc, nói về điều em thích nhất trong bài đọc trước.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu yêu cầu của trò chơi và giao nhiệm vụ cho HS:

+ Chơi trò chơi theo nhóm (*Kể nhanh tên các môn thể thao cá nhân và các môn thể thao đồng đội.*) hoặc đại diện nhóm lên chơi trước lớp.

+ HS hoặc đội nào kể được nhiều tên hơn, HS hoặc đội đó sẽ chiến thắng.

– GV tổng kết trò chơi: Qua trò chơi, HS có thể thấy, có những môn thể thao cá nhân và các môn thể thao đồng đội, với những yêu cầu vô cùng khác nhau. Với những môn thể thao cá nhân, từng cá nhân phải tự cố gắng hết sức để giành lấy kết quả tốt nhất mà không hề có sự trợ giúp của người khác. Còn đối với những môn thể thao đồng đội (tập thể), mỗi cá nhân phải là một mắt xích trong cả tập thể ấy. Tập thể muốn mạnh thì

từng cá nhân phải phối hợp với nhau thật hài hoà để tạo ra sức mạnh. Môn thể thao đồng đội không giống môn thể thao cá nhân ở chỗ, dù cá nhân có thể rất giỏi và cố gắng hết sức, nhưng nếu không có sự hợp tác ăn ý, nhịp nhàng cùng đồng đội thì kết quả chắc chắn vẫn không thể như mong đợi.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ (VD: Tranh vẽ một trận bóng đá với rất đông các bạn tham gia cổ vũ. Một bạn nhỏ là cầu thủ trên sân đang dang 2 tay chạy như bay, đằng sau là một số bạn cũng đang chạy theo,vẻ mặt vui mừng. Có lẽ là bạn ấy vừa ghi bàn nên đang ăn mừng bàn thắng.) Sau đó GV giới thiệu khái quát bài đọc *Ngôi sao sân cỏ*, VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện *Ngôi sao sân cỏ*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu bạn nhỏ trong câu chuyện đã ước ao trở thành ngôi sao sân cỏ như thế nào và bạn ấy đã làm gì trong trận đá bóng.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ trong các câu hội thoại thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật, VD: *Hiệp sau đừng ích kỉ thế, Tớ không đá nữa, xem các cậu làm được gì*).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *lăn xả, xô lên, lặng lẽ, làu bàu, nóng bừng,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Nhưng tôi vẫn cố hất bóng qua hậu vệ lớp C/ vì không muốn nhường ai cơ hội ghi bàn.; Tôi ngẩn ra giây lát/ rồi tức tốc chạy theo Vĩnh,/ cứ như vừa đón được một đường bóng/ đồng đội chuyền đến cho tôi.*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp, (đoạn 1: từ đầu đến *ghi liền hai bàn;* đoạn 2: tiếp theo đến *nóng bừng mặt*; đoạn 3: còn lại).

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

– GV giải thích một số từ ngữ khó hiểu, VD:

Vòng cấm địa (còn gọi là khu vực 16 mét 50): là khu vực hình chữ nhật quanh khung thành. Từ hai cột khung thành, người ta kéo một đường dài 16,5 m sang mỗi bên đường biên. Từ hai điểm đó dựng hai đường thẳng song song dài 16,5 m, sau đó nối hai đầu còn lại của hai đường thẳng song song bằng một đường thẳng. Trong vòng cấm địa, bất cứ lỗi nào của cầu thủ cũng sẽ bị phạt bằng một quả phạt đền (đá phạt trực tiếp, cách khung thành 11 mét).

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Tìm các thông tin về câu chuyện theo gợi ý: thời gian, địa điểm, các nhân vật, nhân vật chính.*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Thời gian: sáng nay; địa điểm: sân đá bóng; các nhân vật: Việt (nhân vật chính, xưng tôi), Mạnh, Chiến, Vĩnh, Long.)

Câu 2. *Việt được giới thiệu như thế nào ở đầu câu chuyện?*

– GV hướng dẫn HS đọc lại đoạn đầu của văn bản, sau đó tìm chi tiết trả lời cho câu hỏi.

– HS trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 2 – 3 HS phát biểu ý kiến. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung (nếu cần thiết) và thống nhất đáp án. VD: Việt được bạn bè khu phố nhận xét là một cầu thủ xuất sắc và Việt muốn thể hiện điều đó với các bạn ở trường.

Câu 3. *Ở đầu trận bóng, hành động của Mạnh và Việt khác nhau ra sao? Những hành động đó cho biết điều gì về hai bạn?*

– GV nêu câu hỏi (hoặc nhắc HS đọc yêu cầu).

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu câu trả lời đã chuẩn bị). *Lưu ý*: Các HS có thể có ý kiến khác nhau khi nhận xét về Mạnh và Việt, GV chấp nhận các đáp án miễn là hợp lí.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm nêu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện theo các bước chỉ dẫn, một số em phát biểu trước lớp. GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.

– Đáp án tham khảo: Mạnh: chuyền bóng cho bạn; Việt: không muốn chuyền cho ai vì không muốn nhường cơ hội ghi bàn/ Mạnh: biết phối hợp trong thể thao, biết đoàn kết khi thi đấu; Việt: thi đấu cá nhân, không phối hợp với đồng đội, muốn thể hiện mình là một ngôi sao.

Câu 4. *Vì sao Việt không đá hiệp hai nữa? Theo em, Việt đã nhận ra được những gì khi xem hiệp đấu thứ hai không có mình?*

– GV nêu câu hỏi. GV có thể đọc tách thành 2 câu hỏi (1/ Vì sao Việt không đá hiệp hai nữa? 2/ Theo em, Việt đã nhận ra được những gì khi xem hiệp đấu thứ hai không có mình?) và yêu cầu HS trả lời lần lượt từng câu.

– Với câu hỏi thứ nhất, GV có thể gợi ý cho HS đọc lại hội thoại của các bạn nhỏ để tìm ý cho câu trả lời. Với câu hỏi thứ hai, GV gợi ý HS đọc lại các đoạn sau khi Việt ra khỏi sân, phân tích từng chi tiết nhỏ thể hiện suy nghĩ của Việt để tìm ý trả lời (VD: chi tiết Việt làu bàu khi Vĩnh không kịp chuyền làm lỡ cơ hội ghi bàn; chi tiết Việt quan sát đường bóng phối hợp rất đẹp của bộ ba Long, Chiến, Mạnh; chi tiết Việt bần thần nghĩ nếu mình là một trong ba bạn, bàn thắng có đẹp thế không).

– HS trao đổi trong nhóm, cặp và thống nhất đáp án.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp góp ý, bổ sung (nếu cần thiết) và thống nhất đáp án. (Việt không đá hiệp 2 nữa vì Việt tức giận và dỗi dằn khi các bạn nhận xét là Việt ích kỉ, không chuyền bóng cho ai. Khi xem hiệp hai không có mình, Việt nhận ra: 1/ giữ bóng không chuyền cho người khác là một việc làm ích kỉ, thiếu tính đồng đội; 2/ bàn thắng ghi bởi pha phối hợp đồng đội là một bàn thắng rất đẹp; 3/ không có mình, đội bóng vẫn có thể đá rất tốt. Ngoài ra, Việt còn thể hiện mong muốn được phối hợp cùng các bạn ghi bàn qua câu "Nếu tôi là một trong ba đứa, bàn thắng có đẹp thế không?".)

Câu 5. *Em hiểu như thế nào về câu cuối cùng trong bài đọc?*

– GV nêu câu hỏi hoặc yêu cầu HS đọc câu hỏi. GV nhắc HS đọc lại câu cuối cùng của câu chuyện để tìm ý trả lời.

– HS trao đổi trong nhóm, cặp. HS nêu cách hiểu của mình trong nhóm, cặp và nhận xét, góp ý lẫn nhau.

– 2 – 3 đại diện HS phát biểu trước lớp.

– GV khen ngợi những HS có ý kiến hay, trình bày rõ ràng, rành mạch. (VD: Đồng đội không quay lưng lại với Việt dù cậu ích kỉ mà vẫn cho cậu cơ hội vào sân bóng để sửa chữa sai lầm, có lẽ lần này Việt sẽ biết cách xử lí tình huống với tinh thần tập thể.)

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

– GV khen ngợi cả lớp và tổng kết tiết học.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

GV giới thiệu: Các bài luyện tập theo văn bản đọc sẽ giúp các em mở rộng vốn từ về môn thể thao bóng đá và luyện từ và câu theo các kiến thức đã học.

Câu 1. *Những từ ngữ nào trong đoạn dưới đây chỉ sự vật, hoạt động trong một trận đấu bóng đá?*

Mạnh lăn xả cướp bóng rồi chuyền cho tôi dẫn xuống vòng cấm địa. Hậu vệ lớp C xô lên chặn. Mạnh và Chiến đã lên kịp, nhưng tôi vẫn cố hất bóng qua hậu vệ lớp C vì không muốn nhường ai cơ hội ghi bàn. Chậm rồi, thủ môn đã lao lên bắt bóng.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và đoạn văn trong SHS.

– GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm, HS chuẩn bị câu trả lời cá nhân và nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét.

– Đại diện 3 – 4 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và tổng hợp đáp án. GV có thể ghi các từ ngữ HS tìm được lên bảng.

Đáp án:

Sự vật	Hoạt động
Bóng, vòng cấm địa, hậu vệ, thủ môn	Lăn xả, cướp bóng, chuyền, dẫn (xuống), xô lên, chặn, ghi bàn, hất (bóng), lao lên, bắt bóng

Câu 2. *Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động trong một trận đấu bóng đá.*

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 2. Sau đó hướng dẫn HS cách làm bài tập. GV có thể cho HS xem một số hình ảnh trong một trận đấu bóng đá (bằng tranh ảnh treo lên bảng hoặc clip chiếu lên màn hình) để HS tham khảo. GV có thể gợi ý HS nhớ lại những trận đá bóng mà HS từng tham gia hoặc từng xem.

– HS làm việc cá nhân, sau đó nêu kết quả làm việc trong nhóm. Cả nhóm bổ sung, thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu đáp án. GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV có thể tổ chức trò chơi để HS thi xem đội nào tìm được từ ngữ nhiều và nhanh hơn.

Đáp án tham khảo:

Sự vật	Hoạt động
– tiền đạo, tiền vệ, trung vệ, huấn luyện viên,… – còi, khung thành, lưới, sân cỏ, chấm phạt đền,…	– rê, sút, tâng, tạt, cắt (bóng), đánh đầu, chạy, nhảy,...

Câu 3. *Đặt câu nối tiếp câu cho trước, trong đó có sử dụng đại từ thay thế cho phần in đậm.*

M: *Mạnh **lăn xả cướp bóng**.*

*→ Mạnh **lăn xả cướp bóng**. Hậu vệ lớp C cũng **vậy**.*

*a. **Bộ ba Long, Chiến, Mạnh** chuyền bóng rất ăn ý.*

*b. Lớp tôi **càng đá càng hay**.*

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 3 và ví dụ.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm lại từng câu văn, chú ý phần được in đậm để tìm từ ngữ thay thế, sau đó nghĩ câu nối tiếp. HS nêu kết quả làm việc trong nhóm, nghe góp ý, nhận xét. Mỗi HS viết vào vở hoặc nháp câu của mình sau khi sửa chữa theo góp ý của nhóm.

– GV chấm nhanh một số câu của HS. GV khen ngợi các HS tích cực làm bài tập và hỗ trợ các HS còn gặp khó khăn trong việc sử dụng từ thay thế để viết lại câu.

Đáp án tham khảo:

*a. **Bộ ba Long, Chiến, Mạnh** chuyền bóng rất ăn ý. **Chúng** chơi bóng như diễn tập, khiến cả sân hò reo cổ vũ, sôi động hẳn lên.*

*b. Lớp tôi **càng đá càng hay**. Trận đấu bóng nào lớp tôi cũng **vậy**.*

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC

Trước khi tìm hiểu bài mới, GV cho nhắc lại bài báo cáo đã viết ở lớp 4 và cho biết em nhớ những quy định về thể thức của một báo cáo.

1. Đọc báo cáo và trả lời câu hỏi.

– GV nêu mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc báo cáo và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới bản báo cáo. (GV nêu thời gian thực hiện và hoàn thành bài tập 1.)

– GV hướng dẫn HS làm việc:

+ Bước 1: Làm việc cá nhân, đọc thầm báo cáo, chú ý cách đọc bảng nêu thành tích có trong báo cáo (đọc các thông tin trong bảng theo hàng ngang, từ trái sang phải); trả lời câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu a, b, c, d.

+ Bước 2: Đối chiếu kết quả làm bài, thảo luận và thống nhất đáp án; các nhóm ghi kết quả thảo luận vào vở hoặc phiếu bài tập, vở bài tập (nếu có).

– Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất kết quả:

a. *Bản báo cáo viết về điều gì?* (Báo cáo về hoạt động tháng 9 của tổ 1, lớp 5C, Trường Tiểu học Kim Đồng.)

b. *Bản báo cáo được gửi cho ai? Ai là người viết báo cáo đó?* (Báo cáo được gửi cho cô giáo chủ nhiệm lớp. Người viết báo cáo là bạn tổ trưởng của tổ 1, tên là Nguyễn Đức Việt.)

c. *Nêu thông tin của mỗi phần trong bản báo cáo.*

Phần đầu	Quốc hiệu và tiêu ngữ, địa điểm và thời gian viết báo cáo.
Phần chính	Tiêu đề báo cáo, người nhận, nội dung báo cáo (kết quả về học tập, về thực hiện nội quy, về các hoạt động khác).
Phần cuối	Chữ kí, họ và tên của người viết báo cáo.

d. *Nhận xét về cách thức trình bày của từng phần trong bản báo cáo.*

– Về hình thức: Báo cáo phải viết đúng thể thức ở cả 3 phần như trong báo cáo mẫu ở bài tập 1.

– Về nội dung: Báo cáo công việc phải nêu công việc đã thực hiện theo từng lĩnh vực, được sắp xếp theo mục để dễ theo dõi.

2. Trao đổi về những điều cần lưu ý khi viết báo cáo công việc.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện yêu cầu: Đọc các câu hỏi gợi ý thảo luận, sau đó đọc thầm, đọc lướt lại báo cáo ở bài 1 để trả lời câu hỏi hoặc nêu thêm vấn đề cần lưu ý.

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV.

– Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV hoặc HS tổng kết các ý kiến thảo luận và nhấn mạnh vào một số điểm quan trọng. VD:

+ Về hình thức, cần nhớ cách viết quốc hiệu và tiêu ngữ; cách trình bày tên báo cáo, cách trình bày bảng biểu, số liệu trong báo cáo,...

+ Về nội dung: cần biết cách thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu,... để nội dung báo cáo đầy đủ và chính xác;...

– GV có thể chốt những điểm HS cần lưu ý khi viết báo cáo thảo luận và yêu cầu 1 HS đọc Ghi nhớ.

– 1 – 2 HS nhắc lại nội dung Ghi nhớ (khích lệ HS nhắc lại Ghi nhớ mà không nhìn sách).

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc bài thơ viết về trẻ em và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV nêu yêu cầu của tiết học: Đọc bài thơ viết về trẻ em, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn về bài thơ (hoặc đọc cho bạn nghe những câu thơ hay, nêu những hình ảnh thơ đẹp).

– HS đọc gợi ý, hướng dẫn trong SHS về cách tìm bài thơ phù hợp với yêu cầu, với chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*:

+ Đọc bài thơ (có thể trao đổi sách báo để có thể đọc được nhiều bài).

+ Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SHS.

+ Trao đổi, chia sẻ với bạn về bài thơ đã đọc.

– HS làm việc cá nhân (thực hiện yêu cầu 1 và 2).

2. Trao đổi với bạn về bài thơ đã đọc.

– HS làm việc theo nhóm: Từng em chia sẻ với bạn về tên bài thơ, tên nhà thơ, những câu thơ hay, những hình ảnh đẹp, chi tiết xúc động,...

– Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về điều các bạn chia sẻ.

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS đọc được nhiều bài thơ, chia sẻ cho bạn bè sách báo để cùng đọc.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc câu chuyện hoặc bài báo về một môn thể thao hoặc vận động viên mà em yêu thích.*

– GV khuyến khích HS chia sẻ với nhau những thông tin đọc được và giới thiệu cho nhau những sách báo tìm được.

CỦNG CỐ

– GV chốt lại hôm nay HS đã được:

Đọc – hiểu: *Ngôi sao sân cỏ*.

Viết: Tìm hiểu cách viết báo cáo công việc.

Đọc mở rộng: Đọc bài thơ viết về trẻ em.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào của Bài 6.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 7.

TUẦN 4

Bài 7 BỘ SƯU TẬP ĐỘC ĐÁO (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và đọc diễn cảm bài *Bộ sưu tập độc đáo*, biết nhấn giọng vào các từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài.

   b. Nhận biết được các nhân vật qua hành động và lời nói của nhân vật; nhận biết các sự việc xảy ra trong bài. Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản: Mỗi sự vật trong cuộc sống đều có ý nghĩa riêng, không phải do giá trị vật chất mà là do giá trị tinh thần của chúng mang lại. Nếu biết trân trọng các sự vật quanh mình, ta sẽ phát hiện ra giá trị ấy.
2. Ôn lại kiến thức về 3 loại đại từ: đại từ xưng hô, thay thế và nghi vấn, củng cố kiến thức, nâng cao kĩ năng sử dụng đại từ; hiểu thêm về tác dụng rút gọn văn bản và tránh lặp từ của đại từ thay thế.
3. Viết được một báo cáo công việc theo dàn ý đã lập.
4. Biết trân trọng các giá trị tinh thần của mọi thứ xung quanh, có ý thức chú ý quan sát, cảm nhận để phát hiện ra giá trị đó; biết yêu quý và bày tỏ lòng yêu quý với mọi người.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản truyện.

– Từ loại (đại từ).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ bài đọc *Bộ sưu tập độc đáo.*

– Phiếu theo nội dung bài tập phần Luyện từ và câu (nếu cần).

– Mẫu báo cáo công việc.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu và giao nhiệm vụ:

+ Làm việc cá nhân: Đọc tên bài đọc và quan sát kĩ tranh minh hoạ, sau đó nêu nội dung tranh và dự đoán về nội dung bài đọc.

+ Làm việc nhóm: Từng thành viên nêu ý kiến, các thành viên khác trao đổi, góp ý và thống nhất đáp án.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

+ HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

+ 2 – 3 HS phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV và cả lớp thống nhất đáp án.

Đáp án tham khảo: Tranh vẽ một lớp học, bàn ghế không xếp theo trật tự thông thường mà quây lại. Trên bàn có nhiều món đồ (không phải là sách vở). Các bạn nhỏ đang đứng xung quanh những chiếc bàn, có vẻ như để xem các đồ vật để trên đó. Khung cảnh trông giống như một buổi trưng bày (triển lãm) tại lớp. Kết hợp với tên bài đọc (*Bộ sưu tập độc đáo*), có lẽ bài đọc nói đến một bộ sưu tập mà một bạn trong lớp đã chuẩn bị để trưng bày và nó vô cùng độc đáo.

– GV khen ngợi HS phát biểu tốt và tóm lược các ý chính. GV giới thiệu khái quát bài *Bộ sưu tập độc đáo.* (VD: Hôm nay chúng ta sẽ luyện đọc bài *Bộ sưu tập độc đáo.* Đây là một câu chuyện rất đáng yêu kể về việc một bạn nhỏ đã kì công chuẩn bị một bộ sưu tập đặc biệt để triển lãm ở lớp mình. Qua bài đọc, các em sẽ tìm hiểu bộ sưu tập đó là gì và có ý nghĩa như thế nào.)

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *triển lãm, nảy ra, giọng nói, lâu bền, cười lăn, liến thoắng, liên tiếp, xen lẫn,…*). GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS hay mắc lỗi phát âm khi đọc bài.

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Thấy bố,/ vốn là một giáo viên,/ nghe lại băng ghi âm các bài giảng,/ Loan chợt nảy ra ý tưởng/ sưu tầm giọng nói của cả lớp; Long – / chủ nhân của giọng nói liến thoắng vừa vang lên – / cũng ôm bụng cười;...*

+ Đọc diễn cảm và đúng giọng các câu thể hiện thái độ, cảm xúc và cá tính của nhân vật: *Chúc tình bạn của chúng mình thật lâu bền!* (giọng dịu dàng, mềm mại); *Chúc ai có tật thì sửa, không có thì bỏ qua.* (giọng liến thoắng, lém lỉnh)

– 2 HS đọc trước lớp theo 2 đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *đã ghi âm xong*, đoạn 2 tiếp theo đến hết).

– HS làm việc theo nhóm hoặc theo cặp, mỗi HS đọc 1 đoạn, sau đó đổi lại thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 HS đọc trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Thầy Dương muốn cả lớp thực hiện hoạt động gì? Các bạn trong lớp có thái độ như thế nào với hoạt động ấy?*

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, thống nhất ý kiến. GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV nhận xét, góp ý và chốt đáp án.

Đáp án: 1/ Thầy Dương muốn cả lớp thực hiện một hoạt động vui và ý nghĩa là sưu tầm một món đồ gì đó để triển lãm ở lớp. 2/ Cả lớp ồ lên thể hiện thái độ ngạc nhiên, có bạn cười rất "oách" thể hiện thái độ vui mừng, tự hào (Long); có bạn thể hiện thái độ đắc ý (Khánh); cũng có bạn thể hiện thái độ lo lắng (Loan).

Câu 2. *Đóng vai Loan, kể lại quá trình nảy ra ý tưởng và thực hiện ý tưởng cho bộ sưu tập.*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc đoạn nói về quá trình Loan thực hiện bộ sưu tập. Sau đó, HS tự nhớ lại các chi tiết để đóng vai kể lại trong nhóm. GV lưu ý HS lựa chọn cách xưng hô phù hợp.

– HS làm việc nhóm, lần lượt từng HS đóng vai kể lại quá trình Loan nảy ra ý tưởng và thực hiện bộ sưu tập. Cả nhóm góp ý, nhận xét. VD:

> Xin chào, tôi tên là Loan. Sau khi thầy Dương đề nghị cả lớp sưu tập đồ, tôi cứ nghĩ mãi, không biết nên sưu tập thứ gì. Về nhà, tôi không ngừng trăn trở. Cho đến khi bỗng dưng tôi nghe thấy bố bật lại băng ghi âm bài giảng, một ý tưởng bất chợt sáng bừng lên trong đầu tôi: tôi sẽ sưu tầm giọng nói của bạn bè trong lớp. Các bạn

có thấy đặc biệt không? Chắc chắn là không ai có bộ sưu tập độc đáo như tôi đâu. Nghĩ là làm, tôi lập tức mượn bố chiếc máy ghi âm nhỏ xinh, và bắt đầu hẹn gặp các bạn. Gặp bạn nào, tôi cũng chìa chiếc máy ghi âm ra và bảo:

– Cậu nói một câu chúc lớp mình đi!

Các bạn không hiểu tôi định làm gì, nên phân vân lắm. Bạn thì bắt tôi nói đi nói lại đề nghị mấy lần, bạn thì hỏi lại: "Chúc gì được chứ?". Tôi bảo các bạn:

– Chúc gì cũng được. Chúng mình sắp chuyển cấp rồi.

Thế là mỗi bạn một câu. Trong vài ngày, tôi đã ghi âm xong.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

– Cả lớp góp ý, nhận xét.

– GV khen ngợi HS đóng vai kể diễn cảm, sinh động và có các chi tiết sáng tạo phù hợp với nội dung câu chuyện.

Câu 3. *Các bạn cảm thấy thế nào về bộ sưu tập của Loan?*

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện yêu cầu:

– Bước 1: Làm việc cá nhân, suy nghĩ câu trả lời.

– Bước 2: Làm việc nhóm.

– Bước 3: Làm việc cả lớp.

+ 2 – 3 HS nói trước lớp.

+ GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

– Đáp án: Ban đầu, khi thấy Loan chuẩn bị bật loa, cả lớp tò mò. Sau khi nghe các giọng nói trong bộ sưu tập, có bạn ngạc nhiên (giật mình), các bạn khác thì vui vẻ, háo hức (vỗ tay như pháo ran, chồm hẳn người lên, cười lăn). Ngoài ra, các bạn còn cảm thấy bộ sưu tập rất quen thuộc, gần gũi vì đó là những giọng nói mà hằng ngày các bạn vẫn được nghe. Riêng thầy Dương còn cảm thấy bộ sưu tập rất độc đáo và ý nghĩa.

Câu 4. *Theo em, vì sao thầy Dương cho rằng bộ sưu tập đó rất độc đáo?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc nhóm.

– HS làm việc theo nhóm/ cặp: Từng HS nêu suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung. GV khuyến khích HS nói theo suy nghĩ cá nhân, không có đáp án duy nhất mà các đáp án đều được chấp nhận nếu đủ sức thuyết phục.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và bổ sung đáp án.

Đáp án: Bộ sưu tập mang đến niềm vui, sự gắn kết cho cả lớp. Bộ sưu tập độc đáo vì: 1/ món đồ trong bộ sưu tập không nhìn, sờ, chạm được như nhiều món đồ khác; 2/ bộ sưu tập thể hiện sự sáng tạo độc đáo của Loan, 3/ bộ sưu tập rất ý nghĩa, có giá trị tinh thần lớn, thể hiện tình cảm bạn bè sâu sắc,...).

– GV khen ngợi các HS có cách nói hay.

Câu 5. *Nếu lớp em cũng tổ chức một buổi triển lãm giống lớp của Loan, em sẽ sưu tầm món đồ gì? Vì sao?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS thực hiện. GV có thể lấy ví dụ về một đồ vật nào đó đơn giản có thể sưu tầm được. VD: Bất cứ đồ vật nào xung quanh chúng ta cũng mang một giá trị tinh thần nào đó, quá trình sưu tầm và lưu giữ những món đồ đó sẽ nhắc ta những kỉ niệm xung quanh món đồ, giúp ta hiểu hơn về giá trị của đồ vật. Ví dụ như có bạn thích sưu tầm nhãn vở, vì những chiếc nhãn vở đánh dấu quá trình học tập của bạn ấy qua các môn học và qua từng năm. Mỗi chiếc nhãn vở đều ghi đầy đủ tên môn học, năm học, lớp học của bạn nhỏ. Nhìn vào từng chiếc nhãn vở, bạn nhỏ có thể nhớ lại lúc mình hồi hộp bọc sách vở, dán nhãn vở để đón chào năm học mới, nhớ lại lúc bạn nắn nót viết từng chữ trên chiếc nhãn vở. Mỗi năm học qua đi, nét chữ của bạn lại thay đổi, và sự thay đổi ấy đều được lưu lại qua những chiếc nhãn vở,...). Việc sưu tầm những món đồ nhỏ nhưng ý nghĩa như vậy thể hiện chúng ta là người biết trân trọng đồ vật, biết thấy được giá trị của những đồ vật nhỏ bé quanh mình.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, suy nghĩ về món đồ mình muốn sưu tầm, chọn lọc lí do, sau đó trao đổi trong nhóm.

– HS làm việc theo cặp/ nhóm. Từng HS nêu ý kiến. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những HS có những ý tưởng sưu tầm hay, độc đáo, nhưng phải khả thi, dễ thực hiện.

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ (Tiếp theo)

GV giới thiệu về bài học: Ở những tiết trước, các em đã được học 3 loại đại từ, em nào có thể nhắc lại tên của 3 loại đại từ đó? (đại từ xưng hô, đại từ thay thế và đại từ nghi vấn). Tiết này chúng ta sẽ tiếp tục luyện tập về cả 3 loại đại từ. Bên cạnh đó, chúng ta cũng sẽ biết thêm những tác dụng khác nữa của đại từ.

1. Thực hiện các yêu cầu.

a. *Chọn các từ dùng để xưng hô (tôi, anh, chúng ta) thích hợp với mỗi bông hoa để hoàn chỉnh câu chuyện vui "Suy luận của Sơ-lốc Hôm".*

b. *Tìm đại từ thay thế trong câu 6. Những đại từ nào có thể thay thế cho đại từ đó?*

c. *Thay đại từ nghi vấn trong câu 8 bằng một đại từ nghi vấn khác.*

Bài tập này giúp HS ôn lại 3 nhóm đại từ: xưng hô, nghi vấn và thay thế.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu chuyện *Suy luận của Sơ-lốc Hôm*, đọc 3 yêu cầu của đề bài.

– Làm việc theo nhóm: GV giao nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ văn bản truyện và yêu cầu của đề bài.

+ Giải quyết từng yêu cầu trong bài.

+ Chốt phương án đúng.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV đọc yêu cầu a, mời đại diện nhóm phát biểu.

+ GV và HS nhận xét.

+ GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu b, c tương tự.

– GV và HS cùng chốt đáp án.

Đáp án:

a. [4]Oát-xơn, nhìn xem, **anh** thấy cái gì?; [5]**Tôi** thấy rất nhiều sao.; [7]Nghĩa là **chúng ta** sẽ có một ngày đẹp trời. [8]Còn **anh, anh** nghĩ sao?; [9]Theo tôi, điều này có nghĩa là ai đó đã đánh cắp cái lều của **chúng ta**.

(GV có thể chiếu văn bản lên bảng, phát 6 lá phiếu trắng cho các nhóm; các nhóm tự viết các từ: *tôi, anh, chúng ta*. Đại diện các nhóm lên bảng, gắn chữ thích hợp vào chỗ trống.)

b. Trong câu 6, từ *thế* là đại từ thay thế. Có thể thay *thế* bằng *vậy* (Theo anh, **vậy** có nghĩa là gì?). Cũng có thể thay từ *thế* bằng từ *đó* nhưng thường phải dùng thêm từ *việc/điều* đằng trước (Theo anh, **việc/ điều đó** có nghĩa là gì?)

GV có thể giải thích thêm: Từ *thế* trong câu "Theo anh, thế có nghĩa là gì?" được dùng để thay cho cả câu đi trước. Câu này được hiểu là "Theo anh, việc anh thấy có rất nhiều sao có nghĩa là gì?".

c. Có thể dùng từ *gì* hoặc *thế nào* để thay cho từ *sao* (Còn anh, anh nghĩ **gì**?/ **thế nào**?).

2. Dùng đại từ để thay thế cho những từ ngữ lặp lại trong mỗi đoạn và cho biết việc dùng đại từ thay thế như vậy có tác dụng gì.

Bài tập này giúp HS biết dùng đại từ thay thế ở những chỗ cần thiết để tránh lặp từ; góp phần giúp HS cải thiện kĩ năng viết.

GV có thể tổ chức hoạt động theo cặp hoặc nhóm. GV cũng có thể cho các nhóm thi xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất.

– HS đọc yêu cầu đề bài 1 lần.

– Các nhóm thảo luận và đưa ra đáp án.

– Đại diện các nhóm trả lời. (Khi trả lời, cần đọc lại cả câu trước.)

– GV và HS cùng nhận xét và chốt đáp án.

Đáp án:

a. Thành tặng tôi một quyển truyện tranh. Việc *này/ đó/ ấy* làm tôi rất xúc động. (Từ *này/ đó/ ấy* trong câu 2 được dùng để thay cho toàn bộ câu đi trước.)

b. Thanh nhìn ra cái khung cửa mở rộng. Ngoài *ấy/ đó* là một khu vườn xanh mát. (Từ *ấy/ đó* được dùng để thay cho *cái khung cửa mở rộng*.)

c. Tôi thích xem phim hoạt hình. Chị tôi cũng *vậy/ thế*. (Từ *vậy/ thế* được dùng để thay cho *thích xem phim hoạt hình*.)

– GV có thể đặt thêm câu hỏi: Các em thấy câu văn sử dụng đại từ thay thế có gì khác so với câu văn ban đầu (về độ dài, về từ ngữ lặp lại)?

– GV nhấn mạnh tác dụng của đại từ thay thế: giúp văn bản ngắn gọn hơn và tránh được lặp từ. Khuyến khích các em dùng đại từ thay thế ở những chỗ phù hợp.

3. Đóng vai bác sĩ Oát-xơn trong câu chuyện *Suy luận của Sơ-lốc Hôm*, viết câu đáp lại lời của Sơ-lốc Hôm, trong đó có chứa một đại từ.

Đây là bài tập vận dụng mức độ khó, câu của HS phải đảm bảo 2 yêu cầu: (1) phù hợp với logic câu chuyện, (2) có chứa đại từ. GV có thể cho HS làm chung cả lớp hoặc theo nhóm, HS nhận xét, góp ý.

Đáp án tham khảo: Ừ nhỉ! Chúng ta phải làm gì bây giờ? (*Chúng ta* là đại từ xưng hô; *gì* là đại từ nghi vấn.)

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC

Viết báo cáo công việc theo 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Trong vai tổ trưởng hoặc lớp trưởng, báo cáo thầy cô về các hoạt động của tổ hoặc của lớp trong tháng qua.

Đề 2: Trong vai chi đội trưởng, báo cáo thầy cô Tổng phụ trách Đội về các hoạt động của chi đội trong tháng qua.

Trước khi thực hiện các nhiệm vụ của bài học, GV cho HS nhắc lại những điểm cần ghi nhớ khi viết một bản báo cáo (hoặc yêu cầu cả lớp đọc lại Ghi nhớ ở hoạt động Viết của Bài 6).

GV nói để HS hiểu rằng việc tổng hợp thông tin để viết báo cáo giúp các em đánh giá kết quả học tập của bản thân sau 1 tháng học, từ đó xác định mục tiêu, kế hoạch học tập cho tháng tiếp theo hiệu quả hơn.

1. Chuẩn bị.

– GV nêu mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của tiết học.

– GV chiếu đề bài trên màn hình (nếu có phương tiện) hoặc mời 1 – 2 HS đọc đề bài trong SHS.

– GV nhắc học sinh thực hiện các việc dưới đây trước khi viết báo cáo:

+ Xem lại cách viết quốc hiệu, tiêu ngữ,... trong báo cáo mẫu ở hoạt động Viết, Bài 6.

+ Thu thập số liệu để viết báo cáo theo đúng các hoạt động và kết quả có thực (số liệu có thật).

+ Lập bảng biểu ra giấy nháp trước khi viết vào báo cáo.

+ Chú ý cách đánh số thứ tự các mục hoặc cách viết các dấu gạch ngang để liệt kê các ý trong phần nội dung báo cáo.

2. Viết báo cáo.

– HS làm việc cá nhân: Viết báo cáo theo mẫu đã chọn và nội dung đã chuẩn bị.

– GV quan sát HS viết, ghi chép những nội dung cần góp ý.

3. Đọc soát và chỉnh sửa báo cáo.

– HS làm việc nhóm:

+ Đọc chéo bài cho nhau để soát lỗi theo hướng dẫn trong SHS rồi góp ý cho nhau.

+ Chỉnh sửa báo cáo (nếu phát hiện có lỗi).

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Trao đổi với người thân:*

a. Những hoạt động em đã tham gia trong tháng vừa qua.

b. Những mong muốn, dự định của em trong tháng tiếp theo.

GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để lên kế hoạch lao động, học tập cũng như vui chơi, giải trí trong tháng tới một cách hợp lí, hiệu quả.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách, có thể chọn một trong những cách dưới đây:

+ Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học.

+ Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc, phần kiến thức tiếng Việt hoặc phần viết báo cáo.

+ Chốt lại hôm nay HS đã được:

Đọc – hiểu: *Bộ sưu tập độc đáo.*

Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ.

Viết: Viết báo cáo công việc.

– GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài tiếp theo. Học sinh có thể chuẩn bị một tranh vẽ (tự vẽ hoặc sưu tầm) về một hành tinh trong tưởng tượng để mang đến lớp thực hiện phần Khởi động của bài học đó (*Hành tinh kì lạ*).

Bài 8 HÀNH TINH KÌ LẠ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Hành tinh kì lạ*. Biết đọc đúng lời kể chuyện, lời nói của nhân vật với giọng điệu phù hợp.

b. Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, suy nghĩ;... nhận biết được cách liên tưởng, so sánh,... trong việc xây dựng nhân vật và diễn biến câu chuyện. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: 1/ Người máy có thể làm rất nhiều việc thay cho con người, nhưng những điều liên quan đến tình cảm, cảm xúc thì người máy không thể thay con người được. 2/ Ai cũng có tình cảm gắn bó với quê hương của mình.

2. Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc.

3. Giới thiệu được một địa chỉ vui chơi lí thú và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc,... về nơi đó.

4. Biết quan sát và nhận xét về những điều quan sát được, biết thích nghi với hoàn cảnh mới. Biết cập nhật những thay đổi của thời đại để bản thân không ngừng hoàn thiện. Biết trân trọng và yêu quý nơi mình sinh sống, có tình cảm với quê hương.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình, tính cách, hành động,... của nhân vật); cách viết báo cáo thảo luận nhóm.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Hành tinh kì lạ*;

– Tranh ảnh minh hoạ cho phần mở rộng vốn từ về vũ trụ ở Luyện tập gắn với bài đọc.

– Những hình ảnh minh hoạ về một số địa chỉ vui chơi nổi tiếng (trong nước hoặc nước ngoài).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Bộ sưu tập độc đáo* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác).

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu: *Tưởng tượng em đến một hành tinh ngoài Trái Đất, em sẽ thấy những gì?*

+ HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và nêu ý kiến trong nhóm. HS có thể mang tranh đã chuẩn bị (GV đã dặn ở phần Củng cố trong bài học trước) để thuyết minh cho phần nói của mình. Các HS trong nhóm lắng nghe, trao đổi (hỏi lại những điều chưa rõ), góp ý, nhận xét phần nói của nhau. HS có thể nói về một hành tinh theo hiểu biết khoa học thực tế của mình, hoặc tưởng tượng thật phong phú, thoải mái nghĩ đến những điều khó có thể là sự thật trên một hành tinh nào đó. HS cũng có thể nói về một hành tinh trong mơ ước của mình (VD: Một hành tinh chỉ toàn động vật và thực vật, không có con người, không có nhà cửa, không có bất cứ cái gì nhân tạo, không khí vô cùng trong lành, dễ chịu; một hành tinh toàn màu hồng, nước màu hồng, cây màu hồng, đất cát bầu trời,… đều màu hồng, ở đó có sinh vật kì lạ sinh sống, sinh vật đó cũng màu hồng, có 1 mắt, 1 chân, 1 tay, di chuyển bằng đuôi và ăn bằng mũi,…).

+ HS bình chọn 1 đại diện trình bày hay nhất.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV khen ngợi các HS có bài phát biểu hay, trí tưởng tượng phong phú.

– GV giới thiệu khái quát bài *Hành tinh kì lạ*, VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài *Hành tinh kì lạ* – một câu chuyện viễn tưởng của nhà văn Viết Linh. Đây là một câu chuyện rất thú vị, nói về một chuyến đi lạc vào hành tinh kì lạ của nhân vật chính. Qua câu chuyện, các em sẽ được đến một hành tinh ngoài Trái Đất. Các em hãy để trí tưởng tượng của mình bay bổng để dễ dàng hình dung ra những điều mà các nhân vật đã gặp trên hành tinh đó.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, (VD: *hành lang lửa, thám hiểm, buồng lái, rối loạn, sĩ quan, huých, dời non, lấp biển, nóng lắm, lạ thường, gốc rễ xù xì,…*).

+ Đọc nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật:

• Giọng thông báo hào hứng nhưng phải kiềm chế để nói nhỏ: *Người máy.*

• Giọng pha trò: *Chắc họ chỉ quen dời non, lấp biển.*

• Giọng nhỏ, chậm, suy tư: *Thế là dài hơn hay ngắn hơn Trái Đất nhỉ?*

+ Đọc ngắt giọng ở những câu dài: *Khi họ đưa chúng tôi vào thành phố,/ tôi quan sát những người xung quanh/ mới nhận ra sự khác biệt; Mỗi ngày mười giờ,/ một tuần mười ngày,/ mỗi tháng mười tuần,/ một năm mười tháng; Ở Trái Đất,/ 30 độ chưa nóng lắm,/ nhưng ở đây oi bức lạ thường,/ mặc dù có rất nhiều cây.*

– 2 HS đọc nối tiếp trước lớp.

– HS làm việc nhóm 2: Mỗi HS đọc theo một đoạn rồi đổi lại lượt đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV giải thích từ ngữ:

+ *Đáp xuống*: hạ xuống và dừng lại.

+ *Sĩ quan*: cán bộ thuộc lực lượng vũ trang (quân đội, cảnh sát, công an) của một quốc gia.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Tìm chi tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất.*

– GV hướng dẫn HS suy nghĩ cá nhân trước khi trao đổi trong nhóm. HS đọc kĩ lại đoạn đầu tiên trong văn bản để tìm câu trả lời.

– HS làm việc cá nhân, tìm câu trả lời cho câu hỏi, sau đó trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

– Cả lớp nhận xét, góp ý. GV chốt đáp án.

Đáp án: Chi tiết con tàu đang vượt qua hành lang lửa trên hành trình thám hiểm không gian, phía trước tàu bỗng xuất hiện những tia sáng nhấp nháy. Các kim đồng hồ ở buồng lái rối loạn, rồi không nhúc nhích nữa. Tàu buộc phải đáp xuống hành tinh gần nhất.

Câu 2. *Hai nhà du hành phát hiện ra những điều gì đặc biệt ở hành tinh đó?*

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi. Nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, cùng nhau tìm câu trả lời, thống nhất ý kiến. GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án:

+ Con người: là người máy, có vẻ ngoài rất đặc biệt (da có nhiều màu, tay làm bằng thép).

+ Cách tính thời gian: mỗi ngày mười giờ, mỗi tuần mười ngày, mỗi tháng mười tuần, một năm mười tháng.

+ Máy móc: dọc đường toàn là máy móc làm việc; ô tô vừa chạy vừa bay và hoạt động theo yêu cầu bằng giọng nói của chủ nhân.

– GV có thể hỏi thêm: Các em cảm nhận như thế nào về hành tinh lạ này?, Các em có thích sống ở đó không?, Các em thích nhất điều gì ở đó?, Các em suy nghĩ thế nào nếu người máy dần thay con người làm tất cả mọi việc? (Chuyện gì sẽ xảy ra? Con người sẽ thay đổi thế nào?). Mục đích của các câu hỏi là để hướng HS suy nghĩ về một thế giới khi người máy ngày càng nhiều và chiếm vị trí quan trọng đối với cuộc sống của con người (có thể chính là thế giới là trong tương lai).

Lưu ý: GV chấp nhận tất cả các suy nghĩ của các em, hỏi sâu hơn các ý kiến có quan điểm trái chiều để rèn tư duy phản biện.

Câu 3. *Vì sao nhân vật "tôi" cảm thấy nhớ Trái Đất?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc nhóm.

– HS làm việc nhóm/ cặp: Từng HS đọc kĩ đoạn cuối và nêu suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và bổ sung đáp án.

– GV động viên, khen ngợi những bạn có cách nói hay và tích cực tham gia phát biểu.

Đáp án: Nhân vật "tôi" nhận ra trên hành tinh lạ này không có sự sống bình thường, mà tất cả chỉ là "đồ mô phỏng" (qua chi tiết nhân vật "tôi" phát hiện ra cây đại thụ không phải là cây thật, mà chỉ là máy mang hình cây). Trên hành tinh này không có con người thật, chỉ có người máy. Không có cây cối thật, sinh vật thật, mà chỉ có máy móc mô phỏng. Điều đó khác xa với Trái Đất, nơi có sự sống tự nhiên, nơi có con người, có động vật, có cây cối,... và bao nhiêu tình cảm, cảm xúc tạo ra từ sự sống tự nhiên đó. Nhân vật "tôi" đã quen thuộc với cuộc sống đó, vì vậy khi đến một hành tinh mà sự sống chỉ do "người máy tạo ra", nhân vật "tôi" cảm thấy nhớ quê hương của mình.

– GV có thể liên hệ: Khi đến một nơi xa, em nhớ gì về quê hương mình? (Câu hỏi đặt ra với các bạn đã từng có trải nghiệm thực tế đi xa.)/ Hãy tưởng tượng các em đang sống trên hành tinh lạ, em sẽ nhớ gì về Trái Đất, về quê hương của mình.

Câu 4. *Đóng vai một người máy trên hành tinh lạ, giới thiệu về hành tinh đó.*

– GV nêu yêu cầu. GV lưu ý HS, đây là yêu cầu mở, HS không cần chỉ dựa vào các chi tiết trong bài để giới thiệu mà còn có thể nói rộng ra theo tưởng tượng của mình. HS có thể tưởng tượng để miêu tả thêm về cảnh vật, con người, cuộc sống,... ở hành tinh lạ đó. HS cũng có thể tự đặt tên cho mình (trong vai người máy), đặt tên cho hành tinh kì lạ,... để bài giới thiệu hấp dẫn hơn.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

+ HS làm việc cá nhân: đọc lướt lại văn bản, nhớ lại các chi tiết về hành tinh kì lạ, tưởng tượng thêm và chuẩn bị bài phát biểu của mình.

+ HS làm việc nhóm: từng HS đóng vai người máy và trình bày trong nhóm. HS có thể diễn tả bằng cử chỉ, hành động để bài nói thêm sinh động. Cả nhóm lắng nghe, góp ý, nhận xét và bầu ra bạn nói hay nhất.

+ HS làm việc cả lớp: 2 – 3 HS đóng vai nói trước lớp. GV khen ngợi các bạn phát biểu hay, sinh động.

Đáp án tham khảo: Xin chào. Tôi tên là Một Nghìn. Tôi là một người máy trên hành tinh Xa Tít. Các bạn nhìn này, da tôi màu tím rất đẹp phải không? Tay của tôi làm bằng thép đấy, nên nếu tôi lỡ làm bạn đau, bạn nhớ nói với tôi ngay nhé. Hành tinh của tôi rất đặc biệt. Ở hành tinh của tôi, cách tính thời gian không giống như ở Trái Đất. Mỗi ngày chúng tôi chỉ có mười giờ, nhưng một tuần chúng tôi lại có tới mười ngày. Tôi nghĩ là tổ tiên của chúng tôi rất thích số 10. Các bạn có nhìn thấy những toà nhà, những con đường, những hàng cây,... kia không? Tất cả đều là người máy chúng tôi đấy. Những bạn toà nhà có thể nằm im lìm một chỗ từ năm này sang năm khác, nhưng nếu cần thiết, các bạn ấy có thể đứng lên và di chuyển sang chỗ khác tiện lợi hơn. Khi có bất cứ sự cố gì bên trong toà nhà, các bạn ấy cũng sẽ tự động sửa chữa, thay thế,... Các bạn con đường cũng vậy. Họ phục vụ cho những người khác đi lại, và họ cũng có thể tự đổi hướng, tự sửa chữa khi cần. Kia là những người bạn ô tô của chúng tôi. Các bạn ấy có thể chạy hoặc bay, tuỳ theo yêu cầu bằng giọng nói của chủ nhân,... Các bạn có thích hành tinh của chúng tôi không? Các bạn có thể tới thăm chúng tôi bất cứ lúc nào nhé, chỉ cần nhắm mắt lại và tưởng tượng thôi.

Câu 5. *Kể tiếp phần kết thúc cho câu chuyện.*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS đọc các từ ngữ gợi ý trong SHS để chuẩn bị cho phần trình bày của mình.

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ về kết thúc của câu chuyện theo ý của mình, sau đó trình bày trong nhóm. HS khác lắng nghe, trao đổi, góp ý và nhận xét. Cả nhóm bình chọn cái kết hay nhất cho câu chuyện.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV khen ngợi các HS kể cái kết hay, ý nghĩa cho câu chuyện.

Đáp án tham khảo:

Bỗng nhiên, một chiếc ô tô hạ xuống trước mặt chúng tôi. Tôi còn đang chưa hiểu chuyện gì thì Chăn-bai đã ra lệnh: "Mở cửa!". Lập tức, cửa ô tô mở ra, như mời chúng tôi vào ngồi. Chăn-bai kêu lên mừng rỡ và bảo tôi:

– Mình chỉ thử thôi, ai ngờ lại được.

Chần chừ một lúc, tôi cũng chui vào xe cùng Chăn-bai. Cửa xe đóng vào. Bên trong xe mát rượi, không khí trong lành khác hẳn cái nóng nực bên ngoài. **Thế rồi** chiếc xe cất giọng:

– Tôi là quà tặng của tổng thống cho các vị khách quý đến từ Trái Đất. Xin hỏi chủ nhân muốn đi đâu?

– Về Trái Đất – Tôi buột miệng.

Chăn-bai nhìn tôi cười:

– Sao được chứ? Đây là ô tô chứ đâu phải tàu du hành vũ trụ.

Nhưng Chăn-bai chưa dứt lời, chiếc ô tô đã bay vọt lên không trung. Bằng tốc độ như sao chổi, nó đã ra khỏi bầu khí quyển và lao vào vũ trụ. **Cuối cùng,** chúng tôi cũng thấy Trái Đất trước mặt khi bao nhiêu câu hỏi vẫn còn chưa dứt trong đầu.

4. Luyện đọc lại.

– Nghe GV đọc diễn cảm toàn bài.

– 2 HS đọc nối tiếp, cả lớp nhìn vào sách đọc thầm theo. GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

GV giới thiệu: Các bài luyện tập theo văn bản đọc sẽ giúp các em mở rộng vốn từ về vũ trụ và luyện từ và câu theo các kiến thức đã học.

Câu 1. *Tìm trong và ngoài bài đọc những từ ngữ chỉ sự vật trong vũ trụ.*

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và ví dụ trong SHS. GV có thể cho HS xem một số hình ảnh trong vũ trụ (bằng tranh ảnh hoặc chiếu lên màn hình) để HS tham khảo. GV có thể gợi ý HS nhớ lại tên các vì sao mà HS biết.

– GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm, HS chuẩn bị câu trả lời cá nhân và nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét.

– Đại diện 3 – 4 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và tổng hợp đáp án. GV có thể ghi các từ ngữ HS tìm được lên bảng.

VD: hành tinh, sao, thiên hà, Mặt Trời, Sao Thuỷ, Sao Kim, Sao Hoả, Trái Đất, Sao Mộc, Sao Thổ, Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương, Mặt Trăng,...

Câu 2. *Tìm các đại từ trong đoạn văn ở bài tập 2 trong SHS và cho biết mỗi đại từ đó dùng để xưng hô hay để thay thế.*

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 2. Sau đó hướng dẫn HS cách làm bài tập. HS đọc kĩ từng câu, sau đó tìm các đại từ trong từng câu và xác định đó là đại từ gì.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm lại các câu văn và tìm các đại từ. Sau đó nêu kết quả làm việc trong nhóm. Cả nhóm thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu đáp án. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

Đáp án: Đại từ *tôi, chúng*. *Tôi* dùng để xưng hô, *chúng* dùng để thay thế.

Câu 3. *Viết tiếp câu dưới đây, trong đó có sử dụng đại từ thay thế.*

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 3 và câu cho trước.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm lại câu văn và thêm đại từ để viết tiếp câu. Sau đó nêu kết quả làm việc trong nhóm. Cả nhóm thống nhất đáp án. Mỗi HS viết vào vở hoặc nháp đáp án của mình.

– GV chấm nhanh một số câu của HS. GV khen ngợi các HS tích cực làm bài tập và hỗ trợ các HS còn gặp khó khăn trong việc sử dụng đại từ để viết lại câu.

Đáp án tham khảo: Tôi lại gần một cây đại thụ. Thân **nó** to đồ sộ, gốc rễ xù xì, cành lá xanh tươi.

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÁO CÁO CÔNG VIỆC

1. Đánh giá.

– GV nhận xét chung về các bản báo cáo công việc HS đã viết (dựa trên quan sát bài làm của HS ở tiết Viết – Bài 7 và đọc một số bài làm của HS): nêu rõ các ưu điểm, nhược điểm về nội dung, hình thức báo cáo, đặc biệt là cách trình bày bảng biểu, số liệu trong báo cáo.

– GV chiếu một số báo cáo của HS trên màn hình (nếu có) hoặc mời một số HS đọc báo cáo của mình trước lớp; hướng dẫn cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV góp ý chung và góp ý riêng cho một số HS khác (theo kết quả quan sát).

– HS đọc lại báo cáo đã viết, tự phát hiện lỗi, VD:

+ Xem lại cách viết quốc hiệu, tiêu ngữ,... trong báo cáo (hoạt động Viết, Bài 6).

+ Soát lại số liệu, đọc lại bảng biểu đã lập,...

+ Đánh giá cách trình bày các nội dung công việc trong báo cáo (việc đánh số thứ tự các mục hoặc cách viết các dấu gạch ngang liệt kê các ý,...).

+ ...

– HS đọc soát báo cáo cho nhau.

2. Chỉnh sửa.

– HS tự sửa bản báo cáo của mình hoặc chỉnh sửa theo góp ý của thầy cô giáo và ý kiến góp ý của các bạn.

– GV có thể chốt những điểm HS cần lưu ý để viết được báo cáo đúng yêu cầu, thể thức, cách khắc phục lỗi đã mắc trong báo cáo vừa viết.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

NHỮNG ĐIỂM VUI CHƠI LÍ THÚ

Yêu cầu: Giới thiệu về một nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến.

1. Chuẩn bị.

– GV có thể đưa một số hình ảnh về khu vui chơi lí thú dành cho tuổi thơ.

– GV hướng dẫn cá nhân HS chuẩn bị các công việc:

+ Chọn nơi vui chơi để giới thiệu (nơi đã đến hoặc đã thấy qua sách báo, phim ảnh,...).

+ Nhớ lại những điều hấp dẫn về nơi vui chơi (quang cảnh, hoạt động vui chơi,...).

+ Dự kiến các nội dung sẽ giới thiệu.

+ Suy nghĩ, cảm xúc khi được đến nơi vui chơi đó.

+ Tìm các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh minh hoạ, video,...) khi giới thiệu nơi vui chơi.

2. Trình bày.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu nói và nghe.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu nói và nghe:

+ Trao đổi theo nhóm 4.

+ *Lưu ý*: Khi nói, cần thể hiện suy nghĩ, cảm xúc qua giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,... Khi nghe, nên ghi lại những điều thú vị mà em muốn học tập trong bài giới thiệu của bạn. Kết hợp sử dụng tranh ảnh, video,... để bài giới thiệu về nơi vui chơi thêm sinh động.

– HS dựa vào nội dung đã chuẩn bị để giới thiệu về nơi vui chơi mà mình đã đến hoặc muốn đến. VD:

+ Giới thiệu chung (Tên nơi vui chơi và địa chỉ: Công viên Thống Nhất (Hà Nội), Cung Thiếu nhi Đà Nẵng (thành phố Đà Nẵng), Công viên Tao Đàn (Thành phố Hồ Chí Minh),... Lí do em biết đến nơi vui chơi đó: Em được bố mẹ đưa đến, em biết qua một bộ phim, qua một cuốn sách, biết qua tranh ảnh, qua sự kiện quảng cáo,...).

+ Giới thiệu cụ thể (Quang cảnh: xung quanh nhiều cây xanh, nhiều tiếng nói cười vui vẻ, người qua lại tấp nập,... Các hoạt động vui chơi: ca múa nhạc, diễn xiếc, trải nghiệm; đuổi bắt, đu quay, trượt ống nước,...).

+ Những điều lí thú ở nơi vui chơi: cảnh ở nơi này đẹp, nơi này rất an toàn, gặp nhiều bạn, được tham gia nhiều trò chơi, có nhiều hoạt động bổ ích,...

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét.

3. Trao đổi, góp ý.

– Lớp nhận xét, đánh giá bài giới thiệu về nội dung giới thiệu, trình tự nội dung giới thiệu, cách giới thiệu,...

– HS bình chọn người giới thiệu hay nhất, thuyết phục, tự tin nhất,...

– GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi những HS có bài giới thiệu công phu, thú vị.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Sưu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài Trái Đất. Chia sẻ với người thân về một điều thú vị em tìm hiểu được.*

– Có thể sưu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài Trái Đất trên sách báo hoặc internet. Ghi lại các thông tin thú vị để chia sẻ với người thân.

– Chia sẻ với người thân một thông tin thú vị mà em tìm hiểu được (kết hợp thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của em).

CỦNG CỐ

– GV chốt lại hôm nay HS đã được:

Đọc – hiểu: *Hành tinh kì lạ.*

Viết: Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc.

Nói và nghe: Giới thiệu về một nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến.

– GV dặn dò HS đọc trước bài *Trước cổng trời.*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

TUẦN 5

Bài 9 TRƯỚC CỔNG TRỜI (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Trước cổng trời*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao.

   b. Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng,… qua lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu,… Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hoà với thiên nhiên và đầy sức sống.

2. Nhận biết được từ đồng nghĩa.

3. Nhận biết được cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh).

4. Biết thể hiện tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Tìm hiểu vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca.

– Văn bản miêu tả (tả cảnh thiên nhiên).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.

– Tranh ảnh (sưu tầm) về cổng trời (của Việt Nam và nước ngoài).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

– 2 HS đọc nối tiếp bài *Hành tinh kì lạ* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm *Thế giới tuổi thơ?*).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV giới thiệu chủ điểm mới, VD: Chủ điểm *Thế giới tuổi thơ* khép lại bằng câu chuyện khoa học viễn tưởng *Hành tinh kì lạ* đầy thú vị. Chủ điểm thứ hai có tên *Thiên nhiên kì thú* hứa hẹn mang đến cho các em những hiểu biết về thế giới tự nhiên đầy lí thú, hấp dẫn. (GV cho HS nêu nội dung tranh chủ điểm.)

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu tên bài học và giao nhiệm vụ: Đọc và thực hiện yêu cầu của hoạt động Khởi động (làm việc cá nhân): *Theo em, vì sao cảnh vật trong bức tranh được gọi là "cổng trời"?*

– HS làm việc theo nhóm: Từng em nêu ý kiến, cả nhóm chuẩn bị câu trả lời của nhóm dựa trên ý kiến của từng cá nhân. (GV khích lệ HS nêu suy nghĩ, cảm nhận riêng.)

– Một số nhóm trình bày ý kiến trước lớp. GV nhận xét các nhóm, sau đó GV có thể nhắc lại những ý kiến có sức thuyết phục, VD: Trong tranh có 2 vách đá ở sát gần nhau như 2 cánh cổng mở ra để nhìn thấy một khoảng trời với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng lên trời hoặc cổng nhà trời.

– GV giới thiệu khái quát về bài thơ, VD: Bức tranh minh hoạ đã giúp các em cảm nhận phần nào về cảnh sắc thiên nhiên được nói đến trong bài thơ. Chúng ta sẽ đọc bài thơ để cảm nhận rõ hơn sự kì thú của thiên nhiên mà nhà thơ Nguyễn Đình Ảnh gửi đến cho người đọc.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp: Những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật) hoặc mời 2 em đọc nối tiếp các đoạn. Trước khi đọc, GV nhắc HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc theo để cho biết hình ảnh nào trong bài thơ có sức cuốn hút.

– GV hướng dẫn đọc đúng:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *vách đá, ngút ngát, vạt nương, lòng thung, gặt lúa, nắng chiều,...*

+ Đọc đúng ngữ điệu: Đọc câu hỏi gợi vẻ ngạc nhiên ngỡ ngàng ở khổ thơ mở đầu (*Giữa hai bên vách đá/ Mở ra một khoảng trời/ Có gió thoảng, mây trôi/ Cổng trời trên mặt đất?*); nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp đặc biệt của thiên nhiên vùng núi cao (VD: *ngút ngát, ngân nga,...*).

– 3 HS đọc nối tiếp các khổ thơ trước lớp (mỗi em đọc 2 khổ thơ).

– HS làm việc theo cặp: đọc nối tiếp các khổ thơ (1 – 2 lượt).

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của HS theo cặp, theo nhóm.

– GV mời HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc, có thể sử dụng thêm tranh ảnh sưu tầm để HS dễ hình dung các từ ngữ này.

– GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài, VD:

+ *Chàm*: cây bụi thuộc họ đậu, lá cho một chất màu lam sẫm (màu chàm), dùng để nhuộm, in, vẽ. Áo chàm (áo màu chàm, được nhuộm từ cây chàm) là một loại trang phục truyền thống của dân tộc Tày, Nùng, Thái và nhiều dân tộc khác trên vùng núi cao phía Bắc Việt Nam.

+ *Ráng chiều*: hiện tượng ánh sáng mặt trời lúc đang lặn, phản chiếu vào các đám mây, làm cho một khoảng trời sáng rực, nhuộm màu vàng đỏ hay hồng sẫm.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi hoặc thực hiện yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Dựa vào khổ thơ thứ nhất, hãy miêu tả khung cảnh "cổng trời" theo hình dung của em.*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS dựa vào khổ thơ thứ nhất và tranh minh hoạ để trả lời câu hỏi. GV có thể mời HS phát biểu trước lớp.

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Cả lớp và GV nhận xét về nội dung câu trả lời và cách diễn đạt.

– GV tổng hợp các ý kiến.

Đáp án tham khảo: Giữa hai vách núi cao, có một khoảng không rộng như thể núi tách ra thành chiếc cổng, để lộ khoảng trời rộng mở với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng dẫn lên trời hoặc cổng của nhà trời.

Câu 2. *Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi làm việc theo nhóm/ lớp với 2 yêu cầu:

+ Đọc lướt bài thơ để tìm những hình ảnh được nhìn ngắm qua cổng trời, từ cổng trời. (GV có thể gợi ý: Các em có thể miêu tả lần lượt từng hình ảnh được nhắc đến trong bài thơ, không nhất thiết theo đúng trình tự xuất hiện.)

+ Chuẩn bị ý kiến cá nhân: nêu hình ảnh mình thấy thú vị nhất và giải thích lí do. (GV khích lệ HS nêu cách hiểu, cách suy luận của mình trước lớp).

– HS làm việc theo nhóm:

+ Yêu cầu 1: Từng em phát biểu ý kiến theo điều hành của nhóm trưởng.

Đáp án tham khảo: Từ cổng trời nhìn ra, qua màn sương khói huyền ảo có thể thấy cả một không gian mênh mông, bất tận, những cảnh rừng ngút ngàn cây trái và muôn vàn sắc màu cỏ hoa, những vạt nương, những lòng thung lúa đã chín vàng màu mật đọng, khoảng trời bồng bềnh mây trôi, gió thoảng. Xa xa kia là thác nước trắng xoá đổ xuống từ triền núi cao, vang vọng, ngân nga như khúc nhạc của đất trời. Dưới chân núi, bên dòng suối trong vắt nhìn thấu tới đáy, đàn dê thong dong soi bóng mình xuống

suối. Không gian nơi đây gợi vẻ nguyên sơ, bình yên như thể hàng ngàn năm nay vẫn như vậy.

+ Yêu cầu 2: Từng em nêu hình ảnh em thấy thú vị nhất và giải thích lí do. (HS phát biểu ý kiến theo cảm nhận riêng, VD: Em thích hình ảnh đứng ở cổng trời nhìn ra, thấy khoảng không có gió thoảng, mây trôi, tưởng như đó là cổng đi lên trời, đi vào thế giới thần tiên trong truyện cổ tích./ Em thích những hình ảnh thiên nhiên hùng vĩ nhìn từ cổng trời: muôn sắc màu tươi rói của cỏ hoa, con thác trắng xoá từ trên núi đổ xuống, réo ngân nga, vang vọng./ Em thích hình ảnh dòng suối trong vắt, bên bờ suối, đàn dê soi bóng mình dưới đáy suối./ Em thích hình ảnh ráng chiều vàng óng ả như nối đất với trời./...)

– GV khích lệ HS nêu cách hiểu, cách suy luận của mình trước lớp, khen ngợi các em có câu trả lời thể hiện cảm nhận riêng, diễn đạt có sức lôi cuốn,...

Câu 3. *Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?*

– GV nêu câu hỏi, nhắc HS tìm những từ ngữ nói về con người, từ đó tìm ra điểm chung.

– HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời và phát biểu ý kiến theo nhóm hoặc trước cả lớp.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ, suy luận hợp lí, thú vị của HS.

Đáp án tham khảo:

Các từ ngữ miêu tả con người:

Người Tày từ khắp ngả	**Vạt áo chàm thấp thoáng**
Đi gặt lúa, trồng rau	**Nhuộm xanh cả nắng chiều**
Những **người Giáy, người Dao**	Và gió thổi, suối reo
Đi tìm măng, hái nấm.	Ấm giữa rừng sương giá.

→ Những người dân miền núi chăm chỉ, yêu lao động, ai cũng đang làm việc miệt mài, hăng say: gặt lúa, trồng rau, tìm măng, hái nấm,... Con người hoà mình với thiên nhiên (*Vạt áo chàm thấp thoáng/ Nhuộm xanh cả nắng chiều*).

Câu 4. *Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương giá như ấm lên?*

– GV gợi ý nếu HS lúng túng: Toàn cảnh bức tranh trong bài thơ là một không gian hùng vĩ, khoáng đạt, với núi non, mây trời trải ra bất tận… Nếu thiếu vắng hình ảnh con người, cảnh vật sẽ thế nào?

– Nhiều HS phát biểu ý kiến. VD: Cảnh rừng sương giá như ấm lên bởi có hình ảnh con người, ai nấy đều tất bật, hối hả làm việc (người Tày từ khắp các ngả đi gặt lúa, trồng rau; người Giáy, người Dao đi tìm măng, hái nấm; tiếng xe ngựa vang lên suốt triền rừng hoang dã; những vạt áo chàm nhuộm xanh cả nắng chiều,...).

Câu 5. *Nêu chủ đề của bài thơ.*

– GV có thể giải thích cho HS: Chủ đề của bài thơ là nội dung trọng tâm, là vấn đề chính mà tác giả muốn nói trong bài thơ

– HS làm việc theo nhóm: Từng em nêu ý kiến của mình; có thể giải thích vì sao mình có ý kiến như vậy.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. VD: Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên. Thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm phong phú thêm cho cảm xúc và trí tưởng tượng của con người./…

– GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ. (HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.)

Đáp án tham khảo: Đọc bài thơ *Trước cổng trời,* em thực sự thấy thú vị. Thiên nhiên thật kì diệu, như thể có bàn tay xếp đặt, tô vẽ của tạo hoá./ Em yêu thích vẻ đẹp hoang sơ, trong lành, thơ mộng của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao. Em mong ước một ngày được tận mắt ngắm cảnh cổng trời như vậy./ Qua những câu thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu, em thấy thích thú trước vẻ đẹp của thiên nhiên miền núi cao và những người lao động cần cù, chăm chỉ, họ đã góp phần tô điểm thêm vẻ đẹp của quê hương, đất nước./…

4. Luyện đọc lại.

– 3 HS đọc nối tiếp các khổ thơ trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: Tự đọc thuộc lòng toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Đọc hai đoạn văn trong SHS và trả lời câu hỏi.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh của bài tập 1, 2 HS khác đọc 2 đoạn văn.

– GV mời 1 HS khác đọc câu hỏi, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: mỗi HS đọc thầm 2 đoạn văn, chú ý các từ in đậm trong mỗi đoạn để trả lời các câu hỏi.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

a. Các từ in đậm trong đoạn văn thứ nhất (**khuân**, **tha**, **vác**, **nhấc**) có nghĩa gần giống nhau. Điểm giống nhau giữa chúng là đều nói về hành động tác động vào một vật và làm cho vật đó thay đổi vị trí. Nét nghĩa khác nhau giữa chúng về cách thức tác động và làm cho vật thay đổi vị trí (*khuân*: khiêng vác đồ vật nặng; *tha*: mang đi bằng cách ngậm chặt ở miệng hoặc mỏ; *vác*: mang vật nặng bằng cách đặt lên vai; *nhấc*: nâng lên, đưa lên cao hơn).

b. Các từ in đậm trong đoạn văn thứ hai (**ban mai** và **sáng sớm**) có nghĩa giống nhau, đều nói về thời gian đầu buổi sáng, khi mặt trời mới mọc.

2. Tìm trong mỗi nhóm từ dưới đây những từ có nghĩa giống nhau.

a. chăm chỉ, cần cù, sắt đá, siêng năng, chịu khó

b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia

c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2, dành thời gian cho HS đọc 3 nhóm từ cho trước.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS so sánh nghĩa giữa các từ trong nhóm xem những từ nào có nghĩa giống nhau (có nét nghĩa chung).

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả:

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

Từ có nghĩa giống nhau trong mỗi nhóm là:

a. chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó

b. non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia

c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh

3. Những thành ngữ nào chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh của bài tập 3, 2 HS khác đọc các câu thành ngữ.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS đọc kĩ từng câu thành ngữ, cố gắng tìm xem câu nào chứa các từ đồng nghĩa, đó là những từ nào.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả:

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án: Các thành ngữ chứa từ đồng nghĩa:

e. *Ngăn sông cấm chợ;* các từ đồng nghĩa là: *ngăn* và *cấm,*

g. *Thay hình đổi dạng;* các từ đồng nghĩa là: *thay* và *đổi, hình* và *dạng*

4. Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 4, dành thời gian cho HS đọc đoạn văn và các từ đồng nghĩa trong mỗi nhóm.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS dựa vào ngữ cảnh của câu có từ còn thiếu xem từ nào trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa thích hợp nhất với mỗi vị trí. HS có thể viết từ đã chọn vào giấy nháp rồi thử đặt vào mỗi vị trí xem có phù hợp không.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả:

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn ***bắt đầu*** *mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá* ***tốt tươi*** *tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất* ***no đủ****, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian* ***đói khát*** *của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.*

– Nếu HS có năng lực tốt hoặc nếu còn thời gian, GV có thể hướng dẫn các em suy nghĩ để trả lời câu hỏi "Vì sao chọn từ đó mà không chọn từ còn lại?" để HS được rèn luyện tư duy loại trừ và cách lập luận để bảo vệ ý kiến của mình. VD: ở vị trí thứ nhất, chọn *bắt đầu* mà không chọn *khai mạc* vì *khai mạc* chỉ dùng trong trường hợp bắt đầu, mở đầu một buổi biểu diễn hay một buổi lễ, còn *bắt đầu* có thể sử dụng rộng hơn, cho sự khởi đầu một hoạt động, một quá trình, một khoảng thời gian nào đó.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

Có 2 tiết hướng dẫn tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh. Trong tiết thứ nhất này, HS tìm hiểu cách tả phong cảnh ở bài *Đà Lạt* (tả lần lượt từng cảnh vật). Trong tiết thứ hai, HS được tìm hiểu cách tả phong cảnh theo trình tự thời gian.

1. Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bài văn *Đà Lạt* và thực hiện lần lượt 4 yêu cầu/ câu hỏi a, b, c, d. Trước hết, các em đọc thầm, đọc lướt bài văn và các yêu cầu bên dưới. (Dành thời gian cho HS đọc bài tập 1.)

a. GV nêu câu hỏi a (*Bài văn trên tả gì?*) trước khi mời 1 HS đọc bài *Đà Lạt* trước lớp, cả lớp tập trung lắng nghe để trả lời câu hỏi sau khi nghe đọc. HS đọc xong, GV mời HS xung phong phát biểu ý kiến. GV có thể chiếu toàn bộ bài văn trên màn hình (nếu có thể). Đáp án: Bài văn tả đặc điểm cảnh vật thiên nhiên của thành phố Đà Lạt.

b. GV nêu yêu cầu của câu b (*Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu nội dung chính của mỗi phần.).*

– GV mời 2 – 3 HS chỉ ra đoạn mở bài, thân bài và kết bài của bài văn, rồi thống nhất ý kiến.

– GV dành thời gian cho HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

– GV mời 2 – 3 HS phát biểu ý kiến trước lớp (có thể cho HS trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm trước). Các em có thể có cách diễn đạt khác nhau, VD:

+ Mở bài chỉ bằng 1 câu – câu mở đầu bài văn, kết bài cũng chỉ có 1 câu – câu kết thúc bài văn.

+ Nội dung chính của mỗi phần:

Mở bài: Giới thiệu khái quát về sự nổi tiếng của Đà Lạt (trước đây là một đơn vị hành chính cấp thành phố trực thuộc tỉnh Lâm Đồng).

Thân bài: Miêu tả từng vẻ đẹp của cảnh vật Đà Lạt.

Kết bài: Khẳng định vẻ đẹp, sức hấp dẫn kì diệu của Đà Lạt.

– GV có thể khích lệ HS nêu cụ thể hơn.

Đáp án:

Mở bài: Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.	Mở bài chỉ có 1 câu nhưng giới thiệu được một cách khái quát những cảnh sắc tiêu biểu và đặc điểm nổi bật: – Thành phố ngàn hoa – Nổi tiếng về hồ trong xanh, thông mơ màng.
Thân bài: Gồm có 4 đoạn văn.	– Đoạn 1: Tả bao quát đặc điểm của Đà Lạt (độ cao, khí hậu, cảnh vật đẹp). – Đoạn 2: Tả thác Cam Ly, suối Vàng, rừng thông của Đà Lạt – Đoạn 3: Tả bầu trời và những hồ nước ở Đà Lạt. – Đoạn 4: Tả những vườn hoa và vườn rau của Đà Lạt.
Kết bài: Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn "bồng lai tiên cảnh".	Kết bài chỉ có 1 câu ngắn gọn, cô đọng nhưng nói lên được cảm nhận, lời ca ngợi đầy ấn tượng về phong cảnh của Đà Lạt.

c. GV nhắc HS đọc toàn bộ yêu cầu và gợi ý của câu c (*Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.)*, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi c, nêu thời gian cần hoàn thành nhiệm vụ.

– HS có thể viết câu trả lời của mình ra bảng nhóm/ phiếu học tập của nhóm (nếu có) hoặc viết vào vở ghi, giấy nháp hoặc vở bài tập, phiếu học tập cá nhân (nếu có).

– GV cho HS trình bày sản phẩm hoặc phát biểu ý kiến (nói miệng). VD:

Phong cảnh Đà Lạt		
Vẻ đẹp do thiên nhiên ưu đãi	Vị trí địa lí	Đà Lạt nằm trên độ cao 1 500 mét so với mặt nước biển.
	Khí hậu	Đà Lạt mát mẻ quanh năm, không khí mát lành, là nơi nghỉ mát lí tưởng.
	Cảnh vật	– Thác nước: như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ. – Dòng suối (suối Vàng): có cột nước quanh năm suốt tháng đổ xuống ào ào, chia nước cho những con suối nhỏ rì rào… – Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn. – Bầu trời: không chút gợn mây trong nắng ấm, luôn thẳm xanh một màu ngọc bích; màu trời xanh phản chiếu xuống những mặt hồ… – Những hồ nước: trong suốt như pha lê.

Vẻ đẹp do con người tạo nên	Vườn hoa	Những hoa muôn hồng ngàn tía	như khoác cho thành phố Đà Lạt xinh đẹp một chiếc áo lụa rực rỡ.
	Vườn rau	Những vườn rau xanh tươi	
	Hương hoa lá	Hương hoa hoà với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng.	

– GV lưu ý HS: Để tả được các đặc điểm của mỗi cảnh vật ở Đà Lạt, tác giả phải tìm hiểu, quan sát rất kĩ từng cảnh vật, để cảm nhận những đặc điểm nổi bật và tìm những từ ngữ thích hợp để miêu tả.

d. GV nêu câu hỏi d (*Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?*).

– HS trao đổi nhóm và phát biểu trước lớp. VD: Trong bài văn, tình cảm của tác giả đối với cảnh vật được thể hiện đan xen trong lời miêu tả, trong lời nhận xét,... VD: *cảnh đẹp đến nao lòng, là nơi nghỉ mát lí tưởng, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ, thành phố xinh đẹp, dễ chịu vô cùng,...*

– GV có thể lưu ý HS: Trong bài văn tả phong cảnh, trọng tâm là miêu tả đặc điểm của phong cảnh. Việc đan xen bộc lộ cảm xúc giúp người đọc hiểu được rằng cảnh vật nơi đây gợi cảm xúc cho mọi người hoặc cảnh vật được miêu tả qua cảm nhận riêng của người viết.

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.

– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: Đọc yêu cầu và gợi ý của bài tập 2, có thể đọc thầm, đọc lướt lại bài *Đà Lạt*, chỉ ra những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV, sau đó đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV có thể chốt các ý HS cần nhớ khi viết bài văn tả phong cảnh (dựa trên phần Ghi nhớ).

– GV nhắc HS đọc Ghi nhớ trước lớp (đọc xong, có thể gấp sách lại, nêu những ý đã nhớ được sau bài học).

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu nêu ở hoạt động Vận dụng:

1/ Sưu tầm đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh (cảnh sông suối, ao hồ, biển đảo,...).

GV gợi ý HS sưu tầm các đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh (cảnh sông suối, ao hồ, biển đảo,...) trong sách báo hoặc trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 3 và 4 (VD: *Những cánh buồm* (*Tiếng Việt 4, tập hai*),...) rồi ghi lại những câu văn hay.

2/ Tìm đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.

HS tìm đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã để chuẩn bị cho hoạt động Đọc mở rộng ở bài học tiếp theo.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 9:

Đọc – hiểu: *Cổng trời*.

Luyện từ và câu: Từ đồng nghĩa.

Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh.

– GV hỏi HS thấy nội dung nào của Bài 9 thú vị, dễ nhớ.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 10.

Bài 10 KÌ DIỆU RỪNG XANH (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài *Kì diệu rừng xanh*, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của rừng.

   b. Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá,… góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng.

2. Nhận biết được cách viết bài văn tả phong cảnh (tả cảnh vật theo trình tự thời gian hoặc theo những thời điểm khác nhau), viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh đã được đọc.

3. Đọc mở rộng sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.

4. Biết yêu thiên nhiên, cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên và có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Đọc hiểu văn bản văn học.

– Văn bản miêu tả, cách viết văn miêu tả.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc, tranh ảnh (sưu tầm) minh hoạ cây cối, con vật được miêu tả trong bài; cảnh sắc trong rừng.

– Văn bản tả phong cảnh, tranh ảnh (sưu tầm) về cảnh sắc các vùng miền,…

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Trước cổng trời* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Tả lại một hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ *Trước cổng trời* mà em yêu thích).

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giới thiệu tên bài học và bài đọc. VD: Bài *Kì diệu rừng xanh* cho chúng ta thấy vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả.

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, thực hiện yêu cầu nêu ở hoạt động Khởi động: *Chia sẻ những điều thú vị về rừng theo hiểu biết hoặc tưởng tượng của em.*

– HS làm việc theo nhóm: từng em nói những điều thú vị về rừng theo hiểu biết của mình hoặc theo tưởng tượng của mình về rừng xanh. (HS đã được đọc, được học nhiều bài về rừng từ các lớp 2, 3, 4, các em sẽ có nhiều điều để nói, GV không cần gợi ý.)

– GV nhận xét các nhóm, sau đó GV giới thiệu khái quát về bài đọc: *Kì diệu rừng xanh* tiếp tục nói về thế giới thiên nhiên kì thú: đó là cảnh rừng xanh với những cảnh sắc tươi đẹp, thơ mộng, đáng yêu. Các em hãy quan sát tranh minh hoạ và đọc bài để cảm nhận vẻ đẹp của rừng.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (hoặc 3 HS đọc nối tiếp), đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi vẻ đẹp kì diệu của rừng hoặc của nhân vật đi rừng.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *lúp xúp dưới chân.*

+ Đoạn 2: Tiếp đến *đưa mắt nhìn theo.*

+ Đoạn 3: Còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *loanh quanh, nấm dại, lúp xúp, lâu đài, ánh nắng, ...*

+ Đọc diễn cảm, ngắt nghỉ phù hợp, VD:

Tôi có cảm giác/ mình là một người ***khổng lồ****/ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người* ***tí hon****./*

Những con vượn bạc má ôm con ***gọn ghẽ****/ chuyền* ***nhanh như tia chớp****.// Những con chồn sóc với chùm lông đuôi* ***to đẹp****/* ***vút qua*** *không kịp đưa mắt nhìn theo.*

– HS làm việc theo nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn) sau đó đổi đoạn để đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc thầm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV mời HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc, hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài đọc mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ đó hoặc sử dụng thêm tranh ảnh sưu tầm để HS dễ hình dung các từ ngữ này (VD: tranh ảnh rừng khộp – loại rừng thưa lá rộng).

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong SHS hoặc giao cho HS làm việc nhóm, cùng nhau trả lời cả 5 câu hỏi, sau đó tổ chức trình bày trước lớp.

Câu 1. *Vì sao nhân vật "tôi" có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon?*

– HS làm việc cá nhân: chuẩn bị câu trả lời.

– HS làm việc theo nhóm: Từng em phát biểu ý kiến đã chuẩn bị theo điều hành của nhóm trưởng.

Đáp án: Ở đoạn 1, nhân vật "tôi" bị cuốn hút bởi những cây nấm trong rừng, những cây nấm to khác thường (bằng cái ấm tích). Những vạt nấm dại đủ màu sắc rực rỡ, hình dáng của những cây nấm trông như những đền đài, miếu mạo, lâu đài, cung điện,... của người tí hon. Nhân vật "tôi" bỗng dưng trở thành "người khổng lồ" ở vương quốc ấy.

– GV chỉ vào tranh minh hoạ để HS cảm nhận được những liên tưởng, tưởng tượng của nhà văn. Có thể mời 1 – 2 em phát biểu trước lớp.

Câu 2. *Muông thú trong rừng được miêu tả thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?*

– HS làm việc cá nhân trước khi đối chiếu kết quả theo nhóm.

– GV mời HS phát biểu theo các ý dưới đây:

+ Đặc điểm 1: Muông thú trong rừng rất đông. Chi tiết nào giúp em cảm nhận được đặc điểm này?

Đáp án: Những con vật thấy người lạ vào rừng, chúng chạy, nhảy, chuyền cành khiến cây rừng như chuyển động. Câu *"Chúng tôi đi đến đâu, rừng rào rào chuyện động đến đấy"* cho thấy muông thú trong rừng rất đông.

+ Đặc điểm 2: Muông thú trong rừng thoắt ẩn, thoắt hiện. Chi tiết nào giúp em cảm nhận được đặc điểm này?

Đáp án: Trên cây, những con vượn bạc má khéo léo vừa ôm con vừa chuyền nhanh như tia chớp, những con chồn sóc xinh đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo.

+ Sự có mặt của muông thú mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?

Đáp án tham khảo: Muông thú thoắt ẩn, thoắt hiện làm cho cảnh rừng thêm sống động, bất ngờ, bí ẩn/ khiến cảnh rừng thêm vui nhộn, đầy sức sống,...

– GV nhận xét câu trả lời của HS và nhấn mạnh những nét thú vị, đáng yêu của muông thú trong rừng.

Câu 3. *Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là "giang sơn vàng rợi"?*

– GV nhắc HS đọc giải nghĩa "rừng khộp" trong SHS.

+ Từng em phát biểu ý kiến theo điều hành của nhóm trưởng.

+ Cả nhóm nhận xét câu trả lời của từng thành viên và thống nhất câu trả lời, VD: Đoạn cuối miêu tả cảnh rừng khộp. Nơi đây được gọi là "giang sơn vàng rợi" vì có sự cộng hưởng (kết hợp, tụ hội) của nhiều sắc vàng trong một không gian rộng lớn: lá vàng trên cây, lá vàng rụng dưới gốc, những con mang có bộ lông vàng nâu quyện hoà với ánh nắng vàng,...

– GV chiếu trên màn hình đoạn cuối bài đọc và đánh dấu những sự vật có màu vàng (nếu có phương tiện).

> Rừng khộp hiện ra trước mắt chúng tôi, lá úa vàng như cảnh mùa thu. Tôi dụi mắt. Những sắc vàng động đậy. Mấy con mang vàng hệt như màu lá đang ăn cỏ non. Những chiếc chân vàng giẫm lên thảm lá vàng và sắc nắng cũng rực vàng trên lưng nó. Chỉ có mấy vạt cỏ xanh biếc là rực lên giữa cái giang sơn vàng rợi.

Câu 4. *Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài.*

– GV nêu câu hỏi, HS làm việc cá nhân (trước khi chia sẻ ý kiến trong nhóm): từng em suy nghĩ để đặt tên cho mỗi đoạn theo ý của riêng mình.

– HS làm việc theo nhóm: Từng em nêu cách đặt tên cho mỗi đoạn văn, có thể trao đổi về lí do mình lựa chọn tên cho mỗi đoạn. VD:

+ Đoạn 1: Những cây nấm rừng/ Thành phố nấm / Vương quốc tí hon/...

+ Đoạn 2: Muông thú trong rừng/ Nhịp sống rừng xanh/ ...

+ Đoan 3: Giang sơn vàng rợi/ Cảnh rừng thơ mộng/...

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

– GV có thể nêu thời gian thực hiện 3 bài tập và chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hay theo nhóm (tuỳ vào năng lực của HS trong lớp).

– Sau thời gian làm bài, có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. *Trong bài "Kì diệu rừng xanh", những sự vật nào của tự nhiên được quan sát và miêu tả?*

– Về thực vật: vạt nấm dại, rừng khộp (rừng thưa lá rộng), vạt cỏ xanh.

– Về động vật: những con vượn bạc má, những con chồn sóc.

– Về hiện tượng tự nhiên: nắng.

Câu 2. *Tìm từ đồng nghĩa với từ "gọn ghẽ", "tí hon", "thưa thớt".*

– gọn ghẽ, gọn gàng, gọn (VD: Em dọn nhà gọn gàng, ngăn nắp.)

– tí hon, tí xíu, bé xíu,... (VD: Những chú kiến nhỏ tí xíu tha hạt vừng về tổ.)

– thưa thớt, lưa thưa/ lơ thơ (VD: Sau trận lũ, vườn chỉ còn vài gốc cây lưa thưa.)

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH (Tiếp theo)

Trước khi tìm hiểu bài mới, GV cho nhắc lại bài văn tả cảnh Đà Lạt (ở hoạt động Viết của Bài 9): Phong cảnh của Đà Lạt được tả như thế nào? Em nhớ chi tiết nào trong bài văn miêu tả Đà Lạt?

1. Đọc bài văn *Bốn mùa trong ánh nước* và trả lời câu hỏi.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bài *Bốn mùa trong ánh nước* và thực hiện lần lượt 4 yêu cầu/ câu hỏi a, b, c, d.

– HS đọc thầm bài văn và nêu các từ ngữ chưa hiểu. VD:

+ *Thinh không*: không trung, nơi hoàn toàn vắng lặng.

+ *Trầm mặc*: có dáng vẻ đang tập trung suy tư, ngẫm nghĩ điều gì.

– HS tự trả lời các câu hỏi trước khi trao đổi nhóm để thống nhất câu trả lời. Sau khi HS thống nhất câu trả lời, GV mời 1 HS đọc bài *Bốn mùa trong ánh nước* trước lớp, mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. VD:

a. Bài văn tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm.

b. Bài văn có 6 đoạn văn.

Mở bài	Đoạn 1	Giới thiệu tên cảnh vật (hồ Hoàn Kiếm) và nhận xét bao quát về cảnh vật (cảnh đẹp, quen thuộc với nhiều người).
Thân bài	Đoạn 2, 3, 4, 5	Miêu tả đặc điểm của phong cảnh trong những thời gian khác nhau.
Kết bài	Đoạn 6	Khẳng định phong cảnh hồ Hoàn Kiếm đã in sâu trong tâm trí của nhiều người.

c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được miêu tả lần lượt theo các mùa: mùa hè, mùa đông, mùa xuân, mùa thu. Từ ngữ giúp nhận ra thời gian các mùa:

Mùa hè	*mùa hè, những cơn mưa rào, dông gió*
Mùa đông	*mùa đông, cái lạnh bao trùm, màn sương*
Mùa xuân	*dịp tết Nguyên đán, mưa bay, trẩy hội, chim hót mùa xuân*
Mùa thu	*mùa thu, mùa thu Hà Nội, ánh nắng mùa thu*

d. Tả phong cảnh theo mùa, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được nhiều vẻ đẹp, nhiều đặc điểm của hồ Hoàn Kiếm (theo hành trình cả năm). Theo tác giả, cảnh hồ Hoàn Kiếm đẹp nhất vào mùa thu nên nhà văn đã tả đặc điểm hồ Hoàn Kiếm vào mùa thu sau cùng.

2. Nêu điều em học được về cách tả phong cảnh từ bài *Bốn mùa trong ánh nước*.

– GV hướng dẫn HS: Dựa vào các gợi ý và những điều cảm nhận của riêng mình để nêu điều mình học được về cách viết bài văn tả phong cảnh.

– Nhiều HS nêu ý kiến. VD:

+ Cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật bằng mắt nhìn, tai nghe,...

+ Miêu tả cảnh vật bằng những từ ngữ giàu sức gợi tả.

+ Sử dụng hình ảnh so sánh, nhân hoá làm nổi bật đặc điểm của cảnh vật,...

– GV nêu yêu cầu: Cách tả cảnh vật ở bài *Đà Lạt* và bài *Bốn mùa trong ánh nước* có gì khác nhau?

– GV nhắc HS đọc Ghi nhớ trước lớp (đọc xong, có thể gấp sách lại, nêu những ý đã nhớ được sau bài học).

3. So sánh trình tự miêu tả cảnh vật của bài *Bốn mùa trong ánh nước* với bài *Đà Lạt*.

– GV nêu yêu cầu của bài 3.

– HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. GV khen ngợi những HS biết đưa dẫn chứng cho trình tự miêu tả của mỗi bài:

+ Bài *Đà Lạt*: Tả theo trình tự không gian, tả từng bộ phận/ từng vẻ đẹp của phong cảnh.

+ Bài *Bốn mùa trong ánh nước*: Tả theo trình tự thời gian 4 mùa, mỗi mùa hiện ra trong trí nhớ/ kí ức. Mùa yêu thích nhất được nhắc đến sau cùng.

– GV có thể nhắc các ý HS cần nhớ khi viết bài văn tả phong cảnh (dựa trên phần Ghi nhớ).

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1+2. Đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV nêu yêu cầu của giờ Đọc mở rộng, nhắc HS thực hiện các yêu cầu:

+ Đọc sách, báo khoa học viết về thế giới động vật hoang dã (theo gợi ý).

+ Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SHS.

– HS làm việc cá nhân (thực hiện yêu cầu 1 và 2).

Lưu ý: GV nhắc HS có thể chia sẻ sách, báo cho nhau;...

3. Trao đổi với bạn về sách báo đã đọc.

– HS làm việc theo nhóm: Từng em chia sẻ những thông tin thú vị trong sách báo em đọc, phát biểu ý kiến, VD:

+ Động vật hoang dã là gì? Môi trường sống của động vật hoang dã ra sao? Vì sao phải bảo vệ động vật hoang dã?...

+ Những thông tin thú vị, bổ ích khác.

– Thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin các bạn chia sẻ.

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS đọc nhiều sách báo, chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Ghi chép những thông tin quan trọng về một số động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam.*

– GV khuyến khích học sinh chia sẻ những thông tin bổ ích mình biết được với bạn bè, người thân.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 10:

Đọc – hiểu: *Kì diệu rừng xanh*.

Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tiết 2).

Đọc mở rộng: Đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.

– GV hỏi HS thấy nội dung nào thú vị nhất của Bài 10.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có cố gắng trong học tập.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 11.

TUẦN 6

BÀI 11 HANG SƠN ĐOÒNG – NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng bài *Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú*, ngữ điệu phù hợp, thể hiện sự say mê, ngưỡng mộ với vẻ đẹp kì vĩ của hang động được mệnh danh là đẹp nhất hành tinh; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí.

   b. Nhận biết được những thông tin nổi bật: niên đại của hang, độ lớn của hang và hệ sinh thái đặc biệt của hang. Tìm được ý chính trong mỗi đoạn, hiểu được nội dung của từng đoạn, cũng như chủ đề của toàn bài đọc.

2. Luyện tập về từ đồng nghĩa.

3. Biết cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.

4. Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, lòng tự hào với cảnh đẹp của đất nước.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Thể loại văn bản thông tin: cấu trúc các đoạn rành mạch; thông tin rõ ràng.

– Từ đồng nghĩa.

– Văn tả cảnh.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh, clip minh hoạ về hang Sơn Đoòng.

– Phiếu bài tập Luyện từ và câu (nếu cần).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Kì diệu rừng xanh* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu tên bài học (*Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú*) và giao nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu phần Khởi động: *Em biết những điều gì về hang Sơn Đoòng?* (GV có thể gợi ý: Hang Sơn Đoòng nằm ở tỉnh nào? Ai là người phát hiện ra nó đầu tiên? Vào năm nào? Hang giữ những kỉ lục gì/ có gì đặc biệt?...)

+ Thảo luận theo cặp: HS có thể chia sẻ những điều mình đã đọc trên sách báo hoặc nghe kể về hang Sơn Đoòng.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Các HS khác có thể bổ sung.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó giới thiệu khái quát về bài đọc *Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú* (VD: Vào năm 1991, có một người nông dân địa phương tên là Hồ Khanh vào rừng tìm kiếm cây cỏ. Đang đi trong rừng, ông bất chợt gặp một cơn mưa lớn. Ông vội vàng tìm chỗ trú mưa. Không ngờ nơi ông trú mưa chính là cửa hang Sơn Đoòng – một trong những tác phẩm hang động xuất sắc nhất của tạo hoá. Vào năm 2009, khi đoàn thám hiểm Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh đến Quảng Bình (nay thuộc tỉnh Quảng Trị), ông Hồ Khanh đã báo tin này cho họ. Họ đã đi sâu vào hang và phát hiện ra nhiều điều kì thú. Hãy cùng đọc văn bản để xem hang Sơn Đoòng nắm giữ những kỉ lục nào.).

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, thể hiện sự say mê, tự hào). Nếu trong lớp có HS đọc tốt, GV có thể mời 3 em đọc nối tiếp các đoạn trong bài. Có thể phân chia như sau:

+ Đoạn 1: từ đầu đến *ngay dưới mặt đất.*

+ Đoạn 2: tiếp theo đến *40 tầng.*

+ Đoạn 3: còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Trước khi đọc, HS quan sát các bức tranh, ảnh về hang Sơn Đoòng và nêu cảm nhận của các em.

+ Đọc lướt các mục chính được in đậm. GV hỏi: Theo các em, những phần in đậm này là gì? (Những phần in đậm là chủ đề/ nội dung khái quát của từng đoạn.)

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *Sơn Đoòng, vết đứt gãy, Rào Thương, sầm uất,...* GV nhắc HS: Đây cũng là những từ dễ viết sai chính tả.

(GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS mắc lỗi cụ thể khi đọc bài.)

– 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm 3: Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn) sau đó đổi đoạn để đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài đọc mà chưa hiểu. GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn HS tra từ điển. (VD: *nguyên sinh, trú ngụ,...*).

– GV cho HS quan sát tranh lần nữa và đọc lại các ghi chú dưới mỗi tranh. GV nói với các em hãy tưởng tượng và cảm nhận vẻ đẹp của hang Sơn Đoòng sau khi đã đọc văn bản và quan sát tranh.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Những câu được in đậm trong văn bản cho biết điều gì?*

– Làm việc chung cả lớp hoặc làm việc theo cặp.

+ GV hướng dẫn HS đọc lướt toàn bộ những câu được in đậm trong bài, nhắc các em tìm mối quan hệ giữa tên bài đọc với các câu đó và các câu đi sau (không in đậm).

+ HS tự đọc và trao đổi với bạn.

– GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp. Cả lớp góp ý, nhận xét, bổ sung.

– GV và HS chốt đáp án: Những câu in đậm cho biết 3 nội dung chính của bài, cũng là 3 điều kì thú về hang Sơn Đoòng: niên đại của hang (đoạn 2); độ lớn của hang (đoạn 3); hệ sinh thái đặc biệt của hang (đoạn 4).

Câu 2. *Quá trình hình thành hang Sơn Đoòng được giới thiệu như thế nào?*

– GV cho HS đọc câu hỏi. GV gợi ý: Theo các em, câu trả lời sẽ nằm ở đoạn văn nào? (Đoạn văn 2). Cần đọc kĩ đoạn văn 2, chắt lọc để đưa ra các ý trong câu trả lời.

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi (nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, sau đó thống nhất ý kiến). GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp góp ý, nhận xét.

– GV và cả lớp chốt đáp án: Hang Sơn Đoòng được hình thành từ:

+ vết đứt gãy của dãy Trường Sơn

+ bị nước sông Rào Thương bào mòn liên tục trong nhiều năm liền (từ 2 đến 5 triệu năm)

→ Tạo thành một "lỗ hổng khổng lồ" – chính là hang Sơn Đoòng.

(GV nên tách các ý để HS dễ nhớ, dễ tư duy.) GV có thể đặt thêm câu hỏi: Quá trình hình thành này cho thấy điều gì? (Cho thấy hang Sơn Đoòng có bề dày lịch sử lâu dài.)

Câu 3. *Những chi tiết nào cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn?*

– GV cho HS đọc câu hỏi. GV gợi ý: Theo các em, câu trả lời sẽ nằm ở đoạn văn nào? Hãy nhìn thật nhanh những câu in đậm để trả lời (nằm ở đoạn văn 3). Cần đọc kĩ đoạn văn, chắt lọc để đưa ra hết được các ý trong câu trả lời.

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi (nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, sau đó thống nhất ý kiến). GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp góp ý, nhận xét.

– GV và cả lớp chốt đáp án: Những chi tiết cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn là: (1) chiều dài ước tính 9 ki-lô-mét; (2) thể tích 38,5 triệu mét khối, (3) có thể chứa tới 68 máy bay Bô-ing 777 hoặc cả một khu phố sầm uất với những toà nhà cao 40 tầng. (GV lưu ý: Các con số này là theo "ước tính", rất khó có thể đưa ra được một con số chính xác

tuyệt đối về kích thước hang Sơn Đoòng, do hang lớn và phức tạp, không dễ gì dùng máy móc đo đạc.)

Câu 4. *Nêu những điều đặc biệt của hệ sinh thái trong hang Sơn Đoòng.*

– GV triển khai hoạt động tương tự như đối với câu 3.

– GV và HS cùng thống nhất đáp án (HS có thể diễn đạt theo những cách khác nhau): Sơn Đoòng sở hữu hệ sinh thái đặc biệt, nguyên sơ. Trong hang có cả một khu rừng nguyên sinh với động thực vật rất phong phú và khác lạ. Cụ thể: thực vật rất mỏng manh, động vật không có mắt và cơ thể trong suốt.

Câu 5. *Tưởng tượng em là hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu hang Sơn Đoòng với du khách.*

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm hoặc theo lớp:

+ Đọc kĩ yêu cầu.

+ Đọc thông tin gợi ý trong sách.

+ Thảo luận sơ bộ các ý chính cần nói trong bài giới thiệu của nhóm (dựa vào những thông tin thu được trong bài và cả những thông tin đọc thêm).

+ Các thành viên trong nhóm thay phiên nhau trình bày và góp ý.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV và HS nhận xét, khen ngợi nhóm trình bày hay, tự nhiên, mạch lạc, nhiều thông tin nhất. GV cũng có thể khái quát lại vấn đề từ các ý kiến của HS.

4. Luyện đọc lại.

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Chọn từ thích hợp thay cho bông hoa trong mỗi thành ngữ trong SHS. (G: Từ cần tìm đồng nghĩa với từ in đậm trong mỗi thành ngữ.)

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh của bài tập 1, 1 HS khác đọc các từ cho sẵn.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: Đọc các từ in đậm trong mỗi câu thành ngữ, xác định từ đồng nghĩa với từ in đậm trong số những từ cho sẵn. Sau khi đã chọn được từ đồng nghĩa, thử thay vào câu thành ngữ và đọc lại cả câu xem có phù hợp không. Lần lượt làm như vậy với các câu còn lại.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

a. Ngày **lành** tháng **tốt**

b. Năm **lần** bảy **lượt**

c. Sóng **yên** biển **lặng**

d. **Cầu** được **ước** thấy

e. Đao **to** búa **lớn**

g. Đi đến **nơi** về đến **chốn**

2. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn thơ trong SHS.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2, yêu cầu 1 HS đọc câu thơ và nhắc lại 3 từ in đậm trong câu thơ.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS đọc lại mỗi từ in đậm và xác định nghĩa của mỗi từ đó. Sau khi xác định nghĩa của mỗi từ in đậm, suy nghĩ xem ngoài từ in đậm đó ra, còn có những từ nào có thể thể hiện được ý nghĩa đó. HS viết những từ tìm được ra vở hoặc giấy nháp.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả:

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án tham khảo:

+ Đồng nghĩa với **nho nhỏ** có thể có *nhỏ bé, bé nhỏ, be bé,...*

+ Đồng nghĩa với **trông** có thể có *nhìn, xem, coi,...*

+ Đồng nghĩa với **mênh mông** có thể có *bao la, bát ngát, mông mênh,...*

Lưu ý: Đây là dạng bài tập mở. GV có thể khích lệ HS tìm số từ đồng nghĩa tối đa theo khả năng của các em, miễn sao đảm bảo được yêu cầu thể hiện đúng nghĩa mà từ in đậm đã thể hiện.

3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành đoạn văn.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh của bài tập 3, 1 HS khác đọc các nhóm từ đồng nghĩa.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS đọc kĩ từng câu của đoạn văn và dừng lại ở vị trí có từ cần điền. Đọc kĩ nhóm từ đồng nghĩa cho vị trí đó rồi chọn một từ thích hợp nhất về nghĩa với cả câu. Đọc lại cả câu văn với từ đã chọn xem đã thích hợp chưa. Nếu thấy đã thích hợp thì ghi lại từ đó vào vở hoặc giấy nháp. Làm lần lượt như vậy với các câu còn lại.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả:

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

*Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa **bé nhỏ**, mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất. Mặt đất đã **khô cằn** bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, **trong lành**. Mặt đất lại **dịu mềm**, lại cần mẫn tiếp nhựa sống cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã mang lại cho cây **sức sống** tràn đầy. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.*

– Nếu HS có năng lực tốt hoặc nếu còn thời gian, GV có thể hướng dẫn các em suy nghĩ để trả lời câu hỏi "Tại sao chọn từ đó mà không chọn những từ còn lại?" để HS được rèn luyện tư duy loại trừ và cách lập luận để bảo vệ sự lựa chọn của mình.

4. Viết đoạn văn (4 – 5 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên, có sử dụng 2 – 3 từ đồng nghĩa.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập.

– HS làm việc cá nhân, tự viết đoạn văn có sử dụng 2 – 3 từ đồng nghĩa.

– HS làm việc theo nhóm, từng bạn đọc đoạn văn của mình để cả nhóm nhận xét, góp ý.

– GV chữa lỗi cho HS, lưu ý HS về việc sử dụng đúng từ theo yêu cầu của bài và sử dụng đúng ngữ cảnh (có thể giải thích cho HS trong mỗi trường hợp vì sao chọn từ này mà không nên chọn từ còn lại). GV có thể chữa chung trước lớp hoặc chữa bài riêng cho từng em.

– GV mời một số HS đọc đoạn văn của mình trước lớp.

Lưu ý: Đây là dạng bài tập mở. HS ngoài việc viết được đoạn văn hay, đúng chủ đề thì còn phải sử dụng được đúng các từ đồng nghĩa. GV cần khích lệ HS cố gắng. Nếu HS dùng từ chưa đúng thì gợi ý thêm để giúp học sinh tìm những từ phù hợp hơn.

TIẾT 3

VIẾT

LUYỆN VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

Tiết học này nhằm giúp các em biết viết mở bài và kết bài theo 2 cách đã được học ở lớp 4 (ở bài miêu tả con vật và cây cối). Do đó, GV nên dành nhiều thời gian hơn cho HS thực hành viết mở bài và kết bài.

1. So sánh các cách mở bài và kết bài.

GV yêu cầu HS đọc các mở bài và kết bài ở bài tập 1, sau đó nêu những điểm khác nhau trong các cách mở bài và kết bài đó. Có thể mời 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

Đáp án:

– Về mở bài: Hai cách mở bài đều giới thiệu tên phong cảnh, cũng là địa điểm có phong cảnh và những cảnh vật nổi bật, để lại ấn tượng cho mọi người nhất (nơi có nhiều hoa, nhiều thông và nhiều hồ nước đẹp). Mỗi cách mở bài có ưu điểm riêng (HS có thể nêu mình thích cách mở bài nào và giải thích). VD:

+ Mở bài trực tiếp: ngắn gọn nhưng hàm súc, dễ nhớ và tạo ấn tượng mạnh.

+ Mở bài gián tiếp: đoạn văn có nhiều câu hơn, có nhiều thông tin hơn.

– Về kết bài: Hai cách kết bài đều nhấn mạnh lại ấn tượng về vẻ đẹp của phong cảnh. Mỗi cách kết bài đều có cái hay riêng.

+ Kết bài không mở rộng: ngắn gọn, súc tích, gây ấn tượng với người đọc.

+ Kết bài mở rộng: làm cho ý của kết bài phong phú hơn, tạo kết nối với người đọc dễ dàng hơn.

2. Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài *Bốn mùa trong ánh nước*.

– Dựa trên các đoạn mở bài, kết bài đã đọc và phân tích ở bài tập 1, HS thực hành viết mở bài và kết bài cho bài văn *Bốn mùa trong ánh nước* theo ý của mình. Sau đó đọc trong nhóm để nhận xét, góp ý cho nhau.

– GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời. VD: Để viết mở bài gián tiếp, cần bắt đầu từ đâu để dẫn vào việc giới thiệu người được miêu tả, phong cảnh được tả.

– GV đọc lướt bài làm của HS, có thể góp ý để các em có thể sửa chữa; dự kiến mời một số em đọc bài trước lớp, cả lớp nhận xét.

– GV mời một số HS đọc mở bài, kết bài của mình trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, khen ngợi các bạn viết được mở bài, kết bài hay (hoặc góp ý để HS chỉnh sửa).

3. Trao đổi về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.

– GV hướng dẫn HS dựa vào các mở bài và kết bài đã viết và những gợi ý trong SHS để rút ra cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.

– GV mời một số em phát biểu kết quả trao đổi nhóm và hướng dẫn cả lớp nhận xét, đánh giá hoặc bổ sung.

– GV mời HS nêu những điểm cần nhớ khi viết mở bài, kết bài cho bài văn tả phong cảnh.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân nội dung mở bài và kết bài em đã viết.*

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 11:

Đọc – hiểu: *Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú*.

Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đồng nghĩa.

Viết: Luyện viết mở bài, kết bài cho bài văn tả phong cảnh.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào của Bài 11.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 12.

Bài 12 NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài *Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long*, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, giàu sức gợi tả, gợi cảm, giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

   b. Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: vẻ đẹp kì thú như "trời bày đất đặt" của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. Cảm nhận được cách sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá,... của tác giả trong việc miêu tả hình dáng, sự sắp xếp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

2. Biết cách quan sát phong cảnh để chuẩn bị cho bài văn tả phong cảnh.

3. Biết cách thảo luận vấn đề bảo tồn động vật hoang dã.

4. Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc trước vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên; niềm tự hào về danh lam thắng cảnh của đất nước.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tả cảnh.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh về những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

– Tranh ảnh phục vụ cho việc hướng dẫn quan sát phong cảnh.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

– 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Theo bài đọc, điều gì làm nên sự kì thú của hang Sơn Đoòng?).

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu tên bài học và giao nhiệm vụ: HS làm việc nhóm, chia sẻ những điều đã biết về vịnh Hạ Long.

– HS làm việc theo nhóm: Từng HS nêu ý kiến.

– GV nhận xét các nhóm, sau đó GV giới thiệu khái quát về bài mới.

– HS quan sát bức ảnh về vịnh Hạ Long và nêu nhận xét hoặc cảm nhận của mình về cảnh vật trong bức ảnh.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: "ngăn khơi với lộng, nối mặt biển với chân trời"; "lúc neo thuyền, phơi lưới"; "ông lão trầm tĩnh";...

+ Đọc diễn cảm, ngắt nghỉ phù hợp, VD:

*Có chỗ/ đảo dàn ra **thưa thớt**,/ hòn này với hòn kia **biệt lập**,/ xa trông như quân cờ bày **chon von** trên mặt biển.*

*Có hòn trông **như đôi gà** /đang **xoè cánh chọi nhau** trên mặt nước/ (hòn **Gà Chọi**);/ có hòn **bề thế như mái nhà**/ (hòn **Mái Nhà**);/ có hòn **chông chênh** như **con cóc ngồi bờ giếng**/ (hòn **Con Cóc**);/ có hòn như **ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá**/ (hòn **Ông Lã Vọng**).*

– GV hướng dẫn 2 HS đọc trước lớp (đọc nối tiếp các đoạn trong bài).

– HS làm việc theo cặp: Đọc nối tiếp các đoạn, sau đó đổi đoạn để đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc thầm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của các nhóm/ cả lớp.

– GV nhắc HS đọc giải nghĩa từ ở cuối bài đọc và hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài văn chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển. VD:

+ *Khuất khúc*: có nhiều đoạn quanh co, gấp khúc.

+ *Chon von*: trơ trọi ở trên cao, không có chỗ dựa chắc chắn.

3. Trả lời câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS.

– GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu bố cục bài văn trước khi trả lời các câu hỏi dưới bài đọc.

+ Đoạn thứ nhất: Giới thiệu bao quát về vịnh Hạ Long với rất nhiều hòn đảo được xếp đặt độc đáo.

+ Đoạn 2 và 3: Miêu tả bao quát toàn cảnh đảo trên vịnh Hạ Long và miêu tả hình dáng một số hòn đảo có hình dáng đặc biệt.

+ Đoạn 4: Khẳng định Hạ Long là một phần của non sông Việt Nam mà chúng ta yêu quý, bảo vệ, giữ gìn.

Câu 1. *Tìm câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long. Câu văn đó giúp em hình dung được những gì về vịnh Hạ Long?*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS làm việc cá nhân rồi phát biểu trong nhóm hoặc trước lớp.

Đáp án:

Câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long: *Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô, khuất khúc như rồng chầu, phượng múa*.

Câu văn này giúp người đọc hình dung được toàn cảnh vịnh Hạ Long: vịnh rất rộng với hàng nghìn đảo; những hòn đảo được tạo hoá xếp đặt rất đẹp mắt.

Câu 2. *Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt thú vị như thế nào? Bằng cách nào tác giả giúp ta cảm nhận được điều đó?*

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm để trả lời câu hỏi.

– Các nhóm đối chiếu kết quả. Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp.

Đáp án: Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt rất thú vị. Bằng biện pháp so sánh hoặc nhân hoá, tác giả đã giúp người đọc hình dung sự thú vị đó.

Trên một diện tích hẹp, mọc lên ***hàng nghìn đảo nhấp nhô, khuất khúc như rồng chầu, phượng múa***.	Câu văn sử dụng biện pháp so sánh.
Đảo có chỗ sừng sững, chạy dài như bức trường thành vững chãi, ngăn khơi với lộng, nối mặt biển với chân trời.	Câu văn sử dụng biện pháp so sánh.
Có chỗ ***đảo dàn ra thưa thớt***, hòn này với hòn kia biệt lập, xa trông ***như quân cờ bày chon von trên mặt biển.***	Câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá và so sánh.
Có chỗ ***đảo quần tụ lại, xúm xít như vạn chài lúc neo thuyền, phơi lưới***.	Câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá và so sánh.

Câu 3. *Dựa vào bài đọc, em hãy miêu tả hình dáng một số hòn đảo ở Hạ Long.*

– HS làm việc nhóm: từng em giới thiệu (HS có thể nói được nhiều chi tiết hơn nếu có được những thông tin từ những nguồn khác).

– GV có thể cung cấp một số tranh ảnh, 1 – 2 HS phát biểu ý kiến trước lớp. VD: Đảo của Hạ Long không phải là những núi đá buồn tẻ, đơn điệu mà mỗi hòn, mỗi dáng đều thấp thoáng hình ảnh của sự sống. Cụ thể:

Có hòn chông chênh như con cóc ngồi bờ giếng (hòn Con Cóc).	Có hòn trông như đôi gà đang xoè cánh chọi nhau trên mặt nước (hòn Gà Chọi).	Có hòn như ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá (hòn Ông Lão Vọng).

Câu 4. *Khi ngắm đảo ở vịnh Hạ Long, vì sao tác giả có cảm giác được "chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá"?*

– GV nêu câu hỏi và cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm: từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. GV có thể lựa chọn cách trình bày dựa trên ý hiểu của HS. VD: Khi ngắm đảo ở Hạ Long, tác giả có cảm giác được chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá vì hình dáng mỗi hòn đảo trên vịnh Hạ Long đều giống hình người hoặc vật quen thuộc (hình ảnh mái nhà, hình ảnh ông lão ngồi câu cá, hình con cóc, con gà, con rùa, con thiên nga,…). Những hòn đảo tụ họp lại bên nhau làm hiện lên thấp thoáng hình ảnh của sự sống là vậy.

Câu 5. *Chủ đề của bài "Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long" là gì? Chọn đáp án đúng.*

A. Vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long

B. Sự thơ mộng, huyền bí của sóng nước Hạ Long

C. Sức cuốn hút của thiên nhiên Hạ Long đối với du khách

D. Những cảnh đẹp có một không hai của thiên nhiên

– GV hướng dẫn HS suy nghĩ để chọn phương án trả lời đúng.

– HS làm việc theo nhóm: Từng em nêu ý kiến, có thể trao đổi về lí do mình có ý kiến như vậy.

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.

Đáp án: Phương án A – Vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

– GV hướng dẫn HS tự thực hiện yêu cầu, sau đó đối chiếu kết quả theo nhóm.

– HS chữa bài trước lớp.

Câu 1. *Nêu tác dụng của các từ ngữ sau trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long: nhấp nhô, sừng sững, thưa thớt, chon von, xúm xít, chông chênh.*

– GV cho HS nhận xét về các từ ngữ được sử dụng để miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long (*nhấp nhô, sừng sững, thưa thớt, chon von, xúm xít, chông chênh*) từ đó nêu tác dụng của các từ ngữ này trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

– GV có thể nhắc HS tra từ điển để hiểu rõ nghĩa của các từ.

Đáp án tham khảo: các từ có âm đầu hoặc vần giống nhau, tạo sự độc đáo về âm điệu khi đọc, đồng thời các từ này đều giàu sức gợi tả, giúp người đọc hình dung được hình dáng, sự xếp đặt thú vị của các hòn đảo trên vịnh.

Câu 2. *Tìm trong các từ được nêu trong SHS những cặp từ đồng nghĩa.*

Đáp án:

– trầm tĩnh, trầm lặng

– quần tụ, quây quần

– vững chắc, vững chãi

– ngắm nhìn, chiêm ngưỡng

Câu 3. *Đặt câu với 1 cặp từ đồng nghĩa em tìm được ở bài tập 2.*

GV nêu câu hỏi và mời một số HS phát biểu.

Đáp án tham khảo:

– Dân cư quần tụ đông đúc dọc hai bên bờ sông.

– Cả gia đình quây quần bên nhau cùng thưởng thức bữa tối ấm cúng.

TIẾT 3

VIẾT

QUAN SÁT PHONG CẢNH

Yêu cầu: Quan sát một cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo và ghi lại kết quả quan sát.

Tiết học này nhằm giúp HS biết cách quan sát phong cảnh: quan sát những gì, quan sát theo trình tự nào, huy động những giác quan nào để quan sát, cảm nhận các đặc điểm của phong cảnh, cách ghi chép kết quả quan sát,…

1. Chuẩn bị.

– GV hướng dẫn HS thực hiện theo gợi ý trong SHS, có thể nhắc các em lựa chọn phong cảnh mà các em yêu thích và đã được quan sát kĩ. GV cho HS biết giữa mối liên kết giữa yêu cầu quan sát với yêu cầu lập dàn ý và yêu cầu viết bài văn tả phong cảnh.

– HS lựa chọn phong cảnh, cách quan sát và trình tự quan sát theo gợi ý trong SHS.

2. Quan sát và ghi lại kết quả quan sát.

– GV hướng dẫn HS đọc mẫu và các gợi ý về cách quan sát nêu trong SHS trước khi thực hiện nhiệm vụ quan sát và ghi chép kết quả quan sát. GV lưu ý HS: Khi quan sát phong cảnh, cần sử dụng các giác quan để nhận biết các đặc điểm của phong cảnh (VD: nhìn ngắm hình dáng, màu sắc,…; lắng nghe âm thanh; ngửi mùi hương,…).

– HS làm việc cá nhân: Dựa trên mẫu minh hoạ trong SHS, quan sát (hoặc nhớ lại kết quả đã quan sát) và ghi chép vào vở hoặc phiếu học tập, vở bài tập (nếu có).

– HS làm việc nhóm hoặc theo cặp: Đọc phiếu ghi chép và góp ý cho nhau.

– GV mời một số HS (đại diện các nhóm HS) trình bày kết quả ghi chép trước lớp, cả lớp nhận xét, góp ý. VD:

+ Khi nêu đặc điểm cụ thể của từng sự vật, hiện tượng, ngoài việc nêu các từ ngữ gợi tả đặc điểm của phong cảnh, các em có thể nêu hình ảnh so sánh, nhân hoá. VD:

Cảnh vật	Hình dáng, kích thước	Màu sắc	Âm thanh	Hương vị	(…)
Dòng suối	uốn lượn,…	trong vắt,…	róc rách,…	(…)	(…)
	uốn lượn như dải lụa mềm mại	trong vắt như pha lê	róc rách, thánh thót như tiếng đàn.	(…)	(…)

3. Trao đổi về kết quả quan sát.

– GV nói thêm với HS: cần trao đổi để biết cách chỉnh sửa, hoàn thiện dàn ý.

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV (theo cặp hoặc nhóm):

+ Cảnh vật đã được lựa chọn quan sát là gì?

+ Đặc điểm của cảnh vật được miêu tả bằng từ ngữ, hình ảnh nào?

+ Cách sắp xếp ý được lựa chọn có phù hợp không?,...

– GV kết luận về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc quan sát – một khâu quan trọng để viết được bài văn tả phong cảnh hay.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Yêu cầu: Thảo luận về việc bảo tồn động vật hoang dã.

1. Chuẩn bị.

– GV yêu cầu 1 HS đọc bước chuẩn bị (GV dặn dò HS chuẩn bị từ buổi học trước), các HS khác đọc thầm theo.

– HS làm việc cá nhân, chuẩn bị nội dung thảo luận dựa vào những sách báo đã đọc (những thực tế về động vật hoang dã hiện nay và những hoạt động để bảo vệ chúng).

– GV hướng dẫn HS ghi chép các thông tin quan trọng về thực tế liên quan đến động vật hoang dã hiện nay và những hoạt động để bảo vệ chúng vào vở hoặc giấy nháp.

2. Thảo luận.

– GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm:

+ Mỗi nhóm chọn một người điều hành.

+ Người điều hành nêu nội dung thảo luận và lí do cần bảo vệ động vật hoang dã.

+ Các HS trong nhóm trình bày ý kiến đã chuẩn bị của mình.

+ Cả nhóm trao đổi, góp ý và thống nhất ý kiến chung của cả nhóm để trình bày trước lớp.

+ Cả lớp thảo luận, xác định các ý kiến thống nhất và ý kiến khác biệt.

3. Đánh giá.

– GV hướng dẫn cả lớp tiến hành đánh giá theo 2 nội dung:

+ Những thông tin quan trọng đối với việc bảo tồn động vật hoang dã.

+ Những ý kiến hay về việc làm thế nào để bảo tồn động vật hoang dã.

– GV có thể gợi ý thêm những nội dung đánh giá nếu còn thời gian và tuỳ thuộc vào các ý kiến thảo luận cụ thể của HS.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Sưu tầm tranh ảnh và tìm đọc thêm thông tin về vịnh Hạ Long.*

CỦNG CỐ

– HS cần nêu những nội dung chính đã học ở bài 12:

Đọc – hiểu: Tìm hiểu bài *Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.*

Viết: Quan sát phong cảnh và ghi chép kết quả quan sát.

Nói và nghe: Thảo luận về việc bảo tồn động vật hoang dã.

– GV dặn dò HS về nhà sưu tầm tranh ảnh và tìm đọc thêm thông tin về vịnh Hạ Long.

TUẦN 7

BÀI 13 MẦM NON (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Mầm non*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

   b. Hiểu nghĩa của từ ngữ, hình ảnh miêu tả sự chuyển mùa của thiên nhiên qua hình ảnh thơ, biện pháp tu từ nhân hoá của tác giả. Hiểu được điều bài đọc muốn nói thông qua hình ảnh mầm non: Vẻ đẹp của thiên nhiên vào thời khắc chuyển mùa từ đông sang xuân. Cảm nhận được tình yêu của tác giả đối với vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên, đất nước.

2. Nắm được khái niệm về từ đa nghĩa, có thể nhận biết được từ đa nghĩa và các nghĩa của từ đa nghĩa.

3. Lập được dàn ý cho bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu đề bài và theo đúng các bước cần thiết.

4. Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc trước những vẻ đẹp của thiên nhiên, biết đồng cảm với tình yêu thiên nhiên của tác giả trong tác phẩm nghệ thuật hoặc của những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản thơ (bộc lộ cảm xúc qua các hình ảnh, biện pháp tu từ); ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh thơ.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Mầm non*.

– Video ghi lại những hình ảnh gắn với sự giao mùa giữa đông – xuân.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (GV có thể nêu câu hỏi khác).

ĐỌC

1. Khởi động.

– HS làm việc theo nhóm đôi, đọc kĩ câu hỏi (*Em hãy nêu sự thay đổi của thời tiết, cỏ cây,... khi mùa đông chuyển sang mùa xuân hoặc mùa khô chuyển sang mùa mưa*.)

– Đại diện 2 – 3 nhóm lần lượt nêu đáp án. Cả lớp nhận xét câu trả lời.

Đáp án tham khảo:

Khi mùa đông chuyển sang mùa xuân, thời tiết, cỏ cây có sự thay đổi rõ rệt. Chẳng hạn như khí hậu sẽ ấm hơn, không còn lạnh giá. Những cơn gió rét thổi vù vù được thay bằng những làn gió nhẹ nhàng. Trời bắt đầu xuất hiện những cơn mưa bụi (mưa phùn), không khí trở nên ẩm ướt. Những chồi non xuất hiện trên những cành cây, lá cây xanh mướt, những ngọn cỏ nằm ngủ im lìm dưới mặt đất bỗng trỗi dậy xanh nõn nà,...

Khi mùa khô kết thúc, mùa mưa bắt đầu, cảm nhận em thấy rõ nhất là khí hậu. Không còn cái nóng khô rang nữa. Những cơn mưa xối xả trong chốc lát đã mang lại cái mát lạnh, đầy hơi nước cho không gian. Cây cối như được tiếp thêm nguồn sống. Những tàu lá dừa, lá chuối mở xoè ra đón những hạt mưa đang rơi ào ào, xối xả. Những bụi cỏ dại ven đường, trong vườn cũng vươn cao hơn để được tắm mình trong làn mưa. Những vườn cây trở nên xanh bóng, mỡ màng,...

– GV chỉ vào tranh và giới thiệu tranh minh hoạ sau đó liên kết với bài học.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật vào mùa đông và mùa xuân, miêu tả hình ảnh chồi non).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ có tiếng dễ phát âm sai. VD: *nằm nép, lặng im, chíp chiu chiu xuân đến,...* (GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS hay mắc lỗi phát âm khi đọc bài.)

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc.

– 6 HS đọc nối tiếp 6 khổ thơ trước lớp.

– HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Trong 2 khổ thơ đầu, mầm non được miêu tả như thế nào? Cách miêu tả đó có gì thú vị?*

– HS đọc thầm hai khổ thơ, tìm từ ngữ miêu tả mầm non. Ghi kết quả vào giấy, vở hoặc phiếu bài tập. Sau đó chia sẻ kết quả với các bạn trong nhóm. Nhóm bổ sung, nhận xét, thống nhất câu trả lời.

– 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp. GV và cả lớp nhận xét. GV chốt câu trả lời đúng.

Đáp án: Một mầm non nho nhỏ, nằm nép lặng im, mắt lim dim, cố nhìn qua kẽ lá. Nhà thơ sử dụng những động từ chỉ hành động của con người để miêu tả mầm non (*nằm, nép, lim dim, nhìn*) khiến cho mầm non hiện lên rất sinh động. Cũng giống như con người, mầm non biết đi trốn cái rét, biết co mình lại vì sợ lạnh, cũng tò mò, muốn biết cảnh vật quanh mình thế nào (cố nhìn). Biện pháp nhân hoá đã khiến cho mầm non hiện ra thật ngộ nghĩnh, đáng yêu.

Câu 2. *Cảnh vật mùa đông hiện ra thế nào theo cảm nhận của mầm non?*

– GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu: Lần lượt trong nhóm (4 HS), mỗi cá nhân đọc kĩ khổ thơ 2, 3, 4, ghi lại các từ ngữ miêu tả cảnh vật mùa đông. Chẳng hạn:

+ Mây bay hối hả.

+ Mưa phùn lất phất.

+ Gió thổi ào ào.

+ Rừng cây thưa thớt lá cành, lá vàng rụng đầy mặt đất.

+ Các loài thú vắng bóng; một chú thỏ, dẫu có xuất hiện trong bức tranh mùa đông nhưng cũng chỉ là đi tìm nơi trú nấp.

+ Không gian yên ắng, tĩnh mịch.

– GV yêu cầu các nhóm dựa vào các từ ngữ tìm được, nói cho bạn nghe về bức tranh mùa đông.

– Một số HS phát biểu trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, bổ sung. GV khen học sinh có nhận xét hay, biết bảo vệ ý kiến một cách thuyết phục.

Câu 3. *Nhờ đâu mầm non nhận ra mùa xuân đến?*

– GV có thể cho HS làm bài tập thể.

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, đọc kĩ khổ thơ thứ 3. Ghi lại các từ ngữ miêu tả mùa xuân.

+ Bước 2: – Một số HS phát biểu trước lớp. GV chốt đáp án.

Đáp án: Âm thanh của tiếng chim kêu, âm thanh róc rách của trăm ngàn con suối, tiếng ca vang của ngàn chim muông.

Lưu ý: Với HS khá giỏi, GV có thể hỏi thêm: Bức tranh mùa xuân có gì khác với bức tranh mùa đông?

Đáp án tham khảo: Về âm thanh, bao trùm bức tranh mùa đông là sự tĩnh lặng. Tĩnh lặng từ ngọn cỏ, làn rêu đến tiếng gió, tiếng lá reo. Trong khi đó bức tranh mùa xuân tràn ngập âm thanh rộn ràng, náo nức. Đầu tiên là tiếng chim hót chíp chiu. Ngay tức thì, vạn vật trong khu rừng cất tiếng hoà ca cùng tiếng chim; về màu sắc, bức tranh mùa đông được dệt nên bởi gam màu đỏ đồng của lá bàng, gam màu vàng của lá rụng. Ở bức tranh mùa xuân, sắc màu chủ đạo, như là tâm điểm của bức tranh là màu xanh biếc của chồi non nổi lên trên nền trời mùa xuân.

Câu 4. *Nêu nhận xét của em về hình ảnh của mầm non trong khổ thơ cuối.*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, đọc kĩ khổ thơ, tập trung vào những từ ngữ thể hiện biện pháp nhân hoá (*nghe thấy, vội, đứng dậy, khoác áo*), tính từ chỉ màu sắc (*xanh biếc*) để tưởng tượng về hình ảnh mầm non. Viết ra giấy kết quả tưởng tượng của em về mầm non.

+ Bước 2: HS làm việc theo cặp (lần lượt từng HS nêu đáp án), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu trước lớp. GV tổng hợp ý kiến của học sinh.

Đáp án tham khảo: Sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động của con người: *nghe thấy, vội, đứng dậy, khoác áo* để miêu tả mầm non, nhà thơ đã làm cho người đọc như nhìn thấy được sự trỗi dậy, vươn lên, bung nở đầy sức sống của mầm non. Mầm non cũng giống con người, phấn chấn, hào hứng trước vẻ đẹp của đất trời. Mầm non cũng tự hào, hãnh diện chào đón cuộc sống mới. Hình ảnh mầm non trong khổ thơ cuối thật đẹp, thật đáng yêu!

Câu 5. *Nội dung chính của bài thơ là gì?*

– GV hướng dẫn HS:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, đọc lại bài thơ để tìm ra nội dung chính.

+ Bước 2: HS làm việc theo cặp (lần lượt từng HS nêu đáp án), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu trước lớp. GV chốt đáp án.

Đáp án: Bài thơ miêu tả sự chuyển mùa kì diệu của thiên nhiên.

4. Luyện đọc lại.

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:

+ 2 hoặc 6 HS đọc nối tiếp 6 khổ thơ trước lớp. GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

+ HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

– GV sử dụng phương pháp dạy học thuộc lòng để tổ chức cho HS học thuộc lòng 2 – 3 đoạn thơ trên lớp. Tuỳ theo thời gian thực tế mà số đoạn học thuộc lòng có thể tăng hoặc giảm. Những đoạn thơ còn lại, GV có thể hướng dẫn học sinh về nhà tự học.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ ĐA NGHĨA

1. Đọc đoạn thơ và các nghĩa của từ *mắt* trong SHS rồi trả lời câu hỏi.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh của bài tập 1, 1 HS khác đọc 2 đoạn thơ, 1 HS khác nữa đọc các nghĩa của từ *mắt*.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

a. *Tìm nghĩa thích hợp cho từ "mắt" được in đậm.*

GV yêu cầu HS đọc 2 nghĩa của từ mắt, đọc các từ in đậm trong đoạn thơ và xem xét nghĩa của chúng trong ngữ cảnh của các câu thơ xem nghĩa đó là nghĩa nào trong số các nghĩa được nêu.

Đáp án: Từ *mắt* ở vị trí 1 mang nghĩa chỗ lồi ra, giống hình con mắt ở một số vật; từ *mắt* ở vị trí 2, 3 mang nghĩa cơ quan để nhìn của người hay động vật.

b. *Trong các nghĩa của từ "mắt" nêu trên, nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa được phát triển từ nghĩa gốc (nghĩa chuyển)?*

GV hướng dẫn HS suy nghĩ xem trong 2 nghĩa của từ *mắt*, nghĩa nào là nghĩa có trước nhất (gọi là nghĩa gốc), nghĩa nào là nghĩa được phát triển từ nghĩa đó (gọi là nghĩa chuyển). *Lưu ý*: Nghĩa chỉ bộ phận cơ thể thường là nghĩa gốc.

Đáp án: Nghĩa 1 là nghĩa gốc, nghĩa 2 là nghĩa chuyển.

c. *Các nghĩa trên của từ "mắt" có liên hệ với nhau như thế nào?*

GV dẫn dắt: Sau khi xác định được nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ *mắt*, so sánh các nghĩa đó với nhau xem chúng giống và khác nhau như thế nào.

Đáp án:

Các nghĩa trên của từ *mắt* giống nhau ở hình dáng của sự vật mà từ gọi tên, khác nhau ở chỗ nghĩa gốc nói đến chức năng để nhìn, nghĩa chuyển thì không nói đến chức năng đó mà chỉ nhấn mạnh nghĩa về hình dáng của sự vật.

2. Xác định nghĩa của từ *biển* trong những câu thơ trong SHS và cho biết nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2, dành thời gian cho HS đọc lại các câu thơ và suy nghĩ về nghĩa của từ *biển* trong đoạn thơ.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS dựa vào khái niệm từ đa nghĩa, dựa vào đặc điểm của nghĩa gốc và nghĩa chuyển đã xác định trong bài tập 1 để xác định nghĩa của từ *biển* trong các câu thơ.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả:

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

a. Từ *biển* chỉ khối lượng lớn trên một diện tích rộng. Đây là nghĩa chuyển.

b. Từ *biển* chỉ vùng nước mặn rộng lớn trên bề mặt Trái Đất. Đây là nghĩa gốc.

c. Từ *biển* chỉ khối lượng lớn trên một diện tích rộng. Đây là nghĩa chuyển.

– GV mời 1 HS đọc Ghi nhớ để nắm chắc khái niệm về từ đa nghĩa và đặc điểm các nghĩa của từ đa nghĩa.

3. Từ *lưng* trong mỗi đoạn thơ dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Nêu các nghĩa đó.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh của bài tập 3, 2 HS khác đọc các đoạn thơ a, b.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS đọc kĩ từng câu/ đoạn thơ, dựa vào khái niệm từ đa nghĩa, đặc biệt là dựa vào kinh nghiệm xác định nghĩa của từ *mắt* ở bài tập 1 xem từ nào mang nghĩa gốc, chỉ bộ phận cơ thể người, từ nào mang nghĩa được phát triển từ nghĩa gốc đó. HS cũng cần suy nghĩ để xác định nghĩa của các từ đó.

– HS làm việc cá nhân (ghi chép kết quả vào giấy nháp) trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả:

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

Trong câu a, từ *lưng* mang nghĩa chuyển, nghĩa đó là "ở khoảng giữa trời".

Trong câu b, từ *lưng* được dùng ở 3 vị trí, từ *lưng* ở vị trí thứ nhất mang nghĩa chuyển, nghĩa đó là "ở khoảng giữa từ chân lên đỉnh núi"; vị trí thứ thứ 2 và thứ 3, từ *lưng* mang nghĩa gốc, nghĩa đó là "bộ phận phía sau cơ thể".

4. Chọn một trong hai từ *ấm* hoặc *lạnh* và đặt câu để phân biệt các nghĩa của từ đó.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập (mỗi HS tự chọn 1 trong hai từ *ấm* hoặc *lạnh*).

– HS làm việc cá nhân, tự đặt câu với từ đã chọn theo các nghĩa mà SHS nêu (có thể viết vào vở hoặc giấy nháp,...).

– HS làm việc theo nhóm, từng bạn đọc các câu mà mình đặt để cả nhóm nhận xét, góp ý.

– GV đi các nhóm, ghi chép các câu văn hay, thể hiện đúng các nghĩa của từ đa nghĩa như yêu cầu của bài để chữa chung trước lớp; GV cũng có thể chữa bài riêng cho những em viết câu chưa đúng hoặc dùng từ đa nghĩa chưa đúng yêu cầu.

– GV mời một số HS đọc các câu mình đã đặt trước lớp.

TIẾT 3

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Tả một cảnh ao hồ, sông suối ở quê hương em hoặc ở nơi gia đình em sinh sống.

Đề 2: Tả một cảnh biển đảo em đã được thấy tận mắt hoặc xem trên phim ảnh.

1. Chuẩn bị.

– GV dành thời gian cho HS nêu những điều cần nhớ sau các tiết tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (bao gồm cả cách viết mở bài, kết bài) và luyện tập quan sát phong cảnh.

– GV mời HS đọc yêu cầu của đề bài. GV gợi ý HS suy nghĩ lựa chọn đề bài phù hợp với phong cảnh đã lựa chọn quan sát ở tiết học trước (nhưng cũng có thể chọn phong cảnh khác).

2. Lập dàn ý.

– HS làm việc cá nhân: Đọc thầm, đọc lướt gợi ý, hướng dẫn lập dàn ý (theo 3 phần của bài văn) trong SHS, dựa vào kết quả quan sát và những nội dung đã chuẩn bị để lập dàn ý.

– GV quan sát HS trong quá trình các em thực hiện yêu cầu của tiết học, VD: đọc dàn ý của một số HS để có cách hỗ trợ phù hợp.

3. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

– HS đọc soát dàn ý của mình (theo hướng dẫn của SHS), tự chỉnh sửa, bổ sung.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: đọc dàn ý của nhau và góp ý cho nhau. GV nhắc HS góp ý cho nhau về những cảnh vật được chọn để miêu tả, cách sắp xếp ý cho bài văn (trình tự miêu tả), những từ ngữ được chọn lựa để tả đặc điểm của phong cảnh,...

– GV có thể nhấn mạnh những điểm cần lưu ý để viết được bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc sách báo viết về núi, hang động, đại dương, các hành tinh trong hệ Mặt Trời,... hoặc hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi lửa phun trào, lốc xoáy, mưa đá,...).*

– GV nêu ý nghĩa của hoạt động Vận dụng: mở rộng kiến thức về thế giới tự nhiên.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 13:

Đọc – hiểu: *Mầm non.*

Luyện từ và câu: Từ đa nghĩa.

Viết: Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh.

– GV hỏi HS cần làm gì sau khi học Bài 13.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 14.

Bài 14 NHỮNG NGỌN NÚI NÓNG RẪY (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Những ngọn núi nóng rẫy*. Biết đọc nhấn giọng ở những từ ngữ mang nội dung quan trọng của bài (từ khoá).

b. Nhận biết được các thông tin về núi lửa. Hiểu được sự hình thành của núi lửa. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản: Núi lửa là một hiện tượng tự nhiên vô cùng độc đáo và thú vị.

2. Biết cách viết các đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh (cách triển khai ý trong đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp so sánh,...) để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh.

3. Đọc mở rộng: Đọc văn bản thông tin về vật thể hoặc hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi, hang động, gió, mưa, động đất,...), viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về thông tin đã đọc.

4. Có ý thức quan sát, chú ý đến những hiện tượng tự nhiên quanh mình; có mong muốn trải nghiệm và khám phá thế giới xung quanh.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thông tin.

– Bài văn tả phong cảnh.

2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Những ngọn núi nóng rẫy* và tranh phần câu hỏi đọc hiểu.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể cho HS ôn bài cũ bằng cách mời 1 – 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ *Mầm non* và hỏi HS về chi tiết, hình ảnh mà HS thích nhất trong bài thơ.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm: Đọc to câu hỏi khởi động và thảo luận. (*Theo em, những ngọn núi trong SHS có gì đặc biệt?*).

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

+ HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

+ HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp. HS có thể trả lời bất cứ điều gì theo quan sát của các em (VD: Đều là những ngọn núi rất đẹp, đều là những ngọn núi lớn,...).

Lưu ý: Trong đáp án của HS cần có ý: Phần chóp của các ngọn núi đều có một phần lõm xuống trông giống như bị cắt mất đỉnh. GV cần dựa vào ý này để đặt tiếp câu hỏi: Các em đoán đây là núi gì? HS tiếp tục đoán tới khi đoán đúng đó là núi lửa.

– GV giới thiệu: Ba bức tranh này đều có hình ảnh trung tâm là núi, với phần chóp rất đặc biệt vì bị hõm xuống, không giống các ngọn núi thông thường. Chúng đều là núi lửa. Khi nghe đến núi lửa, chắc các em sẽ hình dung ra những quả núi đang phun trào dữ dội, gây sợ hãi cho những sinh vật sống xung quanh. Nhưng khi những quả núi lửa không còn hoạt động nữa, chúng trông thật đẹp và bình yên, ví dụ như hình ảnh trong những bức tranh các em vừa xem. Thậm chí, có những quả núi lửa còn trở thành điểm du lịch nổi tiếng của các quốc gia vì cảnh đẹp rất nên thơ và yên bình.

GV có thể chiếu (hoặc phóng to từng ảnh) cho HS xem và giới thiệu từng quả núi:

+ Bức tranh đầu tiên: Núi Phú Sĩ (Fuji) ở Nhật Bản. Đây là núi cao nhất Nhật Bản và cao thứ 7 thế giới. Núi lửa Phú Sĩ đã ngừng hoạt động. Lần phun trào cuối là vào năm 1707 – 1708. Núi Phú Sĩ được phủ tuyết trong khoảng 5 tháng mỗi năm, là biểu tượng của đất nước Nhật Bản, đồng thời là một danh thắng đặc biệt và một di tích lịch sử của Nhật Bản, đã được vào danh sách di sản thế giới của UNESCO.

+ Bức tranh thứ hai: Núi lửa Diamond Head (Đỉnh Kim Cương, hay còn có tên khác là Đỉnh Gió Hú) ở phía đông của bờ biển Waikiki, Hawaii, Hoa Kỳ. Đây là núi lửa đã ngừng hoạt động. Miệng núi lửa hình đĩa rộng, được hình thành khoảng 150 000 năm trước trong một lần phun trào duy nhất. Đến nay, núi lửa này trở thành điểm tham quan hấp dẫn vì phong cảnh rất đẹp.

+ Bức tranh thứ ba: Núi Bromo ở Indonesia. Đây là núi lửa vẫn còn hoạt động. Cảnh quan xung quanh núi hùng vĩ tuyệt đẹp nên ngọn núi này đã được công nhận là kì quan thiên nhiên thế giới mới. Xung quanh núi vẫn còn toả ra một lượng khí lưu huỳnh hơi khó chịu, nhưng vẫn thu hút rất nhiều khách du lịch đến tham quan.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. VD: Tranh vẽ nhiều loại núi lửa khác nhau (quả hình nón, quả hình tròn thoai thoải, quả dưới nước). GV nói thêm: tranh minh hoạ này rất hữu ích trong việc hỗ trợ HS tìm hiểu thông tin của bài đọc. Khi đọc bài đọc, các em cần chú ý quan sát tranh minh hoạ để hiểu rõ nội dung thông tin của bài.

GV giới thiệu bài đọc: Đây là một văn bản thông tin về núi lửa. Các em cùng đọc bài để biết sự hình thành của núi lửa được giải thích như thế nào.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả). GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp 2 đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *trong nước biển nữa*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến hết.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai, VD: *núi lửa, hình nón, nóng rẫy, thoai thoải, khổng lồ, nhảy nhót, nung chảy, lục bục, kẽ nứt, nóng chảy, ...*

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Để hiểu núi lửa hình thành ra sao,/ bạn cần biết/ Trái Đất được tạo bởi nhiều lớp khác nhau,/ y hệt một củ hành khổng lồ/ với nhiều lớp áo.; Vậy là/ nếu mặt đất tự nhiên nứt ra/ và từ kẽ nứt đó trào ra một thứ đá nóng chảy,/ thì chắc chắn là/ chúng ta đang thấy một quả núi lửa đấy; ...*

+ 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn.

– HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn, sau đó đổi lại thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV giải thích những từ ngữ khó:

+ *Nóng rẫy*: rất nóng, do nhiệt độ cao quá mức của lửa, điện,…

+ *Mác-ma*: đá nóng chảy trong lòng đất.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Những đặc điểm sau của núi lửa được miêu tả như thế nào (hình dáng, hoạt động, tiếng động, vị trí)?*

– GV mời 1 HS nêu câu hỏi và các gợi ý trong SHS.

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi (nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, cùng nhau tìm câu trả lời, thống nhất ý kiến).

– GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV thống nhất câu trả lời.

Đáp án:

Về hình dáng	Về hoạt động	Về tiếng động	Về vị trí
– Một số hình nón. – Một số hình tròn thoai thoải.	– Một số phun lửa. – Một số phun khói, khí, hoặc các đám mây tro.	– Một số nổ với tiếng động kinh hoàng. – Một số chỉ rít lên khe khẽ.	– Một số trên mặt đất. – Một số hoạt động ngầm trong nước biển.

Câu 2. *Vì sao Trái Đất được miêu tả "y hệt một củ hành khổng lồ"? Em nghĩ gì về hình ảnh đó?*

– GV nêu câu hỏi hoặc yêu cầu HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

– HS làm việc cá nhân; đọc thầm lại văn bản; tìm các chi tiết để trả lời câu hỏi.

– HS làm việc nhóm; từng HS phát biểu ý kiến trong nhóm; cả nhóm góp ý và bổ sung.

– Bầu 1 bạn phát biểu trước lớp.

– Làm việc cả lớp:

+ 2 – 3 HS phát biểu.

+ GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án: 1/ Vì cả Trái Đất và củ hành đều có đặc điểm cấu tạo gồm nhiều lớp khác nhau. 2/ (Ý này HS có thể trả lời tuỳ theo cảm nhận) VD: Củ hành là một sự vật quen thuộc, vì thế hình ảnh so sánh này rất sinh động, giúp hình dung ra cấu tạo các lớp của Trái Đất một cách dễ dàng.

Câu 3. *Lớp vỏ Trái Đất và mác-ma bên dưới được miêu tả như thế nào?*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc kĩ lại các chi tiết miêu tả lớp vỏ Trái Đất và mác-ma bên dưới lớp vỏ để tìm ý trả lời cho câu hỏi. Sau đó HS trao đổi và thống nhất ý kiến trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu.

– Cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).

– GV và cả lớp thống nhất đáp án.

Đáp án:

– Lớp vỏ Trái Đất: rất cứng, là nơi con người đi lại, nhảy nhót, có thể nứt ra.

– Mác-ma: đá nóng chảy, đặc quánh, giống như cháo đặc sôi lục bục ở nhiệt độ 700 – 1 300 độ C.

Câu 4. *Núi lửa được hình thành ra sao?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại văn bản để tìm những chi tiết giải thích sự hình thành của núi lửa. HS làm việc theo cặp, trao đổi ý kiến và thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp thống nhất đáp án.

Đáp án: Do nhiều nguyên nhân, mác-ma sôi sùng sục và len lên trên, xuyên qua kẽ nứt ở lớp vỏ và phun trào, tạo thành núi lửa.

Câu 5. *Trao đổi với bạn về các thông tin trong bài đọc theo gợi ý trong SHS.*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc nhóm. GV có thể hướng dẫn HS viết phiếu cho yêu cầu này (giống phiếu đọc sách).

– HS làm việc nhóm hoặc theo cặp: Từng HS nêu suy nghĩ để thực hiện yêu cầu theo gợi ý. Lần lượt từng HS nêu ý kiến, các HS khác góp ý, bổ sung.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp. GV khuyến khích HS chia sẻ càng nhiều càng tốt theo hiểu biết và cảm nhận riêng của mình.

– GV khen ngợi những HS có những chia sẻ hay, nhiều thông tin phong phú, biết diễn đạt rõ ràng, rành mạch.

Tham khảo đáp án dưới đây:

Thông tin em đã biết	**Thông tin mới đối với em**
– Núi lửa hình nón. – Núi lửa phun lửa. – Dưới lớp vỏ cứng của Trái Đất là mác-ma sôi sùng sục.	– Núi lửa hình tròn thoai thoải. – Một số núi lửa ngầm dưới nước. – Một số núi lửa phun lửa hoặc khói, khí và các đám mây tro. – Một số núi lửa chỉ rít khe khẽ.

Thông tin em thấy thú vị nhất	Thông tin em muốn biết thêm
Mác-ma giống như cháo đặc, sôi lục bục ở nhiệt độ 700 – 1 300 độ C.	Quá trình hoạt động của núi lửa: trước khi phun trào, trong khi phun trào và sau khi phun trào.

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện.

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: HS tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

– GV giới thiệu: Các bài tập phần này giúp HS mở rộng vốn từ về thiên nhiên (về các hiện tượng tự nhiên gây tác hại cho đời sống con người) và luyện tập về từ đa nghĩa. GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. GV nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học (làm việc cá nhân trước khi trao đổi, thống nhất câu trả lời trong nhóm hoặc lớp).

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Câu 1. *Tìm những từ ngữ chỉ hiện tượng tự nhiên có thể gây thiệt hại nặng nề cho đời sống con người. (M: động đất,...)*

Đáp án: động đất, lũ lụt, bão, lốc xoáy, sóng thần, mưa đá, sương muối, núi lửa phun,…

Câu 2. *Trong các cặp từ ngữ dưới đây, từ "quả" và từ "lửa" nào được dùng với nghĩa gốc, từ "quả" và từ "lửa" nào được dùng với nghĩa chuyển?*

a. quả núi – quả cam

b. núi lửa – ngọn lửa ước mơ

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của từ *quả* và từ *lửa* trong mỗi trường hợp. HS có thể tra từ điển.

Đáp án: Từ *quả* trong *quả núi* được dùng với nghĩa chuyển, còn *quả* trong *quả cam* được dùng với nghĩa gốc.

GV có thể giải thích thêm: Nghĩa gốc của từ *quả* là bộ phận của cây do bầu nhuỵ hoa phát triển thành, bên trong thường chứa hạt (quả cam). Còn từ *quả* trong *quả núi* đã chuyển nghĩa, dùng với nghĩa chỉ từng đơn vị những vật có hình giống như quả cây (quả cầu, quả đất, quả núi,…).

+ Từ *lửa* trong *phun lửa* được dùng với nghĩa gốc, còn *lửa* trong *ngọn lửa ước mơ* được dùng với nghĩa chuyển. Vì nghĩa gốc của từ *lửa* là "nhiệt và ánh sáng phát sinh đồng thời từ vật đang cháy" (phun lửa), còn *lửa* trong *ngọn lửa ước mơ* là trạng thái tinh thần, tình cảm sục sôi, mạnh mẽ (ước mơ mãnh liệt như ngọn lửa cháy).

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ PHONG CẢNH

Trước khi HS thực hiện các nhiệm vụ của tiết học, GV có thể cho HS nhớ lại kiểu bài văn miêu tả:

– Lớp 2 và lớp 3, được luyện viết đoạn văn tả đồ vật.

– Lớp 4, được luyện viết đoạn văn và bài văn tả con vật, tả cây cối.

– Lớp 5, được luyện viết đoạn văn, bài văn tả phong cảnh. (GV cho HS biết các em sẽ được luyện viết đoạn văn, bài văn tả người ở học kì II.)

GV gợi cho HS nhớ lại chuỗi bài học về viết văn tả phong cảnh: Trước khi viết đoạn văn tả phong cảnh, các em đã được tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tả từng bộ phận, từng vẻ đẹp của phong cảnh hoặc tả phong cảnh theo những thời điểm, thời gian khác nhau), được luyện viết mở bài, kết bài, được học cách quan sát phong cảnh, cách lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh. Hôm nay, các em được luyện viết đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh. Trong bài văn tả phong cảnh, ngoài đoạn mở bài và kết bài, phần thân bài có thể viết thành nhiều đoạn văn. Tiết Viết tiếp theo, các em sẽ viết một bài văn hoàn chỉnh.

1. Đọc các đoạn văn trong SHS và trả lời câu hỏi.

GV có thể tổ chức hoạt động học của HS theo các cách khác nhau sao cho có đủ thời gian để HS làm bài tập 2 (tập viết 1 đoạn văn tả phong cảnh). Cách thức tổ chức dưới đây chỉ là gợi ý.

a. Đoạn văn thứ nhất:

– GV mời 1 HS đọc đoạn văn trước lớp. (GV có thể sưu tầm và giới thiệu một số tranh minh hoạ về những dòng suối chảy trong khung cảnh rừng núi.)

– HS trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để chuẩn bị câu trả lời cho 3 câu hỏi trước khi phát biểu trước lớp.

Đáp án:

+ Đoạn văn miêu tả dòng suối nhỏ trong rừng trúc.

+ Tác giả quan sát và cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật bằng nhiều giác quan: mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi,...

+ Tác giả miêu tả cảnh vật theo trình tự không gian.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời 3 câu hỏi trước lớp. GV mời 1 – 2 HS nêu những chi tiết yêu thích trong đoạn văn.

b. Đoạn văn thứ 2:

– HS làm việc theo nhóm: Từng em đọc thầm đoạn văn rồi viết vắn tắt câu trả lời ra giấy. Sau đó, nhóm trưởng mời các thành viên trong nhóm trả lời câu hỏi dưới đoạn văn. Cả nhóm nhận xét, góp ý, thống nhất câu trả lời.

Đáp án:

+ Câu chủ đề: Câu mở đầu đoạn (*Biển luôn thay đổi màu tuỳ theo sắc mây trời.*)

+ Tác giả quan sát biển trời vào những ngày/ vào những lúc thời tiết khác nhau.

+ Những câu văn có chứa hình ảnh so sánh, nhân hoá:

Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu, giận dữ,…	Nhân hoá
Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng.	So sánh và nhân hoá

+ Tác dụng của việc sử dụng biện pháp so sánh và nhân hoá:

– GV mời 1 – 2 HS phát biểu ý kiến.

– GV khích lệ HS phát biểu ý kiến: Em học được những gì về cách tả phong cảnh qua các đoạn văn vừa tìm hiểu?

2. Dựa vào kết quả quan sát phong cảnh ở Bài 12 và dàn ý đã lập ở Bài 13, viết đoạn văn tả một đặc điểm nổi bật của cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo.

– GV nhắc HS: 2 đoạn văn ở bài 1 đều là cảnh sông nước, các em có thể học tập để viết đoạn văn tả phong cảnh mình lựa chọn.

– HS làm bài cá nhân theo yêu cầu.

– GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời. VD:

+ Hỗ trợ những em còn hạn chế về kĩ năng viết (kĩ năng tìm ý, kĩ năng dùng từ, viết câu,...).

+ Hỗ trợ, khích lệ những em có năng lực, phát huy khả năng sáng tạo trong việc lựa chọn từ ngữ làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh,…

– GV đọc lướt bài làm của HS, có thể góp ý để các em có thể sửa chữa; dự kiến mời một số em đọc bài trước lớp, cả lớp nhận xét.

– GV mời một số HS đọc đoạn văn của mình trước lớp (nếu có thời gian).

– GV và cả lớp nhận xét, khen ngợi các đoạn văn tả được đặc điểm nổi bật của phong cảnh, biết cách quan sát, phát hiện đặc điểm của phong cảnh hoặc viết được câu văn hay, từ dùng độc đáo,...

– GV mời HS nêu những điều cần nhớ khi viết đoạn văn tả phong cảnh.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc phiếu đọc sách trong SHS.

– GV hướng dẫn HS quan sát phiếu đọc sách và trả lời câu hỏi: Bạn Châu Anh đã ghi chép những gì trong phiếu đọc sách? (Ngày đọc; tên sách; các thông tin cơ bản, thông tin nổi bật, thú vị; cảm nhận chung về bài đọc.)

– HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm đôi:

+ Cá nhân đọc phiếu đọc sách và suy nghĩ về câu hỏi của GV đưa ra.

+ Thảo luận với bạn về nội dung thông tin cần đưa vào phiếu đọc sách.

2. Đọc sách báo về núi, hang động, đại dương, các hành tinh trong hệ Mặt Trời,... hoặc hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi lửa phun trào, lốc xoáy, mưa đá,...).

HS đọc sách báo theo yêu cầu.

3. Viết phiếu đọc sách và dựa vào đó chia sẻ với các bạn những thông tin mà em đọc được.

– GV hướng dẫn HS viết phiếu đọc sách, khuyến khích các em thiết kế các mẫu phiếu theo sự sáng tạo của từng em.

– GV định hướng HS trao đổi, chia sẻ với bạn những thông tin đã đọc được.

– Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin bạn chia sẻ.

– GV tổng kết tiết học, khen ngợi HS đọc được nhiều thông tin thú vị, chia sẻ nhiều thông tin bổ ích; động viên HS nói tự tin trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn học sinh thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng:

1/ Sưu tầm tranh ảnh về những địa điểm du lịch được hình thành từ núi lửa.

2/ Trao đổi với người thân về những ngọn núi lửa nổi tiếng trên thế giới.

– GV nhắc học sinh tìm thêm sách báo để đọc và giới thiệu cho nhau những sách báo tìm được về núi lửa.

CỦNG CỐ

– GV tổng kết giờ học và khen ngợi các HS đã tham gia tích cực vào bài học.

– GV có thể nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học hoặc đề nghị HS nói lại những điều HS đã rút ra để viết được một đoạn văn miêu tả phong cảnh hay.

– GV chốt lại hôm nay HS đã được:

Đọc – hiểu: *Những ngọn núi nóng rẫy.*

Viết: Viết đoạn văn tả phong cảnh.

Đọc mở rộng: Đọc sách báo về núi, hang động, đại dương, các hành tinh trong hệ Mặt Trời,... hoặc hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi lửa phun trào, lốc xoáy, mưa đá,...); viết phiếu đọc sách và dựa vào đó chia sẻ với các bạn những thông tin mà em đọc được.

– GV dặn dò HS:

+ Về nhà sưu tầm tranh ảnh và trao đổi với người thân về những ngọn núi lửa nổi tiếng thế giới.

TUẦN 8

BÀI 15 BÀI CA VỀ MẶT TRỜI (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bài ca về mặt trời*. Biết đọc diễn cảm các đoạn chứa nhiều từ ngữ gợi tả, gợi cảm và thể hiện tâm lí, cảm xúc của nhân vật.

b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và suy nghĩ của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cần biết rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình.

2. Ghi nhớ kiến thức về từ đa nghĩa.

3. Viết được bài văn tả phong cảnh.

4. Biết cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, biết thể hiện cảm xúc bằng lời, biết chia sẻ cảm xúc với những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ, hành động và lời nói của nhân vật).

– Từ đa nghĩa.

– Văn tả cảnh.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Bài ca về mặt trời*.

– Phiếu bài tập Luyện từ và câu (nếu cần).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Những ngọn núi nóng rẫy* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của phần khởi động. (*Chia sẻ với bạn suy nghĩ, cảm xúc của em về cảnh mặt trời mọc hoặc mặt trời lặn.*) GV có thể cho HS xem các tranh ảnh hoặc clip về cảnh mặt trời mọc, mặt trời lặn.

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm, từng cá nhân nêu ý kiến của mình. Các HS khác góp ý, hoặc đặt câu hỏi để làm rõ hơn về cảnh mặt trời mọc hoặc mặt trời lặn mà bạn nói đến (VD: Ở đâu? Bao giờ? Với ai? Mặt trời trông như thế nào? Khung cảnh xung quanh trông như thế nào?).

+ 2 – 3 HS phát biểu ý kiến trước lớp. GV khen ngợi những HS trình bày rõ ràng, tự tin và hấp dẫn.

– GV mời HS quan sát và nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. (VD: Tranh thể hiện khung cảnh ở trong một sân vườn. Một cậu bé đang dang tay hướng về phía mặt trời. Đây có lẽ là cảnh mặt trời mọc. Mặt trời đỏ ối, rất lớn đang chiếm lĩnh bầu trời. Tất cả đều trở nên đẹp hơn trong khung cảnh bình minh.)

– GV giới thiệu khái quát bài đọc *Bài ca về mặt trời* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài *Bài ca về mặt trời*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu bạn nhỏ trong câu chuyện đã cảm thấy thế nào khi chứng kiến cảnh mặt trời mọc.).

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật. VD: *cái gì vậy, rõ ràng là, từ bao giờ; chắc là, bỗng,...*).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *mỏng, màu sữa, bồng, lè tè, xanh thẫm, vành mũ, chiếm lĩnh,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa/ bay la đà trên những khóm cây quanh vườn,/ trùm lấp một khoảng sân;...*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp (đoạn 1: từ đầu đến *không thể cùng trông thấy được;* đoạn 2: tiếp theo đến *nhích dần lên;* đoạn 3: còn lại).

– HS làm việc nhóm (3 HS/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Đàn chim sẻ làm gì khiến nhân vật "tôi" chú ý? Nhân vật "tôi" nghĩ gì về chuyện đó?*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc kĩ lại đoạn đầu tiên trong bài đọc, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– HS và GV thống nhất đáp án.

Đáp án: 1/ Nhân vật "tôi" chú ý đến những chú chim sẻ đang thi nhau cất tiếng hót trên những ngọn cau cao, tiếng chim khi bổng khi trầm làm xôn xao không gian. 2/ Nhân vật "tôi" nghĩ đàn chim sẻ hót xôn xao như vậy vì đang trông thấy một điều gì đó mà nhân vật "tôi" ở thấp quá chưa nhìn ra được.

Câu 2. *Cảnh mặt trời mọc được miêu tả như thế nào?*

– GV nêu câu hỏi (hoặc nhắc HS đọc câu hỏi).

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc lướt lại văn bản, tìm các chi tiết tả cảnh mặt trời mọc. GV nhắc HS chú ý cách tác giả dùng từ ngữ, hình ảnh để miêu tả mặt trời; cách tác giả miêu tả không gian xung quanh (bối cảnh làm nền cho mặt trời mọc). HS trao đổi ý kiến trong nhóm và thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu trước lớp. GV chốt đáp án.

Đáp án: Đầu tiên, mặt trời nhô lên sau vòm cây xanh thẫm như một vành mũ màu đỏ. Chiếc mũ đỏ to lớn nhô dần lên trên nền trời. Cuối cùng mặt trời bay lên khỏi vòm cây, to và đỏ giống như một chiếc mâm đồng. Vầng mặt trời bay từ từ chiếm lĩnh nền trời xa, rộng.

Câu 3. *Vì sao nhân vật "tôi" liên tưởng mặt trời như chiếc mũ đỏ rồi lại như chiếc mâm đồng đỏ?*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại văn bản để tìm các chi tiết so sánh mặt trời như chiếc mũ đỏ và như chiếc mâm đồng đỏ để chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– GV chốt đáp án.

Đáp án: Bạn nhỏ thay đổi hình ảnh so sánh vì hình dáng của mặt trời thay đổi khi nhô dần lên trên bầu trời. Ban đầu, mặt trời chỉ ló một nửa ra khỏi vòm cây, giống nửa vành mũ đội đầu (đều là nửa hình tròn). Bạn nhỏ có lẽ cũng tưởng tượng có ai đó đang trốn sau vòm cây và chỉ ló mỗi vành mũ lên, bạn nhỏ hồi hộp chờ đợi ai là người đội chiếc mũ đó. Khi nhô lên cao, mặt trời mới hiện ra đầy đủ, tròn đầy và to rõ, giống như một chiếc mâm màu đỏ.

– GV nói thêm: việc thay đổi hình ảnh so sánh cho thấy bạn nhỏ quan sát rất kĩ và có những cảm nhận tinh tế về cảnh mặt trời mọc.

Câu 4. *Khi phát hiện ra vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật "tôi" như thế nào? Em suy nghĩ gì về bài hát của nhân vật "tôi"?*

– GV nêu câu hỏi hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi để tìm câu trả lời.

– GV hướng dẫn HS đọc lại bài đọc để tìm những chi tiết thể hiện cảm xúc của nhân vật "tôi" khi phát hiện ra vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ.

– HS trao đổi trong nhóm và thống nhất đáp án.

– 2 – 3 đại diện HS phát biểu trước lớp.

– GV khen ngợi những HS có ý kiến hay, trình bày rõ ràng, rành mạch.

Đáp án: 1/ Khi phát hiện ra vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật "tôi" dâng trào, chứa chan. Cảm xúc đó lớn tới mức nhân vật "tôi" sáng tác được một bài hát, cảm xúc dâng trào thành nhạc. 2/ Ý kiến về bài hát: Đây là câu hỏi mở, HS có thể thoải mái trả lời theo cảm nhận của mình. VD: bài hát rất đáng yêu, có những tưởng tượng rất hay như mặt trời tắm biển cả đêm mà không nguội, buổi sáng vẫn sáng lên rực rỡ, đỏ chói,...

Câu 5. *Khi đọc đoạn văn tả mặt trời mọc, có hai bạn nhỏ đã nêu ý kiến như trong SHS. Em thích ý kiến của bạn nào hoặc có ý kiến nào khác? Vì sao?*

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và 2 HS đọc 2 đoạn văn.

– GV có thể nêu một số câu hỏi gợi ý trước khi yêu cầu HS trả lời câu hỏi chính. (VD: Mỗi đoạn văn trên so sánh cảnh mặt trời mọc với điều gì? Mỗi đoạn giải thích hình ảnh so sánh đó ra sao?) Sau đó, GV hướng dẫn HS làm việc.

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại hai đoạn văn. HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, phát biểu ý kiến cá nhân và trao đổi, góp ý, nhận xét. GV lưu ý HS: đây là câu hỏi mở, HS có thể thoải mái chia sẻ cảm nhận của mình.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

– GV khen ngợi những HS nêu ý kiến hay, thuyết phục.

– Nếu còn thời gian và HS học tốt, GV có thể đặt thêm câu hỏi: "Trong cảm nhận của em, mặt trời giống với cái gì?". HS thoải mái tưởng tượng để so sánh mặt trời với các sự vật xung quanh. GV cũng có thể cho HS xem lại tranh ảnh mặt trời để HS dễ liên

tưởng hơn. GV gợi ý HS: mặt trời xuất hiện trên bầu trời với kích thước, màu sắc,... khác nhau theo những thời điểm trong ngày. HS có thể liên tưởng đến mặt trời ở một thời điểm cụ thể nào đó để dễ so sánh hơn. HS cũng có thể giải thích vì sao lại có ý kiến đó. VD: Vào buổi bình minh, mặt trời giống một quả bóng bay màu đỏ (vì mặt trời tròn, đỏ, ít quầng nắng nên giống quả bóng, càng lúc lại càng lên cao cũng giống quả bóng); khi lên cao tít, mặt trời giống một đốm lửa (vì mặt trời lúc đó nhỏ thôi nhưng màu đỏ hoặc cam, gay gắt, và có những quầng nắng xung quanh rất chói mắt, giống lửa,...);...

– GV khen ngợi những HS tích cực tham gia tìm hiểu bài.

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA

1. Nêu nghĩa của từ *hạt* trong mỗi đoạn thơ trong SHS. Từ *hạt* trong đoạn thơ nào được dùng với nghĩa gốc?

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh của bài tập 1, 1 HS khác đọc 2 đoạn thơ chứa từ *hạt*.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

HS đọc lại 2 đoạn thơ, chú ý đặc biệt đến từ *hạt* ở mỗi đoạn và xác định nghĩa của từ *hạt* trong đoạn thơ đó. Sau khi xác định được nghĩa của từ *hạt* ở các câu thành ngữ, xác định xem trong số các nghĩa đó, nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

a. Từ *hạt* chỉ bộ phận nằm trong quả, có thể nảy mầm thành cây con. Đây là nghĩa gốc.

b. Từ *hạt* chỉ lượng nhỏ chất lỏng có hình giống như hạt của quả. Đây là nghĩa chuyển.

2. Trong hai đoạn thơ trong SHS, từ *chân* được dùng với các nghĩa nào? Các nghĩa đó có gì giống và khác nhau?

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2, yêu cầu 1 – 2 HS đọc bài thơ.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS đọc lại mỗi từ *chân* trong các đoạn thơ và xác định nghĩa của mỗi từ đó. Sau khi xác định nghĩa của mỗi từ *chân*, suy nghĩ xem các nghĩa

đó có quan hệ với nhau như thế nào. HS viết nghĩa của từ ra vở hoặc giấy nháp.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả:

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

Ba từ *chân* trong đoạn a được dùng với nghĩa chuyển, chỉ phần dưới cùng của một vật (cái com-pa, cái gậy, cái kiềng) để đỡ vật đó có thể đứng được.

Từ *chân* trong đoạn b được dùng với nghĩa gốc, chỉ phần dưới cùng của cơ thể người, có chức năng di chuyển (bước).

3. Đặt câu để phân biệt các nghĩa của mỗi từ: *mũi, cao.*

– HS làm việc cá nhân, tự đặt câu với hai từ theo các nghĩa mà SHS nêu (có thể viết vào vở hoặc giấy nháp,...).

– HS làm việc theo nhóm, từng bạn đọc các câu mà mình đặt để cả nhóm nhận xét, góp ý.

– GV đi các nhóm, ghi chép các câu hay, thể hiện đúng các nghĩa của hai từ đa nghĩa *mũi* và *cao* như yêu cầu của bài để chữa chung trước lớp; GV cũng có thể chữa bài riêng cho những em viết câu chưa đúng hoặc dùng từ đa nghĩa chưa đúng yêu cầu.

– GV mời một số HS đọc các câu HS đã đặt trước lớp.

Lưu ý: Đây là dạng bài tập mở và khó. HS phải viết được câu hay, phân biệt được các nghĩa của từ đa nghĩa đó. GV cần khích lệ HS cố gắng. Nếu HS chưa phân biệt được các nghĩa của từ đa nghĩa qua câu đã đặt thì gợi ý thêm để giúp học sinh đặt câu cho phù hợp hơn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Tả một cảnh ao hồ, sông suối ở quê hương em hoặc ở nơi gia đình em sinh sống.

Đề 2: Tả một cảnh biển đảo em đã được thấy tận mắt hoặc xem trên phim ảnh.

1. Chuẩn bị.

– GV mời HS đọc lại đề bài văn tả phong cảnh (gồm 2 đề để lựa chọn).

– GV nhắc HS:

+ Đọc lại dàn ý đã lập (có thể chỉnh sửa hoặc bổ sung chi tiết cho nội dung phong phú hơn hoặc điều chỉnh trình tự miêu tả, nếu muốn).

+ Đọc những điều lưu ý và ví dụ trong SHS.

+ Dự kiến viết những câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá, so sánh khi tả phong cảnh.

– GV nhắc HS tập trung làm bài để có thời gian đọc soát bài văn.

2. Viết.

– HS làm bài cá nhân: viết bài dựa vào dàn ý (đảm bảo bài văn có đủ 3 phần), chú ý viết câu văn sử dụng những từ ngữ gợi tả (VD: những tính từ gợi hình ảnh, âm thanh, màu sắc,… gây ấn tượng mạnh), sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá,…

– GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em có những hạn chế về kĩ năng viết. GV ghi chép ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hay một số HS điển hình.

3. Đọc soát và chỉnh sửa.

– HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi (về bố cục, trình tự sắp xếp ý, cách dùng từ, viết câu,…).

– HS sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa (nếu có).

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng:

1/ Đọc bài văn của em cho người thân nghe và tiếp thu góp ý.

HS đọc bài văn tả cảnh của mình cho người thân nghe và lắng nghe các ý kiến góp ý; có thể trao đổi với người thân để hiểu rõ hơn các góp ý hoặc để người thân hiểu rõ những yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.

2/ Tìm đọc đoạn văn, bài văn tả cảnh miền núi, trung du, đồng bằng,... và chép lại những câu văn hay.

HS tìm đọc đoạn văn, bài văn tả cảnh miền núi, trung du, đồng bằng,… và ghi chép câu văn, đoạn văn hay để học tập cách tả phong cảnh.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 15:

Đọc – hiểu: *Bài ca về mặt trời.*

Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đa nghĩa.

Viết: Viết bài văn tả phong cảnh.

– GV có thể hỏi HS về những nội dung cụ thể đã học ở Bài 15.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 16.

BÀI 16 XIN CHÀO, XA-HA-RA (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Xin chào, Xa-ha-ra*. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

   b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Thiên nhiên xung quanh ta vô cùng kì diệu và có vô vàn điều thú vị để khám phá.
2. Biết đánh giá và chỉnh sửa bài văn tả phong cảnh.
3. Giới thiệu được một cảnh đẹp thiên nhiên của nước ta.
4. Biết yêu thiên nhiên và trân trọng các sự vật thuộc về tự nhiên, có ý thức tìm tòi thông tin để hiểu biết về thiên nhiên, có mong muốn được khám phá, trải nghiệm những điều thú vị của thiên nhiên, biết tự hào về danh lam thắng cảnh của đất nước.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự.

– Bài văn tả phong cảnh.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc (có thể chiếu trên màn hình, nếu có), tranh ảnh về sa mạc.

– Tranh ảnh, clip minh hoạ về những cảnh đẹp của đất nước như Cao nguyên đá Đồng Văn (Tuyên Quang), vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), động Phong Nha – Kẻ Bàng và hang Sơn Đoòng (Quảng Trị), đảo Ngọc – Phú Quốc (An Giang),...

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

Nêu tên bài đọc trước (*Bài ca về mặt trời*) và nêu cảm nghĩ của em về một chi tiết em thích trong bài đọc.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm, trao đổi hoạt động khởi động: *Trao đổi với bạn những điều em biết về sa mạc (thời tiết, cảnh vật, con vật, cây cối,...).*

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (2 – 3 em) nói trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý. GV có thể tổng kết phần khởi động bằng cách cho HS xem tranh ảnh, clip về sa mạc.

– GV mời HS tả tranh minh hoạ bài đọc (VD: Tranh vẽ cảnh sa mạc mênh mông cát phủ, bầu trời xanh biếc, một đoàn lạc đà chở người nối thành hàng dài đi dưới ánh nắng chói chang.).

– GV dẫn sang bài đọc *Xin chào, Xa-ha-ra* (VD: Bài đọc hôm nay nói về chuyến du lịch đến một sa mạc rất nổi tiếng trên thế giới. Các em cùng đọc bài xem đó là sa mạc nào, và ở sa mạc đó có những gì thú vị.).

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu khi đọc những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *Át-lát, viễn tưởng, đỏ quạch, rải lửa, lộm cộm, mỏng manh, ẩm ướt, trèo lên, đứng bồng dậy, lừng lững, cát lún, lồng lộng, túp lều, tận hưởng, hừng, nắng non, lóng lánh,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Cát sa mạc mịn như bột/ và mỏng manh như gió bụi,/ không to như cát Phan Thiết/ hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn.; Mọi người nằm kềnh ra những tấm chiếu dạ trải trên cát/ để ngắm sao,/ tận hưởng đêm duy nhất/ giữa sa mạc mênh mông.;...*

+ Đọc diễn cảm ở các câu là lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc câu chứa từ ngữ gợi tả cảm xúc của nhân vật.

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *Xin chào, Xa-ha-ra.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *vô địch.*

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến *mênh mông.*

+ Đoạn 4: Còn lại.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm 4: Mỗi HS đọc một đoạn (nối tiếp 4 đoạn), sau đó đổi lại thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 4 HS đọc nối tiếp xen kẽ 4 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó:

+ *Quành*: vòng ngược lại hoặc rẽ sang một bên.

+ *Túp lều du mục*: lều của những người không cố định nơi ở, họ di chuyển nhiều nơi để thuận lợi cho việc chăn nuôi súc vật.

+ *Cồn cát*: dải cát lớn nổi lên thành dãy.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Tìm những chi tiết miêu tả sự khắc nghiệt của thiên nhiên trên con đường dẫn đến sa mạc Xa-ha-ra và ở sa mạc Xa-ha-ra.*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi.

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án.

Đáp án:

– Trên đường đến Xa-ha-ra: Những rặng đá xám xỉn màu rồi ngả sang đen rám hoặc đỏ quạch; bốn bề giống như Sao Hoả, không gian như phim khoa học viễn tưởng.

→ Ý chỉ không gian khắc nghiệt, giống như không có sự sống.

– Ở Xa-ha-ra: Nắng như rải lửa, nắng sấy tóc của mọi người giòn tan.

→ Thời tiết khắc nghiệt.

Câu 2. *Nhân vật "tôi" có cảm xúc gì khi được đến Xa-ha-ra? Cảm xúc đó được thể hiện ra sao?*

– GV nêu yêu cầu (hoặc mời 1 HS đọc yêu cầu).

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị ý để trình bày.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó phát biểu trong nhóm. Nhóm bầu 1 bạn phát biểu tốt nhất.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện theo chỉ dẫn các bước.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những HS trình bày tốt, đúng yêu cầu.

Đáp án:

1/ Nhân vật "tôi" phấn khích khi được đến Xa-ha-ra vì đây là sa mạc lớn nhất châu Phi, một trong những nơi hoang vu nhất địa cầu.

2/ Sự phấn khích thể hiện ở chi tiết nhân vật "tôi" quên cả nắng nóng vì bận thì thầm chào Xa-ha-ra, nhân vật "tôi" cảm nhận giấc mơ đã thành sự thật vì có thể giẫm lên cát, sờ vào cát, cảm nhận cát khác biệt như thế nào với những nơi nhân vật "tôi" đã biết,...

Câu 3. *Những điều đặc biệt ở Xa-ha-ra được miêu tả thế nào (thời tiết, cát, lạc đà, bình minh)?*

– GV mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi và các gợi ý trong SHS.

– GV hướng dẫn cách thức thực hiện:

+ Cách 1: Làm việc nhóm (3 em/ nhóm), mỗi em sẽ tìm hiểu thông tin về một trong các gợi ý của SHS (thời tiết, cát, lạc đà, cảnh bình minh) rồi phát biểu trong nhóm; các bạn trong nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau để thống nhất đáp án.

+ Cách 2: HS suy nghĩ cá nhân, tìm thông tin trả lời cho cả 4 gợi ý, rồi lần lượt từng HS phát biểu trong nhóm; cả nhóm nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp; cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

Thời tiết	Cát	Lạc đà	Cảnh bình minh
Nhiệt độ chênh lệch rất lớn giữa ngày và đêm (ngày nắng nóng như rải lửa, đêm rất mát, thậm chí rất lạnh).	Mịn, khô và rất nhỏ (mịn như bột và mỏng manh như gió bụi, không to như cát Phan Thiết hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn).	Cao lớn, chạy rất nhanh (cao lừng lững, vô địch về chạy trên cát lún).	Rất đẹp (những cồn cát óng vàng vây quanh những căn lều vuông vắn, bầu trời nhu nhú ánh bình minh rồi rải nắng non lóng lánh lên những hạt cát mịn).

Câu 4. *Theo em, chi tiết đoàn khách du lịch muốn nằm ngoài trời để ngắm sao cho thấy cảm xúc gì của họ?*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV khuyến khích HS nêu ý kiến theo cảm nhận riêng của mình.

– HS trao đổi trong nhóm, cặp và nhận xét, góp ý cho nhau.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp góp ý, trao đổi. GV khen ngợi những HS nêu ý kiến hay.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những HS có cách trình bày hay, sinh động.

Đáp án: Cảm xúc của đoàn khách du lịch: Sung sướng, háo hức, muốn tận hưởng thiên nhiên, tận hưởng thời gian quý giá, không muốn bỏ lỡ bất cứ điều gì của thiên nhiên xung quanh,...

Câu 5. *Câu cuối bài đọc cho biết điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.*

A. Thiên nhiên quá hùng vĩ, con người quá bé nhỏ.

B. Ở một nơi kì vĩ như Xa-ha-ra, con người chỉ cần chú ý đến cảnh sắc thiên nhiên.

C. Thiên nhiên giúp xoá nhoà khoảng cách giữa người với người.

– GV nêu câu hỏi hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi để tìm câu trả lời. GV lưu ý HS: Đây là câu hỏi mở, HS có thể lựa chọn một phương án cho trước hoặc nêu ý kiến riêng của mình. GV khuyến khích HS chủ động, tự tin nêu ý kiến.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

+ Bước 1: Làm việc cá nhân

• Đọc lướt lại văn bản và đọc kĩ câu cuối cùng của bài đọc.

• Đọc thầm các phương án lựa chọn. Chọn một phương án phù hợp, hoặc suy nghĩ một phương án trả lời khác.

+ Bước 2: Làm việc nhóm

• Từng HS phát biểu ý kiến về câu hỏi trên.

• Cả nhóm góp ý, nhận xét.

• Bầu một bạn phát biểu trước lớp.

+ Bước 3: Làm việc cả lớp

• 2 – 3 HS phát biểu.

• GV và cả lớp nhận xét.

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc lại bài đọc:

– Làm việc chung cả lớp (4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp, góp ý cho nhau.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

GV giới thiệu: Các bài luyện tập theo văn bản đọc sẽ giúp các em mở rộng vốn từ về sa mạc và luyện từ và câu dựa trên các từ ngữ, câu được trích trong văn bản đọc.

Câu 1. *Tìm trong và ngoài bài đọc những từ ngữ chỉ đặc điểm của sa mạc và những từ ngữ có nghĩa trái ngược với chúng. (M: hoang vu – sầm uất)*

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và ví dụ trong SHS. GV có thể cho HS xem một số hình ảnh hoặc clip về sa mạc để giúp HS huy động vốn từ.

– GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm, HS chuẩn bị câu trả lời cá nhân và nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét.

– Đại diện 3 – 4 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và tổng hợp đáp án. GV có thể ghi các từ ngữ HS tìm được lên bảng.

VD: mênh mông – nhỏ bé (chật hẹp,...)

nóng bức – mát lạnh

khô – ẩm (ướt)

khô cằn – màu mỡ

mịn màng – gồ ghề

hùng vĩ – nhỏ nhoi

Câu 2. *Từ "tối" và từ "lạnh" trong câu "Trời tối dần, lạ thay, trời rất mát, thậm chí rất lạnh." được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?*

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 2. Sau đó hướng dẫn HS cách làm bài tập theo các bước:

1/ HS đọc kĩ câu đã cho, xác định từ cần tra nghĩa.

2/ HS tra từ điển lần lượt nghĩa của từng từ, xác định nghĩa nào tương ứng với nghĩa được dùng trong câu văn.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu phương án đã được bầu chọn trong nhóm. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

Đáp án:

1/ Từ *tối* và *lạnh* được dùng trong câu với nghĩa gốc.

– Nếu có thời gian, GV có thể mở rộng yêu cầu (Tìm thêm nghĩa khác của mỗi từ).

+ HS tra từ điển để tìm thêm nghĩa khác của mỗi từ, sau đó nêu kết quả làm việc trong nhóm.

VD:

Tối: màu sẫm, không tươi sáng (*Bức tranh màu rất tối.*).

Lạnh: tỏ ra không có chút tình cảm gì trong quan hệ giữa người với người (*Giọng nói của nó cứ lạnh như không.*).

+ Cả nhóm góp ý, nhận xét

Câu 3. *Đặt câu chứa từ "thổi" mang mỗi nghĩa dưới đây:*

a. Chúm miệng lại và làm cho luồng hơi bật mạnh từ trong miệng ra.

b. (Không khí) chuyển động thành luồng và gây ra tác động nhất định.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và hai nghĩa của từ "thổi".

– GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm, HS đọc thầm lại hai nghĩa của từ "thổi", chuẩn bị câu trả lời cá nhân và nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét.

– Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV khen ngợi các HS đặt được những câu hay, sinh động.

Đáp án tham khảo:

a. Chỉ cần chụm miệng thổi vào đầu chiếc que thần kì, một chùm bong bóng tròn xoe, lấp lánh sẽ bay ra, lơ lửng, lơ lửng.

b. Gió thổi qua những kẽ lá làm lá cây rung lên xào xạc.

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

1. Đánh giá kết quả làm bài.

– GV có thể thực hiện theo gợi ý dưới đây:

+ Dựa trên kết quả quan sát từ tiết viết bài văn (Bài 15) và việc đọc bài làm của HS, nêu ý kiến nhận xét chung về kết quả bài làm văn tả phong cảnh của cả lớp (có thể theo các tiêu chí đánh giá nêu trong SHS); chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hay một số HS tiêu biểu.

+ Khen ngợi những HS viết được bài văn hoặc đoạn văn, câu văn hay và mời các em HS đó đọc bài văn, đoạn văn hay câu văn hay, thể hiện sự sáng tạo, cuốn hút người đọc.

+ Nhận xét, động viên, khích lệ những em có tiến bộ, có nhiều cố gắng,...

– HS đọc lại bài của mình và nhận xét của thầy cô, tự đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài văn đã viết. HS có thể tự đánh giá bài làm của mình trước lớp và nêu phương án chỉnh sửa.

– GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo góp ý và phấn đấu bài làm sau sẽ tốt hơn.

2. HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài làm.

– Đọc bài của bạn (đặc biệt là những bài được thầy cô khen).

– Đọc những câu văn hay, đoạn văn hay trong SHS để học tập cách tả phong cảnh (cảnh sông nước).

– Viết lại những câu văn, đoạn văn em muốn sửa cho hay hơn.

– GV có thể mời một số HS đọc câu văn, đoạn văn mình đã chỉnh sửa, viết lại. Cả lớp nhận xét, góp ý; GV có thể chỉnh sửa thêm và động viên, khích lệ HS.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

CẢNH ĐẸP THIÊN NHIÊN

Yêu cầu: Giới thiệu một cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước ta.

1. Chuẩn bị.

Bước 1 và 2. Tìm hiểu xem Việt Nam có những thắng cảnh (cảnh đẹp) nào nổi bật. Ghi chép những thông tin quan trọng.

– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu trong SHS, đặc biệt là các gợi ý.

– GV hỏi: Ngoài các cảnh đẹp đã được nêu trong SHS, các em còn biết thêm những cảnh đẹp nào? (Thác bản Giốc (Cao Bằng), Tam Cốc – Bích Động (Ninh Bình), biển Thiên Cầm (Hà Tĩnh), núi Ngũ Hành Sơn (thành phố Đà Nẵng), Gành Đá Đĩa (Đắk Lắk), biển Mũi Né (Lâm Đồng),...)

– GV cho HS làm việc nhóm, với các nhiệm vụ:

+ Tìm trên internet hoặc sách báo (đã chuẩn bị trước) về thắng cảnh mình chọn.

+ Ghi chép các thông tin quan trọng, cùng chọn lọc và bổ sung thông tin. (Có thể cả nhóm cùng chọn một cảnh đẹp và làm chung, có thể mỗi cá nhân chọn riêng.)

Bước 3. Lập dàn ý cho bài giới thiệu.

– GV cho HS làm việc nhóm với nhiệm vụ:

+ HS tham khảo dàn ý ở bài tập 2. Đọc kĩ các hướng dẫn.

+ Cả nhóm có thể cùng lập 1 dàn ý theo 3 mục: mở đầu, triển khai, kết thúc, hoặc mỗi cá nhân lập một dàn ý riêng.

– Các cá nhân trong nhóm lần lượt trình bày bài giới thiệu trước cả nhóm. GV lưu ý HS: Từ một dàn ý, các em có thể triển khai bài nói một cách khác nhau, thêm vào các từ ngữ chêm xen, đưa đẩy cho mềm mại.

2. Trình bày.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc phần trình bày, 1 – 2 HS đọc phần *Em có thể*.

– GV lưu ý HS cách trình bày: Nên sử dụng tranh ảnh hoặc clip hỗ trợ để bài nói được sinh động; giọng nói cũng phải thể hiện được niềm tự hào và say mê.

– GV mời đại diện các nhóm lên trình bày bài giới thiệu trước lớp.

– HS lắng nghe, ghi chép, nêu ý kiến góp ý hoặc bổ sung.

– GV nhận xét, khen ngợi những bài giới thiệu tốt: Bài nói thể hiện được những nét đặc sắc nhất của cảnh đẹp, cách trình bày mạch lạc và hấp dẫn.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc sách báo hoặc xem video về những miền đất xa xôi mà con người ít có cơ hội đặt chân đến (Nam Cực, Bắc Cực, sa mạc Xa-ha-ra,...).*

CỦNG CỐ

– GV hướng dẫn HS nêu những nội dung đã học ở Bài 16:

Đọc – hiểu: *Xin chào, Xa-ha-ra*.

Viết: Đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả phong cảnh.

Nói và nghe: Giới thiệu được một cảnh đẹp thiên nhiên của nước ta.

– GV dặn dò HS chia sẻ với người thân những nội dung học tập thú vị ở Bài 16 và đọc trước các bài học ở tuần Ôn tập và Đánh giá giữa học kì I.

TUẦN 9

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

I MỤC TIÊU

Việc ôn tập giữa học kì I giúp HS đánh giá được kết quả học tập nửa đầu học kì I theo các yêu cầu gắn với các nội dung đã học như sau:

1. a. Về kĩ thuật đọc:

– Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, bài thơ, bài miêu tả,… ; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút.

– Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ…

– Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

– Biết đọc lướt, đọc kĩ.

b. Về đọc hiểu:

– Đọc hiểu nội dung: Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính, thông tin chính của bài đọc. Hiểu nội dung hàm ẩn (dễ nhận biết) của văn bản. Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản. Hiểu chủ đề của văn bản.

– Đọc hiểu hình thức: Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật; nhận biết được tác dụng của chi tiết về thời gian, địa điểm trong câu chuyện; hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá (trong văn bản văn học). Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về hiện tượng tự nhiên; nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng; nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính (của văn bản thông tin).

2. Viết được một số đoạn văn, bài văn, văn bản dưới đây:

– Bài văn kể chuyện sáng tạo.

– Báo cáo công việc.

– Bài văn tả phong cảnh.

3. Biết giới thiệu về một địa điểm tham quan hoặc vui chơi; biết trình bày ý kiến trong cuộc thảo luận về một vấn đề phù hợp với lứa tuổi, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận. Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến người khác.

4. Nhận biết được từ đồng nghĩa (đặc điểm và tác dụng), từ đa nghĩa (nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản). Nhận biết được đại từ (đặc điểm và chức năng của đại từ xưng hô, đại từ thay thế, đại từ nghi vấn).

5. Chăm chỉ học tập, có ý thức trách nhiệm trong công việc được giao.

II CHUẨN BỊ

– Có thể chuẩn bị các thẻ từ hoặc phiếu học tập để HS không làm bài vào SHS.

– Phiếu đề kiểm tra tham khảo (Tiết 6 – 7) để các em tập làm bài kiểm tra giữa học kì I.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

PHẦN I – ÔN TẬP

TIẾT 1 – 2

Đối với bài ôn tập, GV cần tạo cơ hội phát huy năng lực tự học của HS. Trước khi làm việc nhóm, dành thời gian để từng cá nhân thực hiện yêu cầu của từng bài tập.

Bài tập 1. *Chọn 1 trong 2 nhiệm vụ dưới đây:*

a. Đọc 1 câu chuyện đã học và thực hiện yêu cầu (tóm tắt câu chuyện; nêu 1 – 2 chi tiết em yêu thích).

b. Đọc 1 bài dưới đây và trả lời câu hỏi (Cảnh vật nào được giới thiệu, miêu tả trong bài; Em nhớ nhất hình ảnh nào?)

Ở bài tập này, HS được luyện tập kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu bài văn, câu chuyện (hiểu các chi tiết của văn bản, hiểu nội dung chính hoặc thông tin chính, biết tóm tắt văn bản,...). HS được lựa chọn 1 trong 2 nhiệm vụ.

– HS làm việc cá nhân: tự thực hiện nhiệm vụ đã lựa chọn.

– HS làm việc nhóm:

+ Lần lượt từng em trả lời câu hỏi (hoặc thực hiện yêu cầu) đọc hiểu.

+ Cả nhóm nhận xét, góp ý.

Lưu ý: Với những nội dung trong các tiết ôn tập, cần tăng cường cơ hội cho HS tự học theo hình thức làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm.

Bài tập 2. *Chơi trò chơi: "Tìm từ đồng nghĩa".*

Ở bài tập này, HS được luyện tập về từ đồng nghĩa thông qua việc tham gia trò chơi học tập. GV chuẩn bị hoặc hướng dẫn HS chuẩn bị những bộ thẻ từ để có thể tổ chức trò chơi *Tìm từ đồng nghĩa*. GV dựa vào nội dung bài tập, có thể thiết kế những trò chơi tạo được hứng thú học tập hơn cho HS.

Đáp án:

– Nhóm 1 (chăm chỉ): siêng năng, chịu khó, cần mẫn, chuyên cần, cần cù.

– Nhóm 2 (chăm sóc): chăm chút, chăm lo, trông nom, săn sóc.

– Nhóm 3 (che chở): bênh, bênh vực, bảo vệ.

Bài tập 3. *Đặt 2 – 3 câu với các từ đồng nghĩa em tìm được ở bài tập 2.*

Bài tập này yêu cầu HS sử dụng từ đồng nghĩa trong nói và viết bằng hình thức đặt câu. GV cho HS đặt câu (nói miệng và viết vào vở hoặc vở bài tập nếu có). VD:

+ Đàn kiến cần mẫn tha lương thực về tổ.

+ Mẹ tôi chăm chút chúng tôi từng li từng tí.

+ Trong truyện cổ tích, ông bụt, ông tiên thường bênh vực, bảo vệ những người hiền lành, lương thiện.

– HS làm việc cá nhân: Tự đặt câu, sau đó đọc câu của mình trong nhóm, cả nhóm nhận xét, góp ý.

– 1 – 2 HS đặt câu trước lớp. GV hướng dẫn nhận xét.

Bài tập 4. *Tìm từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn và nêu nhận xét về cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn.*

Bài tập này nhằm giúp các em hiểu được các từ ngữ được sử dụng linh hoạt, tinh tế trong miêu tả màu sắc của sự vật, hiện tượng theo cảm nhận riêng của từng người.

Lưu ý: Ở bài tập này, GV chủ yếu yêu cầu HS tìm hiểu nghĩa của từ ngữ trong câu văn, đoạn văn, không yêu cầu xác định đó là từ hay cụm từ.

– HS làm việc theo cặp, có thể trao đổi về nghĩa của từ ngữ (nên ghi ra giấy nháp, phiếu học tập,...).

– HS phát biểu ý kiến trước lớp, GV hướng dẫn HS chữa bài trước lớp. VD:

+ Những từ ngữ chỉ màu vàng: (lúa chín) vàng xuộm, (nắng) vàng hoe, (những chùm quả xoan) vàng lịm, (lá mít, những tàu lá chuối) vàng ối, (tàu đu đủ, lá sắn héo) vàng tươi, (buồng chuối) vàng, (rơm) vàng mới, (bụi mía) vàng xọng, (rơm và thóc) vàng giòn, (con gà, con chó) vàng mượt.

+ Những từ chỉ màu sắc khác: (mấy chiếc lá) đỏ, (mấy quả ớt) đỏ chói, (phấn mía) trắng.

+ Nhận xét cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc: từ ngữ phong phú, mới mẻ, gây ấn tượng, thể hiện sự cảm nhận tinh tế của nhà văn về các sắc màu của sự vật, hiện tượng. Nhiều từ ngữ chỉ màu vàng gợi nên nét đẹp riêng của làng quê vào ngày mùa.

– GV có thể khích lệ HS cảm nhận nghĩa của một số từ ngữ chỉ màu vàng trong bài (nếu có thời gian), VD:

vàng xọng	(có) màu vàng gợi cảm giác như có nước đọng ở bên trong (mọng nước)
vàng xuộm, vàng ối	(có) màu vàng đậm và đều khắp
vàng hoe	(có) màu vàng nhạt, tươi và ánh lên
vàng tươi	(có) màu vàng sáng, đẹp mắt, đầy sức sống
vàng lịm	(có) màu vàng của quả chín, gợi cảm giác rất ngọt.
vàng giòn	(có) màu vàng của vật được phơi già nắng nên giòn, dễ vỡ, dễ gãy
vàng mượt	(có) màu vàng của những con vật béo tốt, có bộ lông óng ả, mượt mà
vàng mới	(có) màu vàng của vật mới có, mới xuất hiện, mới hình thành (còn mới).

Lưu ý: HS có thể nêu cách cảm nhận nghĩa của từ ngữ trong đoạn văn theo cách của riêng mình.

– GV có thể khích lệ HS tìm thêm từ ngữ chỉ màu vàng, VD:

+ *vàng rực* (có màu vàng trông bừng lên, như toả ánh sáng ra xung quanh): Những đoá hướng dương vàng rực trong nắng.

+ *vàng hươm* (có màu vàng tươi và đều, nhìn đẹp mắt): Nong kén vàng hươm.

+ *vàng óng* (có màu vàng bóng mượt, trông thích mắt): Sợi tơ vàng óng.

+ *vàng ruộm, vàng rộm, vàng choé, vàng chói, vàng khè, vàng ệch,…*

Bài tập 5. *Viết đoạn văn (3 – 5 câu) tả cảnh thiên nhiên, trong đó có ít nhất 2 từ ngữ chỉ màu xanh.*

– HS làm việc cá nhân: Lựa chọn cảnh thiên nhiên có nhiều màu xanh để miêu tả (VD: công viên, vườn cây, bầu trời, mặt biển, dòng sông,…). Tìm từ ngữ chỉ màu xanh phù hợp với cảnh vật rồi viết thành đoạn văn 3 – 5 câu hoặc hơn (có thể viết vào vở).

– HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp: Từng em/ một số em đọc đoạn văn đã viết. GV và cả lớp nhận xét, góp ý (chú ý vào việc sử dụng các từ ngữ chỉ màu xanh).

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết 1 – 2; động viên, khen ngợi các em có nhiều cố gắng.

TIẾT 3 – 4

Bài tập 1. *Đọc thuộc lòng đoạn thơ (khoảng 100 chữ) trong một bài thơ đã học và trả lời câu hỏi.*

Ở bài tập này, HS được luyện tập kĩ năng đọc thuộc lòng và đọc hiểu văn bản thơ đã học (hiểu các từ ngữ, hình ảnh thơ tạo nên cái hay, cái đẹp cho bài thơ; hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ hoặc đoạn thơ. HS được lựa chọn 1 trong 4 nhiệm vụ.

– HS làm việc cá nhân: Tự thực hiện nhiệm vụ đã lựa chọn (đọc thuộc lòng).

– HS làm việc nhóm:

+ Lần lượt từng em trả lời câu hỏi (hoặc thực hiện yêu cầu) đọc hiểu bài thơ mình đã đọc thuộc lòng.

+ Cả nhóm nhận xét, góp ý.

Bài tập 2. *Từ "ngọn" và từ "gốc" trong mỗi câu được nêu trong SHS mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?*

Bài tập này giúp HS ôn luyện, củng cố kĩ năng nhận biết các nghĩa của từ đa nghĩa trong tiếng Việt. (HS có thể tự nêu ý kiến hoặc tra từ điển.)

Đáp án:

– Từ *ngọn*:

+ Bầy chim ríu rít làm tổ trên ngọn cây. (nghĩa gốc)

+ Ngọn lửa bập bùng xua đi cái lạnh đầu đông. (nghĩa chuyển)

+ Những ngọn núi ẩn hiện trong mây trời. (nghĩa chuyển)

– Từ *gốc*:

+ Ông tôi mới trồng thêm 5 gốc cam ở góc vườn. (nghĩa chuyển)

+ Các bạn nhỏ ngồi chơi dưới gốc cây đa đầu làng. (nghĩa gốc)

+ Nhiều người gốc Việt đã về Việt Nam làm việc. (nghĩa chuyển)

Ngọn: phần trên cùng của cây, là phần cao nhất và có hình nón, đối lập với gốc.

Hoa: bộ phận sinh sản của nhiều loài cây, thường có màu sắc và hương thơm.

Bài tập 3. *Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ "lá", "nụ".*

– HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi theo cặp để cùng tìm các nghĩa của 2 từ đã cho rồi đặt câu với nghĩa gốc và 1 – 2 nghĩa chuyển của từ đó. Nên viết các câu đã đặt vào vở hoặc vở bài tập (nếu có).

– HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp: Một số em đọc các câu mình đã viết. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

Đáp án tham khảo:

Lá

Lá cây rì rào trong gió. (nghĩa gốc)

Chị em tôi chụm đầu đọc lá thư của bố. (nghĩa chuyển)

Lá cờ đỏ sao vàng tung bay trong gió. (nghĩa chuyển)

Nụ

Cây hoa hồng đã ra những cái nụ nhỏ xinh.

Dì tôi nở nụ cười thật tươi.

...

Bài tập 4. *Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:*

a. Từ "bà" ở vị trí nào được dùng để xưng hô?

b. Trong đoạn văn, còn danh từ nào cũng được dùng để xưng hô?

HS làm việc cá nhân hoặc làm việc chung cả lớp.

Đáp án:

a. Từ *bà* ở vị trí thứ 2 được dùng để xưng hô.

b. Trong đoạn văn, còn có danh từ *cháu* được dùng để xưng hô.

Bài tập 5. *Tìm đại từ thay thế phù hợp thay cho mỗi bông hoa.*

– GV hướng dẫn HS nhận biết yêu cầu của bài tập 5.

– GV nói thêm: Có thể tìm được các đại từ thay thế khác nhau có cùng 1 vị trí.

Đáp án tham khảo:

Ngày xưa, trên cao nguyên có một đồng cỏ ở rất xa chỗ sinh sống của loài người. Nơi ***ấy*** có một dòng suối trong như pha lê và những tảng đá vân nằm giữa những đám hoa bươm bướm, hoa thạch thảo màu hồng, màu tím. Muốn tới ***đây*** phải vượt qua những cánh rừng, những dãy núi, những dòng sông... Muông thú gọi ***đó*** là làng Hươu.

TIẾT 5

Bài tập 1. *Đọc câu truyện "Tôi sống độc lập từ thuở bé" trong SHS và trả lời câu hỏi.*

Ở bài tập này, HS được luyện tập kĩ năng đọc hiểu 1 văn bản mới. HS cần tự thực hiện các yêu cầu để làm quen với đề kiểm tra đọc hiểu giữa kì.

a. *Ba anh em dế được mẹ giảng giải thế nào về tục lệ lâu đời của họ nhà dế?*

Đáp án: Ba anh em dế được mẹ giảng giải về tục lệ lâu đời của họ nhà dế: sống độc lập ngay từ nhỏ, để sớm biết tự kiếm ăn, không ỷ lại vào cha mẹ.

b. *Chú dế út có cảm nghĩ thế nào trước việc mẹ cho ra ở riêng?*

Đáp án: Cảm nghĩ của chú dế út trước việc mẹ cho ra ở riêng:

Lúc theo mẹ đi trên đường: cảm thấy nửa lo nửa vui.

Lúc được mẹ dắt vào chỗ ở riêng: không buồn, trái lại, còn lấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ; thầm cảm ơn mẹ.

c. *Vì sao chú dế út thầm cảm ơn mẹ?*

GV có thể đưa thêm câu hỏi: Những chi tiết cho biết thái độ của chú dế út khi bước vào cuộc sống độc lập? ((1) không buồn mà còn còn thấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ; (2) sục sạo thăm tất cả cái hang mẹ đưa đến ở; (3) khi đã xem xét cẩn thận rồi, dế ra đứng ngoài cửa, ngửng mặt lên nhìn trời trong xanh; (4) dọn giọng, vỗ đôi cánh nhỏ mới ngắn đến nách, cao hứng gáy lên mấy tiếng rõ to)

Đáp án: Chú dế út thầm cảm ơn mẹ vì mẹ đã làm cho ba anh em dế mỗi đứa một cái hang đất ở bờ ruộng, chỗ trông ra đầm nước; mẹ đã chịu khó đào bới, be đắp tinh tươm thành hang, thành nhà cho ba anh em dế từ bao giờ không ai hay. Dế út chỉ có thể thầm cảm ơn mẹ vì lúc đó mẹ đã về, dế không thể nói để mẹ nghe được.

d. *Em có nhận xét gì về tính cách của chú dế út qua đoạn kết của câu chuyện?*

– HS làm việc cá nhân (chuẩn bị câu trả lời) trước khi làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp.

– HS có thể có những nhận xét khác nhau, cần tôn trọng sự khác biệt.

Đáp án tham khảo: Chú dế út có tính cách mạnh mẽ./ Chú dế út thích tự do, tự lập./ Chú dế út sống tình cảm./…

Bài tập 2. *Kể thêm một đoạn cho câu chuyện "Tôi sống độc lập từ thuở bé" theo tưởng tượng của em.* **G:** *Có thể kể diễn biến tâm trạng của chú dế út trong đêm đầu tiên xa mẹ, xa các anh.*

Bài tập này yêu cầu HS kể tiếp đoạn kết cho câu chuyện, phát huy trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: Quan sát tranh, đọc lại hoặc nhớ lại câu chuyện *Tôi sống độc lập từ thuở bé*, tưởng tượng sau những giờ phút vui sướng, phấn khởi được làm chủ một "ngôi nhà" mới, tự do, thoải mái, Dế Mèn sẽ cảm thấy thế nào trong đêm đầu tiên ở một mình.

– HS nhớ lại cách viết đoạn văn tưởng tượng (đã học ở lớp 4), cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo, tìm ý cho đoạn kết theo tưởng tượng của mình.

– Một số HS kể trước lớp.

– GV nhắc HS viết lại đoạn kết cho câu chuyện mình đã sáng tạo.

– GV đọc một số bài trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập thứ 5.

PHẦN II – ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

TIẾT 6 – 7

Tuần 9 có 7 tiết, trong đó:

– 5 tiết dành cho ôn tập.

– 2 tiết dành cho kiểm tra, đánh giá giữa học kì.

SHS có giới thiệu đề kiểm tra để HS luyện tập hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra giữa học kì. GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm:

– Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (câu hỏi trả lời miệng).

– Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một câu chuyện và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết).

– Viết một bài văn kể sáng tạo một câu chuyện hoặc tả phong cảnh theo yêu cầu. (Đây là 2 kiểu bài được học ở 8 tuần đầu.)

HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tuỳ theo năng lực HS và điều kiện của lớp.

Gợi ý hướng dẫn thực hiện Đề tham khảo:

ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

(Đề tham khảo)

A. ĐỌC

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động kiểm tra đọc thành tiếng bài *Vườn mặt trời, quả mặt trăng* của nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn, giới thiệu sơ lược bài đọc và giải thích một số từ ngữ khó (nếu HS không hiểu).

– HS đọc bài và trả lời câu hỏi.

Câu 1. *Vườn cây trái được tác giả so sánh với những hình ảnh nào? Nêu tác dụng của những hình ảnh so sánh đó.*

Đáp án: Trái chôm chôm được so sánh với mặt trời (*Ngẩng lên vườn chôm chôm đỏ/ Trái xoè những tia mặt trời*), trái táo chín vàng được so sánh với mặt trăng (*Chợt nhớ*

bao mùa táo ngọt/ Quả vàng mát đất ngoại ô/ Dịu như mặt trăng mềm mại). Những hình ảnh so sánh đó gợi hình ảnh khu vườn kì diệu với rất nhiều mặt trời, mặt trăng lung linh./ Gợi lên thế giới huyền ảo như trong những câu chuyện cổ tích./…).

Câu 2. *Những từ ngữ nào cho thấy đối với con người, vườn cây trái rất thân thiện, đáng yêu?*

Đáp án: Con người thấy vườn cây trái rất thân thiện, đáng yêu; trái cây như vẫy gọi, như mời chào, như đùa vui với con người qua các từ ngữ:

*"Trái **xoè** những tia mặt trời*

*Cành cao **trĩu lời mời mọc***

***Đung đưa** chùm quả tươi ngời."*

*"Quả vàng **mát** đất ngoại ô*

Dịu** như mặt trăng **mềm mại

***Rìu rít tiếng** cười trẻ thơ."*

Câu 3. *Tác giả đã có cảm nghĩ thế nào khi đi trong vườn cây? Vì sao?*

Đáp án tham khảo: Đi trong vườn cây, tác giả có cảm tưởng như mình lạc vào một thế giới huyền ảo với rất nhiều mặt trời, mặt trăng, còn mặt đất thì dâng đầy hương thơm của trái chín. Đi trong vườn cây với những trái chín thơm hương, nhà thơ thầm nói lời cảm ơn với đất, với trời, với cây, và đặc biệt là với những người trồng cây ngày đêm vất vả cho mình được hái quả chín hôm nay.

II. Đọc – hiểu.

– HS làm bài tập cá nhân: thực hiện các yêu cầu của bài đọc hiểu văn bản *Cánh đồng vàng*.

– Đáp án:

Câu 1. *Bạn nhỏ ngắm cánh đồng vào thời gian nào trong ngày? Chọn đáp án đúng.*

A. Buổi sáng *B. Buổi trưa* *C. Buổi chiều* *D. Buổi tối*

Đáp án: C (Buổi chiều).

Câu 2. *Cánh đồng lúa hiện ra như thế nào qua cảm nhận của bạn nhỏ khi ngồi trên đê (về màu sắc; về âm thanh; về sự chuyển động, phát triển)?*

Đáp án: Khi ngồi trên đê ngắm cánh đồng lúa, bạn nhỏ cảm nhận được màu vàng rực của lúa chín trong nắng chiều hanh hao, cảm thấy cả cánh đồng lúa đang chuyển động, đang chen lấn nhau mà chín, như nghe thấy tiếng những bông lúa nói với nhau, giục nhau chín nhanh lên.

Câu 3. *Tìm trong bài những từ ngữ tả màu sắc của cánh đồng lúa.*

Đáp án: Những từ ngữ chỉ màu sắc của cánh đồng: *vàng rực, vàng chanh, vàng cam, vàng chói.*

Câu 4. *Trong bài, cây lúa được nhân hoá bằng những cách nào?*

Đáp án: Cây lúa trong bài được nhân hoá bằng các cách: (1) sử dụng từ ngữ chỉ hoạt động của người để kể, tả về cây lúa (*chen lấn nhau, kêu lên, thúc giục, thì thầm,...*); (2) trò chuyện với cây lúa như trò chuyện với người:

– Ai ngồi trên đê cao? Chín nhanh lên!

Tôi cũng thì thầm đáp lời chúng:

– Tôi ngồi trên đê cao. Tôi cũng đang chín với các bạn đây.

Câu 5. *Nêu tác dụng của biện pháp nhân hoá trong việc miêu tả đồng lúa đang chín.*

Đáp án: Biện pháp nhân hoá góp phần làm cho cánh đồng lúa càng trở nên gần gũi, thân thiết với con người (bạn nhỏ trong bài), chúng như có sức sống mạnh mẽ, đang náo nức lớn lên, trưởng thành, dâng cho người những bông lúa trĩu hạt, cho mùa vàng bội thu.

Lưu ý: Ở lớp 4, HS đã được học các cách nhân hoá và tác dụng của biện pháp nhân hoá là làm cho các vật, hiện tượng tự nhiên trở nên gần gũi, sinh động hơn. Với câu hỏi 5 này, HS có thể trả lời theo cách cảm nhận riêng của mình và phù hợp với nội dung được miêu tả trong bài.

Câu 6. *Theo em, vì sao bạn nhỏ cảm thấy mình bập bềnh trên con thuyền giữa biển màu vàng?*

Đáp án tham khảo: Nhân vật "tôi" cảm thấy mình bập bềnh trên con thuyền giữa biển màu vàng là vì: Khi mặt trời xuống thấp, cánh đồng lúa như dâng lên, trải ra mỗi lúc một rộng, giống như toàn bộ cánh đồng là một hồ nước mênh mông màu vàng chói. Cánh đồng bập bềnh, bập bềnh. Trong khung cảnh đó, nhân vật "tôi" thấy mình như ngồi trên con thuyền giữa biển màu vàng. (HS có thể trả lời đơn giản, ngắn gọn hơn nhưng đảm bảo ý: Vì cánh đồng giống hồ nước mênh mông màu vàng chói.)

Câu 7. *Qua cách quan sát, cảm nhận về cánh đồng lúa đang chín, em thấy bạn nhỏ là người thế nào?*

Đáp án tham khảo: Qua cách quan sát, cảm nhận về đồng lúa đang chín (cảm nhận các sắc màu khác nhau của cánh đồng lúa, nghe thấy lời thì thầm của lúa, thấy mình đang "chín vàng" cùng lúa và hoà chung niềm vui mùa lúa chín,...), có thể thấy bạn nhỏ (nhân vật "tôi") có những cảm nhận tinh tế về mọi xao động của cảnh vật thiên nhiên, là người giàu cảm xúc và có trí tưởng tượng phong phú. Bạn nhỏ là người rất yêu quê hương mình. (HS có thể trả lời đơn giản, ngắn gọn hơn nhưng đảm bảo ý: Bạn nhỏ giàu cảm xúc, có trí tưởng tượng phong phú và có tình yêu đối với quê hương.)

Câu 8. *Em hiểu thế nào về câu "Hoà nhập vào hạnh phúc lớn lao của người khác, bản thân ta sẽ hạnh phúc."?*

Đáp án tham khảo: Câu văn này muốn nói rằng: Chúng ta sẽ cảm thấy vui, thấy hạnh phúc, thấy cuộc sống đẹp và có ý nghĩa hơn khi biết sẻ chia, đồng cảm, chan hoà với

mọi người quanh ta. (HS có thể trả lời đơn giản, ngắn gọn hơn, VD: Câu văn nhắn nhủ ta rằng: Chia vui cùng người khác, chính chúng ta cũng thấy vui và hạnh phúc.)

Câu 9. *Tìm nghĩa của từ **chín** trong mỗi câu được nêu trong SHS.*

Đáp án:

	Nghĩa của từ *chín* trong câu
a. Hoà nhập với cánh đồng, tôi có niềm vui của lúa ***chín*** vàng.	(quả) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon
b. Một nghề cho ***chín*** còn hơn chín nghề.	thành thục, am hiểu đầy đủ mọi khía cạnh
c. Ăn ***chín***, uống sôi	(thức ăn) được nấu nướng kĩ, đến độ ăn được

Câu 10. *Đặt câu với từ "chín" theo 1 trong 3 nghĩa nêu ở bài tập 9.*

Đáp án tham khảo: Mít đã chín thơm lừng cả góc vườn.

B. VIẾT

Hai đề bài đều thuộc nội dung HS đã được học ở các tiết rèn kĩ năng viết trong 8 tuần đầu. HS có thể chọn đề số 1 hoặc số 2 và có thể tự đánh giá kết quả bài làm của mình.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

TRÊN CON ĐƯỜNG HỌC TẬP

TUẦN 10

Bài 17 THƯ GỬI CÁC HỌC SINH (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài *Thư gửi các học sinh*, biết điều chỉnh giọng đọc và ngữ điệu thể hiện được sự cảm nhận về tình cảm trìu mến và sự tin tưởng của Bác Hồ đối với thiếu nhi Việt Nam.

   b. Hiểu được nội dung bức thư; cảm nhận được tình cảm của Bác Hồ dành cho thiếu nhi trong niềm vui ngày khai trường đặc biệt – ngày khai trường đầu tiên, sau khi nước nhà giành được độc lập, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp. Hiểu được mong muốn của Bác Hồ qua lời khuyên HS chăm học, nghe thầy, yêu bạn; hiểu được sự tin tưởng của Bác Hồ: HS sẽ là những người kế tục xứng đáng sự nghiệp của cha ông, xây dựng đất nước Việt Nam sánh vai các cường quốc năm châu.
2. Biết cách sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa và các thông tin cần thiết của từ.
3. Biết cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách (qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ,...) và vận dụng vào thực tế giao tiếp.
4. Biết thể hiện sự xúc động trước những cử chỉ, việc làm thể hiện tình yêu thương, sự quan tâm của người thân, gia đình, cộng đồng, quê hương.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Toàn văn bức thư Bác Hồ gửi cho các học sinh (nếu có).

– Một số tác phẩm viết về Bác Hồ.

– Nhân vật và đặc điểm của nhân vật đó trong tác phẩm văn học.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc.

– Phần Luyện từ và câu: Từ điển học sinh, tranh minh hoạ bài tập 2 trong SHS (phóng to để dán lên bảng hoặc chiếu trên màn hình).

– Sơ đồ trong câu c của bài tập 1, mục Viết.

– Phiếu bài tập dành cho bài tập 1, mục Viết.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

GIỚI THIỆU CHỦ ĐIỂM MỚI

– GV giới thiệu chủ điểm mới, VD: Hôm nay, các em bước sang chủ điểm thứ ba: *Trên con đường học tập*. Hãy quan sát tranh chủ điểm và cho biết bức tranh nói với em điều gì về chủ điểm này.

– HS phát biểu theo cảm nhận của cá nhân. GV có thể tổng kết ý kiến của HS và nói thêm với các em về ý nghĩa của bức tranh, VD: Hình ảnh những cuốn sách xếp tầng tầng lớp lớp ý muốn nói tri thức của loài người là vô tận, hãy khám phá và chiếm lĩnh chúng để trở thành những người tài giỏi, có kiến thức sâu rộng, giúp ích cho đời. Hình ảnh cuốn sách mở ra trước mắt bạn nhỏ con đường chan hoà ánh sáng và sắc màu tươi xanh của cuộc sống như muốn vẫy gọi các em hãy học tập, hãy vững bước đi trên con đường đến với tri thức để khôn lớn, trưởng thành.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu tên bài học *Thư gửi các học sinh* và nói về ngày khai trường đặc biệt năm 1945, sau Cách mạng tháng Tám thành công, ngày khai trường hoà trong niềm vui chung của đất nước vừa giành được độc lập.

– GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: *Kể về một lễ khai giảng để lại nhiều ấn tượng đẹp đối với em* (có thể giải thích vì sao).

– GV giới thiệu bài: Đây là bức thư Bác Hồ gửi HS cả nước nhân ngày khai giảng đầu tiên, sau khi nước ta giành được độc lập, chấm dứt ách thống trị hơn 80 năm của thực dân Pháp. Các em hãy nghe đọc thư Bác và nêu cảm nhận của mình về tình cảm và niềm tin của Bác Hồ đối với thiếu nhi Việt Nam.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai.

+ Đọc diễn cảm những câu thể hiện tình cảm yêu thương, thái độ trìu mến, lòng tin tưởng của Bác Hồ dành cho thiếu nhi.

– GV mời 2 HS đọc nối tiếp bức thư của Bác trước lớp. GV nhận xét việc đọc diễn cảm của HS.

– GV tổ chức cho HS đọc trong nhóm (đọc nối tiếp theo cặp).

– GV mời HS đọc thầm lời giải nghĩa từ ngữ dưới bài đọc và hỏi HS có từ ngữ nào trong bài mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS (hoặc có cách tổ chức khác, VD: Các nhóm tự trả lời lần lượt 5 câu hỏi, sau đó GV mời phát biểu ý kiến trước lớp, cả lớp bổ sung ý kiến, tranh luận, thống nhất cách hiểu.).

Câu 1. *Câu nào trong thư của Bác Hồ cho thấy ngày khai trường tháng 9 năm 1945 rất đặc biệt?*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS đọc lướt lại bài để tìm những chi tiết cho thấy Bác Hồ muốn các học sinh hiểu được dấu mốc đặc biệt của ngày khai trường tháng 9 năm 1945.

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm: Lựa chọn các chi tiết trong bài để trả lời câu hỏi.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp, GV tổng hợp các ý kiến, VD: Bác Hồ đã viết trong thư "Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.". Bác muốn HS cả nước cảm nhận được ý nghĩa của ngày khai trường đầu tiên sau khi nước ta giành được độc lập sau 80 năm bị thực dân Pháp đô hộ. Từ ngày khai trường này, các em HS bắt đầu được hưởng một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam.

Câu 2. *Chi tiết nào trong thư cho thấy Bác vui cùng niềm vui của học sinh nhân ngày khai trường?*

– GV nêu câu hỏi và có thể nêu cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. VD: Bác viết thư gửi các HS nhân ngày khai trường. Bác tưởng tượng thấy cảnh nhộn nhịp tưng bừng của ngày tựu trường. Bác hình dung thấy các em hết thảy đều vui vẻ. Bác chúc các em có một năm học đầy vui vẻ, đầy kết quả tốt đẹp.

Câu 3. *Bác nhắc học sinh nhớ đến ai, nghĩ đến điều gì trong giờ phút hạnh phúc của ngày tựu trường?*

– GV/ HS nêu câu hỏi.

– HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời rồi chia sẻ trong nhóm. 1 – 2 HS phát biểu trước lớp. VD:

Bác nhắc HS nhớ đến ai?	Bác nhắc HS nhớ đến công ơn biết bao đồng bào đã chiến đấu, hi sinh để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, đất nước: *Các em được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hi sinh của biết bao nhiêu đồng bào các em.*

Bác nhắc HS nghĩ đến điều gì?	– Bác nhắc HS nghĩ đến trách nhiệm của người HS: *Trong năm học tới đây, các em hãy cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn.* – Bác nhắc HS nghĩ đến nhiệm vụ của toàn dân, đó là công cuộc xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại: *Sau 80 năm giời nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn... làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu.*

Câu 4. *Vì sao Bác khuyên các em học sinh phải cố gắng, siêng năng học tập,... trong những năm học tới?*

– GV nêu câu hỏi, dành thời gian cho HS suy nghĩ.

– HS trả lời câu hỏi theo nhóm hoặc trước cả lớp. (VD: Bác khuyên các em học sinh phải cố gắng, siêng năng học tập,... trong những năm học tới bởi vì chỉ bằng con đường học tập, chúng ta mới có thể thoát khỏi yếu hèn sau 80 năm trời bị áp bức, bóc lột, bằng con đường học tập mới có thể có kiến thức, có hiểu biết để đưa đất nước tiến lên, sánh vai các cường quốc năm châu,...).

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ, suy luận hợp lí, sâu sắc của HS.

Câu 5. *Nêu cảm nghĩ của em khi đọc thư của Bác Hồ gửi các học sinh.*

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm cặp, theo nhóm để chia sẻ ý kiến của mình.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý, khen ngợi những bạn có câu trả lời thuyết phục. (VD: Qua thư Bác Hồ, em hiểu rằng: Ở lứa tuổi HS, việc làm cần thiết nhất là chăm chỉ học tập. Bởi Bác Hồ – người đã hi sinh cả cuộc đời cho dân cho nước – đã khẳng định rằng: "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em.").

4. Luyện đọc lại và đọc thuộc lòng.

– GV hướng dẫn HS đọc bức thư của Bác Hồ.

– HS làm việc cá nhân: HS học thuộc lòng đoạn thư từ *Sau 80 năm giời nô lệ* đến *nhờ một phần lớn ở công học tập của các em*.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

SỬ DỤNG TỪ ĐIỂN

GV giới thiệu: Ở lớp 4, HS đã được học về cách dùng và công dụng của từ điển. HS đã biết cách lựa chọn từ điển phù hợp (từ điển học sinh), biết đọc hướng dẫn sử dụng (cách sắp xếp mục từ, thông tin cần thiết), biết đọc bảng chữ viết tắt, biết tìm từ và

tra nghĩa của từ (GV có thể tóm tắt lại các hoạt động đã học trên bảng để chiếu trên màn hình hoặc chuẩn bị sẵn sơ đồ, bảng biểu tóm tắt để dán lên bảng). Trong tiết học này, HS sẽ tiếp tục được học về cách sử dụng từ điển và học kĩ hơn về cách tra các thông tin cần thiết trong một mục từ.

1. Sắp xếp các bước ở bài tập 1 trong SHS theo trình tự tra cứu nghĩa của từ *đọc* trong từ điển.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh ở bài tập 1 và các bước tra cứu nghĩa của từ *đọc* trong SHS.

– GV có thể sử dụng các thẻ chữ dán trên bảng để chuẩn bị cho HS đảo thẻ theo trật tự đúng.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.

– HS làm việc theo hướng dẫn của GV:

+ HS làm việc cá nhân, đọc kĩ các bước tra cứu trong SHS, tìm thứ tự sắp xếp phù hợp.

+ HS trao đổi trong nhóm, thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp. GV mời HS lên đảo thẻ chữ (nếu có thẻ chữ) theo trật tự đúng.

Đáp án:

c. Chọn từ điển phù hợp.

b. Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ Đ.

a. Tìm từ *đọc*.

e. Đọc nghĩa của từ *đọc*.

d. Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng từ *đọc*.

– GV hướng dẫn HS thực hành tra nghĩa của từ *đọc* trong từ điển theo trình tự đã sắp xếp. GV khen ngợi HS thực hành nhanh, đúng.

2. Đọc các thông tin về từ *đọc* trong trang minh hoạ từ điển trong SHS, trang 91 và trả lời câu hỏi.

– GV nêu yêu cầu (hoặc mời 1 HS đọc yêu cầu) của bài tập 2. HS chiếu hình ảnh mục từ *đọc* trong SHS lên màn hình, hoặc chuẩn bị sẵn tranh/ ảnh (phóng to), dán lên bảng.

– GV hướng dẫn HS đọc các chỉ dẫn trong hình ảnh minh hoạ:

+ (đgt) là ghi chú "động từ".

+ "Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự." là nghĩa thứ nhất, nghĩa gốc của từ.

+ "Đọc bài thơ. Đọc thuộc lòng." là ví dụ về cách sử dụng.

– GV hướng dẫn HS tra bảng viết tắt đối với các ghi chú chứa chữ viết tắt (hoặc GV đặt câu hỏi: Với các thông tin chứa chữ viết tắt, các em cần làm gì để hiểu thông tin đó?).

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập: HS suy nghĩ cá nhân, sau đó trao đổi trong nhóm.

– HS làm việc theo hướng dẫn của GV:

+ HS làm việc cá nhân, đọc kĩ các chỉ dẫn trong hình ảnh minh hoạ, sau đó đọc các yêu cầu của bài tập để tìm phương án trả lời.

+ HS nêu ý kiến trong nhóm. Cả nhóm trao đổi, thảo luận để thống nhất đáp án đúng.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– GV và cả lớp góp ý, nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án:

a. Từ *đọc* là động từ.

b. Nghĩa gốc của từ *đọc* là nghĩa số 1: *phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự*.

c. Từ *đọc* có 3 nghĩa chuyển (các nghĩa số 2, 3 và 4). Các ví dụ về cách sử dụng là phần in nghiêng sau mỗi nghĩa.

Nghĩa chuyển	Ví dụ về cách sử dụng
Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu.	Đọc bản thiết kế.
Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD,...).	Đĩa bị lỗi nên không đọc được.
Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài.	Đọc được suy nghĩ của người khác.

GV có thể nói thêm: Các ví dụ về cách sử dụng từ với nghĩa đã giải thích là rất quan trọng, vì nếu chỉ đọc phần giải thích nghĩa, đôi khi chúng ta chưa thể hiểu rõ được hoặc hình dung được nghĩa đó sử dụng trong hoàn cảnh nào. Ví dụ nếu chỉ đọc nghĩa chuyển của từ "đọc" mà không đọc ví dụ về cách sử dụng thì có thể nhiều HS không hình dung được trường hợp cụ thể có thể sử dụng đúng.

d. Nghĩa gốc được viết đầu tiên trong các nghĩa của một mục từ (nghĩa số 1). Các nghĩa chuyển được viết sau nghĩa gốc (từ nghĩa số 2 trở đi).

3. Tra cứu nghĩa của các từ: *học tập, tập trung, trôi chảy.*

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh ở bài tập 3.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tra cứu nghĩa của mỗi từ cho trước. Sau đó HS trao đổi trong nhóm.

– HS làm việc theo hướng dẫn của GV:

+ HS làm việc cá nhân, tra cứu nghĩa, từ loại của từ, sau đó đặt câu.

+ HS trình bày trong nhóm theo lần lượt các ý: 1/ nghĩa của từ, 2/ từ loại của từ, 3/ câu đã đặt. Nhóm góp ý, nhận xét và bầu đại diện để trình bày trước lớp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

4. Đặt câu với 1 nghĩa chuyển của mỗi từ ở bài tập 3.

– GV hướng dẫn HS chọn một nghĩa chuyển của mỗi từ để đặt câu chứa từ với nghĩa chuyển.

– HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV, tự chọn một nghĩa chuyển của mỗi từ và đặt câu. HS có thể viết ra vở hoặc nháp.

– HS làm việc nhóm, từng HS đọc câu mình đã đặt hoặc trao đổi vở, nháp với bạn, sau đó nghe bạn góp ý và sửa chữa câu theo góp ý.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV có thể viết lên bảng các câu hay HS đã đặt.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

1. Đọc đoạn văn trong SHS và thực hiện các yêu cầu.

– 2 HS đọc đoạn văn.

– GV hướng dẫn HS lần lượt thực hiện các yêu cầu của bài 1.

a. *Đoạn văn trên có nội dung chính là gì? Chọn đáp án đúng.*

– 1 HS đọc yêu cầu của ý (a).

– GV có thể hướng dẫn HS: Nhớ lại cách viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của người viết đối với nhân vật; đoạn văn nêu lí do thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, cách kể lại câu chuyện,... để chọn phương án trả lời.

– HS trao đổi nhóm đôi để thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu ý kiến.

– GV nhận xét, chốt đáp án B: Giới thiệu về nhân vật Mi-lô trong cuốn sách *Truyện kể hằng đêm dành cho các cô bé cá tính*.

b. Tìm phần mở đầu và kết thúc của đoạn văn. Mỗi phần cho biết thông tin gì?

– 1 – 2 HS đọc yêu cầu của ý (b).

– GV trình chiếu đoạn văn và có thể hướng dẫn HS nhớ lại đặc điểm vị trí và nội dung của phần mở đầu và kết thúc của một đoạn văn.

– HS trao đổi nhóm 4 để thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày.

– GV nhận xét, ghi nhận những câu trả lời hợp lí.

(VD: Phần mở đầu: "*Truyện kể hằng đêm dành cho các cô bé cá tính" của tác giả Ê-lê-na Pha-vi-li và Phran-xét-ca Ca-va-lô là cuốn sách thú vị kể về 100 phụ nữ nổi tiếng toàn cầu. Trong đó, người để lại ấn tượng mạnh nhất là Mi-lô – nữ nghệ sĩ trống người Cu-ba.*

→ Phần mở đầu cho biết tên nhân vật được giới thiệu, tên cuốn sách có nhân vật đó và ấn tượng chung của người giới thiệu đối với nhân vật.

Phần kết thúc: *Mi-lô đã trở thành tấm gương về lòng quyết tâm theo đuổi ước mơ.*

→ Phần kết thúc nêu nhận định tổng quan của người đọc về nhân vật trong cuốn sách.

c. Phần triển khai nói về những đặc điểm nào của nhân vật Mi-lô? Với mỗi đặc điểm, người viết đã đưa những dẫn chứng gì (về hành động, suy nghĩ,... của nhân vật)?

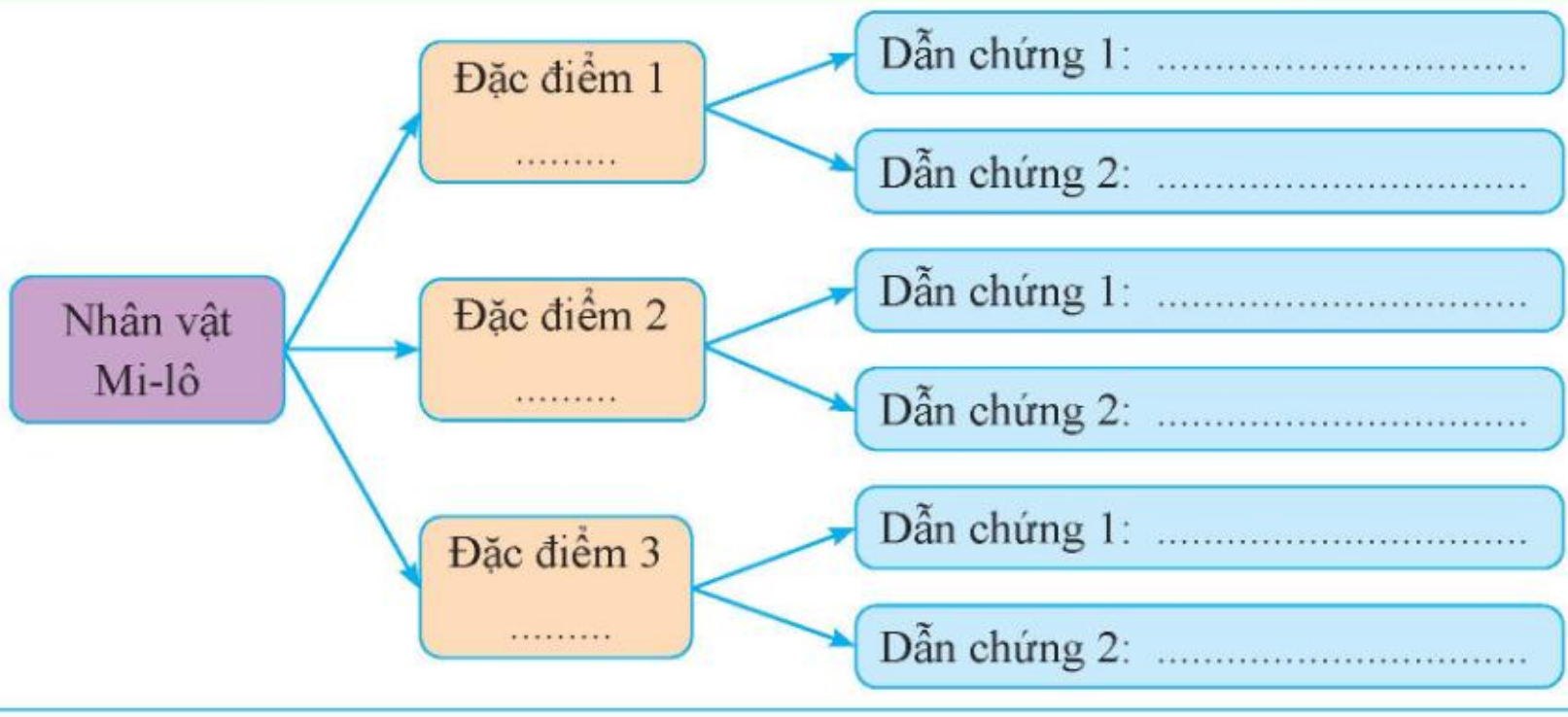
– HS đọc lại yêu cầu của ý c.

– GV trình chiếu sơ đồ đặc điểm của nhân vật Mi-lô.

– HS trao đổi nhóm 4 để thống nhất câu trả lời. GV khuyến khích HS trả lời theo cách hiểu, cách diễn đạt riêng của mình.

(GV có thể phát phiếu bài tập cho từng nhóm. HS ghi kết quả tìm ý vào phiếu.)

PHIẾU BÀI TẬP



– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày.

– GV nhận xét, ghi nhận những câu trả lời hợp lí, hoặc ghi nhận những phiếu bài tập được trình bày đầy đủ, sáng rõ. (VD: Phần triển khai nói về nhân vật Mi-lô với những đặc điểm: Tài năng: chơi được mọi loại trống. Kiên trì theo đuổi ước mơ: vượt qua quy ước chỉ con trai mới được chơi trống; thuyết phục cha cho tham gia lớp nhạc cụ; hằng ngày, rèn khả năng cảm nhận âm thanh. Tự tin: tin ngày nào đó sẽ được chơi trong ban nhạc thứ thiệt.)

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

– 1 – 2 HS đọc yêu cầu cần trao đổi.

– HS trao đổi nhóm 4 để thống nhất những điểm cần lưu ý. Khuyến khích HS trình bày cụ thể, đưa ví dụ minh hoạ.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày.

– GV nhận xét, ghi nhận những kết quả trao đổi hợp lí.

(VD: Đoạn văn phải đủ 3 phần (mở đầu, triển khai, kết thúc). Cần lựa chọn đặc điểm nổi bật của nhân vật để giới thiệu. Với mỗi đặc điểm, cần đưa các dẫn chứng để làm rõ. Đoạn văn cần bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người đọc đối với nhân vật,...)

– 1 – 2 HS nhắc lại những điều cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

– Kết thúc trao đổi (bài tập 2), GV mời 1 – 2 HS đọc phần Ghi nhớ. Sau đó, dùng 1 – 2 phút cho cả lớp tự đọc và học thuộc lòng ghi nhớ này. Hết thời gian, GV mời HS nêu Ghi nhớ không cần nhìn sách.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng.

1. *Thực hiện dự án: Sổ tay từ ngữ tiếng Việt của em.*

+ HS đọc kĩ hướng dẫn thực hiện và ví dụ minh hoạ (trang sổ tay trong ảnh).

+ Mỗi HS chọn một số từ ngữ (có thể 4 − 6 từ ngữ) trong các bài đọc đã học, sau đó tra cứu nghĩa và các thông tin khác (ví dụ từ đó là danh từ, động từ, hay tính từ) của những từ đó trong từ điển.

+ Chép các từ ngữ (theo thứ tự A, B, C...) và các thông tin đã tra cứu vào sổ tay.

Lưu ý: HS có thể ghi chép vắn tắt các thông tin trong từ điển (ví dụ với các từ có nhiều nghĩa chuyển, HS có thể chỉ cần ghi 1, 2 nghĩa chuyển thông dụng để tránh dài dòng).

+ Dành trang đầu tiên để viết các quy ước (ví dụ các quy ước về viết tắt, từ loại,...).

+ Trình bày sổ tay giống như một từ điển (ví dụ các chữ cái A, B, C viết to ở đầu trang để dễ nhận diện).

+ Trang trí theo ý tưởng cá nhân để có một quyển sổ thật đẹp.

+ Chia sẻ với người thân và lắng nghe trao đổi, góp ý của người thân.

– GV có thể tổ chức triển lãm các sổ tay từ ngữ của học sinh vào cuối giờ học buổi sau và bình chọn cuốn sổ tay được làm công phu nhất.

2. *Tìm đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh.*

GV hướng dẫn HS tìm đọc câu chuyện theo yêu cầu để chuẩn bị cho tiết Đọc mở rộng ở bài sau.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 17:

Đọc – hiểu: *Thư gửi các học sinh*.

Luyện từ và câu: Sử dụng từ điển.

Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

– GV nhắc HS nhớ những nội dung quan trọng của Bài 17.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 18.

Bài 18 TẤM GƯƠNG TỰ HỌC (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng văn bản *Tấm gương tự học*, ngữ điệu nhẹ nhàng, pha chút ngưỡng mộ, tự hào; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí.

   b. Nhận biết được những chi tiết chính trong văn bản và hiểu ý nghĩa của văn bản: Tạ Quang Bửu là một tấm gương sáng về tự học; nên học tập ông.

2. Tìm được ý để viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc.

3. Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện viết về nhà trường, thầy cô, học sinh; viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về câu chuyện đã đọc.

4. Bồi dưỡng phẩm chất kiên trì, nỗ lực, bền bỉ, ý chí quyết tâm trong học tập.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Tìm hiểu những văn bản thông tin giới thiệu về những người nổi tiếng. Lưu ý về độ chính xác của thông tin trong thể loại văn bản này.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh, clip minh hoạ về nội dung bài học. Có thể sưu tầm thêm tranh hoặc clip về Tạ Quang Bửu (phố Tạ Quang Bửu ở Hà Nội, giải thưởng Tạ Quang Bửu, thư viện Tạ Quang Bửu trong khuôn viên Đại học Bách khoa Hà Nội,...).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Thư gửi các học sinh* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu tên bài học (*Tấm gương tự học*) và giao nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu phần Khởi động: *Lời nhận xét dưới đây cho em hiểu điều gì về giáo sư Tạ Quang Bửu?*

"Có những nhân cách và tài năng mà chỉ sau khi vắng bóng họ, người đời mới thấy hết khoảng trống mênh mông họ để lại. Tạ Quang Bửu là một người như thế." (Hoàng Tuy)

+ Thảo luận theo cặp với các nhiệm vụ: Đọc lại yêu cầu khởi động; Cho biết đây là lời nhận xét của ai (giáo sư Hoàng Tuy – một nhà Toán học) và về ai (về giáo sư Tạ Quang Bửu). GV có thể đưa ra các câu hỏi phụ để dẫn dắt nếu HS khó trả lời: Một giáo sư Toán học thì theo em có giỏi không? Một người giỏi như vậy mà lại ngưỡng mộ, cảm phục người khác thì thế nào?...

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Các HS khác có thể bổ sung. (Tạ Quang Bửu chắc chắn phải là một người rất giỏi, là tấm gương sáng về nhân cách và tài năng,...).

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó giới thiệu khái quát về bài đọc: *Tấm gương tự học* nói về Tạ Quang Bửu – một nhà giáo dục, nhà quân sự, ngoại giao nổi tiếng ở Việt Nam. Ông là tấm gương sáng của tinh thần tự học. Hãy cùng đọc văn bản để biết những thành tích lớn lao mà ông đã đóng góp cho nước nhà cũng như bí quyết thành công của ông.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (giọng đọc nhẹ nhàng, tha thiết, tự hào). Nếu trong lớp có HS đọc tốt, GV có thể mời 4 em đọc nối tiếp 4 đoạn trong bài.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đây là văn bản về tiểu sử của người nổi tiếng. Các em chú ý đọc để thể hiện được sự ngưỡng mộ và tự hào đối với nhân vật Tạ Quang Bửu.

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *Tạ Quang Bửu, uyên bác, chính khách,...* GV nhắc HS: Đây cũng là những từ dễ viết sai chính tả.

(GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS mắc lỗi cụ thể khi đọc bài.)

– 4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc hai đoạn (đọc nối tiếp), sau đó đổi đoạn để đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài đọc mà chưa hiểu. GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển. GV lưu ý thêm từ *chính khách*, từ này HS sẽ được tìm hiểu trong phần Luyện tập theo văn bản đọc.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Đoạn văn thứ nhất giới thiệu điều gì về Tạ Quang Bửu?*

– Làm việc chung cả lớp hoặc làm việc theo cặp.

+ GV hướng dẫn HS đọc đoạn văn thứ nhất.

+ HS tự đọc lại đoạn văn và trao đổi với bạn để tìm câu trả lời.

– GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp. Cả lớp góp ý, nhận xét, bổ sung.

– GV và HS chốt đáp án: Đoạn văn thứ nhất giới thiệu về quê quán và gia đình Tạ Quang Bửu, đồng thời giới thiệu khái quát về sự nghiệp của ông.

Câu 2. *Những chi tiết nào cho thấy Tạ Quang Bửu là tấm gương tự học, học suốt đời và học say mê?*

– GV mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi. GV gợi ý: Theo các em, câu trả lời sẽ nằm ở đoạn văn nào? (đoạn văn 2 và 3). Cần đọc kĩ cả 2 đoạn văn để tìm thông tin.

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi (nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, sau đó thống nhất ý kiến). GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp góp ý, nhận xét.

– GV và cả lớp chốt đáp án:

+ Biểu hiện trước hết của việc tự học đó là Tạ Quang Bửu rất chăm đọc sách: đọc sách ở mọi lúc, mọi nơi, đọc nhanh và nhớ lâu; đã từng vì mải đọc sách mà ngã xuống suối;

tự học tiếng Nga chỉ trong 3 tháng mà dịch tiếng Nga rất giỏi; luôn tranh thủ thời gian đọc sách,…

+ Biểu hiện của việc học suốt đời và say mê thể hiện ở chi tiết: ông học từ lúc còn trẻ đến lúc cuối đời, cả khi đau ốm; quan tâm và giỏi ở nhiều lĩnh vực,…

(HS cùng bổ sung các chi tiết, có thể diễn đạt theo ý mình.)

Câu 3. *Theo em, vì sao Tạ Quang Bửu nhiều lần được cùng Bác Hồ tiếp các chính khách nước ngoài?*

– GV cho HS đọc câu hỏi. GV gợi ý: Theo các em, câu trả lời sẽ nằm ở đoạn văn nào? (đoạn văn 3).

– HS làm việc theo cặp để trả lời câu hỏi (nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, sau đó thống nhất ý kiến). GV quan sát các cặp làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 cặp trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp góp ý, bổ sung, nhận xét.

– GV và cả lớp chốt đáp án: Tạ Quang Bửu nhiều lần được cùng Bác Hồ tiếp các chính khách nước ngoài vì ông rất giỏi ngoại ngữ (và chắc chắn ông còn giỏi ở cả lĩnh vực ngoại giao, quân sự, chính trị nữa).

Câu 4. *Sự đa tài, uyên bác của Tạ Quang Bửu được thể hiện như thế nào?*

– GV triển khai hoạt động tương tự như đối với câu hỏi 3.

– GV và HS cùng thống nhất đáp án (HS có thể diễn đạt theo những cách khác nhau):

+ Ông xuất sắc ở nhiều lĩnh vực: toán, lí, hoá, sinh, triết học,… đặc biệt là ngoại ngữ.

+ Ông còn có hiểu biết sâu rộng về âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc, thể thao,…

+ Ông được coi là "Lê Quý Đôn thời nay" (GV có thể đặt câu hỏi về Lê Quý Đôn hoặc giải thích để HS nắm được: Lê Quý Đôn là người có bộ óc "bách khoa", có trí nhớ siêu phàm và vô cùng thông minh, uyên bác.)

Câu 5. *Tài năng, công lao của Tạ Quang Bửu được ghi nhận thế nào?*

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm hoặc theo lớp:

+ Đọc kĩ yêu cầu và tìm đoạn văn có chứa câu trả lời (đoạn cuối cùng của bài).

+ Thảo luận, bổ sung đáp án.

+ Các thành viên trong nhóm thay phiên nhau trình bày và góp ý.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý, bổ sung: Tài năng, công lao của Tạ Quang Bửu được ghi nhận thông qua việc lấy tên ông để đặt tên cho các con phố ở nhiều thành phố lớn trên cả nước, lấy tên ông đặt cho tên một giải thưởng (trao cho những nhà khoa học xuất sắc),… Đối với HS khá giỏi, GV có thể mở rộng thêm các thông tin về Tạ Quang Bửu:

+ Tên của ông được đặt cho một thư viện lớn của Đại học Bách khoa Hà Nội: Thư viện Tạ Quang Bửu.

+ Ông được tín nhiệm, giao nhiều chức vụ quan trọng: Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (nay là Đại học Bách Khoa Hà Nội), Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, đại biểu Quốc hội,…

+ Được tặng thưởng nhiều huân huy chương,…

4. Luyện đọc lại.

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

Phần này có mục đích luyện cho HS về nghĩa của yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa.

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. GV nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học: làm việc cá nhân trước khi trao đổi, thống nhất câu trả lời trong nhóm hoặc lớp.

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. *Dựa vào gợi ý trong SHS, tìm nghĩa cho mỗi từ.*

a. Chương trình học tập chính thức, bắt buộc: *chính khoá*

b. Người chuyên hoạt động chính trị, khá nổi tiếng: *chính khách*

c. Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất: *chính phủ*

Câu 2. *Chọn các từ ở bài tập 1 để hoàn thiện câu.*

a. Nhiều **chính khách** quốc tế đã có mặt tại hội nghị này.

b. **Chính phủ** các nước phải đảm bảo mọi quyền lợi cho trẻ em.

c. Một số hoạt động trải nghiệm sẽ được tổ chức ngoài giờ học **chính khoá**.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc.

1. Chuẩn bị.

– 2 HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của đề bài.

– GV hướng dẫn HS:

+ Làm việc cá nhân: Chọn nhân vật (có thể là một người hoặc một sự vật – con vật hay đồ vật được nhân hoá) trong sách để giới thiệu. Xem lại tên cuốn sách, tác giả sách, tên nhân vật sẽ giới thiệu; những điều muốn giới thiệu về nhân vật này.

(Có thể mang sách tới lớp để xem lại khi cần thiết, hoặc giới thiệu để các bạn cùng đọc.)

+ Làm việc theo nhóm 4: Từng HS báo cáo kết quả chuẩn bị; tiếp thu ý kiến của nhóm.

– Đại diện 1 – 2 nhóm báo cáo kết quả chuẩn bị của nhóm.

– GV nhận xét, khen ngợi những HS chuẩn bị bài chu đáo.

2. Tìm ý.

– GV trình chiếu gợi ý trong SHS về hoạt động tìm ý.

– 1 – 2 HS nói lại gợi ý theo ý hiểu của mình.

– GV nhận xét, đánh giá và nhắc lại những ý chính trong từng phần. (VD: Trong phần mở đầu, cần giới thiệu chung về nhân vật trong cuốn sách và nêu ấn tượng chung về nhân vật,...; phần triển khai: Giới thiệu từng đặc điểm nổi bật của nhân vật và đưa dẫn chứng minh hoạ; phần kết thúc: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về nhân vật.)

– HS làm việc cá nhân: tìm ý theo gợi ý trong SHS, viết kết quả vào vở hoặc giấy nháp.

– GV quan sát và giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

(GV có thể phát phiếu bài tập cho từng HS (nếu có). HS ghi kết quả tìm ý vào phiếu.)

PHIẾU BÀI TẬP

Mở đầu	– Giới thiệu chung về nhân vật: ..... – Ấn tượng chung về nhân vật: .....
Triển khai	– Đặc điểm 1 của nhân vật: ..... + Dẫn chứng: ..... – Đặc điểm 2 của nhân vật: ..... + Dẫn chứng: ..... – Đặc điểm 3 của nhân vật: ..... + Dẫn chứng: .....
Kết thúc	– Nhận xét hoặc cảm nghĩ về nhân vật: ..... – Bài học mà nhân vật đem đến: .....

3. Góp ý và chỉnh sửa.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Lớp góp ý các vấn đề: Thông tin về cuốn sách có chính xác không? Đã giới thiệu đúng và đầy đủ các đặc điểm của nhân vật chưa? Dẫn chứng (về ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ,...) cho mỗi đặc điểm ấy có cụ thể, thuyết phục không?...

– HS bổ sung hoặc chỉnh sửa ý (nếu cần).

– GV đánh giá chung về kết quả hoạt động tìm ý; khen ngợi những HS hoàn thành tốt bài học; nêu những điều HS cần lưu ý khi tìm ý cho bài giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1 + 2. Đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV nêu yêu cầu đọc mở rộng:

+ Đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh: nhắc HS đọc gợi ý trong SHS để biết câu chuyện của mình có phù hợp với chủ điểm hay không. Nếu câu chuyện đã đọc ở nhà, có thể đổi cho bạn để đọc câu chuyện mới.

+ Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SHS (có thể viết thêm những nội dung khác theo ý thích).

+ Trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung, ý nghĩa của câu chuyện đã đọc (có thể nói về nhân vật mình yêu thích, sự việc gây xúc động,...).

– HS làm việc theo hướng dẫn.

Lưu ý: GV nhắc HS có thể chia sẻ sách báo cho nhau; không gây ồn ào làm ảnh hưởng đến các bạn,...

3. Dựa vào những ghi chép trong phiếu đọc sách, trao đổi với bạn về nội dung và ý nghĩa của câu chuyện.

– HS làm việc theo nhóm: Từng em nói về những điều mình muốn chia sẻ với bạn. VD:

+ Tên câu chuyện, tên tác giả, nhân vật chính trong câu chuyện,...

+ Kể tóm tắt câu chuyện.

+ Sự việc đáng nhớ, sự việc gây xúc động,...

+ Ý nghĩa, bài học bổ ích rút ra từ câu chuyện.

+ ...

– Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin các bạn chia sẻ.

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS đọc nhiều sách, chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Giới thiệu với bạn hoặc người thân về một người mà em khâm phục, ngưỡng mộ (có thể là một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc).*

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 18:

Đọc – hiểu: *Tấm gương tự học.*

Viết: Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách.

Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh.

– GV có thể hỏi HS về những nội dung cụ thể đã học ở Bài 18.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 19.

TUẦN 11

BÀI 19 TRẢI NGHIỆM ĐỂ SÁNG TẠO (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Trải nghiệm để sáng tạo*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với những tình tiết sinh động kể về nhà văn An-đéc-xen.

   b. Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua suy nghĩ, việc làm,... của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện *Trải nghiệm để sáng tạo:* Để sáng tạo, cần có nhiều trải nghiệm thực tế.

2. Biết các loại từ điển và luyện tập sử dụng từ điển dựa theo công dụng cụ thể.

3. Biết thực hành viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

4. Phát triển năng lực quan sát, tăng cường trải nghiệm để ngày thêm sáng tạo trong học tập cũng như trong cuộc sống.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật; lời nói, cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật).

– Cách viết đoạn văn; cách giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học.

2. Phương tiện dạy học

– Một số cuốn từ điển: *Từ điển tiếng Việt, Từ điển thành ngữ và tục ngữ,...*

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Trải nghiệm để sáng tạo*.

– Phiếu bài tập cho bài tập 1 (phần Luyện từ và câu).

II HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

HS kể lại chi tiết thấy thú vị nhất trong câu chuyện *Tấm gương tự học* và trả lời câu hỏi: Em rút ra bài học gì từ câu chuyện này?

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giao nhiệm vụ: *Chia sẻ với bạn: Kể về một hoạt động trải nghiệm em đã được tham gia ở trường. Sau trải nghiệm đó, em học thêm được điều gì?*

– HS trao đổi nhóm đôi, cùng chia sẻ những hoạt động trải nghiệm đáng nhớ được tham gia ở trường; điều học được từ sau trải nghiệm đó.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét, ghi nhận những chia sẻ phù hợp. (VD: Cùng bạn đến làng nghề làm gốm sứ. Điều học được: nhẫn nại trong công việc./ Cùng bạn đi dã ngoại trong rừng. Điều học được: dũng cảm hơn./ Cùng bạn đến thăm doanh trại bộ đội. Điều học được: sắp xếp đồ đạc gọn gàng hơn, tác phong nhanh nhẹn hơn,...)

– GV giới thiệu bài đọc mới. (VD: Ai cũng có những trải nghiệm đáng nhớ. Nhờ trải nghiệm, chúng ta gắn bó hơn với bạn bè. Trải nghiệm còn giúp chúng ta nâng cao hiểu biết và sáng tạo không ngừng. Câu chuyện *Trải nghiệm để sáng tạo* kể về nhà văn An-đéc-xen sẽ nói rõ với chúng ta về giá trị đó của trải nghiệm.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm với ngữ điệu chung: chậm rãi, vui tươi xen lẫn tự hào; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện trải nghiệm của nhân vật trong câu chuyện (*chim chóc trên trời, thiên nga trong hồ nước, dãy núi cuối làng, di chuyển và lắc lư cái đầu, vụt qua bầu trời,...*). GV có thể mời 2 HS (có năng lực đọc khá tốt) đọc nối tiếp các đoạn.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *An-đéc-xen, rối gỗ, biểu diễn, Cô-pen-ha-ghen, thoả nguyện,...*), quan tâm hơn đến những HS hay mắc lỗi phát âm.

+ Ngắt giọng ở những câu dài. VD:

Đọc cuốn sách,/ Quốc vương Đan Mạch/ rất thích thú,/ cho gọi An-đéc-xen đến/ và hỏi ông/ có tâm nguyện gì.;...

+ Chú ý đọc diễn cảm một số câu.

• Những câu thể hiện sự sáng tạo của An-đéc-xen, đọc với giọng vui tươi, tự hào:

Quan sát mỗi sự vật, cậu lại liên tưởng đến một câu chuyện kì diệu, rồi kể cho cha nghe./ An-đéc-xen vui sướng cho chúng di chuyển, lắc lư cái đầu và trò chuyện cùng nhau./ Cậu bé may quần áo cho rối gỗ, đưa rối lên biểu diễn.

• Những câu thể hiện thái độ của An-đéc-xen, đọc với giọng rõ ràng, dứt khoát:

Ông bất bình trước những kẻ coi thường dân nghèo. Ông thương cảm với bao thân phận bé nhỏ, thiếu may mắn. Ông trân trọng những tâm hồn trong sáng, cao thượng.

+ Chia bài đọc thành 4 đoạn và nêu nội dung từng đoạn:

Đoạn 1: từ đầu đến *kể cho cha nghe* (Gia cảnh An-đéc-xen và trải nghiệm của An-đéc-xen trong những năm đầu đời.)

Đoạn 2: tiếp theo đến *Sao chổi* (Những trải nghiệm của An-đéc-xen khi lên năm tuổi.)

Đoạn 3: tiếp theo đến *giúp ông thoả nguyện* (Cuộc gặp gỡ giữa An-đéc-xen với Quốc vương Đan Mạch và tâm nguyện của ông.)

Đoạn 4: còn lại (Trải nghiệm lúc trưởng thành và những sáng tạo của An-đéc-xen.)

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của một số từ ngữ, VD:

+ *Sao chổi*: thiên thể bay ngoài không gian, khi bay đến gần Mặt Trời, băng và bụi của nó bốc hơi tạo thành vệt trông giống hình chiếc chổi.

+ *Đan Mạch*: đất nước thuộc Bắc Âu, phía nam giáp nước Đức, ba mặt còn lại giáp biển Bắc và Baltic.

+ *Cô-pen-ha-ghen*: thủ đô của Đan Mạch.

+ *Chu du:* đi chơi, đi du lịch nhiều nơi xa.

+ *Tâm nguyện:* mong muốn, ước nguyện từ tận đáy lòng.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu nêu trong SHS.

Câu 1. *Những trải nghiệm nào ngày thơ ấu đã hun đúc nên tài năng của An-đéc-xen?*

– HS đọc câu hỏi 1.

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ HS xem nhanh đoạn 1 và 2.

+ Trao đổi nhóm 4, thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV nhận xét và ghi nhận những câu trả lời hợp lí, diễn đạt theo cách riêng. (VD: Có nhiều trải nghiệm tuổi thơ đã hun đúc nên tài năng của An-đéc-xen: được cha đưa ra đồng cỏ chơi; được cha làm cho chiếc kính có thể nhìn ra xa, để thấy chim chóc trên trời,

dãy núi phía cuối làng, thiên nga trong hồ nước,...; được cha làm cho mấy con rối gỗ và dựng cho một cái sân khấu ngoài sân để biểu diễn,...).

Câu 2. *Tìm những chi tiết cho thấy An-đéc-xen bộc lộ năng khiếu sáng tác nghệ thuật ngay từ khi còn nhỏ.*

– GV nêu câu hỏi 2 (hoặc gọi HS đọc câu hỏi 2).

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ HS xem nhanh lại đoạn 1 và 2; chú ý tìm những việc An-đéc-xen đã làm.

+ HS làm việc theo nhóm 4 (lần lượt từng em nêu ý kiến), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV nhận xét và ghi nhận những câu trả lời phù hợp. (VD: Khi còn bé tí: nhìn mỗi sự vật, lại liên tưởng đến một câu chuyện kì diệu, rồi kể cho cha nghe. Lên năm tuổi: cho các con rối lắc lư cái đầu, tâm sự cùng nhau, đưa rối lên biểu diễn trên sân khấu; biết ca hát, đọc thơ; viết câu chuyện *Sao chổi* sau khi nhìn thấy ngôi sao chổi vụt qua bầu trời...)

Câu 3. *An-đéc-xen đã bày tỏ tâm nguyện gì với Quốc vương Đan Mạch? Theo em, vì sao Quốc vương Đan Mạch ủng hộ tâm nguyện của An-đéc-xen?*

– 2 HS đọc và nêu yêu cầu của câu hỏi 3.

– HS suy nghĩ và tìm câu trả lời.

– HS chia sẻ theo nhóm 4 về những suy luận, lí giải của mình. Nhóm góp ý.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Lớp nhận xét, bình chọn sự giải thích hợp lí nhất, độc đáo nhất.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS có suy luận hợp lí, độc đáo.

– GV nhận xét và ghi nhận những câu trả lời phù hợp. (VD: Tâm nguyện của An-đéc-xen: được đến nhiều nơi để trải nghiệm cuộc sống; Quốc vương ủng hộ tâm nguyện của An-đéc-xen vì muốn An-đéc-xen trải nghiệm nhiều sẽ sáng tác được nhiều tác phẩm hay./ Vì Quốc vương yêu quý An-đéc-xen nên đáp ứng tâm nguyện của ông./ Vì chính Quốc vương cũng thích được trải nghiệm, đến nhiều nơi./...)

Câu 4. *Nhờ đâu An-đéc-xen viết được nhiều tác phẩm hay?*

– HS đọc câu hỏi 4.

– GV khuyến khích HS có những suy luận hợp lí, theo cách hiểu riêng của mình.

– HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời; trao đổi trong nhóm 4 để thống nhất, tổng hợp ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV đánh giá, ghi nhận những lí giải xác đáng, đầy đủ. (VD: An-đéc-xen viết được nhiều tác phẩm hay là nhờ trải nghiệm nhiều/ nhờ hiểu biết nhiều về cuộc sống/ nhờ trí tưởng tượng phong phú/ nhờ khả năng quan sát thực tế/ nhờ tâm hồn trong sáng/ nhờ tình yêu thương trẻ em/ nhờ tuổi thơ gắn với nhiều trải nghiệm/ nhờ người cha luôn quan tâm, chăm sóc/ nhờ Quốc vương Đan Mạch ủng hộ, động viên/...)

Câu 5. *Câu chuyện "Trải nghiệm để sáng tạo" muốn nói với chúng ta điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.*

A. Muốn sáng tạo nghệ thuật, phải có nhiều trải nghiệm thực tế.

B. Thành công sẽ đến khi chúng ta biết nỗ lực vượt qua khó khăn.

C. Càng trải nghiệm thực tế, chúng ta càng mở rộng hiểu biết.

– 2 HS đọc câu hỏi 5.

– HS suy nghĩ để tìm câu trả lời.

– GV khuyến khích HS đưa thêm lời giải thích vì sao lựa chọn câu trả lời đó.

– Đại diện 2 – 3 HS phát biểu ý kiến.

– GV nhận xét, ghi nhận câu trả lời và khen ngợi những HS có ý kiến giải thích hợp lí.

4. Luyện đọc lại.

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

+ 2 hoặc 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

+ HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

– GV đánh giá chung về kết quả đọc của HS.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP SỬ DỤNG TỪ ĐIỂN

1. Sử dụng từ điển tiếng Việt để tra cứu nghĩa của các từ *chăm chỉ* và *kiên trì*.

– GV gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 1.

– HS làm bài tập theo hình thức cá nhân: thực hiện tra từ điển theo các bước đã được học ở những bài trước và thực hiện yêu cầu của bài tập; nói rõ tên, tác giả cuốn từ điển được dùng để tra cứu. Nếu nghĩa của từ *chăm chỉ* hay *kiên trì* được nêu là giống nghĩa với một từ ở trước thì phải tra cứu thêm nghĩa của từ trước đó.

– GV gọi 2 – 3 HS trình bày kết quả. Các bạn khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và chốt đáp án: *chăm chỉ*: (chăm) có sự chú ý thường xuyên để làm công việc gì có ích một cách đều đặn; *kiên trì*: giữ vững, không thay đổi ý chí, ý định để làm việc gì đó đến cùng, mặc dù gặp nhiều khó khăn, trở lực.

2. Đọc tên các cuốn từ điển trong SHS và trả lời câu hỏi.

– GV trình chiếu bài tập 2 và gọi 1 – 2 HS đọc lại bài tập.

– GV lưu ý HS suy ra công dụng của từ điển ngay từ chính tên gọi.

– HS trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả.

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp. Cả lớp nhận xét.

– GV nhận xét và chốt đáp án:

Các từ điển: *Từ điển từ đồng nghĩa tiếng Việt, Từ điển thành ngữ và tục ngữ, Từ điển chính tả tiếng Việt*.

a. *Từ điển từ đồng nghĩa tiếng Việt* giúp tìm được những từ đồng nghĩa với từ *chăm chỉ, kiên trì*.

b. Sử dụng *Từ điển thành ngữ và tục ngữ* để tìm hiểu nghĩa của thành ngữ *học một biết mười* hoặc thành ngữ *mắt thấy tai nghe*.

3. Tìm nghĩa của thành ngữ *mắt thấy tai nghe.*

– GV trình chiếu bài tập và ví dụ. Gọi 1 – 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc theo nhóm đôi để thống nhất ý kiến. GV có thể phát phiếu bài tập cho từng nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày ý kiến. Lớp nhận xét.

– GV nhận xét, chốt đáp án. VD: Nghĩa của thành ngữ *mắt thấy tai nghe*: nói những việc tự mình nhìn thấy, nghe thấy (Theo *Từ điển thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt* – Giáo sư Nguyễn Lân); trực tiếp nhìn thấy, nghe thấy, được chứng kiến cụ thể (Theo *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt* – Nguyễn Như Ý chủ biên).

4. Nêu tên một số từ điển mà em biết.

– 1 HS nêu yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc nhóm 4 (có thể theo hình thức "Khăn trải bàn").

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày. Có thể đưa ra các cuốn từ điển để cả lớp cùng biết.

– Lớp nhận xét, đánh giá.

– GV đánh giá và tổng hợp các cuốn từ điển mà HS đã nêu. Có thể giới thiệu thêm một số từ điển cần thiết khác. (VD: Từ điển bằng tranh – Thế giới động vật, Từ điển từ thông dụng tiếng Việt, Từ điển từ trái nghĩa tiếng Việt, Từ điển từ đồng âm tiếng Việt, Từ điển từ Việt cổ,...).

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc.

1. Dựa vào kết quả tìm ý trong hoạt động Viết ở Bài 18, viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc

– GV hướng dẫn HS:

+ Nhớ lại đoạn văn giới thiệu về nhân vật Mi-lô và những điều đã trao đổi.

+ Xem lại kết quả tìm ý trong hoạt động *Viết* ở Bài 18.

– HS đọc những điều cần lưu ý khi viết và ví dụ minh hoạ.

+ Tập trung giới thiệu những đặc điểm nổi bật của nhân vật.

+ Thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với nhân vật và cuốn sách để khích lệ mọi người cùng tìm đọc.

– HS viết đoạn văn vào vở hoặc vở nháp.

– GV quan sát HS, hỗ trợ những em còn hạn chế về kĩ năng viết.

– GV xem qua bài của HS khi các em đang làm bài, có thể động viên, khích lệ những bài viết tốt; bài chưa tốt thì góp ý, hướng dẫn riêng từng em.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

– GV yêu cầu HS đọc soát theo các vấn đề:

+ Bố cục đoạn văn đã đảm bảo 3 phần chưa?

+ Nội dung giới thiệu đã đúng và đầy đủ chưa, đã tập trung nêu các đặc điểm của nhân vật chưa?

+ Dẫn chứng minh hoạ (về hành động, lời nói, suy nghĩ,...) cho từng đặc điểm ấy có cụ thể, thuyết phục không?

+ Còn lỗi nào về dùng từ, đặt câu?

+ ...

– HS đọc lại bài làm của mình để phát hiện lỗi (nếu có).

– HS chỉnh sửa lỗi (nếu có).

– GV nhận xét, đánh giá chung về kết quả viết; khen ngợi những HS hoàn thành tốt bài viết; lưu ý HS những lỗi dễ mắc phải khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân nội dung em đã viết ở đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.*

+ Nhớ lại nội dung đã viết ở phần mở đầu.

+ Chia sẻ với người thân về các thông tin trong phần mở đầu đó.

+ Lắng nghe góp ý của người thân về nội dung em đã viết.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của bài học:

Đọc – hiểu: *Trải nghiệm để sáng tạo*.

Luyện từ và câu: Luyện tập sử dụng từ điển.

Viết: Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

– HS chia sẻ về nội dung học tập mình thấy thích nhất, thiết thực nhất trong bài học.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 20.

Bài 20 KHỔ LUYỆN THÀNH TÀI (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng câu chuyện *Khổ luyện thành tài*, biết phân biệt lời người dẫn chuyện với lời nhân vật, có ngữ điệu phù hợp với lời mỗi nhân vật; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí.

   b. Nhận biết được những tình tiết chính trong câu chuyện, hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: Con người muốn thành công, cần sự khổ luyện.

2. Nhận biết được ưu điểm, nhược điểm trong bài viết (đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách) của mình; biết viết lại một số câu trong bài của mình cho đúng hơn, hay hơn.

3. Thảo luận được về một cuốn sách mình yêu thích.

4. Bồi dưỡng lòng kiên trì, sự quyết tâm và niềm đam mê trong công việc.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Thể loại văn bản: mẩu chuyện về danh nhân.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh, clip minh hoạ về nội dung bài học. Có thể sưu tầm thêm hình ảnh về Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi và các bức tranh ông vẽ.

– Sơ đồ gợi ý đánh giá bài viết (dành cho phần Viết).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Trải nghiệm để sáng tạo* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu tên bài học (*Khổ luyện thành tài*) và giao nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu phần Khởi động: *Nhan đề bài đọc "Khổ luyện thành tài" gợi cho em suy nghĩ gì?*

+ Thảo luận theo cặp: HS chia sẻ với nhau suy nghĩ cá nhân.

– Đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác có thể bổ sung.

– GV nhận xét ý kiến của HS, chốt lại vấn đề: *Khổ luyện thành tài* nói về một con người rất nỗ lực, cố gắng, vượt mọi gian khổ để đi đến thành công (trở thành một người tài giỏi).

– GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi là một hoạ sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư người I-ta-li-a nổi tiếng thế giới. Câu chuyện chúng ta sẽ đọc ngày hôm nay kể lại những ngày đầu tiên đi học vẽ của ông. Hãy cùng đọc tác phẩm để xem con đường đến với thành công của ông như thế nào.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, theo lời nhân vật, lời người dẫn chuyện). Nếu trong lớp có HS đọc tốt, GV có thể mời 3 em đọc nối tiếp các đoạn trong bài. GV có thể phân chia đoạn để các em đọc.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đây là văn bản truyện, các em chú ý đọc để thể hiện được tình cảm, cảm xúc của mỗi nhân vật qua các lời thoại trong văn bản.

Lưu ý: Giọng thầy giáo ân cần nhưng nghiêm khắc.

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, năng lực, sự khổ công, ...*

(GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS mắc lỗi cụ thể khi đọc bài.)

– HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo nhóm: Mỗi HS đọc hai đoạn (đọc nối tiếp), sau đó đổi đoạn để đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài đọc mà chưa hiểu. GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển. VD: *khổ luyện, thắc mắc,...*

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Những ngày đầu tiên đi học vẽ, vì sao Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi cảm thấy chán nản?*

– Làm việc theo cặp với nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ đoạn văn 2.

+ Thảo luận, thống nhất câu trả lời.

– GV mời đại diện 2 – 3 cặp trả lời trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV và HS thống nhất đáp án: Những ngày đầu tiên đi học vẽ, Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi cảm thấy chán nản vì thầy giáo yêu cầu vẽ đi vẽ lại một quả trứng gà (có thể chấp nhận những cách diễn đạt khác nhau).

Câu 2. *Vì sao thầy giáo cho rằng việc vẽ trứng là không dễ dàng?*

– GV mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV nhắc HS tìm đoạn văn có chứa nội dung để trả lời.

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi (nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, sau đó thống nhất ý kiến). GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV và cả lớp thống nhất đáp án: Không có 2 quả trứng nào giống nhau hoàn toàn. Bên cạnh đó, các góc nhìn khác nhau sẽ tạo ra những quả trứng khác nhau và ánh sáng cũng ảnh hưởng đến việc vẽ trứng. (HS có thể diễn đạt khác, miễn là có ý như trên.)

Câu 3. *Lê-ô-nác-đô hiểu ra điều gì từ câu trả lời của thầy giáo?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi.

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi. GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– GV nhấn mạnh: Đây là câu hỏi đòi hỏi sự suy luận, xâu chuỗi từ những tình tiết trong câu chuyện. Cần nhớ lại sự phàn nàn của Lê-ô-nác-đô và câu trả lời rất dài của thầy giáo.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV và cả lớp thống nhất đáp án (Đáp án tương đối mở, HS có thể diễn đạt theo những cách khác nhau.): Lê-ô-nác-đô hiểu rằng vẽ trứng không đơn giản, muốn làm thật tốt thì phải khổ luyện; thầy giáo đã mất rất nhiều công sức để giúp mình.

Câu 4. *Em học hỏi được điều gì từ câu chuyện của Lê-ô-nác-đô?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi. HS làm việc theo cặp hoặc nhóm.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý, bổ sung. Câu hỏi này có đáp án mở. VD: Điều em học được từ câu chuyện của Lê-ô-nác-đô là phải kiên trì; Tài năng của một con người chưa chắc đã là bẩm sinh, nó có thể có được khi khổ công rèn luyện và nỗ lực,...

Câu 5. *Câu tục ngữ nào sau đây nói lên ý nghĩa câu chuyện? Chọn đáp án đúng.*

A. Có công mài sắt, có ngày nên kim.

B. Không thầy đố mày làm nên.

C. Lá lành đùm lá rách.

D. Ăn quả nhớ người trồng cây.

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi. HS làm việc theo cặp hoặc nhóm với nhiệm vụ:

+ Đọc lại câu hỏi.

+ Đọc kĩ các câu tục ngữ, có thể nêu tóm tắt ý nghĩa của mỗi câu tục ngữ.

+ Suy nghĩ về ý nghĩa của câu chuyện. (Liên hệ với câu hỏi 4, HS vừa trả lời và liên hệ với tiêu đề văn bản.)

+ Chọn phương án đúng.

– GV mời đại diện một số nhóm phát biểu. Các nhóm khác nhận xét.

– GV và HS thống nhất phương án đúng.

Đáp án: Câu tục ngữ nói lên ý nghĩa câu chuyện là câu A. *Có công mài sắt, có ngày nên kim.* (Giải thích: Tên văn bản là *Khổ luyện thành tài*. Văn bản kể về sự nỗ lực của Lê-ô-nác-đô để đi tới thành công. Có thể sẽ có HS lựa chọn phương án B (*Không thầy đố mày làm nên*). GV cho HS tranh luận với nhau. GV chốt: câu tục ngữ A mới là thông điệp chính mà câu chuyện gửi đến người đọc. Thầy giáo là người định hướng cho Lê-ô-nác-đô nhưng thành công mà Lê-ô-nác-đô có được là do sự khổ luyện mà thành.)

4. Luyện đọc lại.

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

Phần này có mục đích mở rộng vốn từ cho HS: những từ thể hiện phẩm chất, sự cố gắng của con người để đi đến thành công. GV có thể dành chút thời gian phân tích tranh minh hoạ để dẫn tới việc tìm đúng các từ: Con đường đến với thành công là rất chông gai, vất vả. Vậy con người muốn thành công thì phải làm gì? Có 2 từ gợi ý: *khổ công* (từ trong bài) và *kiên trì* (từ ngoài bài).

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện nhiệm vụ. GV nêu thời gian thực hiện và chỉ dẫn hình thức học (làm việc cá nhân trước khi trao đổi, thống nhất câu trả lời trong nhóm hoặc lớp.

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án tham khảo:

Câu 1. Các từ trong bài: *khổ công, khổ luyện*. Các từ ngoài bài: *kiên trì, say mê, chịu khó, nỗ lực, phấn đấu, cố gắng, ...*

Câu 2. VD: Thành công của Lê-ô-nác-đô là sự kết hợp của hai yếu tố: sự *khổ công/ kiên trì* dạy dỗ của thầy giáo và sự *khổ luyện/ cố gắng/ nỗ lực* của chính bản thân mình.

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

1. Nghe thầy cô nhận xét chung.

– GV nhận xét, đánh giá chung về bài viết của HS. Có thể trình chiếu sơ đồ gợi ý đánh giá bài viết (đã nêu trong SHS).

Nhận xét về các vấn đề: Mở đầu và kết thúc có ngắn gọn, hấp dẫn, đảm bảo về nội dung không? Phần triển khai có giới thiệu được rõ ràng các đặc điểm nổi bật của nhân vật? Có dẫn chứng minh hoạ cho từng đặc điểm một cách cụ thể, phù hợp,

thuyết phục? Dùng từ, đặt câu đã đúng, đã hay chưa? Trình bày một đoạn văn đã đảm bảo về hình thức (viết liền mạch, không xuống dòng,...)?

– GV khen ngợi các bài viết tốt.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

– 1 HS nêu lại các nội dung cần đọc soát, đánh giá.

– GV có thể hướng dẫn HS:

+ Nên xem lại bìa sách (nếu có) để biết tên nhân vật, tên cuốn sách, tên tác giả,... (nhất là những tên phiên âm tiếng nước ngoài) đã chính xác chưa.

+ Xem lại các đặc điểm của nhân vật và những dẫn chứng làm rõ cho từng đặc điểm.

+ Có thể sửa những lỗi đơn giản (về chính tả, từ ngữ, về tên nhân vật, tên tác giả,...).

– HS nhớ lại nhận xét, đánh giá của thầy cô để biết ưu điểm, nhược điểm trong bài viết của mình.

– HS làm việc theo hình thức cá nhân, soát xét bài viết của mình theo gợi ý trong SHS.

3. Viết lại một số câu trong bài viết của em cho đúng hơn hoặc hay hơn.

– GV hướng dẫn HS:

+ Tìm câu còn chưa đúng, chưa hay trong bài viết của mình (nếu có).

+ Tự chỉnh sửa cho đúng hơn, hay hơn.

+ Ghi lại những câu viết hay (trong bài của bạn) mà em cần học tập.

– 1 – 2 HS chia sẻ câu vừa chỉnh sửa. Lớp nhận xét.

– GV đánh giá kết quả chỉnh sửa của HS, khen ngợi những HS biết khắc phục lỗi trong bài viết của mình.

VD: Các câu *Nếu dũng cảm đối mặt với khó khăn, chúng ta sẽ tìm thấy hạnh phúc. Câu chuyện Chú lính chì dũng cảm đã cho người đọc sách một thông điệp ý nghĩa* đã mắc lỗi: không dùng *dấu ngoặc kép* để đánh dấu tên câu chuyện *Chú lính chì dũng cảm;* trật tự 2 câu chưa hợp lí (ý chung nêu sau ý cụ thể). Có thể sửa thành: *Câu chuyện "Chú lính chì dũng cảm" đã cho người đọc sách một thông điệp ý nghĩa: Nếu dũng cảm đối mặt với khó khăn, chúng ta sẽ tìm thấy hạnh phúc.*

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

CUỐN SÁCH TÔI YÊU

Yêu cầu: Giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích.

1. Chuẩn bị.

– GV chiếu hướng dẫn lên bảng cho cả lớp xem và yêu cầu 1 HS trả lời câu hỏi: Hoạt động thảo luận gồm có mấy bước? Đó là những bước nào?

– GV yêu cầu 1 HS đọc gợi ý về những thông tin sẽ giới thiệu về cuốn sách, các HS khác đọc thầm theo.

– HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, suy nghĩ để trình bày ý kiến về cuốn sách theo những gợi ý đó.

2. Trình bày.

Mỗi nhóm có thể lựa chọn một trong hai phương án cho nhóm mình.

– Người điều hành nêu nội dung thảo luận.

– Các HS trong nhóm trình bày ý kiến đã chuẩn bị của mình (nếu nhóm lựa chọn phương án 1) hoặc cả nhóm cùng nói về một cuốn sách được nhiều người yêu thích (nếu nhóm lựa chọn phương án 2).

+ Phương án 1: Giới thiệu tóm lược về cuốn sách (tên sách, tên tác giả, nội dung chính, các nhân vật, điều khiến em yêu thích và lý do yêu thích).

+ Phương án 2: Từng HS trong nhóm trình bày ý kiến về cuốn sách được yêu thích, lưu ý nói về những điều khiến em yêu thích cuốn sách như nhân vật gây ấn tượng, những điều thu nhận được từ cuốn sách...

– Thảo luận về các ý kiến (có thể áp dụng đối với cả hai phương án): Có đồng ý với ý kiến của bạn hay không? Vì sao? Có cần bổ sung gì cho ý kiến của bạn hay không? Vì sao?...

Lưu ý: Tuỳ góc nhìn của từng người, điều khiến mỗi người yêu thích cuốn sách có thể khác nhau. Vì vậy, khi thảo luận, cần biết tôn trọng, lắng nghe ý kiến của người khác.

– Trao đổi, góp ý.

3. Đánh giá.

Người điều hành chốt lại vấn đề:

– Những ý kiến hay.

– Những điều cần rút kinh nghiệm.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân về cuốn sách mà em đã thảo luận cùng bạn bè.*

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 20:

Đọc – hiểu: *Khổ luyện thành tài*.

Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

Nói và nghe: *Cuốn sách tôi yêu*.

– GV có thể hỏi HS về những nội dung cụ thể đã học ở Bài 20.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 21.

TUẦN 12

Bài 21 THẾ GIỚI TRONG TRANG SÁCH (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Thế giới trong trang sách*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp, sự kì diệu của thế giới trong những trang sách cũng như bài học quý báu của những trang sách đối với trí tuệ, tâm hồn người đọc.

   b. Nhận biết được những hình ảnh đẹp, có sức gợi tả về một thế giới kì diệu từ những trang sách và ý nghĩa của những trang sách đối với trí tuệ, tâm hồn, nhân cách, phẩm chất của người đọc. Hiểu được điều nhà thơ muốn nhắn nhủ qua bài thơ: Qua những trang sách, chúng ta cảm nhận được rằng: nhân nghĩa là lẽ sống đẹp của dân tộc mà mỗi con người cần hướng tới.

2. Biết thêm một công dụng của dấu gạch ngang: đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu; biết dùng dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích khi viết.

3. Nhận biết được cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

4. Chủ động và tích cực đọc sách để mở rộng tri thức, bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thơ (cảm xúc/ mạch cảm xúc, hình ảnh, ngôn ngữ,...).

– Cấu trúc đoạn văn; cách thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

– Cách sử dụng dấu gạch ngang trong tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.

– Một số văn bản (đặc biệt là văn bản truyện kể về các danh nhân) có sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

– Phiếu bài tập cho phần Luyện từ và câu (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Khổ luyện thành tài* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Chủ đề của câu chuyện là gì?).

ĐỌC

1. Khởi động.

– HS làm việc theo nhóm: từng em chia sẻ về một bài học bổ ích rút ra từ những trang sách đã đọc.

– GV nhận xét các nhóm, sau đó hỏi HS rằng tranh ảnh minh hoạ bài thơ cho biết điều gì.

2. Đọc văn bản.

– GV mời HS đọc nối tiếp bài thơ, sau đó hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai.

+ Đọc diễn cảm những từ ngữ, những câu thơ thể hiện cảm xúc, suy tư của tác giả về những trang sách đã đọc – đặc biệt là các câu mở đầu mỗi khổ thơ: *Trang sách mở ra thế giới diệu kì, Trang sách trả lời câu hỏi tuổi thơ, Trang sách thắp lên ngọn lửa khát khao, Bài học nào trong trang sách thiết tha.*

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV yêu cầu HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối văn bản đọc và hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Thế giới diệu kì mà sách mang đến cho người đọc được thể hiện qua những hình ảnh nào?*

– Câu hỏi này chỉ là nhắc lại chi tiết trong đoạn mở đầu của bài đọc, GV nêu câu hỏi 1 trước lớp và mời một số HS phát biểu. VD: Ở khổ thơ đầu, thế giới diệu kì mà những trang sách mang đến cho người đọc (tặng cho người đọc) chính là vẻ đẹp cuộc sống được miêu tả, phản ánh trong trang sách. Vẻ đẹp đó được thể hiện qua những hình ảnh thơ: bầu trời sao lấp lánh, mặt biển xanh với cánh buồm nâu trong nắng, bảy sắc cầu vồng sau cơn mưa,…

– GV nói thêm để HS hiểu: Những hình ảnh thơ mang tính chất tượng trưng, bởi vô vàn trang sách đã mang đến cho người đọc biết bao nhiêu tri thức, gợi lên bao điều kì diệu trong tâm hồn người đọc.

Câu 2. *Dựa vào khổ thơ thứ hai và những trải nghiệm đọc sách, nêu cách hiểu của em về câu thơ "Trang sách trả lời câu hỏi tuổi thơ".*

– HS trao đổi theo cặp/ nhóm để chuẩn bị câu trả lời. Đại diện các nhóm phát biểu trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý.

(VD: Câu thơ "Trang sách trả lời câu hỏi tuổi thơ" ý muốn nói các bạn nhỏ đọc sách sẽ tìm thấy câu trả lời cho những câu hỏi, những băn khoăn, thắc mắc của mình về

những sự vật, hiện tượng bí ẩn trong vũ trụ bao la. Ví dụ, khi còn bé, nhìn lên vầng trăng, ta tưởng có chú Cuội ngồi gốc cây đa như trong truyện cổ tích được bà, được mẹ kể. Nhưng lớn lên, sách khoa học giúp ta hiểu con người đã đặt chân lên Mặt Trăng, con người đã khám phá bao điều bí ẩn của vũ trụ.)

Câu 3. *Khổ thơ thứ ba giúp em cảm nhận được gì về ý nghĩa của những trang sách đối với tuổi thơ?*

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, suy luận để tìm câu trả lời.

– HS làm việc nhóm: từng em nêu ý kiến cá nhân.

– Một số em phát biểu ý kiến trước lớp.

Đáp án tham khảo: Đọc sách, ta sẽ thấy "con đường dài tít tắp đợi mong ta" – đó là con đường của ước mơ, của khát vọng vươn xa, bay cao mà những trang sách thắp lên trong lòng ta. Đọc sách, chúng ta được mở rộng hiểu biết, mở tầm mắt để khao khát làm được những điều cao đẹp.

Câu 4. *Theo em, tác giả muốn nhắn gửi các bạn nhỏ điều gì qua khổ thơ cuối? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.*

A. Nhân nghĩa là lẽ sống đẹp của dân tộc mà mỗi con người cần hướng tới.

B. Qua những trang sách, ta nhận ra lẽ sống nhân nghĩa người xưa truyền lại.

C. Nhớ về cội nguồn, gìn giữ truyền thống tốt đẹp cha ông để lại là trách nhiệm của mỗi chúng ta.

– GV nói: 3 câu trả lời đều đúng, các em có thể chọn phương án phù hợp với cảm nhận của mình hoặc đưa ra câu trả lời khác theo cách hiểu của mình.

– HS phát biểu. GV nhận xét và khích lệ HS nêu cảm nghĩ của mình về bài thơ.

4. Học thuộc lòng.

Làm việc cá nhân: Tự đọc thuộc lòng.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

DẤU GẠCH NGANG

1. Dấu gạch ngang trong các câu dưới đây được dùng để làm gì?

– GV trình chiếu bài tập 1 và gọi 1 HS đọc lại bài tập.

– GV gợi ý HS làm bài: Tìm bộ phận câu đứng ngay sau dấu gạch ngang và ý nghĩa của bộ phận đó trong câu (trong quan hệ với từ trước nó).

– HS trao đổi nhóm đôi hoặc nhóm 4 để thống nhất kết quả.

Hoặc: GV phát phiếu bài tập cho các nhóm 4. HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 4 để thống nhất kết quả và điền vào phiếu bài tập.

Câu	Bộ phận được đánh dấu bằng dấu gạch ngang và ý nghĩa	Công dụng của *dấu gạch ngang*
a. Ngày Sách và Văn hoá đọc Việt Nam – sự kiện văn hoá quan trọng đối với người yêu thích sách – được tổ chức vào ngày 21 tháng 4 hằng năm.	*sự kiện văn hoá quan trọng đối với người yêu thích sách* (giải thích cho *Ngày Sách và Văn hoá đọc Việt Nam*)	Đánh dấu bộ phận chú thích/ giải thích.
b. Ha-ri Pót-tơ – bộ truyện của nhà văn Giô-an Rô-linh – có sức hấp dẫn kì lạ với nhiều trẻ em trên thế giới.	*bộ truyện của nhà văn Giô-an Rô-linh* (giải thích cho *(cuốn) "Ha-ri Pót-tơ"*)	Đánh dấu bộ phận chú thích/ giải thích.

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp. Cả lớp nhận xét.

– GV nhận xét và chốt đáp án: D (đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.)

2. Nêu đặc điểm về vị trí và công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp được nêu trong SHS.

– GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc theo nhóm đôi.

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày. HS khác nhận xét.

– GV chốt đáp án:

a. Dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích trong câu và đứng ở giữa câu.

b. Dấu gạch ngang đánh dấu các ý liệt kê và đứng ở đầu mỗi ý liệt kê.

c. Dấu gạch ngang nối các từ ngữ trong một liên danh và đứng ở giữa các từ ngữ.

– Sau khi kết thúc bài tập 2, GV mời 2 – 3 HS nêu thêm công dụng của dấu gạch ngang, ngoài những công dụng đã học ở lớp 3, lớp 4.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc phần Ghi nhớ. Sau đó, dùng 1 – 2 phút cho cả lớp tự đọc và ghi nhớ nội dung này.

3. Dấu gạch ngang trong câu nào dưới đây dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích?

– 1 HS đọc bài tập và nêu yêu cầu của bài tập.

– GV lưu ý HS: Không lựa chọn những câu sử dụng dấu gạch ngang với công dụng khác.

– HS làm việc theo nhóm đôi.

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả.

– GV nhận xét và chốt đáp án: Dấu gạch ngang trong câu 1 (*Giuyn Véc-nơ – một trong những người được gọi là "cha đẻ của khoa học viễn tưởng" – rất thích du lịch tới các miền xa xôi.*) và câu 2 (*Năm mười một tuổi, cậu định đi theo một chiếc thuyền Ấn Độ – chiếc thuyền mà cậu hi vọng sẽ căng buồm đi khắp đó đây.*) dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.

Lưu ý: Những dấu gạch ngang còn lại dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp (– *Từ nay, con chỉ du lịch trong tưởng tượng thôi*.) và đánh dấu ý liệt kê (– *Hai vạn dặm dưới biển*, – *Vòng quanh thế giới trong 80 ngày*,…).

4. Viết 2 – 3 câu về một danh nhân, trong đó có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.

– GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc theo nhóm 4: chia sẻ câu đã viết, nghe góp ý của nhóm để chỉnh sửa.

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả viết. Có thể trình chiếu để cả lớp cùng đọc.

– Lớp nhận xét, đánh giá.

– GV đánh giá và ghi nhận những câu hay, thể hiện được công dụng đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích của dấu gạch ngang và viết đúng hình thức của dấu gạch ngang.

(VD: Một lần, Pa-xcan đi về khuya, thấy bố – một viên chức tài chính – vẫn cặm cụi ngồi kiểm tra sổ sách. Anh rất thương bố, lặng lẽ đi về phòng mình và vạch sơ đồ gì đó lên giấy. Ít hôm sau, anh đã chế tạo xong cái máy cộng trừ và mang tặng bố, giúp bố bớt vất vả vì những con tính.)

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN

1. Đọc câu chuyện trong SHS và trao đổi với bạn.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bài *Không nên phá tổ chim* và trả lời lần lượt 3 câu hỏi a, b, c.

– GV mời 1 HS đọc bài *Không nên phá tổ chim* trước lớp.

– HS đọc thầm bài và tự trả lời các câu hỏi trước khi trao đổi nhóm để thống nhất câu trả lời. Sau khi HS thống nhất câu trả lời, GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp. VD:

a. *Vì sao người chị khuyên em không nên phá tổ chim?*

Đáp án tham khảo: Vì khi chim mẹ về, chim mẹ không thấy con sẽ buồn, còn chim non xa mẹ sẽ chết. Không những thế, loài chim còn có rất nhiều lợi ích.

b. *Theo lời người chị, loài chim có ích gì đối với con người?*

Đáp án: Theo lời người chị, khi chim lớn, chim sẽ hát ca, bay lượn, ăn sâu bọ giúp ích cho con người.

c. *Câu chuyện này giúp em nhận ra điều gì?*

Đáp án tham khảo: Câu chuyện giúp em nhận ra rằng cần phải bảo vệ động vật/ trước khi làm một việc gì, cần suy nghĩ thật kĩ/ cần phải trân trọng sự sống của muôn loài,...

2. Đọc đoạn văn ở bài tập 2 trong SHS và thực hiện yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS: Đọc kĩ đoạn văn và lần lượt trả lời 3 câu hỏi.

– HS trao đổi nhóm, thống nhất câu trả lời.

– Một số HS trả lời trước lớp.

– GV và HS chốt lại đáp án:

a. *Người viết muốn nói điều gì qua đoạn văn?*

Người viết (Phan Nguyên) muốn thể hiện những tình cảm, cảm xúc của mình về câu chuyện *Không nên phá tổ chim.*

b. *Tìm các câu văn trong đoạn ứng với phần mở đầu, triển khai và kết thúc của đoạn văn và xác định nội dung tương ứng của mỗi phần.*

Phần mở đầu là câu thứ nhất. Phần kết thúc là câu cuối cùng. Còn lại sẽ là các câu ở phần triển khai.

Nội dung tương ứng với từng phần của đoạn văn:

Mở đầu	Giới thiệu câu chuyện *Không nên phá tổ chim* và nêu ấn tượng chung về câu chuyện.
Triển khai	– Nêu nội dung chính, những chi tiết gây ấn tượng trong câu chuyện. – Bộc lộ cảm xúc trước ý nghĩa nhân văn cao đẹp của câu chuyện.
Kết thúc	Nhấn mạnh ấn tượng của câu chuyện đối với bản thân.

c. *Tìm trong đoạn văn những từ ngữ hoặc câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.*

– Lời khuyên của chị *thật nhẹ nhàng mà thấm thía.*

– Hành động của người em thật *đáng khen.*

– *Câu chuyện tuy ngắn nhưng thật xúc động,...*

3. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 3.

– HS thực hiện yêu cầu theo những gợi ý trong SHS.

+ Đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện thường có 3 phần là mở đầu, triển khai, kết thúc.

+ Nội dung chính của mỗi phần là gì? (xem lại bảng ở câu c bài tập 2)

+ Người viết có thể biểu lộ tình cảm, cảm xúc bằng cách: sử dụng những tính từ đánh giá (xem ở ý c bài tập 2), những câu bộc lộ cảm xúc trực tiếp: *"Không nên phá tổ chim"*

*là một câu chuyện **giản dị** nhưng lại mang đến cho tôi nhiều **cảm xúc khó quên**; Câu chuyện tuy ngắn nhưng **thật xúc động** bởi **ý nghĩa nhân văn cao đẹp**,...)*

(*Lưu ý*: Nếu không đủ thời gian, GV cho HS thực hiện bài tập này ở nhà.)

– GV có thể chốt các ý HS cần nhớ khi viết bài văn nêu tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện (dựa trên phần Ghi nhớ).

– GV nhắc HS đọc Ghi nhớ trước lớp (đọc xong, có thể gấp sách lại, nêu những ý đã nhớ được sau bài học).

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc câu chuyện kể về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học.*

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 21:

Đọc: *Thế giới trong trang sách.*

Luyện từ và câu: Dấu gạch ngang.

Viết: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào của Bài 21.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 22.

Bài 22 TỪ NHỮNG CÂU CHUYỆN ẤU THƠ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng văn bản *Từ những câu chuyện ấu thơ* với ngữ điệu nhẹ nhàng, giống như tâm tình; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí.

b. Nhận biết được những ý chính trong bài đọc, hiểu được ý nghĩa của bài đọc. Mỗi người có một con đường riêng để đi đến thành công. Với Nguyễn Nhật Ánh, đó là con đường đọc sách, đọc thật nhiều để tích lũy kiến thức, dù ban đầu niềm đam mê đọc sách đến với ông một cách hoàn toàn tự nhiên.

2. Biết tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

3. Tìm đọc được các câu chuyện kể về các tấm gương học tập hoặc sự nghiệp của các nhà khoa học, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

4. Bồi dưỡng phẩm chất ham học hỏi, ham đọc sách, lòng biết ơn đối với những người thân trong gia đình – những người đã nuôi dưỡng nhiều thói quen tốt đẹp cho chúng ta.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Thể loại văn bản: tuỳ bút (những ghi chép về câu chuyện có thực của chính tác giả, qua đó, tác giả thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của chính mình về cuộc sống xung quanh).

– Văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh, clip minh hoạ về nội dung bài học. Có thể sưu tầm thêm hình ảnh về nhà văn Nguyễn Nhật Ánh và các cuốn sách của ông.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc thuộc lòng bài thơ *Thế giới trong trang sách* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu tên bài học (*Từ những câu chuyện ấu thơ*) và giao nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu phần Khởi động: *Em từng được nghe người thân kể những câu chuyện nào? Hãy chia sẻ với bạn câu chuyện mà em nhớ nhất.*

+ Thảo luận theo cặp: HS chia sẻ với nhau câu chuyện mình ấn tượng nhất.

– Đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác có thể bổ sung.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó có thể hỏi thêm: Các em có biết nhà văn – nhà thơ Nguyễn Nhật Ánh không? Đã đọc câu chuyện hay bài thơ nào của ông chưa? (HS đã được học bài thơ *Khi trang sách mở ra* ở lớp 2). Có biết vì sao ông lại viết được rất nhiều tác phẩm xuất sắc như vậy hay không? Có một lí do cắt nghĩa cho thành công của ông, đó là bởi hồi nhỏ, ông rất hay được nghe người thân kể chuyện.

– GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Nguyễn Nhật Ánh là một nhà văn nổi tiếng chuyên viết cho thiếu nhi. Nhiều tác phẩm của ông đã được dựng thành phim như: *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, Mắt biếc, Cô gái đến từ hôm qua, Kính vạn hoa,...* Bài đọc hôm nay – *Từ những câu chuyện ấu thơ* – ghi lại một cách chân thực hành trình đến với sách vở của ông. Hãy cùng đọc văn bản *Từ những câu chuyện ấu thơ* để biết vì sao ông trở thành nhà văn nổi tiếng.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, giọng tâm tình, tha thiết). Nếu trong lớp có HS đọc tốt, GV có thể mời 3 em đọc nối tiếp 6 đoạn trong bài. Mỗi HS đọc 2 đoạn.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đây là văn bản tự sự, là lời kể về cuộc đời mình của chính nhà văn. Các em chú ý đọc để thể hiện được tình cảm, cảm xúc của tác giả qua từng chi tiết trong văn bản. Có thể đặt câu hỏi: Nhân vật "tôi" trong văn bản là ai? (là nhà văn Nguyễn Nhật Ánh).

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, đặc biệt là tên các câu chuyện: *Tấm Cám, Thạch Sanh, Cây tre trăm đốt, Đôi hài bảy dặm, Nghìn lẻ một đêm, Không gia đình, Những người khốn khổ,...*

(GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS mắc lỗi cụ thể khi đọc bài.)

– 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm 3: Mỗi HS đọc hai đoạn (đọc nối tiếp), sau đó đổi đoạn để đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài đọc mà chưa hiểu. GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển. VD: *mách, rương, thợ hớt tóc,...*

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Những câu chuyện đầu tiên bạn nhỏ được nghe ai kể? Đó là những câu chuyện gì?*

– Làm việc chung cả lớp hoặc làm việc theo cặp.

+ GV gợi ý: Câu hỏi có 2 ý. Nên chú ý vào những từ ngữ được in nghiêng, đây chính là tên các tác phẩm truyện.

+ GV hướng dẫn HS đọc lướt đoạn văn 1.

+ HS tự đọc kĩ đoạn văn và trao đổi với bạn để tìm câu trả lời.

– GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV và HS thống nhất đáp án: (Có thể chấp nhận những cách diễn đạt khác nhau ở ý thứ 2.)

Những câu chuyện đầu tiên bạn nhỏ nghe được là từ bà và chú. Đó là truyện *Tấm Cám, Thạch Sanh, Cây tre trăm đốt*, chuyện về *Tôn Ngộ Không*, một số truyện trong *Nghìn lẻ một đêm,...*

Câu 2. *Bạn nhỏ đã làm gì để có thể tự mình khám phá thế giới kì diệu trong những câu chuyện?*

– GV mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV gợi ý: Các em tìm đoạn văn có chứa chi tiết tự mình khám phá thế giới kì diệu trong những câu chuyện.

– HS làm việc theo cặp để trả lời câu hỏi.

– Đại diện 2 – 3 cặp trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV và cả lớp thống nhất đáp án: Để có thể tự mình khám phá thế giới kì diệu trong những câu chuyện, bạn nhỏ đã cố gắng học chữ thật nhanh.

Câu 3. *Sắp xếp các thông tin theo lời kể về hành trình đọc sách của bạn nhỏ.*

– GV cho HS đọc yêu cầu và các phương án gợi ý. HS có thể trả lời trực tiếp hoặc GV sử dụng hình thức viết bảng, HS lên bảng nối hai cột với nhau.

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi. GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV và cả lớp chốt đáp án:

7 tuổi	Đọc sách do ba mua về.
8 – 9 tuổi	Đọc hết rương truyện của ông thợ hớt tóc trong làng.
Lớn hơn một chút	Đọc các tác phẩm văn học nổi tiếng thế giới.

GV có thể đưa thêm câu hỏi (đối với những lớp có nhiều HS khá giỏi): Em đánh giá thế nào về hành trình đọc sách của nhân vật "tôi"? Năm nay 10 tuổi, em đã đọc tác phẩm nổi tiếng thế giới nào chưa?

Câu 4. *Những trang sách có ý nghĩa như thế nào đối với bạn nhỏ?*

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm/ lớp:

+ Đọc kĩ câu hỏi.

+ Tìm đoạn văn có chứa thông tin để trả lời (đoạn thứ 4).

+ Thảo luận để đưa ra đáp án.

+ Các thành viên trong nhóm thay phiên nhau trình bày và góp ý.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý, bổ sung và chốt đáp án: Những trang sách đã mang đến cho bạn nhỏ rất nhiều cảm xúc và nhiều trải nghiệm, bồi đắp tâm hồn, làm giàu có và làm trưởng thành tình cảm một đứa bé, phát triển trí tưởng tượng,... (HS có thể diễn đạt theo ý mình.)

Câu 5. *Theo em, việc các em của bạn nhỏ rất háo hức được nghe anh kể chuyện thể hiện điều gì?*

– GV triển khai hoạt động tương tự như đối với câu hỏi 2. (Có thể yêu cầu HS đọc lại đoạn văn 5).

– GV và HS cùng thống nhất đáp án (HS có thể diễn đạt theo những cách khác nhau vì đây là câu hỏi mở). Gợi ý: Việc các em của bạn nhỏ rất háo hức được nghe anh kể chuyện nói lên sự tiếp nối trong gia đình bạn nhỏ, tạo thành một thói quen tốt, được duy trì một cách tự nhiên. Thói quen ấy giúp tất cả các thành viên đam mê đọc sách.

4. Luyện đọc lại.

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

Phần này có mục đích luyện cho HS mở rộng vốn từ bằng cách tìm các từ đồng nghĩa với từ cho sẵn trong ngữ cảnh và đặt câu để hiểu cách sử dụng của từ đó.

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu.

– GV nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học (làm việc cá nhân trước khi trao đổi, thống nhất câu trả lời trong nhóm hoặc lớp).

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. *Tìm nghĩa cho các từ: vô biên, vô số, vô giá, vô hình, vô lí.*

– vô biên: không có giới hạn

– vô số: nhiều tới mức không đếm được

– vô giá: không thể đánh giá được, rất quý

– vô hình: không có hình dáng cụ thể

– vô lí: không hợp lẽ phải

Câu 2. HS tự đặt câu.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 3

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN

GV gợi ý: Muốn viết được đoạn văn hay về một câu chuyện, phải đọc thật kĩ câu chuyện để hiểu và có những đánh giá về nó. Cần tìm một câu chuyện thật sự gây xúc động để có thể dễ dàng bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình. Các em có thể xem lại bài viết của bạn Phan Nguyên về câu chuyện *Không nên phá tổ chim* đã học ở hoạt động Viết, Bài 21.

1. Chuẩn bị.

– GV mời 2 HS đọc gợi ý trong phần Chuẩn bị.

– HS làm việc theo cặp, trao đổi với nhau dựa vào các gợi ý.

– GV quan sát HS, giúp đỡ các em khi cần.

2. Tìm ý.

– GV mời 1 – 2 HS đọc phần nội dung trong bảng.

– HS làm việc cá nhân: Viết sơ lược các ý theo yêu cầu trong bảng.

– GV quan sát HS, giúp đỡ các em khi cần.

3. Góp ý và chỉnh sửa.

– GV cho HS làm việc theo cặp hoặc nhóm với nhiệm vụ:

+ Đổi bài cho nhau, đọc kĩ.

+ Nêu nhận xét góp ý cho bài của bạn dựa trên phần gợi ý trong SHS.

– HS tự chỉnh sửa các ý.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện kể về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học.

– GV cho HS đọc yêu cầu của bài tập 1. GV hướng dẫn HS chia sẻ cách tìm văn bản đọc mở rộng theo yêu cầu nêu trong SHS. GV nhắc HS đọc gợi ý để biết cách chọn bài đọc theo đúng yêu cầu.

– HS nào tìm được câu chuyện theo yêu cầu và có mang sách, truyện đến lớp thì tự đọc hoặc đọc trong nhóm. HS nào chưa tìm được thì đọc chung cùng với các bạn (hoặc đọc chuyện GV cung cấp).

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– HS ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách hoặc có thể trao đổi về nội dung bài đọc theo nhóm.

– HS chia sẻ trong nhóm, ghi vào phiếu đọc sách các thông tin cơ bản theo yêu cầu.

3. Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.

– HS lựa chọn một trong những hoạt động theo gợi ý trong SHS:

+ Kể tóm tắt câu chuyện và giới thiệu về nhân vật chính.

+ Nêu điều thú vị về tấm gương học tập của các bạn học sinh hoặc sự nghiệp của nhà khoa học được thể hiện trong câu chuyện.

+ Những điều em muốn học tập sau khi đọc câu chuyện.

– HS trao đổi với các bạn những nội dung đã đọc được theo hoạt động đã lựa chọn.

– HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4: Từng HS kể trong nhóm..., HS khác lắng nghe, đánh giá, nhận xét hoặc đặt thêm câu hỏi để bạn trả lời.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Kể với người thân về tấm gương học tập của một bạn trong lớp hoặc trong trường em.*

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 22:

Đọc – hiểu: *Từ những câu chuyện ấu thơ.* (GV nhấn mạnh: Một trong những lí do khiến Nguyễn Nhật Ánh trở thành một nhà văn nổi tiếng là hồi còn nhỏ ông rất ham đọc sách. Tình yêu đối với sách vở của ông bắt nguồn một cách tự nhiên từ những câu chuyện ấu thơ ông nghe được từ bà và chú của mình.)

Viết: Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện kể về những tấm gương học tập hoặc đóng góp của một nhà khoa học.

– GV có thể hỏi HS về những nội dung cụ thể đã học ở Bài 22.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 23.

TUẦN 13

Bài 23 GIỚI THIỆU SÁCH "DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÍ" (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản giới thiệu sách *Dế Mèn phiêu lưu kí*. Biết đọc diễn cảm, giọng đọc phù hợp với mỗi nội dung thông tin trong văn bản giới thiệu.

b. Nhận biết được nội dung của từng phần trong văn bản giới thiệu. Hiểu được tác dụng của lời giới thiệu sách đem lại. Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giới thiệu sách. Nhận biết được những thông tin chính liên quan đến cuốn sách được giới thiệu.

2. Luyện tập sử dụng dấu gạch ngang với những công dụng khác nhau (đã được học từ lớp 3, lớp 4), đặc biệt là biết dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

3. Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về câu chuyện em đã đọc, đã nghe.
4. Biết chia sẻ, giới thiệu những cuốn sách đã đọc và lan toả niềm vui đọc sách tới mọi người.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản giới thiệu sách (văn bản mô tả, cung cấp thông tin cần thiết về cuốn sách).

– Dấu gạch ngang trong tiếng Việt.

– Tìm hiểu những câu chuyện về danh nhân trong nước (Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Ngô Thì Sĩ, Tạ Quang Bửu, Trần Đại Nghĩa,,...) và ngoài nước (Tét-xla, Ma-ri Quy-ri,...) để đưa thêm thông tin cần thiết, minh hoạ cho câu có sử dụng dấu gạch ngang với công dụng đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.

2. Phương tiện dạy học

– Cuốn sách *Dế Mèn phiêu lưu kí*, sưu tầm thêm một số cuốn sách có lời giới thiệu ở trang đầu, một số thẻ từ.

– Phiếu bài tập cho bài tập 2 (phần Luyện từ và câu).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Từ những câu chuyện ấu thơ* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm. (*Giới thiệu với các bạn về một quyển sách mà em thích.*) GV hướng dẫn HS lựa chọn giới thiệu một cuốn sách đã được xem, nhớ lại nội dung sách, tác giả, năm xuất bản,...

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS khác nêu ý kiến:

+ Muốn bổ sung điều gì cho bạn?

+ Thích phần giới thiệu của bạn nào? Vì sao?

– GV cho HS quan sát cách trình bày bài đọc, nêu ý kiến nhận xét. VD: Cách trình bày bài đọc và tranh minh hoạ có gì đặc biệt?

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó giới thiệu bài đọc *Giới thiệu sách "Dế Mèn phiêu lưu kí"*. (VD: Sau phần Khởi động, GV khen HS giới thiệu về cuốn sách đã đọc hay, hấp dẫn. Bài đọc hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu về cách viết lời giới thiệu cuốn sách.)

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài, hoặc gọi 2 HS giỏi đọc nối tiếp các đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *anh em*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến hết.

Lưu ý: Đọc giọng diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm trong bài đọc (VD: *sinh động và ngộ nghĩnh, kiêu căng, ngạo mạn, gây hậu quả tai hại, dần khôn lớn, can đảm, tốt bụng, trượng nghĩa, thế giới đại đồng, rất ấn tượng, hấp dẫn,...*) và những thông tin quan trọng về cuốn sách (VD: *100 lần tái bản trong nước, xuất bản ở gần 40 quốc gia, được dịch sang 15 thứ tiếng, tác phẩm văn học Việt Nam được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất tính đến nay, ...*).

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *phiêu lưu, trượng nghĩa, trải nghiệm, truyền tải,...*

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *"Dế Mèn phiêu lưu kí" của nhà văn Tô Hoài/ là cuốn sách gồm 10 chương,/ kể về cuộc phiêu lưu của Dế Mèn/ trong thế giới côn trùng sinh động và ngộ nghĩnh.; Những trải nghiệm của Dế Mèn/ đem lại cho độc giả bài học nhẹ nhàng về tình bạn,/ về thái độ và cách ứng xử trong cuộc sống,/ đồng thời truyền tải ước mơ cao đẹp về một thế giới đại đồng,/ nơi tất cả đều là bạn bè,/ anh em.; Đặc biệt,/ cuốn sách đã được dịch sang 15 thứ tiếng,/ trở thành tác phẩm văn học Việt Nam được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất/ tính đến nay.; ...*

– 2 HS đọc nối tiếp bài trước lớp.

– HS làm việc theo nhóm 2, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– Các nhóm đọc bài trước lớp.

– HS cả lớp lắng nghe, nêu ý kiến nhận xét.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– Giúp HS hiểu nghĩa các từ ngữ ở cuối bài.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi nêu trong SHS.

Câu 1. *Nêu những thông tin em biết qua lời giới thiệu sách?*

Tên sách	Tên tác giả	Số chương	Nội dung chính

– GV nêu câu hỏi 1 hoặc gọi HS đọc câu hỏi 1.

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi.

+ Bước 1: HS đọc thầm lại bài đọc, suy nghĩ, chọn câu trả lời đúng.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm bàn (lần lượt từng em nêu những thông tin đã lựa chọn), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– Có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi: 1 HS lên bảng gắn từng thẻ chữ như SHS sau đó mời HS dưới lớp nêu theo nội dung thẻ.

– Lớp lắng nghe, nhận xét. (Đáp án: tên sách: *Dế Mèn phiêu lưu kí*, tên tác giả: nhà văn Tô Hoài, số chương: gồm 10 chương, nội dung chính: kể về cuộc phiêu lưu của chú Dế Mèn trong thế giới côn trùng sinh động và ngộ nghĩnh. Chàng Dế Mèn lúc đầu kiêu căng, ngạo mạn, gây hậu quả tai hại cho chính mình và bạn bè xung quanh. Nhưng trên những chặng đường phiêu lưu, chú đã dần khôn lớn, và trở thành một chú dế can đảm, tốt bụng, trượng nghĩa,...).

Câu 2. *Nhân vật chính của cuốn sách được giới thiệu như thế nào?*

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ câu trả lời để phát biểu trong nhóm và trước lớp. Nếu HS lúng túng, GV có thể gợi ý HS đọc thầm lại đoạn 1 của bài.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, phát biểu ý kiến cá nhân, trao đổi, đưa ra câu trả lời.

– GV khuyến khích HS nêu ý kiến của cá nhân (theo cảm nhận riêng).

– GV gọi một số HS phát biểu. (VD: Nhân vật chính của cuốn sách là Dế Mèn được giới thiệu: lúc đầu kiêu căng, ngạo mạn, gây hậu quả tai hại cho chính mình và bạn bè xung quanh. Nhưng trên những chặng đường phiêu lưu, chú đã dần khôn lớn, trở thành một chú dế can đảm, tốt bụng, trượng nghĩa,...). Tuỳ câu trả lời của HS, GV có thể đưa thêm câu hỏi, VD: Em có nhận xét gì với cách tóm tắt về nhân vật? (Ngắn gọn nhưng đủ ý); hoặc: Em có nhận xét gì về cách dùng từ của tác giả?...

Câu 3. *Theo lời giới thiệu, cuốn sách mang lại những bài học gì?*

– HS suy nghĩ, nêu ý kiến cá nhân trong nhóm.

– HS suy nghĩ, tìm câu trả lời của mình, sau đó phát biểu trước lớp (VD: Theo lời giới thiệu, cuốn sách mang đến cho người đọc bài học nhẹ nhàng về tình bạn, về thái độ và cách ứng xử trong cuộc sống, đồng thời truyền tải ước mơ về một thế giới đại đồng, nơi tất cả đều là bạn bè, anh em.). GV khuyến khích HS diễn đạt nhiều cách khác nhau.

– Lớp nhận xét, bổ sung.

Câu 4. *Những con số trong lời giới thiệu cho biết điều gì về cuốn sách (100, 40, 15)?*

– HS làm việc cá nhân đọc thầm lại đoạn 2, nêu ý kiến của mình trong nhóm hoặc trước lớp.

– Tổ chức cho HS chơi trò chơi đố vui theo cặp: 1 HS nói số, 1 HS nêu ý nghĩa

Đáp án: hơn 100 lần tái bản trong nước, được xuất bản ở gần 40 quốc gia, cuốn sách đã được dịch sang 15 thứ tiếng.

– GV hướng dẫn HS nhận xét, góp ý cho bạn.

Câu 5. *Sau khi đọc lời giới thiệu, em có cảm nghĩ gì về cuốn sách?*

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ câu trả lời để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, phát biểu ý kiến cá nhân, trao đổi, đưa ra câu trả lời.

– GV khuyến khích HS nêu ý kiến của cá nhân.

– GV gọi một số HS phát biểu. (VD: *S*au khi đọc lời giới thiệu, em thấy yêu mến nhân vật Dế Mèn và muốn tìm đọc cuốn sách "Dế Mèn phiêu lưu kí" để được biết về cuộc phiêu lưu của chú...)

4. Luyện đọc lại.

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.

– HS làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo nhóm 2, góp ý trong nhóm.

– Nếu còn thời gian, GV có thể cho HS đọc một số đoạn trong cuốn sách *Dế Mèn phiêu lưu kí*

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ DẤU GẠCH NGANG

1. Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp (nêu trong SHS).

– GV gọi 2 HS nêu yêu cầu của bài tập 1.

– GV hướng dẫn HS làm bài tập:

+ Nhớ lại các công dụng của dấu gạch ngang (đã được học từ lớp 3, lớp 4).

+ Tìm những câu có dấu gạch ngang, xác định công dụng của dấu gạch ngang đó.

+ Làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả.

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày trước lớp. Cả lớp nhận xét.

– GV nhận xét và chốt đáp án:

a. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp (– *Đã có ngọn đèn lớn, ngọn đèn vĩnh cửu kia*.).

b. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích (*– nhà khoa học, nhà giáo dục đa tài, uyên bác*).

c. Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh (*Đại Tây Dương – Thái Bình Dương*).

d. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chuỗi liệt kê.

(– San hô có muôn hình muôn dạng

– Cá hề và hải quỳ có màu sắc sặc sỡ

– Tôm gõ mõ tạo ra bản hợp xướng vang động biển khơi,…)

2. Cần thêm dấu gạch ngang vào những vị trí nào trong đoạn văn dưới đây?

– GV gọi HS đọc đề bài.

– HS làm việc theo nhóm đôi và làm bài vào phiếu bài tập. GV khuyến khích HS giải thích vì sao chọn dấu gạch ngang vào vị trí đó.

PHIẾU BÀI TẬP

Cần thêm dấu gạch ngang vào những vị trí nào trong đoạn văn dưới đây?

Những trí tuệ vĩ đại bộ sách viết về một số nhà khoa học nổi tiếng thế giới gồm 5 cuốn. Các bạn nhỏ có thể tìm thấy nhiều thông tin thú vị trong mỗi cuốn sách nhỏ ấy: Tét-xla một kĩ sư điện người Mỹ đã phát minh ra dòng điện xoay chiều, Ma-ri Quy-ri người phụ nữ gốc Ba Lan đã khám phá ra chất phóng xạ,…

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp. Cả lớp nhận xét.

– GV nhận xét và thống nhất đáp án:

Những trí tuệ vĩ đại – bộ sách viết về một số nhà khoa học nổi tiếng thế giới – gồm 5 cuốn. Các bạn nhỏ có thể tìm thấy nhiều thông tin thú vị trong mỗi cuốn sách nhỏ ấy: Tét-xla – một kĩ sư điện người Mỹ – đã phát minh ra dòng điện xoay chiều, Ma-ri Quy-ri – người phụ nữ gốc Ba Lan – đã khám phá ra chất phóng xạ,...

3. Viết 1 – 2 câu có sử dụng dấu gạch ngang với một trong những công dụng sau:

a. Đánh dấu các ý liệt kê.

b. Nối các từ ngữ trong một liên danh.

c. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.

– HS đọc bài tập 3 và nêu yêu cầu của bài tập.

– GV lưu ý HS:

+ Có thể viết 1 – 2 câu.

+ Khi viết, chú ý thể hiện đúng hình thức của dấu gạch ngang.

– HS làm việc nhóm 4 theo hình thức "Khăn trải bàn". Thư kí tổng hợp các câu viết.

– Đại diện 3 – 4 nhóm lần lượt đọc các câu đã viết được hoặc trình chiếu các câu lên màn hình.

– Cả lớp góp ý, đánh giá.

– GV nhận xét, ghi nhận những câu viết phù hợp. VD:

+ Câu có dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chuỗi liệt kê:

Đất nước ta tự hào có nhiều trạng nguyên trẻ tuổi, tài cao:

– Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên khi mới 12 tuổi,

– Mạc Đĩnh Chi được làm trạng nguyên của cả hai nước, ...

– Lương Thế Vinh giỏi tính toán, biết kết hợp rất khéo giữa chơi và học, ...

+ Câu có dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh: *Lương Thế Vinh và Quách Đình Bảo là hai người nổi tiếng vùng Sơn Nam (Hưng Yên – Ninh Bình bây giờ) về thông minh, học giỏi.*

+ Câu có dấu gạch ngang dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích: *Nghệ An tự hào là quê hương của Giáo sư Tạ Quang Bửu – người vinh danh cho trí tuệ Việt Nam./ Giáo sư Trần Đại Nghĩa – "ông vua vũ khí" của Việt Nam – đã chế tạo đạn ba-giô-ca, các loại bom bay,... có sức công phá mạnh.*

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN

Đề bài: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện em đã đọc, đã nghe.

1. Dựa vào các ý đã tìm được trong hoạt động Viết ở Bài 22, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.

– GV yêu cầu HS xem lại sản phẩm trong hoạt động Viết ở Bài 22.

– HS làm việc cá nhân: Viết đoạn văn theo yêu cầu.

– GV quan sát HS, giúp đỡ các em khi cần.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

– GV yêu cầu HS tự đọc đoạn văn để phát hiện lỗi dựa vào các gợi ý trong SHS.

– GV có thể gợi ý thêm:

Cách sắp xếp các ý trong đoạn văn.	Có hợp lí không? Có theo trật tự nào không?
Cách tóm tắt câu chuyện.	Đã đầy đủ các chi tiết quan trọng chưa?
Cách nêu những điều em yêu thích ở câu chuyện.	Đã chính xác, hợp lí chưa? Có đưa ra được dẫn chứng thuyết phục không?
Cách sử dụng từ ngữ, câu văn nêu tình cảm, cảm xúc.	Có rõ ràng và gây ấn tượng không?

– GV yêu cầu HS tự sửa lỗi trong đoạn văn của mình (nếu có).

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc truyện "Dế Mèn phiêu lưu kí" của nhà văn Tô Hoài. Chia sẻ với người thân suy nghĩ của em về nhân vật Dế Mèn.*

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 23:

Đọc – hiểu: *Giới thiệu sách "Dế Mèn phiêu lưu kí".*

Luyện từ và câu: Luyện tập về dấu gạch ngang.

Viết: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào (hoặc còn băn khoăn thắc về nội dung nào) của Bài 23.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 24.

Bài 24 TINH THẦN HỌC TẬP CỦA NHÀ PHI-LÍT (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm câu chuyện *Tinh thần học tập của nhà Phi-lít*, biết thể hiện cảm xúc theo lời của mỗi nhân vật trong câu chuyện, đặc biệt là nhân vật bố Phi-lít; có giọng đọc phân biệt lời nhân vật và lời người dẫn chuyện.

   b. Hiểu được nội dung câu chuyện, nhớ các tình tiết cơ bản của truyện, biết nhận xét, đánh giá về các nhân vật trong câu chuyện. Hiểu điều tác giả muốn nói qua toàn bộ nội dung câu chuyện: Câu chuyện thể hiện tinh thần học tập của nhà Phi-lít: học mọi lúc, mọi nơi, mọi thứ, tìm đến cội nguồn của vấn đề.

2. Chỉnh sửa, rút kinh nghiệm về cách viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

3. Biết thảo luận về vấn đề ích lợi của việc tự học: trình bày được ý kiến của riêng mình, biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người khác, tôn trọng ý kiến khác biệt trong thảo luận; biết noi theo những tấm gương tự học và thành công nhờ tự học.

4. Rút ra được những bài học thực tế cho bản thân về phương pháp học tập.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản truyện (tình tiết/ nhân vật/ cốt truyện,...).

– Văn biểu cảm: đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc.

– Tìm hiểu những câu chuyện về tấm gương tự học và thành công nhờ tự học để kể cho HS nghe.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ nội dung bài học.

– Một số cuốn sách bổ ích, lí thú để giới thiệu cho HS cùng đọc.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Giới thiệu sách "Dế Mèn phiêu lưu kí"* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu tên bài học (*Tinh thần học tập của nhà Phi-lít*) và giao nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu phần Khởi động: *Trao đổi với bạn: Trong việc học, ai là người truyền cảm hứng cho em nhiều nhất?*

+ Thảo luận theo cặp: HS có thể chia sẻ những suy nghĩ cá nhân: VD: Mẹ hay dạy em học, cùng em đọc sách nên là người truyền cảm hứng cho em; Bạn lớp trưởng là người truyền cảm hứng cho em vì bạn ấy học rất giỏi, em muốn được như bạn,...

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Các HS khác có thể bổ sung.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó giới thiệu khái quát về câu chuyện *Tinh thần học tập của nhà Phi-lít*. VD: Trong câu chuyện chúng ta sẽ học ngày hôm nay, các em sẽ biết thêm được tinh thần học tập của gia đình cậu bé Phi-lít. Hãy cùng nhau xem việc học trong gia đình này hiệu quả ra sao.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, chú ý lời nhân vật: Giọng của người cha nghiêm khắc, giọng mẹ bông đùa, giọng Phi-lít hơi rụt rè). GV có thể mời một số HS đọc nối tiếp theo sự phân đoạn của GV.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *chuyện trò, sống động,...* GV nhắc HS: Đây cũng là những từ dễ viết sai chính tả.

(GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS mắc lỗi cụ thể khi đọc bài.)

+ Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của các nhân vật: bố, mẹ và Phi-lít.

– 3 HS đọc nối tiếp trước lớp.

+ Đoạn 1: từ đầu đến *cách giáo dục của cha*.

+ Đoạn 2: tiếp theo đến *tìm xem Nê-pan ở đâu*.

+ Đoạn 3: phần còn lại

– HS làm việc nhóm 3: Mỗi HS đọc một đoạn, xen kẽ nhau cho đến hết; sau đó đổi đoạn để đọc lại.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài đọc mà chưa hiểu. GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển. VD: *giáo sư, vị trí địa lí, dân số,...*

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Ở đoạn mở đầu của câu chuyện, Phi-lít được giới thiệu như thế nào?*

Nơi sinh sống	Sở thích	*

– Làm việc chung cả lớp hoặc làm việc theo cặp.

+ GV hướng dẫn HS đọc đoạn văn thứ nhất để tìm câu trả lời. Lưu ý HS: có 2 gợi ý là *nơi sinh sống* và *sở thích*. Các em có thể tìm thêm các thông tin khác.

+ HS tự đọc lướt văn bản hoặc trao đổi với bạn. HS cần biết lựa chọn những chi tiết quan trọng trong văn bản và diễn đạt lại theo ý mình để trả lời câu hỏi.

– GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV và HS chốt đáp án: Phi-lít sinh ra trong một thị trấn nhỏ; sống cùng bố mẹ và anh trai; có sở thích là thích đọc sách, thích nắm bắt thông tin từ mọi người,... (HS có thể diễn đạt theo cách riêng của mình.)

Câu 2. *Cha Phi-lít yêu cầu mọi người trong gia đình làm gì mỗi ngày? Vì sao?*

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi (nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, sau đó thống nhất ý kiến). GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV và cả lớp chốt đáp án: Cha Phi-lít yêu cầu mỗi ngày, cả gia đình đều phải học được kiến thức mới, sau đó sẽ trao đổi vào sau bữa tối. Ông làm vậy bởi ông cho rằng điều đáng buồn nhất là cả ngày không học được gì, ông mong cả gia đình đều phát huy tinh thần học tập,... (Ý thứ 2, HS có thể trả lời theo cách diễn đạt của riêng mình.)

Câu 3. *Em có nhận xét gì về việc cả gia đình Phi-lít xúm lại xem bản đồ thế giới?*

G: *Cả gia đình học rất vui.*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: Tìm đoạn văn có chứa chi tiết này và đọc lại. Đọc câu gợi ý: *Cả gia đình cùng học rất vui.*

+ Bước 2: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. GV khích lệ HS tự suy nghĩ và đánh giá.

+ Bước 3: HS làm việc nhóm. Từng em nêu ý kiến trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp, GV động viên HS phát biểu ý kiến theo cảm nhận của mình.

– GV và HS cùng thống nhất đáp án (HS có thể trình bày những suy nghĩ của riêng mình). VD: Cả gia đình Phi-lít đều rất quan tâm đến việc học, rất thích học,... Cách học của nhà Phi-lít cho thấy mọi kiến thức đều phải được kiểm tra, trao đổi, tìm hiểu thật kĩ lưỡng, cụ thể, tới ngọn nguồn,...

Câu 4. *Phương pháp học tập của gia đình mang lại lợi ích gì cho Phi-lít?*

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm hoặc theo lớp:

+ Đọc kĩ lại câu hỏi.

+ Thảo luận trong nhóm để tìm đáp án (tìm đọc kĩ đoạn văn cuối cùng).

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV và HS nhận xét và cùng thống nhất đáp án. Đây là đáp án mở.

Đáp án tham khảo: Phương pháp học tập của gia đình mang lại cho Phi-lít nhiều điều tốt đẹp: luôn hào hứng với việc học, thi đỗ đại học, khi học đại học cũng không cảm thấy ngỡ ngàng về phương pháp học tập ở một cấp học cao hơn.

Câu 5. *Em muốn điều chỉnh những gì về cách học của mình sau khi đọc câu chuyện "Tinh thần học tập của nhà Phi-lít"?*

Đây là câu hỏi liên hệ, câu hỏi mở. GV ghi nhận những HS có kiến giải riêng và trình bày được ý kiến một cách mạch lạc.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý thêm.

– GV khích lệ để HS có thể trình bày ý kiến riêng của mình sao cho thật logic. GV khái quát câu trả lời từ các ý kiến của HS.

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm (đặc biệt chú ý lời tác giả và lời nhân vật; trong đó lời bố của Phi-lít có phần nghiêm khắc, còn lời của mẹ Phi-lít thì nhẹ nhàng, như bông đùa).

– Làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

Phần này có mục đích luyện cho HS về đại từ xưng hô và thay thế; mở rộng vốn từ theo chủ điểm học tập.

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. GV nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học (làm việc cá nhân trước khi trao đổi, thống nhất câu trả lời trong nhóm hoặc lớp.

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. Đại từ xưng hô là *con* và *chúng ta*. Từ *con* dùng để chỉ Phi-lít, từ *chúng ta* dùng để chỉ Phi-lít và bố của mình.

Câu 2. Mở rộng vốn từ: Học tập

a. *Trí thức*: người chuyên làm việc trí óc và có tri thức chuyên môn.

b. *Kiến thức*: những hiểu biết do tìm hiểu, học tập mà có được.

c. *Trí nhớ*: khả năng giữ lại và tái hiện ra trong trí óc những điều đã biết, đã trải qua.

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN

1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.

– GV nhận xét chung về bài viết của HS: nêu ưu, nhược điểm chung.

– GV gợi ý những điểm cần phát huy, những điểm cần hoàn thiện.

– GV khen ngợi, động viên những HS có bài làm tốt hoặc những HS có tiến bộ.

2. Đọc lại bài viết của em và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm và hạn chế trong bài.

HS tự đọc lại bài.

3. Trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm của nhau.

GV cho HS thực hiện yêu cầu trong SHS.

4. Viết lại một số câu văn trong bài của em cho hay hơn. Tham khảo đoạn văn trong SHS.

– GV cho HS làm việc theo nhóm với nhiệm vụ:

+ Đọc đoạn văn tham khảo.

+ Phân tích cái hay trong cách diễn đạt của tác giả.

– HS tự viết lại một số câu văn của mình cho hay hơn.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

LỢI ÍCH CỦA TỰ HỌC

Yêu cầu: Thảo luận "Việc tự học đem đến cho chúng ta những lợi ích gì?".

1. Chuẩn bị.

GV hướng dẫn HS những nội dung chuẩn bị (trước giờ học):

– Trả lời câu hỏi: Thế nào là tự học?

– Tìm hiểu những tấm gương tự học và thành công nhờ tự học.

– Ghi chép những ý kiến dự định phát biểu.

2. Thảo luận nhóm.

– GV gọi 1 – 2 HS nêu yêu cầu thảo luận.

– GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm (có thể là nhóm 4) và lưu ý: Để ý kiến phát biểu có sức thuyết phục, cần đưa dẫn chứng cụ thể về ích lợi của việc tự học và cách tự học của bản thân. Cần ghi lại những ý kiến thú vị của bạn.

– HS thảo luận nhóm theo các nội dung:

+ Cách hiểu về "tự học"

+ Lợi ích của tự học

+ Những tấm gương tự học

+ Cách tự học hiệu quả

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

– GV và lớp nhận xét, góp ý. GV ghi nhận những ý kiến hợp lí. VD:

+ Cách hiểu về "tự học": Tự học là quá trình tự tìm hiểu các kiến thức cần thiết cho mình; là học tập mà không có sự hướng dẫn của người khác; là tự giác học tập, không ai phải nhắc nhở; tự học không có nghĩa là học một mình, vẫn có thể học theo nhóm,...

+ Lợi ích của tự học: Tự học giúp chúng ta có thêm nhiều kiến thức mới mẻ, bổ ích; rèn được nhiều phẩm chất tốt: chăm chỉ, sáng tạo, kiên trì,...; dễ dàng vượt qua mọi khó khăn; học tập đạt kết quả cao hơn; ngày càng hứng thú học tập,...

+ Những tấm gương tự học: Mạc Đĩnh Chi, vì nhà nghèo, thường ghé đến lớp học của thầy đồ trong làng và đứng ngoài cửa sổ nghe thầy giảng bài. Không có đèn dầu để học, ông bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng lấy ánh sáng làm đèn. Ông được phong "Lưỡng quốc Trạng nguyên" (trạng nguyên của 2 nước Đại Việt và Trung Hoa); Lương Thế Vinh, với tư chất thông minh cùng tinh thần tự tìm tòi, học hỏi, đã nổi tiếng uyên bác ngay từ thời tuổi trẻ. Ông đỗ trạng nguyên và được vua tin tưởng giao nhiều trọng trách,...

+ Những cách tự học hiệu quả: tự tìm kiếm tài liệu học tập qua sách vở, internet,...; tự đọc sách; tự tìm hiểu bài học trước khi đến lớp; tích cực trao đổi với thầy cô, bạn bè về kiến thức mới hoặc những điều còn thắc mắc; ghi chép lại nội dung quan trọng; thường xuyên củng cố những điều đã học,...

3. Đánh giá.

– GV đánh giá kết quả thảo luận; giới thiệu thêm những tấm gương tự học và thành công nhờ tự học để HS cùng nghe.

– HS bình chọn người tham gia thảo luận tích cực nhất, có ý kiến hay nhất, trình bày thuyết phục nhất,...

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân về cách tự học của em.*

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của bài học:

Đọc – hiểu: *Phương pháp học tập của nhà Phi-lít.*

Viết: Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

Nói và nghe: Lợi ích của tự học.

– GV hỏi HS thấy nhớ nhất, hiểu nhất nội dung nào của bài học.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Dặn dò HS đọc trước Bài 25.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NGHỆ THUẬT MUÔN MÀU

TUẦN 14

Bài 25 TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà*, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ, giọng thể hiện được niềm xúc động của tác giả khi nghe tiếng đàn với những cung bậc thánh thót, trầm bổng trong một đêm trăng đẹp trên công trường thuỷ điện sông Đà.

   b. Nhận biết được từ ngữ và hình ảnh thơ giàu sức gợi tả, cảm nhận được tiếng đàn ba-la-lai-ca gợi lên những cung bậc âm thanh và hình ảnh của cuộc sống. Tiếng đàn đó quyện hoà với cảnh đẹp thơ mộng của đêm trăng trên công trường thế kỉ hứa hẹn bao hi vọng về tương lai tươi sáng của đất nước. Hiểu được một trong những ý nghĩa sâu sắc của bài thơ: Nghệ thuật (âm nhạc) mang đến cảm xúc, niềm vui sống cho con người.
2. Nhận biết được biện pháp điệp từ, điệp ngữ và tác dụng của việc sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong bài văn, bài thơ.
3. Nhận biết được cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.
4. Biết chia sẻ cảm xúc trước vẻ đẹp của nghệ thuật thơ ca và âm nhạc, biết thể hiện sự đồng cảm với suy nghĩ, cảm xúc, niềm vui của những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Nghệ thuật thơ ca, phương pháp đọc hiểu văn bản thơ.

– Biện pháp điệp từ, điệp ngữ.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ, tranh ảnh (sưu tầm) về công trường thuỷ điện sông Đà trong giai đoạn đang xây dựng và Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình hiện nay.

– Những tư liệu, thông tin về quá trình xây dựng và hoàn thành Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình với sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

– 2 HS đọc nối tiếp bài *Tinh thần học tập của nhà Phi-lít* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm *Đường tới tri thức?*).

– GV giới thiệu chủ điểm mới, VD: Chủ điểm thứ ba: *Đường tới tri thức,* đã kết lại bằng câu chuyện *Tinh thần học tập của nhà Phi-lít*. Hôm nay, các em bước sang chủ điểm thứ tư: *Nghệ thuật muôn màu.* Hãy quan sát tranh chủ điểm và cho biết bức tranh nói với em điều gì về chủ điểm này. HS phát biểu theo cảm nhận của cá nhân. GV có thể nói thêm: Các bài học nói về các môn nghệ thuật thú vị như âm nhạc, hội hoạ, vũ đạo, điêu khắc,... Các bài đọc sẽ giúp em có thêm những hiểu biết về thế giới nghệ thuật có muôn sắc màu đẹp đẽ, khơi dậy ở các em niềm hứng thú, say mê, có thể khơi dậy ở các em những sở thích, năng khiếu còn tiềm ẩn, chưa được bộc lộ,...

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV cho HS thực hiện hoạt động Khởi động theo nhóm: từng em trao đổi với bạn về ý nghĩa của âm nhạc đối với cuộc sống con người.

– GV giới thiệu tranh minh hoạ và giới thiệu sơ lược về công trình thuỷ điện sông Đà, Nhà máy Thuỷ điện Sông Đà với những người bạn quốc tế hỗ trợ, giúp đỡ xây dựng, giới thiệu bài thơ. VD: Bài thơ *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà* thể hiện niềm xúc động của tác giả khi cảm nhận vẻ đẹp của âm thanh tiếng đàn ba-la-lai-ca (một nhạc cụ dân gian của nước Nga). Tiếng đàn như nói hộ tình hữu nghị của những người Việt Nam và các chuyên gia Liên Xô.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả những cung bậc của tiếng đàn, những hình ảnh đẹp của thiên nhiên,...). GV có thể mời 3 em đọc nối tiếp các đoạn như sau:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *nóng lòng tìm biển cả.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *lấp loáng sông Đà.*

+ Đoạn 3: Còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *ba-la-lai-ca, nghe náo nức, nóng lòng tìm biển cả,...*

+ Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của tác giả khi cảm nhận những cung bậc của tiếng đàn, sự hoà quyện giữa tiếng đàn với cảnh sắc đêm trăng và cảm xúc của con người. VD, đọc nhấn giọng ở một số từ ngữ:

Tiếng đàn ba-la-lai-ca

Như ngọn gió ***bình yên***

Thổi qua rừng bạch dương ***đìu dặt****...*

Tiếng đàn ba-la-lai-ca

Như ngọn sóng

Vỗ ***trắng phau*** *ghềnh đá*

Nghe ***náo nức***

Những dòng sông ***nóng lòng*** *tìm biển cả...*

...

Chỉ còn *tiếng đàn* ***ngân nga***

Với một ***dòng trăng lấp loáng*** *sông Đà.*

...

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): đọc nối tiếp các đoạn thơ.

– HS làm việc cá nhân: đọc toàn bài (đọc thầm).

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc phần tìm hiểu nghĩa một số từ ngữ. GV có thể giải nghĩa thêm một số từ chưa có trong phần chú thích: *cao nguyên* (vùng đất rộng và cao, xung quanh có sườn dốc, bề mặt bằng phẳng hoặc lượn sóng); *trăng chơi vơi* (trăng một mình sáng tỏ giữa cảnh trời nước bao la);...

3. Trả lời câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ nêu trong SHS.

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Tiếng đàn ba-la-lai-ca được miêu tả như thế nào qua 8 dòng thơ đầu?*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân (tự trả lời câu hỏi).

+ Bước 2: HS làm việc theo cặp/ nhóm: lần lượt từng em nêu ý kiến, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

– GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. GV có thể thống nhất các ý kiến của HS và nêu như sau:

Âm thanh của tiếng đàn gợi những liên tưởng thú vị	Những liên tưởng từ tiếng đàn lại tôn lên vẻ đẹp âm thanh của tiếng đàn
Tiếng đàn ba-la-lai-ca như ngọn gió bình yên thổi qua rừng bạch dương dìu dặt... (gợi liên tưởng đến tiếng gió dìu dặt)	– Tiếng đàn ba-la-lai-ca làm hiện lên những hình ảnh, âm thanh của cuộc sống (tiếng gió, tiếng sóng). – Tiếng đàn ba-la-lai-ca có những cung bậc âm thanh trầm bổng, khi dìu dặt, khoan thai, khi náo nức, dồn dập…
Tiếng đàn ba-la-lai-ca như ngọn sóng vỗ trắng phau ghềnh đá, nghe náo nức những dòng sông nóng lòng tìm biển cả... (gợi liên tưởng đến tiếng sóng náo nức)	

Câu 2. *Trên công trường thuỷ điện sông Đà, tác giả đã nghe tiếng đàn ba-la-lai-ca vang lên trong khung cảnh như thế nào?*

– GV nêu câu hỏi, dành thời gian đủ để HS chuẩn bị câu hỏi, sau đó mời nhiều em phát biểu ý kiến trước lớp. GV có thể tổng hợp ý kiến HS và có thể nhấn mạnh để các em hiểu rõ ý thơ. VD:

Khung cảnh	Ý nghĩa
Thời gian: đêm trăng	Trong thời gian, không gian ấy, tác giả cảm nhận rõ hơn tiếng đàn ba-la-lai-ca bởi vì không gian trở nên yên ắng, tĩnh mịch; mọi vật dường như giấu mình trong bóng đêm, chỉ còn tiếng đàn (âm thanh) và ánh trăng quyện vào dòng sông – dòng trăng (ánh sáng).
Không gian: tĩnh mịch. Công trường thuỷ điện với rất nhiều xe ủi, xe ben, tháp khoan, cần trục... đã say ngủ sau một ngày làm việc; dòng sông Đà lấp loáng dưới trăng...	

Câu 3. *Miêu tả những điều em hình dung được khi đọc 2 dòng thơ: "Chỉ còn tiếng đàn ngân nga/ Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà".*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân (tự chuẩn bị câu trả lời, có thể gạch ý sẽ trình bày ra giấy nháp/ vở).

+ Bước 2: HS làm việc theo cặp/ nhóm: lần lượt từng em thực hiện yêu cầu (câu hỏi 3), cả nhóm nhận xét, góp ý.

– GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp, GV hướng dẫn HS nhận xét và khen ngợi các ý kiến phát biểu đúng ý thơ, diễn đạt lưu loát,...

– GV có thể nói sau khi đã nhận xét các ý kiến phát biểu của HS, VD:

Chỉ còn tiếng đàn ngân nga

Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà.

Bốn bề yên tĩnh, tất cả như lặng yên để lắng nghe tiếng đàn ba-la-lai-ca của cô gái Nga. Tiếng đàn vang lên, ngân nga, toả lan mênh mông cùng với dòng sông như một

dòng trăng lấp lánh trong đêm. Âm thanh (của tiếng đàn) như quyện hoà với ánh sáng (dòng trăng), tạo nên vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng.

Câu 4. *Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh cô gái Nga chơi đàn ba-la-lai-ca trên công trường thuỷ điện sông Đà.*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân (tự chuẩn bị câu trả lời).

+ Bước 2: HS làm việc theo cặp/ nhóm: lần lượt từng em thực hiện yêu cầu (câu hỏi 4), cả nhóm nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét các nhóm/ cá nhân. GV có thể tổng hợp ý kiến của HS, VD: Dưới ánh trăng, bên dòng sông Đà lấp loáng, trên công trường "đang say ngủ" sau một ngày làm việc sôi động, cô gái Nga có mái tóc màu hạt dẻ đang đánh đàn ba-la-lai-ca một cách say sưa "ngón tay đan trên những sợi dây đồng",... Hình ảnh này khiến mỗi người dân chúng ta xúc động. Những chuyên gia ở những đất nước xa xôi (Liên Xô cũ) đã xa gia đình, xa tổ quốc để đến Việt Nam, giúp chúng ta xây dựng nhà máy thuỷ điện, làm ra luồng ánh sáng gửi đi muôn nơi, làm cuộc sống tươi sáng hơn. Tiếng đàn ba-la-lai-ca của cô gái Nga như giúp chúng ta cảm nhận được tình hữu nghị tốt đẹp và tương lai đang rộng mở.

– GV có thể nêu câu hỏi (nếu còn thời gian): Nhà thơ muốn nói điều gì qua khổ thơ cuối?

– HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp. VD:

+ Khổ thơ cuối gợi hình ảnh của tương lai – khi công trường thuỷ điện hoàn thành, cũng là khi cuộc sống bừng sáng lên cùng với dòng điện toả đi muôn nẻo trên đất nước.

+ Khổ thơ cuối vẽ ra viễn cảnh tươi đẹp của tương lai, viễn cảnh đó chứa chan cảm xúc của những người lao động hôm nay,...

4. Học thuộc lòng bài thơ.

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài thơ.

– Làm việc cá nhân: Tự đọc thuộc lòng toàn bài.

– GV khích lệ HS xung phong đọc thuộc lòng những đoạn thơ đã thuộc trong nhóm hoặc trước lớp.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

BIỆN PHÁP ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ

1. Đọc bài ca dao trong SHS và trả lời câu hỏi.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 1, mời 1 HS đọc bài ca dao (lưu ý đọc diễn cảm) và các câu hỏi nêu ở dưới.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp để tìm câu trả lời thích hợp.

– GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án:

a. Từ *trông* được lặp lại 9 lần.

b. Nhằm giảm độ khó của câu hỏi, SHS có đưa ra một gợi ý (đặt ngay dưới bài ca dao). Từ gợi ý đó, GV hướng dẫn HS tìm thêm những tác dụng khác, VD: nhấn mạnh niềm ước mong có được sự thuận lợi trong công việc đồng áng của người nông dân; nhấn mạnh niềm hi vọng vào một mùa bội thu, niềm mong mỏi vào cuộc sống bình yên và ấm no;...

2. Tìm từ được lặp lại trong câu tục ngữ *Học ăn, học nói, học gói, học mở*. Việc lặp lại từ đó có tác dụng gì?

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2, mời 1 HS đọc câu tục ngữ.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tìm từ được lặp lại trong câu tục ngữ và suy nghĩ về tác dụng của việc lặp lại từ đó. Sau đó, HS làm việc nhóm đôi để thống nhất kết quả với bạn.

– GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án chung của cả lớp.

Đáp án: Từ *học* được lặp lại. Việc lặp lại từ *học* nhằm nhấn mạnh rằng con người có nhiều thứ cần phải học hỏi.

– Sau khi kết thúc bài tập 2, GV cho HS chốt lại khái niệm biện pháp điệp từ, điệp ngữ trong phần Ghi nhớ.

+ GV mời 1 – 2 HS đọc Ghi nhớ trước lớp. Cả lớp đọc thầm Ghi nhớ.

+ GV mời HS xung phong nêu được Ghi nhớ về biện pháp điệp từ, điệp ngữ mà không nhìn sách.

3. Đọc đoạn thơ trong SHS và trả lời câu hỏi.

a. Từ "bỗng" xuất hiện mấy lần trong đoạn thơ?

b. Việc lặp lại nhiều lần từ "bỗng" có tác dụng gì? Chọn đáp án đúng.

A. Nhấn mạnh niềm vui của chú gà con vì được mẹ yêu thương.

B. Nhấn mạnh niềm vui của chú gà con vì được ra khỏi quả trứng.

C. Nhấn mạnh sự tươi đẹp của thiên nhiên mà chú gà con quan sát được.

D. Nhấn mạnh sự ngỡ ngàng của chú gà con trước những điều mới mẻ.

– GV mời 2 HS lần lượt đọc to yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

+ GV yêu cầu 1 HS đọc diễn cảm đoạn thơ, hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc kĩ lại đoạn thơ, tìm xem từ *bỗng* xuất hiện mấy lần và chọn đáp án đúng về tác dụng của việc lặp lại nhiều lần từ *bỗng*. Sau đó, HS làm việc theo nhóm để trao đổi, góp ý về kết quả của mỗi thành viên và thống nhất kết quả chung.

+ GV yêu cầu 2 – 3 HS đại diện cho các nhóm trình bày kết quả của mỗi nhóm, các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV chốt kết quả được cả lớp thống nhất.

Đáp án:

a. Từ *bỗng* xuất hiện 4 lần.

b. Tác dụng: Đáp án D (*Nhấn mạnh sự ngỡ ngàng của chú gà con trước những điều mới mẻ*).

4. Đọc đoạn văn trong SHS và trả lời câu hỏi.

a. Từ nào được lặp lại ở tất cả các câu trong đoạn?

b. Việc lặp lại từ đó có tác dụng gì?

– GV mời 2 HS lần lượt đọc to yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

+ GV yêu cầu 1 HS đọc diễn cảm đoạn văn, hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc kĩ lại đoạn văn, tìm xem từ nào được lặp lại ở tất cả các câu trong đoạn và suy nghĩ về tác dụng của việc lặp lại nhiều lần từ này. Sau đó, HS làm việc theo nhóm để trao đổi, góp ý về kết quả của mỗi thành viên và thống nhất kết quả chung.

+ GV yêu cầu 2 – 3 HS đại diện cho các nhóm trình bày kết quả của mỗi nhóm, các HS khác nhận xét, góp ý. GV chốt kết quả được cả lớp thống nhất.

Đáp án:

a. Từ *tre* xuất hiện ở tất cả các câu trong đoạn.

b. Tác dụng: Việc lặp lại từ *tre* nhằm làm nổi bật hình ảnh cây tre và giá trị, đóng góp của tre đối với người dân Việt Nam. Trong đoạn văn này, ngoài từ *tre*, có một số từ khác cũng được tác giả dùng lặp lại nhiều lần như *giữ, anh hùng*. Tuy vậy, ở tiết học đầu tiên, để HS thuận lợi trong việc nhận biết biện pháp điệp từ, điệp ngữ, sách chỉ tập trung vào trường hợp nổi bật. Khi tổ chức dạy học, tuỳ vào khả năng của HS, GV có thể mở rộng thêm.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

1. Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc đoạn văn và trả lời lần lượt 3 câu hỏi a, b, c.

– 1 HS đọc đoạn văn trước lớp hoặc cả lớp đọc thầm đoạn văn. (GV dành thời gian cho HS đọc và suy nghĩ để trả lời lần lượt các câu hỏi.)

a. *Tìm phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn trên và cho biết ý chính của mỗi phần.*

– 1 HS đọc câu hỏi a.

– GV yêu cầu HS đọc thầm, đọc lướt đoạn văn để xác định bố cục của đoạn văn.

– GV mời 2 – 3 em trả lời, GV hướng dẫn HS nhận xét, góp ý. Có thể nêu nội dung các phần như sau:

+ Mở đầu: (Câu 1) Giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả và nêu cảm nhận chung về bài thơ *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà.*

+ Triển khai: (Tiếp theo đến *Xúc động biết mấy!*) bày tỏ tình cảm, cảm xúc về cái hay, cái đẹp của ngôn từ, hình ảnh thơ và nội dung, ý nghĩa của bài thơ.

+ Kết thúc: Câu cuối, khẳng định lại một lần nữa ý nghĩa, giá trị của bài thơ và tình cảm đối với nhà thơ.

b. *Những điều gì ở bài thơ khiến người viết yêu thích hoặc xúc động? (Bài thơ gợi lên bức tranh sống động.; Bài thơ tả tiếng đàn thật hay.; ...)*

– GV nêu câu hỏi b hoặc HS đọc câu hỏi b và các gợi ý trả lời.

– HS làm việc theo nhóm: Trao đổi để tìm và thống nhất câu trả lời cho câu hỏi. VD: Những điều khiến tác giả thấy yêu thích bài thơ:

+ Bài thơ gợi lên những hình ảnh đẹp/ bức tranh sống động (đưa dẫn chứng phù hợp).

+ Bài thơ tả tiếng đàn thật hay (đưa dẫn chứng phù hợp).

+ Mọi vật trong đêm trăng trên công trường gần gũi, thân thương (xe ủi, xe ben "sóng vai nhau nằm nghỉ", những tháp khoan "nhô lên trời như đang ngẫm nghĩ",...).

+ Tình hữu nghị của bạn bè quốc tế (hình ảnh cô gái Nga và tiếng đàn ba-la-lai-ca ngân vang trên công trình thuỷ điện sông Đà),...

c. *Tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua những từ ngữ, câu văn nào?*

– HS đọc câu hỏi c và làm việc theo nhóm.

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp. VD:

+ Những từ ngữ, câu văn trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người viết đối với bài thơ: *ấn tượng đẹp, bức tranh sống động về đêm trăng, tả tiếng đàn thật hay, tình hữu nghị thắm thiết, bền chặt, Xúc động biết mấy!...*

+ Ngoài những từ ngữ, câu văn trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc, người viết còn thể hiện sự yêu thích của mình đối với bài thơ qua những chi tiết nói về vẻ đẹp ngôn từ trong bài thơ, âm thanh diệu kì của tiếng đàn, sự quyện hoà giữa ánh trăng vàng và dòng nước sông Đà,...

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV và gợi ý trong SHS.

– Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV hướng dẫn HS đọc thầm, đọc lướt đoạn văn ở bài tập 1, tìm thêm những điểm cần lưu ý, khi viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

– GV có thể nêu các ý HS đã phát biểu hoặc những nội dung cần nhớ khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. VD:

+ Đoạn văn thường mở đầu bằng lời bày tỏ cảm xúc, sự yêu thích của người viết đối với bài thơ (nêu tên bài thơ, tên tác giả).

+ Các câu tiếp theo nêu cái hay, cái đẹp của bài thơ và cảm xúc, sự yêu thích của mình đối với bài thơ.

+ Đoạn văn có thể có câu kết khẳng định một lần nữa sự yêu thích của người viết đối với câu chuyện.

– GV chốt kiến thức với HS về cách viết đoạn văn hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ và yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ, nhắc lại các ý trong Ghi nhớ.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng:

1/ Đọc cho người thân một bài thơ viết cho thiếu nhi và chia sẻ cảm nghĩ của em về bài thơ đó.

2/ Tìm đọc câu chuyện kể về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật (nhà văn, nhà thơ, diễn viên, đạo diễn,...).

– GV khích lệ HS chia sẻ những gì đã đọc với người thân và bạn bè.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 25:

Đọc – hiểu: *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà.*

Luyện từ và câu: Biện pháp điệp từ, điệp ngữ.

Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

– GV nhắc HS ôn bài để nhớ các kiến thức đã học.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 26.

Bài 26 TRÍ TƯỞNG TƯỢNG PHONG PHÚ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc *Trí tưởng tượng phong phú*. Biết đọc diễn cảm, phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

   b. Hiểu nghĩa của từ ngữ, chi tiết nói về niềm đam mê sáng tạo, trí tưởng tượng phong phú của nhân vật Giô-an Rô-linh thông qua lời kể của tác giả. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Trong cuộc sống, trí tưởng tượng gắn với niềm đam mê là động lực để con người sáng tạo, cống hiến.

2. Biết tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ theo yêu cầu của đề bài.

3. Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện viết về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về câu chuyện đã đọc.

4. Biết duy trì và theo đuổi ước mơ. Có ý thức trân trọng những giá trị sáng tạo của cộng đồng.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự: trình tự các sự việc kết hợp với mạch cảm xúc, chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ.

2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Trí tưởng tượng phong phú*, tranh minh hoạ truyện Ha-ri Pót-tơ.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 1 – 2 HS đọc 1 – 2 khổ thơ trong bài *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên Sông Đà* và trả lời 1 – 2 câu hỏi cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm nhỏ (*Những hình ảnh minh hoạ trong SHS có gì thú vị? Chúng giúp em liên tưởng đến cuốn truyện nào?*). GV khích lệ HS trình bày trong nhóm.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– GV tổng hợp ý kiến của HS. Nếu có thể, GV chiếu 1 số tranh liên quan đến thế giới nhân vật trong truyện *Ha-ri Pót-tơ*.

Đáp án tham khảo:

Những điều thú vị gợi ra từ hình ảnh minh hoạ: chiếc chổi thần kì, có khả năng bay trên cao. Không cần máy bay, chỉ cần chiếc chổi, thế là có thể bay được đến các vì sao; Một con chim với dáng vẻ rất đặc biệt (gầy gò, mặt buồn, bộ lông màu trắng, chiếc mỏ sắc nhọn) đang đậu trên tay 1 cậu bé; Cậu bé cũng rất đặc biệt với vết sẹo hình tia chớp trên trán...

Những chi tiết trên gợi cho em nghĩ đến bộ truyện *Ha-ri Pót-tơ* – bộ truyện nhiều tập về nhân vật Ha-ri Pót-tơ.

– GV dẫn dắt vào bài mới, chẳng hạn: Truyện *Ha-ri Pót-tơ* được rất nhiều bạn nhỏ yêu thích. Truyện được chuyển thể thành phim. Vậy tác giả của bộ truyện nổi tiếng đó là ai? Điều gì khiến tác phẩm của nhà văn đó thu phục được hàng triệu con tim thiếu nhi trên thế giới. Câu hỏi này sẽ được trả lời trong bài đọc *Trí tưởng tượng phong phú*.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật) GV có thể mời 1 HS đọc cả bài hoặc mời 3 HS, mỗi HS đọc 1 đoạn: Đoạn 1: từ đầu đến *cuốn sổ*; Đoạn 2: tiếp theo đến *phấn khích*; Đoạn 3: còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ có tiếng dễ phát âm sai. VD: *Giô-an Rô-linh, Ha-ri Pót-tơ,...* (GV hướng dẫn kĩ cho những HS dễ mắc lỗi phát âm khi đọc.)

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD:

Khi cuốn sách được xuất bản,/ Giô-an muốn hét thật to:/"Mơ ước của mình đã trở thành hiện thực!".; Nhưng điều cô không ngờ tới,/ "Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thuỷ"/ đã thu hút sự chú ý của rất nhiều trẻ em trên toàn thế giới.

– HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhầm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV cho HS đọc phần giải nghĩa từ hoặc GV có thể giải nghĩa từ vào lúc từ đó xuất hiện trong bài đọc hoặc trong câu hỏi/ câu trả lời.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Những chi tiết nào cho biết ngay từ nhỏ, Giô-an Rô-linh đã có trí tưởng tượng rất phong phú?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo. (GV nêu cách thức thực hiện. Sau đó HS làm bài tập theo hướng dẫn của GV.)

– GV nêu cách thức thực hiện yêu cầu:

+ Làm việc theo cặp: Cá nhân tìm các chi tiết nói về cô bé Giô-an. Từng cá nhân phát biểu trong nhóm, bạn còn lại nhận xét, bổ sung.

+ HS làm bài theo hướng dẫn nêu trên.

– Một số HS phát biểu trước lớp; cả lớp và GV nhận xét, bổ sung chi tiết (nếu HS phát biểu chưa đầy đủ).

Đáp án: Nghĩ ra những chuyện khác nhau và kể cho em nghe; Chỉ cần nhìn thấy 1 chú thỏ là một câu chuyện mới nảy ra trong đầu. Chỉ là một câu chuyện, nhưng mỗi lần kể, cô bé lại thay đổi các chi tiết của chuyện.

Câu 2. *Cô bé Giô-an Rô-linh ấp ủ ước mơ trở thành nhà văn từ khi nào? Bằng cách nào cô thực hiện được ước mơ của mình?*

– GV nêu cách thức thực hiện yêu cầu:

+ HS làm việc theo nhóm nhỏ: Cả nhóm cùng nhau tìm hiểu lần lượt các chi tiết sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS làm bài theo hướng dẫn.

– Một số HS phát biểu trước lớp.

Đáp án: Kể từ khi kể chuyện cho em gái nghe, mỗi lần kể, câu chuyện lại được cô bé tưởng tượng theo một cách khác nhau nên bị người em phản đối vì không giống với câu chuyện đã kể lần trước. Cô bé thực hiện ước mơ bằng cách hễ nghĩ ra một câu chuyện thì phải viết lại ngay vào một cuốn sách.

Lưu ý: Tuỳ theo đối tượng HS, từ chi tiết trên, GV liên hệ thực tế, giúp HS nhận ra ý nghĩa của việc tạo thói quen ghi chép lại những điều HS đọc được trong sách hoặc quan sát được trong cuộc sống hằng ngày. Thói quen này sẽ giúp HS mở rộng vốn từ, rèn luyện khả năng tập trung, không quên những điều quan trọng, nâng cao kĩ năng viết văn,...

Câu 3. *Ý tưởng về nhân vật Ha-ri Pót-tơ và câu chuyện kì thú được hình thành trong tình huống nào?*

– GV hướng dẫn HS:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, đọc kĩ câu hỏi và tìm đoạn văn có chứa ý trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo cặp (lần lượt từng em nêu đáp án), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện theo hướng dẫn.

– Một số em phát biểu trước lớp.

– GV nhận xét, tổng hợp ý kiến của HS.

Đáp án: Ý tưởng về nhân vật Ha-ri Pót-tơ được hình thành trong một lần nhà văn ngồi trên tàu đi làm. Khi nhìn ra cửa sổ toa tàu, bất chợt nhà văn nghĩ đến một cậu bé có vết sẹo hình tia chớp trên trán cùng cặp kính cận tròn xoe. Thế là cả một thế giới pháp thuật hiện ra với những điều liên quan đến cậu bé: ngôi trường, bạn bè,...

Câu 4. *Câu chuyện "Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thuỷ" được đón nhận như thế nào?*

– GV hướng dẫn HS: Suy nghĩ, tìm câu trả lời của mình, sau đó trao đổi trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu trước lớp khi GV yêu cầu.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.

Đáp án: Câu chuyện *Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thuỷ* đã thu hút sự chú ý của rất nhiều trẻ em trên toàn thế giới.

Lưu ý:

+ GV có thể nói thêm: Ai có thể cho cô biết nội dung chính của bộ truyện Ha-ri Pót-tơ? (Nói về cuộc chiến giữa Ha-ri Pót-tơ cùng những người bạn với chúa tể hắc ám Vâu-đơ-mo – người có tham vọng muốn trở nên bất tử, thống trị thế giới phù thuỷ.)

+ GV mở rộng nội dung câu trả lời: Tác giả đã từng khóc trên những trang bản thảo cuốn sách *Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thuỷ* vì bị 12 nhà xuất bản từ chối, không nhận lời in ấn bởi không ai tin cuốn sách sẽ thành công. Tuy nhiên ngay sau khi ra mắt bạn đọc, *Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thuỷ* đã trở thành một hiện tượng đặc biệt. Sức hút của cuốn sách tăng lên chóng mặt. Mỗi lần nhà văn xuất bản tập tiếp theo là một ngày hội đọc sách với cả trẻ em và người lớn trên toàn thế giới. Chẳng hạn, phần 7 bộ truyện *Ha-ri Pót-tơ* khi phát hành tại Anh, người ta đã bán được 2,5 triệu bản chỉ trong vòng 24 giờ. Có thể nói bộ truyện *Ha-ri Pót-tơ* đã khơi dậy niềm đam mê đọc sách cho trẻ em toàn thế giới.

Câu 5. *Theo em, nhờ đâu nhà văn Giô-an Rô-linh viết được cuốn sách có sức hấp dẫn lớn như vậy?*

Đây là câu hỏi mở. GV khích lệ HS phát biểu theo suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. Các em có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau.

– GV hướng dẫn HS:

+ Cá nhân suy nghĩ, có thể ghi tóm tắt ý kiến vào vở hoặc giấy.

+ Từng cá nhân trình bày ý kiến trước nhóm. Cả nhóm thảo luận, tổng hợp ý kiến của các thành viên.

– HS làm việc theo định hướng của GV. GV đi đến các nhóm, quan sát ý thức hợp tác của mỗi thành viên trong nhóm, khích lệ HS tự tin bày tỏ suy nghĩ của mình.

– Đại diện nhóm trình bày. GV khen HS biết trình bày rõ ràng ý kiến trước lớp.

Đáp án tham khảo:

+ Nhờ có niềm đam mê, sự cố gắng, kiên trì, không từ bỏ ước mơ dẫu gặp nhiều gian nan, thử thách.

+ Nhờ có trí tưởng tượng rất phong phú cùng năng khiếu sáng tác.

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:

– Làm việc chung cả lớp: 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp, GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

Mục đích của hoạt động này là giúp HS mở rộng vốn từ về trí tuệ, biết dùng từ để đặt câu phù hợp. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến trước lớp. GV nên đóng vai trò là người quan sát, trọng tài mà không làm nhiệm vụ giảng dạy những kiến thức liên quan đến bài tập.

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu.

– Sau thời gian làm bài được GV quy định, HS trình bày kết quả làm bài trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS rồi nêu nhận xét trước lớp.

1. *Tìm nghĩa của các từ dưới đây:*

Đáp án:

Từ	Nghĩa của từ
mơ tưởng	Mong mỏi, ước ao những điều xa vời, không thực tế.
liên tưởng	Nghĩ tới sự vật, hiện tượng nào đó có liên quan đến sự việc, hiện tượng đang diễn ra.
ý tưởng	Điều nảy ra, nghĩ ra trong đầu, thường chưa trọn vẹn
tưởng tượng	Tạo ra trong tâm trí hình ảnh, những cái không ở trước mắt hoặc chưa hề có.

2. *Chọn từ phù hợp ở bài tập 1 thay cho mỗi bông hoa trong những câu sau:*

Đáp án:

a. Khi đọc truyện, tôi thường **tưởng tượng** mình là nhân vật chính. Việc đó giúp tôi hiểu rõ hơn cảm xúc và hành động của nhân vật.

b. Bạn có thể chia sẻ với tôi những **ý tưởng** của bạn về buổi hội chợ của lớp được không?

c. Ngắm nhìn những bông hoa hướng dương nở vàng rực trong vườn, tôi chợt **liên tưởng** đến hình ảnh mặt trời đang toả nắng.

d. Hôm nay, cô giáo cho chúng tôi vẽ tranh. Tôi có **ý tưởng** vẽ một ngôi nhà trên cây. Tôi **tưởng tượng** đó là một ngôi nhà màu hồng, nhiều cửa sổ và có một cái cầu trượt dài.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một bài thơ thuộc chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*.

Đề 2: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên.

1. Chuẩn bị.

– GV dành thời gian cho HS nêu những điều cần ghi nhớ về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

– GV mời HS đọc yêu cầu của đề bài, suy nghĩ lựa chọn 1 trong 2 đề bài đã cho.

– HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn chuẩn bị ở SHS:

+ Đọc lướt lại các bài thơ ở chủ điểm *Thế giới tuổi thơ* đã học hoặc bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên được đọc trong sách báo hay được nghe người khác đọc.

+ Chọn đề bài mình có thể viết hay hơn.

– GV có thể mời một số HS nêu đề bài đã chọn và giải thích lí do chọn đề bài đó.

2. Tìm ý.

– HS làm việc cá nhân: đọc thầm, đọc lướt hướng dẫn trong phần Tìm ý (theo 3 phần của đoạn văn) và liệt kê các ý cần có trong đoạn văn và sắp xếp ý.

– GV quan sát HS làm bài, đọc phần tìm ý của một số HS để có cách hỗ trợ phù hợp.

3. Góp ý và chỉnh sửa.

– HS đọc soát ý đã tìm (theo hướng dẫn của SHS), tự chỉnh sửa.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: đọc dàn ý của nhau và góp ý cho nhau.

– HS bổ sung hoặc chỉnh sửa theo góp ý của thầy cô, của các bạn.

– GV có thể chốt những điểm cần lưu ý để viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện viết về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– HS làm việc cá nhân:

+ Đọc câu chuyện viết về một người làm việc trong 1 lĩnh vực nghệ thuật (xem gợi ý về các bộ môn nghệ thuật và những câu chuyện kể về nhạc sĩ, hoạ sĩ, nhà văn,... trong SHS).

+ Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SHS (có thể viết thêm những ý khác tuỳ theo nội dung câu chuyện đã đọc).

– HS có thể chia sẻ các câu chuyện đã đọc cho nhau để cùng trao đổi.

Lưu ý: GV nhắc khi trao đổi không gây ồn ào làm ảnh hưởng đến các bạn,...

2. Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.

– HS trao đổi, chia sẻ với bạn về câu chuyện đã đọc theo gợi ý, hướng dẫn trong SHS (có thể nói về người nghệ sĩ mình yêu thích, việc làm khiến em xúc động,...). VD:

+ Tên câu chuyện, tên tác giả

+ Nhân vật chính trong câu chuyện (tên, nghề nghiệp, đóng góp trong hoạt động nghệ thuật,...)

+ Kể tóm tắt câu chuyện.

+ Sự việc đáng nhớ, sự việc gây xúc động,...

+ Ý nghĩa, bài học bổ ích rút ra từ câu chuyện.

+ ...

– Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin các bạn chia sẻ.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Trao đổi với người thân về một người làm nghệ thuật hoặc ý nghĩa của những tác phẩm nghệ thuật đối với cuộc sống* theo hướng dẫn trong SHS.

– GV nhắc HS tìm thêm sách báo để đọc và giới thiệu cho nhau những sách báo tìm được.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 26:

Đọc – hiểu: *Trí tưởng tượng phong phú*.

Viết: Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện viết về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV mời HS chia sẻ về nội dung yêu thích của Bài 26.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 27.

TUẦN 15

Bài 27 TRANH LÀNG HỒ (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng văn bản *Tranh làng Hồ* với ngữ điệu nhẹ nhàng, tha thiết, pha chút tự hào; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí.

b. Nhận biết được những ý chính trong bài đọc, hiểu được thông tin chính về tranh làng Hồ – một dòng tranh dân gian độc đáo của vùng quê Bắc Bộ, di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia.

2. Luyện tập, nâng cao kiến thức về điệp từ, điệp ngữ.

3. Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ đúng yêu cầu, dựa trên dàn ý đã lập.

4. Bồi dưỡng niềm tự hào và sự trân trọng đối với những sản phẩm tinh thần dân tộc Việt.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Thể loại văn bản: *tuỳ bút* (những ghi chép của tác giả về cuộc sống xung quanh, qua đó, tác giả thể hiện những suy nghĩ, cảm xúc của chính mình về những điều mình quan sát được).

– Kiến thức về điệp từ, điệp ngữ.

– Văn biểu cảm.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh, clip minh hoạ về nội dung bài học. Có thể sưu tầm thêm hình ảnh về nhà văn Nguyễn Tuân và các cuốn sách của ông.

– Phiếu bài tập phần Luyện từ và câu (nếu cần).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Trí tưởng tượng phong phú* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV nêu tên bài học (*Tranh làng Hồ*) và giao nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu phần Khởi động: *Thử đoán tên của những bức tranh trong SHS.*

+ Thảo luận theo cặp: HS quan sát bức tranh và đặt tên theo ý của mình.

– Đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác có thể bổ sung.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó công bố tên của các bức tranh này: Đây là tranh dân gian Đông Hồ, có tên lần lượt là: *Đấu vật* (thi đấu vật của đàn ông trong ngày xuân), *Chăn trâu thổi sáo* (sự giao hoà giữa thiên nhiên và con người, thể hiện cuộc sống thanh bình), *Vinh hoa* (mong muốn thành công với đủ đức hạnh của người quân tử).

– GV giới thiệu khái quát về bài đọc: *Tranh làng Hồ* giới thiệu về một dòng tranh dân gian độc đáo xuất phát từ làng Hồ, thuộc tỉnh Bắc Ninh. Trước đây, tranh thường được bán vào dịp Tết. Hãy cùng đọc văn bản để xem tranh làng Hồ độc đáo như thế nào.

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, giọng tâm tình, tha thiết). Nếu trong lớp có HS đọc tốt, GV có thể mời 3 em đọc nối tiếp các đoạn trong bài. Có thể phân chia như sau:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *tươi vui*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *gà mái mẹ*.

+ Đoạn 3: Còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đây là văn bản thuộc thể loại tuỳ bút, là những ghi chép của chính tác giả về cuộc sống xung quanh. Các em chú ý đọc để thể hiện được tình cảm, cảm xúc của tác giả qua từng chi tiết trong văn bản.

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai. VD: *người nghệ sĩ tạo hình, khoáy âm dương, lĩnh, màu trắng điệp, ...*

(GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS mắc lỗi cụ thể khi đọc bài.)

– 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm 3: Mỗi HS đọc nối tiếp, sau đó đổi đoạn để đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV giải thích từ ngữ khó. Ngoài những từ ngữ đã được giải thích trong SHS là *làng Hồ, tranh tố nữ, lĩnh, màu trắng điệp,* GV nên giải thích thêm các từ ngữ: *ráy, khoáy âm dương.*

+ *Ráy*: một thứ cây trồng gần giống cây khoai sọ, dùng làm thức ăn cho lợn.

+ *Khoáy âm dương*: khoáy hình tròn, giữa có nét cong như chữ S, chia hình tròn làm hai mảng – một mảng màu sáng (dương) và một mảng màu tối (âm). (Có thể chỉ cho HS thấy hình khoáy âm dương trong bức tranh *Lợn ăn cây ráy).*

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Kể tên những bức tranh làng Hồ được nhắc tới trong bài.*

– Làm việc chung cả lớp.

+ HS đọc câu hỏi trước lớp, suy nghĩ, tìm câu trả lời.

+ GV hướng dẫn HS đọc lướt đoạn văn 1.

+ GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp. Cả lớp góp ý, nhận xét, bổ sung.

– GV và HS chốt đáp án: Những bức tranh làng Hồ được nhắc tới trong bài là tranh lợn, gà, chuột, ếch, tranh cây dừa, tranh tố nữ, tranh lợn ráy, tranh đàn gà mẹ con.

Câu 2. *Hai bức tranh "Lợn ăn cây ráy" và "Đàn gà mẹ con" được miêu tả như thế nào?*

– GV cho HS làm việc nhóm với các nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ câu hỏi, thảo luận về câu trả lời.

+ Thống nhất đáp án.

– GV mời đại diện một số nhóm phát biểu. Các nhóm khác bổ sung, nhận xét.

– GV và HS chốt đáp án: Bức tranh *Lợn ăn cây ráy* được miêu tả là có những khoáy âm dương rất có duyên; Bức tranh *Đàn gà mẹ con* được miêu tả là có đàn gà con tưng bừng ca múa bên gà mẹ. (GV có thể nhấn vào những từ ngữ miêu tả đặc sắc của tác giả: *rất có duyên, tưng bừng ca múa.)*

Câu 3. *Kĩ thuật tạo màu của tranh làng Hồ có gì đặc biệt?*

– GV triển khai hoạt động tương tự như đối với câu hỏi 2.

– GV và HS cùng thống nhất đáp án: Màu đen được luyện bằng bột than, màu trắng làm từ bột của vỏ sò, vỏ điệp ở biển. Cả hai màu đều không pha bằng thuốc hay bột màu.

GV có thể hỏi: Em có nhận xét gì về cách tạo màu này? Cách làm này cho ra những màu sắc tự nhiên, không thật sắc nét mà nhẹ nhàng, giản dị, một loại màu sắc "rất Việt Nam"; chất liệu tạo màu dễ kiếm, không tốn tiền, gần gũi với cuộc sống,... (HS có thể diễn đạt theo những cách khác nhau vì đây là câu hỏi mở).

Câu 4. *Tác giả biết ơn những người nghệ sĩ dân gian làng Hồ vì điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.*

A. Vì họ đã phản ánh cuộc sống rất chân thực, giản dị, hóm hỉnh.

B. Vì họ đã tạo nên những bức tranh từ tình yêu quê hương, đất nước tha thiết.

C. Vì kĩ thuật vẽ tranh của họ đã đạt đến mức độ sâu sắc, tinh tế.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm hoặc theo lớp:

+ Đọc kĩ câu hỏi.

+ Tìm thông tin tạo nên các ý A, B, C (các ý này nằm rải rác trong cả văn bản).

Ý A nằm ở đoạn 1: *Họ đã đem vào cuộc sống một cách nhìn thuần phác, càng ngắm càng thấy đậm đà, lành mạnh, hóm hỉnh và tươi vui.*

Ý B nằm ở đoạn 2. *Phải yêu mến cuộc đời trồng trọt, chăn nuôi lắm mới khắc được những tranh lợn ráy có những khoáy âm dương rất có duyên, mới vẽ được những đàn gà con tưng bừng như ca múa bên gà mái mẹ.*

Ý C nằm ở đoạn 3: *Kĩ thuật tranh làng Hồ đã đạt đến sự trang trí tinh tế...*

+ Các thành viên trong nhóm thay phiên nhau trình bày ý kiến của mình và góp ý cho bạn.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý, bổ sung. Đáp án là đáp án mở, chỉ cần HS có những biện luận phù hợp.

Câu 5. *Nêu cảm nhận của em khi ngắm những bức tranh làng Hồ.*

– GV mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV cho HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm.

– HS trao đổi ý kiến cá nhân.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp góp ý, nhận xét.

– GV và cả lớp chốt đáp án: (Đây là câu hỏi mở, GV khuyến khích HS chia sẻ suy nghĩ của mình.) VD: Em thấy tranh rất giống với cuộc sống làng quê./ Em thấy màu sắc của tranh nhẹ nhàng, không sắc nét mà tự nhiên,...

4. Luyện đọc lại.

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và HS cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: HS tự đọc toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ

1. Xác định điệp từ, điệp ngữ trong những câu thơ, đoạn văn ở cột A. Chọn câu, đoạn phù hợp với ý nêu tác dụng của biện pháp đó ở cột B.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Sau đó, HS làm việc nhóm để chia sẻ kết quả làm việc của mỗi cá nhân và thống nhất kết quả trong nhóm.

– GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án chung của cả lớp.

Đáp án:

a. Ngủ yên, ngủ yên, cò ơi, chớ sợ Cành có mềm mẹ đã sẵn tay nâng. (Chế Lan Viên)	Lặp lại lời vỗ về của "cò mẹ" (*ngủ yên*), tạo nên âm hưởng của lời ru ngọt ngào, qua đó nhấn mạnh tình yêu thương của "cò mẹ" đối với con.
b. Trong đầm gì đẹp bằng sen Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng Nhị vàng, bông trắng, lá xanh Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. (*Ca dao*)	Lặp các từ ngữ *lá xanh, bông trắng, nhị vàng* nhằm làm nổi bật các bộ phận của hoa sen, phần nào cũng đẹp đẽ, từ đó nhấn mạnh vẻ đẹp bình dị mà thanh cao của loài hoa này.
c. Thoắt cái, lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý. (Nguyễn Phan Hách)	Lặp lại từ ngữ *thoắt cái* nhằm làm nổi bật sự thay đổi nhanh chóng của vạn vật.

2. Xác định điệp từ, điệp ngữ trong đoạn thơ trong SHS và nêu tác dụng của biện pháp điệp từ, điệp ngữ đó.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

+ GV yêu cầu 1 HS đọc diễn cảm đoạn thơ, hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc kĩ lại đoạn thơ và tìm biện pháp điệp từ, điệp ngữ trong đoạn. Sau đó, HS làm việc theo nhóm để trao đổi, góp ý về kết quả của mỗi thành viên và thống nhất kết quả chung.

+ GV yêu cầu 2 – 3 HS đại diện cho các nhóm trình bày kết quả của mỗi nhóm, các HS khác nhận xét, góp ý. GV chốt kết quả được cả lớp thống nhất.

Đáp án: Lặp lại cụm từ *ai sẽ* nhằm nhấn mạnh sự thiếu vắng của thế giới này nếu không có trẻ con.

3. Viết 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc về một đoạn thơ, đoạn văn ở bài tập 1 hoặc bài tập 2, trong đó có sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, viết vào vở hoặc giấy nháp 2 – 3 câu theo yêu cầu của bài tập. Sau đó, HS làm việc theo nhóm, từng HS đọc sản phẩm của mình để cả nhóm nhận xét, góp ý. GV đi đến các nhóm, ghi nhận những câu văn hay có sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ thích hợp để khen ngợi và ghi chép những lỗi viết câu của HS để chữa chung trước lớp hoặc chữa riêng cho những em mắc các lỗi viết câu.

– GV mời một số HS đại diện các nhóm đọc trước lớp những câu văn hay mà các em viết được.

– GV khen ngợi cả lớp đã tích cực tham gia các hoạt động học tập.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một bài thơ thuộc chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*.

Đề 2: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên.

1. Chuẩn bị.

– GV mời HS đọc đề bài.

– GV nhắc HS:

+ Đọc lại các ý đã tìm, đã lựa chọn, sắp xếp ở hoạt động Viết của Bài 26.

+ Đọc những điều lưu ý trong SHS, có thể điều chỉnh dàn ý (về nội dung, về trình tự sắp xếp ý, nếu thấy cần thay đổi).

+ Đọc ví dụ trong SHS để học tập cách thể hiện tình cảm, cảm xúc dành cho bài thơ yêu thích.

– GV lưu ý HS tập trung làm bài để có thời gian đọc soát bài văn; chú ý các cách thể hiện tình cảm cảm xúc khác nhau: bằng từ ngữ, câu văn biểu cảm, trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc hoặc thể hiện tình cảm, cảm xúc qua suy nghĩ, việc làm.

2. Viết đoạn văn.

– HS làm bài cá nhân: viết đoạn văn theo cấu trúc 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc, tạo được sự kết nối giữa các ý trong đoạn văn, tạo được sự thống nhất giữa mở đầu và kết thúc.

– GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em có những hạn chế về kĩ năng viết. GV ghi chép ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hay một số HS điển hình.

3. Đọc soát và chỉnh sửa.

– HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi theo hướng dẫn của SHS.

– HS sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa (nếu có).

VẬN DỤNG

GV nhắc HS thực hiện yêu cầu của hoạt động Vận dụng:

Thực hiện 1 trong 2 nhiệm vụ dưới đây:

a. Đọc đoạn văn của em cho người thân nghe. Chia sẻ cảm xúc của em khi viết đoạn văn đó.

b. Đọc lại một bài thơ em yêu thích và ghi vào phiếu đọc sách những điều em thấy thú vị.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 27:

Đọc – hiểu: *Tranh làng Hồ.*

Luyện từ và câu: Luyện tập về điệp từ, điệp ngữ.

Viết: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

– GV có thể hỏi HS về những nội dung cụ thể đã học ở Bài 27.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài 28.

BÀI 28 TẬP HÁT QUAN HỌ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Tập hát quan họ*. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Giữ gìn những làn điệu dân ca quan họ là một cách để giữ gìn văn hoá truyền thống, nghệ thuật truyền thống của Việt Nam.

2. Nhận biết được ưu, nhược điểm của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ đã viết; biết chỉnh sửa đoạn văn theo góp ý.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Giới thiệu được một môn nghệ thuật mà em yêu thích: điện ảnh, âm nhạc, sân khấu,…

4. Có ý thức tìm hiểu nghệ thuật truyền thống của dân tộc, có lòng tự hào về truyền thống văn hoá dân tộc; có ý thức gìn giữ, phát huy giá trị của nghệ thuật truyền thống.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự

– Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ

– Nghệ thuật truyền thống Việt Nam

2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ phần Khởi động và bài đọc.

– Clip hoặc bài hát (chèo, quan họ, ca trù) minh hoạ cho phần Khởi động, bài hát dân ca quan họ để hỗ trợ phần trả lời câu hỏi đọc hiểu.

– Tranh ảnh, clip minh hoạ về những loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

Nêu tên bài đọc trước (*Tranh làng Hồ*) và nêu cảm nghĩ của em về bài đọc.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm, trao đổi hoạt động Khởi động: *Nói vài điều em biết về một môn nghệ thuật truyền thống của nước ta.* HS quan sát các tranh và tên các môn nghệ thuật được gợi ý trong SHS. HS có thể chọn một trong các môn nghệ thuật được gợi ý trong sách, hoặc một môn nghệ thuật khác mà HS biết để nói trong nhóm. Với các HS không có nhiều kiến thức về các môn nghệ thuật truyền thống, GV có thể gợi ý HS dựa vào tranh để nói về môn nghệ thuật trong tranh (VD: nơi biểu diễn, những người tham gia (số lượng, trang phục,…), các nhạc cụ được sử dụng,…). Nếu điều kiện cho phép, GV có thể bật 1 đoạn nhạc của mỗi môn nghệ thuật để HS nghe và có thêm ý kiến nhận xét, trao đổi.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (1 – 2 em) trình bày trước lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VD:

Quan họ	Ca trù	Cải lương
		
– Trước đây, quan họ là kiểu hát đôi giữa các liền anh và liền chị vào dịp lễ hội ở làng quê, không có nhạc đệm và không có khán giả. Hiện nay, quan họ trở thành môn nghệ thuật biểu diễn có nhạc đệm, với nhiều hình thức biểu diễn hơn (hát đơn, hát đôi,...). Khi hát, các liền chị mặc áo mớ ba mớ bảy với lớp ngoài cùng thường có màu trầm, nền nã (nâu, đen,...), khác với trang phục của chèo là màu sắc lớp ngoài rất rực rỡ. Các liền chị chít khăn mỏ quạ, đội nón quai thao. Các liền anh cũng mặc áo dài năm thân. – Là một trong những di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại.	– Còn gọi là hát cô đầu, hát nhà trò, hát ả đào. – Khi biểu diễn sẽ có 3 người (gọi là một chầu hát): một nữ ca sĩ (còn gọi là đào, hoặc ca nương) vừa hát vừa sử dụng bộ phách gõ lấy nhịp; 1 nhạc công nam giới (gọi là kép) chơi đàn đáy; 1 người thưởng ngoạn (gọi là quan viên) đánh trống chầu chấm câu và biểu lộ sự đắc ý khi nghe hát bằng tiếng trống. – Là một trong những di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại.	– Cải lương là nghệ thuật kịch hát, có nguồn gốc từ Nam Bộ. – Cải lương sử dụng vốn dân ca nhạc cổ rất phong phú. Các vở cải lương có cốt truyện giống kịch. Người diễn cải lương được gọi là nghệ sĩ cải lương. – Khi biểu diễn, tuỳ vào các vở cải lương có nội dung dân gian hay hiện đại mà người biểu diễn mặc trang phục cho phù hợp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV mời 1 HS miêu tả tranh minh hoạ. (VD: Tranh vẽ cảnh ngoài trời, hai cô gái mặc áo mớ ba mớ bảy, đầu đội khăn mỏ quạ làm động tác như đang hát. Một người lớn tuổi cũng mặc áo mớ ba mớ bảy và đội khăn mỏ quạ, đang làm động tác giống như hướng dẫn hai cô gái còn lại. Có hai bạn nhỏ đang ngồi bên cạnh giống như nghe các cô gái hát. Các bạn rất vui vẻ, thể hiện sự thích thú khi được nghe.)

– GV dẫn sang bài đọc *Tập hát quan họ* (VD: Việt Nam có nhiều môn nghệ thuật truyền thống đặc sắc, thể hiện bản sắc văn hoá của dân tộc ta. Hôm nay, các em sẽ cùng đọc bài *Tập hát quan họ* để biết các bạn nhỏ trong bài nói gì, nghĩ gì về một môn nghệ thuật rất độc đáo, thú vị của Việt Nam.).

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu khi đọc các câu văn chứa từ ngữ gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, (VD: *nổi tiếng, cổ thụ, thơm nức, xa lông, chỉ dẫn, lổ đổ, liền chị, Ngỏ lời, nước suối, gió lùa, thổi lên, nồng cháy, lấy hơi, nhả chữ, luyến láy, giã bạn, lưu luyến, chừng nào,…*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Điệu "Ngỏ lời" phải hát với giọng thẹn thùng,/ e ấp,/ tiếng hát phải như nước suối thượng nguồn,/ róc rách,/ từ từ,/ nhưng trong vắt,/ tinh khôi/ và hứa hẹn một dòng cuồn cuộn; Tôi vẫn mong ngóng đến ngày,/ điệp khúc đó sẽ được ngân lên/ bằng giọng hát của chính tôi, /chứ không chỉ vang lên trong tâm trí như khi ấy.*

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn, (đoạn 1: từ đầu đến *dưới sự chỉ dẫn của bà Trưởng;* đoạn 2: tiếp theo đến *một dòng cuồn cuộn*; đoạn 3: tiếp theo đến *buồn biết chừng nào*; đoạn 4: còn lại).

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm 4: Mỗi HS đọc một đoạn (nối tiếp 4 đoạn), sau đó đổi lại thứ tự đọc.

HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 4 HS đọc nối tiếp xen kẽ 4 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc các từ ngữ được giải thích trong SHS và tự tra từ điển những từ ngữ còn chưa hiểu rõ, VD:

+ *Thượng nguồn*: đoạn đầu nguồn của một con sông hoặc suối (phân biệt với hạ nguồn).

+ *Lấy hơi, nhả chữ*: (kĩ thuật hát trong loại hình sân khấu) lấy hơi là dùng hơi thở đẩy âm thanh ra sao cho phù hợp với yêu cầu của bài hát. Nhả chữ là cách thể hiện khuôn miệng để phát ra rõ lời.

+ *Giã bạn*: từ giã bạn khi hội đã tan.

+ *Đau đáu*: trạng thái không yên lòng.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Các liền chị tập hát trong khung cảnh như thế nào?*

– GV nêu yêu cầu hoặc mời 1 HS đọc yêu cầu.

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, đọc thầm lại văn bản để chuẩn bị ý trình bày.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó phát biểu trong nhóm. Nhóm bầu 1 bạn phát biểu tốt nhất.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện theo chỉ dẫn các bước.

+ GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những HS trình bày tốt, đúng yêu cầu.

Đáp án:

Các liền chị tập hát ở nhà bà Trưởng trong khung cảnh rất thơ mộng: Đường vào nhà bà cong như cổ ngỗng, hai bên trồng hoa tầm xuân. Trước nhà có hồ rộng thả sen, có vườn trồng táo. Táo cổ thụ um tùm rợp bóng, táo chín vỡ thơm nức trên những phiến đá xanh xếp như bộ xa lông đồ sộ ngoài trời. Khi các chị tập hát vào mùa xuân, nắng ấm xuyên qua tàng cây rơi lổ đổ xuống thảm lá khô. Vào mùa hạ, các chị tập hát dưới đêm trăng, gió lùa từ hồ sen trước nhà thổi lên mát rượi.

Câu 2. *Tìm những chi tiết miêu tả các liền chị lúc tập hát.*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi.

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án.

Đáp án:

Các liền chị chít khăn đen, má đỏ hồng, ngồi trên những phiến đá xanh, tập hát.

Câu 3. *Bà Trưởng dạy các liền chị hát mỗi điệu quan họ dưới đây ra sao: "Ngỏ lời", "Thương nhau", "Giã bạn"?*

– GV hướng dẫn cách thức thực hiện:

+ Cách 1: Làm việc nhóm (3 em/ nhóm), mỗi em sẽ tìm hiểu thông tin về cách hát một trong các điệu quan họ (*Ngỏ lời, Thương nhau, Giã bạn*) rồi phát biểu trong nhóm; các bạn trong nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau để thống nhất đáp án.

+ Cách 2: HS suy nghĩ cá nhân, tìm thông tin trả lời cho cách hát cả 3 điệu quan họ, rồi lần lượt từng HS phát biểu trong nhóm; cả nhóm nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp; cả lớp và GV nhận xét.

Ngỏ lời	Thương nhau	Giã bạn
Hát với giọng thẹn thùng, e ấp, tiếng hát phải như nước suối thượng nguồn, róc rách, từ từ, nhưng trong vắt, tinh khôi và hứa hẹn một dòng cuồn cuộn.	Hát nồng cháy, thiết tha.	Hát với giọng lưu luyến, dùng dằng, đau đáu

Câu 4. Những chi tiết dưới đây giúp em hiểu điều gì về nhân vật "tôi"?

Ngày nào cũng đến nhà bà Trưởng nghe các liền chị tập hát quan họ.

Ngân nga mãi điệp khúc của điệu "Giã bạn" trong tâm trí.

Mong ngóng đến ngày chính mình được hát các giai điệu đó.

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV khuyến khích HS suy nghĩ độc lập để có ý kiến riêng của mình trước khi trao đổi trong nhóm.

– HS trao đổi theo cặp/ nhóm và nhận xét, góp ý cho nhau.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp góp ý, trao đổi. GV khen ngợi những HS nhận xét hay, trình bày rõ ràng, rành mạch.

Đáp án tham khảo:

Chi tiết	Nhận xét
Ngày nào cũng đến nhà bà Trưởng nghe các chị tập hát quan họ.	Nhân vật "tôi" rất say mê các làn điệu quan họ.
Tâm trí cứ ngân nga điệp khúc của điệu *Giã bạn*.	Các làn điệu quan họ để lại rất nhiều tình cảm, cảm xúc trong lòng nhân vật "tôi".
Mong ngóng đến ngày chính mình được hát các giai điệu đó.	Ước mơ của nhân vật "tôi" là sau này sẽ hát và biểu diễn được các bài dân ca quan họ.

Nhận xét chung: Nhân vật "tôi" rất yêu thích quan họ, mỗi lần nghe hát quan họ là nhớ mãi không quên. Niềm say mê các làn điệu quan họ đã biến thành ước mơ của nhân vật "tôi": sau này sẽ được hát/ biểu diễn quan họ.

Câu 5. *Dựa vào tranh minh hoạ và nội dung bài đọc, nêu cảm nhận của em về nghệ thuật hát quan họ.*

– GV nêu câu hỏi hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi để tìm câu trả lời. Đây là câu hỏi mở, HS phát biểu dựa trên cảm nhận cá nhân. Để giúp HS thực hiện yêu cầu này, GV có thể bật 1 – 2 bài (hoặc một đoạn) quan họ ngắn cho HS nghe. GV khuyến khích HS huy động vốn hiểu biết thực tế (nếu đã từng nghe quan họ) để có thêm những chia sẻ, cảm nhận hay.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

+ HS làm việc cá nhân, quan sát lại tranh minh hoạ và đọc lướt lại bài đọc, chuẩn bị ý kiến để trình bày trong nhóm.

+ HS lần lượt trình bày trong nhóm. Các HS khác nhận xét, góp ý và bầu ra HS trình bày tốt nhất.

– HS làm việc cá nhân và làm việc nhóm theo hướng dẫn của GV. GV hỗ trợ các HS còn khó khăn khi trình bày. GV lưu ý: HS có thể có những cảm xúc chưa tích cực (do các em không quen nghe quan họ truyền thống), GV không nên phủ nhận mà cần chấp nhận cả những cảm nhận chưa tích cực của HS. Tuy nhiên, GV cần dẫn dắt để HS hiểu nghệ thuật truyền thống có thể không phù hợp thị hiếu của một số người trẻ, cũng như mỗi dòng nhạc đều có những đối tượng khán giả riêng, nhưng quan họ mang những nét đặc sắc văn hoá nghệ thuật mà không dân tộc nào có được. Bởi vậy, HS cần trân trọng các giá trị mà nghệ thuật quan họ mang lại và tìm hiểu kĩ hơn để cảm nhận được

cái hay, cái đẹp của nghệ thuật này (ví dụ ngoài giai điệu, HS còn có thể tìm hiểu kĩ hơn về lời hát, về bối cảnh hát, trang phục của người hát,…).

– 2 – 3 đại diện HS phát biểu trước lớp.

– GV khen ngợi những HS có ý kiến hay, thể hiện được quan điểm thẩm mĩ và nghệ thuật riêng của cá nhân.

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc lại bài đọc:

– Làm việc chung cả lớp (4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp, góp ý cho nhau.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

GV giới thiệu: Các bài luyện tập theo văn bản đọc sẽ giúp các em mở rộng vốn từ về nghệ thuật truyền thống của Việt Nam và luyện từ và câu dựa trên các từ ngữ, câu được trích trong văn bản đọc.

Câu 1. *Tìm trong và ngoài bài đọc 2 – 3 từ cho mỗi nhóm: môn nghệ thuật, hoạt động nghệ thuật, người biểu diễn.*

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và ví dụ trong SHS. GV có thể cho HS xem thêm một số hình ảnh về các môn nghệ thuật truyền thống của Việt Nam để HS (bằng tranh ảnh hoặc clip chiếu lên màn hình) để HS tham khảo, huy động được tối đa vốn từ. HS cũng có thể nhớ lại những trình bày ở phần Khởi động để có thêm từ ngữ thực hiện yêu cầu này.

– GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm, HS chuẩn bị câu trả lời cá nhân và nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét.

– Đại diện 3 – 4 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và tổng hợp đáp án. GV có thể ghi các từ ngữ HS tìm được lên bảng.

VD:

Môn nghệ thuật	Hoạt động nghệ thuật	Người biểu diễn
Chèo	Hát, múa,…	diễn viên
Ca trù	Hát nói, hát kể, ngâm, gõ phách, đánh trống chầu,…	ca nương, đào nương
Tuồng	Nói, hát, múa, diễn xuất,…	diễn viên
Cải lương	Nói, hát, múa, diễn xuất,…	diễn viên
Hát xoan	Hát, múa	cô đào, nghệ nhân
Múa rối nước	Điều khiển con rối	nghệ nhân
…	…	…

Câu 2. *Sử dụng 1 – 2 từ ngữ đã tìm được ở bài tập 1 để đặt câu giới thiệu một môn nghệ thuật truyền thống.*

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đặt câu và có thể viết vào vở hoặc nháp, sau đó nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét để HS chỉnh sửa.

– 1 – 2 HS đọc câu đã đặt trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV khen các HS đặt câu hay, thể hiện tốt nội dung giới thiệu môn nghệ thuật truyền thống.

– GV tổng kết tiết học, khen ngợi các HS tham gia tích cực vào các hoạt động trong giờ học.

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

1. Đánh giá kết quả làm bài.

– GV có thể thực hiện theo gợi ý dưới đây:

+ Dựa trên kết quả quan sát HS viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ (hoạt động Viết, Bài 27) và việc đọc bài làm của HS, nêu nhận xét chung về kết quả bài làm của cả lớp (có thể theo các tiêu chí đánh giá nêu trong SHS); chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hay một số HS tiêu biểu.

+ Khen ngợi những HS viết bài đúng yêu cầu, thể hiện sự cảm nhận cái hay, cái đẹp của bài thơ.

+ Mời những HS viết được đoạn văn hoặc câu văn hay đọc bài làm của mình trước lớp; các bạn khác nhận xét về bài làm của bạn.

+ Nhận xét, động viên, khích lệ những em có tiến bộ, có nhiều cố gắng.

+ …

– HS đọc lại bài của mình và nhận xét của thầy cô, tự đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài văn đã viết. HS có thể tự đánh giá bài làm của mình trước lớp và nêu phương án chỉnh sửa hoặc cách viết hay hơn.

– GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo góp ý và phấn đấu bài làm sau sẽ tốt hơn.

2. HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài làm.

– Đọc bài làm của bạn (đặc biệt là những bài được thầy cô khen).

– Đọc lại đoạn mở đầu và kết thúc trong đoạn văn của mình để thấy có sự thống nhất và kết nối chưa.

– Xác định đoạn văn đã bộc lộ tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ qua từ ngữ, câu văn nào.

– …

– Viết lại những câu văn em muốn sửa cho hay hơn.

– GV có thể mời một số HS đọc câu văn hoặc đoạn văn đã chỉnh sửa, viết lại. Cả lớp nhận xét, góp ý; GV có thể chỉnh sửa thêm và động viên, khích lệ HS.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

CHƯƠNG TRÌNH NGHỆ THUẬT EM YÊU THÍCH

Yêu cầu: Giới thiệu một chương trình nghệ thuật em đã được xem trực tiếp hoặc trên ti vi.

1. Chuẩn bị.

– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu trong SHS.

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động theo nhóm:

+ Lựa chọn một chương trình nghệ thuật để giới thiệu. VD: buổi văn nghệ mừng tết Trung thu, đêm nhạc để quyên góp tiền từ thiện, vở kịch, buổi biểu diễn xiếc, buổi tham quan viện bảo tàng,...

+ Chuẩn bị thông tin để giới thiệu theo những câu hỏi gợi ý.

+ Ghi chép thông tin theo hướng dẫn trong SHS. VD:

- ✓ Tên chương trình: Chương trình văn nghệ chào mừng năm học mới.
- ✓ Thời gian, địa điểm: Sáng ngày 05 tháng 9; tại sân trường Tiểu học X.
- ✓ Những tiết mục đặc sắc: nhảy híp-hốp, đơn ca nữ bài "Bụi phấn", tốp ca "Trống cơm",...
- ✓ Cảm nghĩ của em khi xem chương trình: Chương trình thật sôi nổi và hấp dẫn; Các bạn biểu diễn rất giỏi, các tiết mục đều hay và cuốn hút; Bạn dẫn chương trình dẫn rất hay. Em thích tiết mục song ca "Em đi giữa biển vàng",...

– GV hướng dẫn HS viết các ý sơ lược cho bài giới thiệu: dựa vào gợi ý ở phần triển khai của mục 2: Trình bày.

2. Trình bày.

a. Trình bày trong nhóm

– Các cá nhân trong nhóm lần lượt trình bày bài giới thiệu của mình trước cả nhóm.

– HS trong nhóm góp ý.

b. Trình bày trước lớp

– GV cho HS chọn người điều hành chung.

– Mỗi nhóm chọn một đại diện tham gia phát biểu.

– HS lắng nghe, ghi chép, nêu ý kiến góp ý hoặc bổ sung.

3. Đánh giá.

– GV và HS cùng thực hiện bước đánh giá theo hướng dẫn ở mục 3, SHS: đánh giá nội dung giới thiệu (thông tin có đầy đủ, chính xác,... không?) và cách trình bày (Từ ngữ dùng có chính xác và hấp dẫn không? Tốc độ nói nhanh hay chậm? Giọng nói có lưu loát và truyền cảm không?,...).

– GV nhận xét, khen ngợi những nhóm có phần giới thiệu tốt nhất; có thành viên tích cực tham gia thảo luận, có ý kiến đóng góp sâu sắc, hữu ích.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân suy nghĩ của em về một chương trình nghệ thuật em yêu thích.*

CỦNG CỐ

– GV chốt lại hôm nay HS đã được:

Đọc – hiểu: *Tập hát quan họ.*

Viết: Chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

Nói và nghe: Giới thiệu một chương trình nghệ thuật mà em đã được xem trực tiếp hoặc trên ti vi.

– GV dặn dò HS đọc trước Bài 29.

TUẦN 16

Bài 29 PHIM HOẠT HÌNH "CHÚ ỐC SÊN BAY" (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản quảng cáo *Phim hoạt hình "Chú ốc sên bay"*. Biết đọc diễn cảm, giọng đọc phù hợp với mỗi phần trong văn bản quảng cáo.

b. Nhận biết được đặc điểm về nội dung của từng phần trong văn bản quảng cáo. Hiểu được thông tin của mỗi nội dung đem lại. Hiểu mục đích của văn bản quảng cáo phim: Giới thiệu cho nhiều người biết được nội dung, nghệ thuật của bộ phim và kích thích khán giả đến xem phim.

2. Nhận biết được kết từ: khái niệm, chức năng và cách sử dụng.

3. Nhận biết cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong bộ phim hoạt hình.

4. Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về bộ phim hoạt hình và những nhân vật trong phim.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản quảng cáo.

– Kết từ.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ phim hoạt hình *Chú ốc sên bay*, sưu tầm thêm một số văn bản quảng cáo phim, phim hoạt hình *Chú ốc sên bay* (nếu có).

– Các phiếu bài tập trong phần Luyện từ và câu (nếu cần).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Tập hát quan họ* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm (*Kể tên một phim hoạt hình em đã được xem. Nói những điều em thích trong bộ phim đó cho các bạn nghe.*). GV hướng dẫn HS lựa chọn giới thiệu một bộ phim hoạt hình đã được xem, nhớ lại nội dung phim, những nhân vật yêu thích, chi tiết thú vị,...).

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS khác nêu ý kiến:

+ Muốn bổ sung điều gì cho bạn?

+ Thích phần kể của bạn nào? Vì sao?

– GV cho HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu ý kiến. VD: Cách trình bày bài đọc và tranh minh hoạ có gì đặc biệt?...

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu bài đọc *Phim hoạt hình "Chú ốc sên bay"*, (VD: Sau phần Khởi động GV nói: Mỗi bộ phim được sản xuất ra làm thế nào để mọi người biết và đến xem? Chúng ta hãy tìm hiểu điều đó qua bài đọc *Phim hoạt hình "Chú ốc sên bay"*.).

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài hoặc gọi 3 HS đọc nối tiếp các đoạn. (Đoạn 1: Từ đầu đến *chiếu phim Quốc gia*, đoạn 2: từ *Nội dung hấp dẫn* đến *của ốc sên*, đoạn 3: phần còn lại); đọc diễn cảm, giọng hào hứng, sôi nổi, phân biệt giọng đọc ở mỗi thông tin của bài đọc

(câu giới thiệu mở đầu, phần thông tin về hãng phim, tên phim, thời gian khởi chiếu, nơi khởi chiếu...) nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, gây chú ý trong bài đọc, VD: *vút bay, trân trọng, đặc sắc, hấp dẫn, dí dỏm, khát vọng, khám phá, thoả sức, thú vị, chân thực, bắt mắt, sống động,...*

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, (VD: *đặc sắc, thoả sức, trưởng thành, quảng bá,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Hãng phim hoạt hình Việt Nam/ trân trọng giới thiệu bộ phim hoạt hình đặc sắc:/ "Chú ốc sên bay".*

Một chú ốc sên/ có khát vọng bay đi khắp nơi/ để khám phá thế giới.

Mỗi tập phim/ (với độ dài 10 phút)/ kể một câu chuyện nhỏ trong hành trình bay lượn,/ trưởng thành/ và đạt được ước mơ của ốc sên.

+ Thay đổi giọng đọc với mỗi nội dung trong bài đọc.

– GV có thể yêu cầu 1 HS đọc cả bài hoặc cho 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo nhóm 3, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– Gọi 2 – 3 nhóm đọc.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV giúp HS hiểu nghĩa một số từ ngữ cuối bài.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi nêu trong SHS.

Câu 1. *Trong tờ quảng cáo trên, những thông tin dưới đây về bộ phim được giới thiệu như thế nào?*

Tên phim	Thể loại phim	Thời gian, địa điểm khởi chiếu

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Làm việc nhóm: Trao đổi, mỗi HS nêu ý kiến cá nhân. Thống nhất trong nhóm.

+ Đại diện nhóm trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung. GV và HS thống nhất câu trả lời.

(VD: Tên phim được in màu cam, đậm, rõ, cỡ chữ to nhất, thể loại phim được giới thiệu ngay phần đầu trước tên phim. Thời gian, địa điểm khởi chiếu được in đậm ngay dưới tên phim...)

Câu 2. *Tờ quảng cáo cho biết những gì về nội dung và kĩ xảo của bộ phim?*

– GV nêu câu hỏi 2 hoặc gọi HS đọc câu hỏi 2.

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi.

+ Bước 1: HS đọc thầm lại bài đọc, suy nghĩ, tìm những thông tin trong bài để trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm bàn (lần lượt từng em nêu ý kiến đã lựa chọn), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời. (GV có thể hướng dẫn HS ghi nhanh ý chính vào nháp.)

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– Lớp lắng nghe, nhận xét.

Tham khảo đáp án:

Về nội dung phim: Quảng cáo cho em biết nhân vật chính trong phim là một chú ốc sên. Chú ốc sên được một nhà khoa học gắn cho đôi cánh để bay khắp nơi, khám phá thế giới; bộ phim có nhiều tập, mỗi tập dài 10 phút kể một câu chuyện nhỏ trong hành trình của ốc sên,... Quảng cáo cũng đưa ra nhận xét về nội dung phim: hấp dẫn, dí dỏm.

Về kĩ xảo của bộ phim: Quảng cáo cho biết bộ phim sử dụng kĩ xảo hoạt hình hiện đại, đó là công nghệ 3D với hình ảnh vô cùng chân thực, bắt mắt, sống động.

Câu 3. *Theo em, những từ ngữ nào trong tờ quảng cáo có tác dụng gây ấn tượng, thu hút khán giả?*

– HS suy nghĩ, nêu ý kiến cá nhân trong nhóm.

– Cử đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến cá nhân về những từ ngữ gây ấn tượng nhất trong tờ quảng cáo. (VD: *vút bay như tia chớp, đặc sắc, hấp dẫn, dí dỏm, kĩ xảo hoạt hình hiện đại, giá vé đặc biệt ưu đãi,...)*

Câu 4. *Nhận xét về hình thức trình bày của tờ quảng cáo?*

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ câu trả lời để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, phát biểu ý kiến cá nhân, trao đổi, đưa ra câu trả lời.

– GV gọi một số HS phát biểu, HS khác nhận xét, bổ sung (HS phát biểu suy nghĩ của cá nhân: về cách trình bày, tranh minh hoạ,...)

4. Luyện đọc lại.

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.

– HS làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo nhóm 3, góp ý trong nhóm.

– GV tổ chức cho HS thi đọc dưới hình thức sắm vai đại diện của đoàn làm phim hoặc rạp chiếu phim đọc bài quảng cáo *Phim hoạt hình Chú ốc sên bay.*

– Nếu còn thời gian, GV cho HS xem một tập hoặc một đoạn phim *Chú ốc sên bay.*

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

KẾT TỪ

GV có thể khởi động tiết học bằng cách đặt câu hỏi: Kể tên những từ loại em đã học.

(Ở lớp 4, các em đã được học 3 từ loại là danh từ, động từ và tính từ. Đầu năm, chúng ta đã học về đại từ.)

GV: Hôm nay, các em sẽ được làm quen với một từ loại nữa, đó là kết từ. Vậy kết từ là gì? Nó có đặc điểm như thế nào? Chúng ta sẽ được biết qua bài hôm nay.

1. Các từ in đậm ở đoạn văn trong SHS được dùng để làm gì?

Mục đích của bài tập này là giúp các em nhận ra bản chất của kết từ: dùng để nối kết. Tên gọi "kết từ" cũng đã thể hiện điều đó.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi, đọc đoạn văn và nhắc lại 5 từ được in đậm: *do, vào, và, trong, của.*

– GV cho HS làm việc nhóm, giao nhiệm vụ:

+ Trao đổi về mục đích sử dụng của các từ in đậm.

+ Lí giải từng từ và mục đích của nó. (*Lưu ý*: Khi đã nhận ra những từ đó được dùng để nối thì cố gắng nói rõ chúng nối cái gì với cái gì. Đây là một yêu cầu quan trọng giúp HS hiểu sâu về kết từ.)

– Đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

– GV và HS cùng chốt đáp án: Tất cả các từ đều dùng để nối. Cụ thể:

+ Từ *do* nối *bức tranh sơn dầu* với *hoạ sĩ Trần Văn Cẩn sáng tác.*

+ Từ *vào* nối *sáng tác* với *năm 1943.*

+ Từ *và* nối *trong sáng* với *nét mặt thơ ngây.*

+ Từ *trong* nối *một* với *những.*

+ Từ *của* nối *tác phẩm xuất sắc nhất* với *tranh chân dung Việt Nam thế kỉ XX.*

2. Chỉ ra các từ nối được dùng thành cặp trong những câu ở bài tập 2.

Bài này giúp HS hiểu rằng các kết từ không chỉ dùng đơn lẻ mà có thể dùng thành từng cặp với nhau để nối kết (thường là nối các vế câu với nhau).

GV nên cho HS làm bài tập nhóm, các nhóm thi với nhau xem nhóm nào nhanh và đúng nhất.

– GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ Tìm các từ nối theo cặp ở mỗi câu.

+ Cố gắng xác định rõ cặp từ nối đó nối cái gì.

GV và HS cùng thống nhất đáp án (tuỳ từng đối tượng HS mà GV có thể giải thích sâu hơn). Các cặp kết từ trong các câu lần lượt là:

Câu a: *vì... nên* (biểu thị quan hệ nguyên nhân – kết quả)

Câu b: *mặc dù... nhưng* (biểu thị quan hệ đối lập)

Câu c: *không những... mà còn* (biểu thị quan hệ tăng tiến)

Câu d: *nếu... thì* (biểu thị quan hệ điều kiện – kết quả)

– GV mời 2 HS đọc Ghi nhớ, sau đó dành một khoảng thời gian nhất định cho HS tự học thuộc lòng.

3. Tìm kết từ phù hợp để thay cho mỗi bông hoa.

Bài tập này là dạng bài tập vận dụng, giúp HS luyện tập về kết từ. HS phải tìm được các kết từ phù hợp cho từng ngữ cảnh cụ thể. 2 câu đầu là luyện tập về việc sử dụng kết từ đơn; hai câu sau là kết từ dùng theo cặp. Với bài tập này, GV nên tổ chức hoạt động nhóm.

– HS đọc yêu cầu đề bài.

– Các nhóm thảo luận và đưa ra đáp án. Các nhóm có thể thi đua xem nhóm nào nhanh và đúng nhất.

– GV giúp đỡ các nhóm khi cần.

– Đại diện các nhóm trả lời.

– GV và HS cùng nhận xét và chốt lại đáp án:

a. Cậu thích xem phim hài **hay** phim hành động?

b. Tranh Đông Hồ giản dị **mà/ và** tinh tế.

c. **Nếu** bạn muốn chơi pi-a-nô thành thạo **thì** bạn phải kiên trì.

d. **Nhờ/ Vì** khổ công tập luyện **nên** Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi đã trở thành một danh hoạ kiệt xuất của thế giới.

4. Viết 2 – 3 câu có kết từ để giới thiệu về một trong những bức tranh, bức ảnh dưới đây:



Tác phẩm điêu khắc *Những người tắm biển* của Pi-cát-xô



Một tác phẩm hội hoạ của Bùi Xuân Phái



Nghệ thuật múa rối nước (Ảnh: Thành Đạt)

Đây là dạng bài tập vận dụng nâng cao, HS tự đặt câu có kết từ để giới thiệu về một trong những bức tranh trên.

– GV cho HS làm việc cá nhân, sau đó làm việc nhóm.

– HS trong nhóm nghe và góp ý cho đoạn văn của bạn, bình chọn câu hay nhất.

– GV mời đại diện các nhóm lên bảng, đọc phần bài làm của mình. Cả lớp nhận xét, góp ý.

– Sau khi HS viết xong đoạn văn, GV yêu cầu HS chỉ ra các kết từ trong đoạn.

VD: Tác phẩm điêu khắc "Những người tắm biển" **của** Pi-cát-xô thật độc đáo. Ông thể hiện ý tưởng người đi tắm biển chỉ **bằng** các hình tam giác, hình chữ nhật **hay** hình tròn. Đây là sự sáng tạo **của** riêng ông, trừu tượng, khó hiểu **nhưng** hấp dẫn.

(Kết từ: *của, bằng, hay, nhưng*)

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

1. Đọc đoạn văn trong SHS và trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: Đọc thầm đoạn văn ở bài tập 1.

a. *Đoạn văn trên tập trung giới thiệu về nhân vật nào?*

– HS làm việc cá nhân (hoặc trao đổi nhóm 2).

– Từng HS phát biểu ý kiến – HS khác nhận xét, bổ sung. (Đoạn văn tập trung giới thiệu về chú thỏ trắng – nhân vật chính trong bộ phim hoạt hình *Dưới một mái nhà.*)

b. *Xác định phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và nêu nội dung của từng phần.*

– HS làm việc theo nhóm.

– Từng HS nêu ý kiến, trao đổi, thảo luận trong nhóm.

– Đại diện các nhóm phát biểu trước lớp. (Phần mở đầu: từ đầu đến *được khán giả rất yêu thích*: giới thiệu tên nhân vật, tên phim, tên đạo diễn phim; phần triển khai: tiếp đến *tìm bạn trong đêm*: giới thiệu những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, tính cách, hoạt động,... của thỏ trắng qua kĩ thuật dựng phim hoạt hình; phần kết thúc: còn lại: nêu ý nghĩa của bộ phim thông qua việc xây dựng nhân vật thỏ trắng.)

c. *Phần triển khai giới thiệu những đặc điểm nào của nhân vật thỏ trắng?*

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ câu trả lời để phát biểu trong nhóm và trước lớp. GV có thể gợi ý HS đọc thầm lại nội dung phần triển khai, ghi vắn tắt lại những đặc điểm của thỏ trắng được giới thiệu trong phần triển khai...

+ Bước 2: HS làm việc nhóm. GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy dựa theo gợi ý trong SHS, cùng trao đổi, thảo luận phân biệt đặc điểm về ngoại hình, tính cách để hoàn thiện sơ đồ của cá nhân (hoặc sơ đồ chung của cả nhóm).

+ Bước 3: Dựa vào sơ đồ tư duy, phát biểu ý kiến cá nhân trả lời câu hỏi đồng thời nêu dẫn chứng minh hoạ. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

Đáp án:

Nhân vật thỏ trắng:

– *Ngoại hình*: bộ lông trắng muốt, đôi mắt to tròn, tinh anh, đôi tai dài, cái đuôi ngắn ngủn, xinh xinh.

– *Tính cách*:

+ Vui vẻ, cởi mở: câu nói hồn nhiên "Tớ thì lại khoái nhất món này!", tiếng cười giòn tan.

+ Tốt bụng: Biết tin nhà nhím bị đổ, thỏ vội vã đến giúp đỡ, thỏ chạy như bay trong cơn dông bão, giữa tiếng gió ù ù để tìm nhím; thỏ đưa bạn về nhà, tận tình chăm sóc, sẵn lòng san sẻ với bạn thức ăn, chỗ ở, cùng bạn vượt qua mùa đông giá rét;

+ Bao dung: Khi nhím giận dỗi bỏ đi vì hiểu nhầm thỏ, thỏ không những không giận nhím mà còn tất tả đi tìm bạn trong đêm.

d. *Những chi tiết nào trong đoạn văn giúp em nhận ra đây là nhân vật trong phim hoạt hình?*

– GV hướng dẫn HS đọc thầm lại đoạn văn, suy nghĩ tìm câu trả lời, trao đổi trong nhóm, cử đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

Đáp án tham khảo:

+ Những chi tiết về âm thanh và hình ảnh:

Hình ảnh được nhìn thấy trên phim: bộ lông trắng muốt, đôi mắt to, tròn, tinh anh, đôi tai dài, cái đuôi ngắn ngủn, xinh xinh, thỏ chạy như bay trong cơn dông bão,...

Âm thanh nghe thấy: giọng nói ấm áp, câu nói "Tớ thì lại khoái nhất món này!", tiếng cười giòn tan, tiếng gió ù ù,...

+ Những từ ngữ về phim hoạt hình: kĩ thuật vi tính hiện đại, màn ảnh, khán giả/ người xem, đạo diễn.

GV có thể gợi ý để HS nói rõ hơn về từng cách giới thiệu nhân vật trong phim.

e. *Những từ ngữ nào thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của người xem đối với nhân vật và bộ phim*?

– GV hướng dẫn HS đọc thầm lại phần triển khai, suy nghĩ, tìm câu trả lời của mình, sau đó phát biểu trước lớp.

Đáp án: Từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của người xem đối với nhân vật và bộ phim: *rất yêu thích, đáng yêu, vô cùng thích thú, đáng quý nhất, thật xúc động, ý nghĩa.*

– GV có thể hỏi để HS tìm thêm những từ khác ngoài bài có nghĩa tương đương, có thể thay cho từ ngữ tác giả sử dụng. GV khích lệ và khen ngợi những HS đã tìm được nhiều từ hay.

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.

– Dựa vào đâu để nhận biết đặc điểm nhân vật?

– GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý trong SHS suy nghĩ, nêu ý kiến về các dấu hiệu để nhận biết đặc điểm nhân vật. (Ngoài gợi ý trong SHS, GV có thể gợi ý thêm cho HS về chuyển động của nhân vật trong phim nhanh nhẹn hay chậm chạp, màu sắc của nhân vật trong phim,...)

– Cử đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS nêu ý kiến đúng.

– Làm thế nào để thể hiện rõ đây là đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình?

– GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý trong SHS (2 ô xanh đầu tiên, nhớ lại những phim hoạt hình đã xem, suy nghĩ, trao đổi trong nhóm để nêu thêm: cách dựng khung cảnh với nhân vật, đặc điểm nổi bật của nhân vật, hiệu ứng âm thanh, ánh sáng, hình ảnh,...

– Từ các ý kiến HS phát biểu, GV đưa ra Ghi nhớ như SHS, giúp HS thuộc ghi nhớ ngay tại lớp.

– GV khuyến khích HS đưa thêm những điểm cần lưu ý để có đoạn văn hay: khi viết cần sử dụng những từ ngữ gợi tả, gợi cảm...

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu trong hoạt động Vận dụng:

1/ Làm một tờ quảng cáo cho bộ phim em yêu thích.

GV hướng dẫn HS nhớ lại tờ quảng cáo phim đã được xem, bộ phim yêu thích để làm tờ quảng cáo, trưng bày sản phẩm trong nhóm hoặc trước lớp (nếu còn thời gian cho HS trình bày ý tưởng, nội dung tờ quảng cáo đó). Khuyến khích HS phát huy sự sáng tạo.

2/ Tìm đọc một bài giới thiệu phim.

GV hướng dẫn HS tìm đọc bài giới thiệu phim và ghi lại tên, đặc điểm của nhân vật chính (hoặc nhân vật gây ấn tượng) trong phim.

CỦNG CỐ

– GV chốt lại hôm nay HS đã được:

Đọc – hiểu: *Phim hoạt hình Chú ốc sên bay.*

Luyện từ và câu: Kết từ.

Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.

– GV dặn dò HS đọc trước Bài 30.

Bài 30 NGHỆ THUẬT MÚA BA LÊ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Nghệ thuật múa ba lê*. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

b. Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của văn bản. Nhận biết được trình tự các sự việc thể hiện trong văn bản. Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản: Múa ba lê là một môn nghệ thuật rất độc đáo và tinh tế.

c. Tìm đọc được các bài giới thiệu phim, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

2. Biết tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong bộ phim hoạt hình.

3. Bước đầu hiểu biết về nghệ thuật cổ điển và đương đại của thế giới, bước đầu cảm thụ được giá trị nghệ thuật, giá trị thẩm mĩ của những tác phẩm nghệ thuật kinh điển. Biết chia sẻ thông tin và cảm xúc với những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thông tin

– Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc

– Nghệ thuật múa ba lê

2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ bài đọc.

– Clip hoặc tranh ảnh về múa ba lê.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

Nêu tên bài đọc trước (*Phim hoạt hình "Chú ốc sên bay"*) và nêu cảm nghĩ của em về bài đọc.

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm, trao đổi hoạt động khởi động: *Quan sát tranh trong SHS và nêu suy nghĩ của em về các diễn viên trong tranh.*

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (1 – 2 em) nêu suy nghĩ về các diễn viên trong tranh. (VD: Có nhiều diễn viên múa trong tranh. Các diễn viên đều đứng trên đầu mũi chân và tạo dáng rất đẹp. Hai diễn viên nằm dưới đất với tư thế cũng rất đẹp và mềm mại. Để thực hiện các động tác rất đẹp này, có lẽ các diễn viên đã phải tập luyện vô cùng vất vả.)

– GV và HS nhận xét, góp ý. GV có thể giúp HS hình dung tốt hơn về độ khó của "động tác mà các diễn viên đang thực hiện trong tranh, bằng cách mời HS thử đứng trên đầu mũi chân trong một khoảng thời gian ngắn (không được tựa hay bám vào bàn). Sau đó, GV mời HS nêu cảm nhận khi thực hiện động tác cơ bản này của nghệ thuật múa ba lê.

– GV dẫn sang bài đọc *Nghệ thuật múa ba lê* (VD: Múa ba lê là một loại hình nghệ thuật rất độc đáo và tinh tế, với những động tác múa vô cùng chuẩn xác và đẹp mắt. Các em hãy cùng đọc bài *Nghệ thuật múa ba lê* để biết thêm thông tin về môn nghệ thuật đặc sắc này.).

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu khi đọc các câu văn chứa từ ngữ gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, (VD: *rộng rãi, thể loại, nổi tiếng, Lọ Lem, vở ba lê, xoay người, chuẩn xác, mãnh liệt, khổ luyện,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Nghệ thuật múa ba lê/ được biết đến rộng rãi/ thông qua những vở ba lê/ – một thể loại vũ kịch/ có sự kết hợp giữa kịch,/ âm nhạc/ và vũ đạo.; Như trong vở "Hồ thiên nga",/ các diễn viên thực hiện những cú xoay người đẹp mắt/ và chuẩn xác,/ những bước đi nhẹ như cánh hoa hé mở/ khiến khán giả có cảm giác/ được ngắm nhìn một đàn thiên nga/ đang lướt trên mặt hồ.*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn, (đoạn 1: từ đầu đến *của con người trong cuộc sống;* đoạn 2: tiếp theo đến *thời gian dài*; đoạn 3: phần còn lại).

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm 3: Mỗi HS đọc một đoạn (nối tiếp 3 đoạn), sau đó đổi lại thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp xen kẽ 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS tự tra từ điển những từ ngữ còn chưa hiểu rõ.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Nghệ thuật múa ba lê được giới thiệu như thế nào?*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi và các nội dung gợi ý.

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại đoạn đầu của văn bản, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án.

Đáp án: Có nguồn gốc từ châu Âu, được biết đến rộng rãi thông qua những vở ba lê – một thể loại vũ kịch có sự kết hợp giữa kịch, âm nhạc và vũ đạo.

Câu 2. *Tìm thông tin nói về nội dung của các vở ba lê.*

– GV nêu yêu cầu hoặc mời 1 HS đọc yêu cầu.

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, đọc thầm lại đoạn nói về nội dung của các vở ba lê (đoạn 2) để chuẩn bị ý trình bày.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó phát biểu trong nhóm. Nhóm bầu 1 bạn phát biểu tốt nhất.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện theo chỉ dẫn các bước.

+ GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những HS trình bày tốt, đúng yêu cầu.

Đáp án: Nội dung các vở ba lê (như *Hồ thiên nga, Người đẹp ngủ trong rừng, Lọ Lem,...*) đều ca ngợi tình yêu, sự thánh thiện và ước mơ vươn tới những điều tốt đẹp của con người.

Câu 3. *Trong các vở ba lê, người diễn viên thể hiện nội dung vở kịch bằng cách nào? Điều đó được thể hiện như thế nào trong vở "Hồ thiên nga".*

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại bài đọc để tìm ý trả lời.

+ Bước 2: HS phát biểu trong nhóm. Cả nhóm trao đổi, thống nhất đáp án.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện theo chỉ dẫn các bước.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những nhóm HS làm việc khẩn trương, tác phong nhanh nhẹn và có đáp án đúng.

Đáp án: Người diễn viên dùng động tác múa (vũ đạo) để thể hiện nội dung thay cho lời nói. Trong vở *Hồ thiên nga*, các diễn viên thực hiện những cú xoay người đẹp mắt và chuẩn xác, những bước đi nhẹ như cánh hoa hé mở để thể hiện cảnh đàn thiên nga đang lướt trên mặt hồ; diễn viên chính đứng một chân xoay liên tục tới 32 vòng trên đầu mũi chân để diễn tả nhân vật đang mong muốn thể hiện sức mạnh một cách mãnh liệt.

Câu 4. *Theo em, vì sao diễn viên múa ba lê phải rất dày công khổ luyện?*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi.

– GV khuyến khích HS suy nghĩ độc lập để có ý kiến riêng của mình trước khi trao đổi trong nhóm. GV gợi ý: HS đọc thầm lại văn bản để tìm những chi tiết thể hiện sự khổ luyện của người diễn viên múa ba lê. HS cũng có thể dựa vào tranh minh hoạ để có thêm ý tưởng về các động tác múa của diễn viên mà trong bài đọc chưa đề cập đến. HS thoải mái nói theo cảm nhận của mình.

– HS trao đổi trong nhóm, cặp và nhận xét, góp ý cho nhau.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp góp ý, trao đổi. GV khen ngợi những HS nhận xét hay, trình bày rõ ràng, rành mạch và có lí do thuyết phục, hấp dẫn. GV cũng khen ngợi những HS thể hiện được quan điểm thẩm mĩ và nghệ thuật riêng của cá nhân.

Đáp án tham khảo:

Vì những động tác múa của ba lê rất đẹp mắt, tinh tế nhưng đồng thời cũng rất khó. Ví dụ như động tác xoay người thật chuẩn xác, thậm chí xoay đến 32 vòng, động tác đi nhẹ như lướt, động tác đứng trên đầu mũi chân,... Để thể hiện vừa chính xác vừa đẹp mắt những động tác đó, người diễn viên phải dày công khổ luyện trong thời gian dài.

Câu 5. *Sắp xếp các thông tin trong SHS theo trật tự trong bài đọc.*

– GV nêu câu hỏi hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi và các ý cho sẵn trong SHS.

– HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại văn bản và các ý trong SHS, tìm các đoạn có nội dung tương ứng với mỗi ý trong SHS, sắp xếp các ý theo trật tự đúng. HS trình bày kết quả làm việc trong nhóm và thống nhất đáp án.

– 2 – 3 đại diện HS phát biểu trước lớp.

– Đáp án:

1. Thông tin chung về nghệ thuật múa ba lê
2. Nội dung các vở ba lê
3. Cách thể hiện nội dung trong các vở ba lê
4. Sự phổ biến của múa ba lê hiện nay

– Nếu HS học tốt và có điều kiện (có tranh ảnh hoặc clip một đoạn vở ba lê), GV có thể đặt câu hỏi mở rộng: Em cảm nhận thế nào về nghệ thuật múa ba lê? GV chiếu một đoạn clip biểu diễn múa ba lê ngắn, hoặc cho HS xem tranh ảnh về múa ba lê. Chú ý chọn các hình ảnh nêu bật được độ tinh tế, thẩm mĩ trong kĩ thuật múa, cũng như nét đặc sắc về âm nhạc (nếu bật clip).

4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc lại bài đọc:

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp, góp ý cho nhau.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

GV giới thiệu: Các bài luyện tập theo văn bản đọc sẽ giúp các em luyện từ và câu dựa trên các từ ngữ, câu được trích trong văn bản đọc.

Câu 1. *Tìm các kết từ trong câu dưới đây và cho biết tác dụng của chúng trong câu.*

Để thực hiện được những kĩ thuật rất khó này, người diễn viên phải dày công khổ luyện trong một thời gian dài.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và câu văn trong SHS.

– GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm, HS đọc thầm lại câu văn, xác định các kết từ trong câu văn và tác dụng của chúng, sau đó nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét.

– Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án:

– HS chỉ cần nêu tác dụng chung của kết từ là để liên kết các bộ phận trong câu theo một quan hệ nào đó. Với HS giỏi, có thể nêu cụ thể như dưới đây:

Kết từ	Tác dụng
để	Biểu thị điều sắp nêu ra là mục đích.
trong	Biểu thị quan hệ vị trí.

Câu 2. *Tìm kết từ thay cho bông hoa để hoàn thiện câu.*

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 2. Sau đó hướng dẫn HS cách làm bài tập theo 2 bước:

+ Bước 1: HS đọc kĩ câu đã cho, xác định quan hệ về nghĩa giữa các bộ phận cần liên kết.

+ Bước 2: HS tìm kết từ phù hợp thay cho bông hoa để liên kết câu. HS có thể viết câu hoàn chỉnh vào vở hoặc nháp.

– HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV, sau đó nêu kết quả làm việc trong nhóm. Cả nhóm góp ý, nhận xét, bầu câu hay nhất sau khi hoàn thiện.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu câu đã được bầu chọn trong nhóm. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

Đáp án tham khảo:

a. **Mặc dù** không dùng lời nói **nhưng** các nghệ sĩ ba lê vẫn thể hiện được nội dung vở kịch thông qua những vũ đạo đẹp mắt **và** điêu luyện.

b. **Vì** múa ba lê là một môn nghệ thuật tinh tế, độc đáo **nên** ngày càng được nhiều người yêu thích.

– GV tổng kết tiết học, khen ngợi những HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em đã được xem.

1. Chuẩn bị.

– GV giúp HS nắm được yêu cầu của đề bài.

– Làm việc cá nhân:

+ HS suy nghĩ lựa chọn bộ phim, tên nhân vật trong bộ phim hoạt hình đã xem.

+ Xác định nội dung giới thiệu về nhân vật (đặc điểm ngoại hình, tính cách, hành động gây ấn tượng,...) trong một tập phim hay cả bộ phim.

– Cho HS nêu lại phần Ghi nhớ ở hoạt động Viết, Bài 29.

– Làm việc nhóm:

+ HS chia sẻ trong nhóm tên phim, tên nhân vật đã lựa chọn.

+ HS trao đổi để xác định trình tự giới thiệu tên phim, tên nhân vật, ghi vào nháp hoặc bảng nhóm.

+ HS phát biểu trước lớp trình tự giới thiệu: (Gắn bảng nhóm hoặc chiếu vở lên bảng để trình bày) Giới thiệu tên phim, tên nhân vật. (Giới thiệu nhân vật qua đặc điểm ngoại hình, tính cách, hành động gây ấn tượng,... trong một tập phim hoặc cả bộ phim.)

– GV khuyến khích HS vẽ sơ đồ tư duy trong hoạt động này.

2. Tìm ý.

– HS đọc thầm lại phần gợi ý trong SHS.

– Dựa vào gợi ý HS viết dàn ý của cá nhân vào vở hoặc nháp.

– Trao đổi với bạn cùng bàn phần dàn ý của mình.

– HS trình bày phần dàn ý trước lớp – HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV khen những HS viết được phần dàn ý đầy đủ, trình tự rõ ràng, có ý sáng tạo của cá nhân. Dặn dò HS về nhà hoàn chỉnh, bổ sung phần dàn ý để tiết sau viết đoạn văn.

3. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

– GV có thể chiếu một bài của HS lên để HS nhận xét theo ba gợi ý trong SHS.

– HS làm việc nhóm 2: đổi dàn ý cho nhau để góp ý, nhận xét.

– HS sửa chữa, bổ sung bài làm theo góp ý của bạn.

– GV chiếu một số bài làm tốt để giới thiệu cho lớp (Nếu không có máy chiếu có thể gọi HS đọc bài làm).

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài giới thiệu phim.

– GV hướng dẫn HS chia sẻ cách tìm văn bản đọc mở rộng theo yêu cầu nêu trong SHS.

– GV nhắc HS tham khảo hai đoạn giới thiệu phim trong SHS (ngoài ra, HS có thể tìm và đọc các bài giới thiệu phim trên báo in, internet,...).

– HS nào tìm được bài giới thiệu phim các em yêu thích và có mang đến lớp thì tự đọc hoặc đọc trong nhóm. HS nào chưa tìm được thì đọc chung cùng với các bạn (hoặc đọc bài trong SHS).

– HS ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách hoặc có thể trao đổi về nội dung bài theo nhóm.

– HS chia sẻ trong nhóm, ghi vào phiếu đọc sách các thông tin cơ bản trong phiếu.

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– HS ghi tóm tắt những gì mình đọc được vào phiếu đọc sách.

– GV mời HS trong lớp chia sẻ những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách với các bạn.

3. Trao đổi với bạn về bài giới thiệu đã đọc.

– HS trao đổi với các bạn về bài giới thiệu phim đã đọc. Lựa chọn một trong các hoạt động theo gợi ý trong SHS:

+ Kể tên các tác giả, các nhân vật chính của bộ phim.

+ Nêu nội dung chính của bộ phim.

+ Nêu suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bài giới thiệu.

– HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4, nói về nội dung mình đã lựa chọn. HS khác nhận xét và có thể đưa thêm câu hỏi cho bạn.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc thêm thông tin về nghệ thuật múa ba lê. Ghi chép những thông tin em thích.*

CỦNG CỐ

– GV tóm tắt lại nội dung bài học

Đọc – hiểu: *Nghệ thuật múa ba lê.*

Viết: Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.

Đọc mở rộng: Tìm đọc một bài giới thiệu phim, viết phiếu đọc sách theo mẫu và trao đổi với bạn về bài giới thiệu đã đọc.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn dò HS ôn Bài 30 và đọc trước Bài 31.

TUẦN 17

Bài 31 MỘT NGÔI CHÙA ĐỘC ĐÁO (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng bài *Một ngôi chùa độc đáo*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện thông tin quan trọng về chùa Một Cột, thể hiện niềm tự hào về công trình kiến trúc này.

   b. Hiểu được vẻ đẹp độc đáo trong kiến trúc chùa Một Cột – di tích lịch sử, văn hoá vô giá của nước ta; biết thời gian xây dựng, địa điểm toạ lạc và nguồn gốc tên gọi của chùa Một Cột; hiểu được khả năng sáng tạo nghệ thuật của cha ông chúng ta.

2. Luyện tập về kết từ: nhận diện kết từ, sử dụng đúng kết từ trong những ngữ cảnh cụ thể để nối các từ ngữ, các vế câu với nhau.

3. Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình.

4. Thêm yêu và tự hào về quê hương, đất nước; trân trọng và có ý thức giữ gìn các di tích lịch sử, văn hoá trên quê hương.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thông tin (văn bản nhằm truyền đạt thông tin, kiến thức; thường trình bày một cách khách quan, trung thực, không có yếu tố hư cấu, tưởng tượng; qua văn bản, người đọc hiểu chính xác những gì được mô tả, giới thiệu.).

– Kiến trúc ngôi chùa ở Việt Nam (thông thường, có cổng tam quan (cổng vào chùa với 3 cửa vào), sân chùa (nơi đặt các chậu cây cảnh, hòn non bộ,...), nhà bái đường (nơi có thể đặt một số tượng, bia đá ghi sự tích của ngôi chùa, ở giữa là hương án nơi mà mọi người đến lễ thường thắp hương), chính điện (nơi quan trọng nhất có bày các pho tượng Phật),...); những thông tin thú vị về chùa Một Cột (VD: hình ảnh chùa Một Cột luôn được xuất hiện trên đồng tiền Việt Nam, hiện tại là trên tờ tiền mệnh giá 100 nghìn đồng,...)

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh khởi động (từ gợi ý trong bài hoặc sưu tầm thêm, VD: Toà nhà Uốn éo (Ba Lan) với hình ảnh ngôi nhà méo mó, Toà nhà Longaberger (Ohio, Mỹ) trông như chiếc làn, Nhà hát Sydney (Úc) có mái hình vỏ sò, Sân vận động Quốc gia Bắc Kinh (Trung Quốc) hệt một cái tổ chim,...

			
Toà nhà Uốn éo (Ba Lan)	Toà nhà Longaberger (Ohio, Mỹ)	Nhà hát Sydney (Úc)	Sân vận động Quốc gia Bắc Kinh (Trung Quốc)

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc.

– Các phiếu bài tập trong phần Luyện từ và câu (nếu cần).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

– HS nêu lại những điều đã biết về múa ba lê qua bài *Nghệ thuật múa ba lê* và trả lời câu hỏi: Em thích nhất thông tin nào trong bài đọc này? Vì sao?

ĐỌC

1. Khởi động.

– 1 HS đọc yêu cầu khởi động: *Trao đổi cùng bạn: Mỗi công trình kiến trúc dưới đây có điểm gì độc đáo?*

– GV có thể:

+ Đưa tranh ảnh khởi động và gợi ý HS: Quan sát hình dáng của mỗi công trình xem có điểm nào đặc biệt; so sánh với công trình bình thường khác.

+ Khuyến khích HS trình bày theo sự hiểu biết riêng, theo cách diễn đạt riêng.

– HS trao đổi nhóm 4.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét ý kiến của HS và chốt lại.

– GV giới thiệu bài đọc *Một ngôi chùa độc đáo* (VD: Bài đọc giúp các em hiểu về kiến trúc độc đáo của chùa Một Cột, thấy được giá trị văn hoá của công trình này đối với người Việt Nam và bạn bè trong khu vực.).

2. Đọc văn bản.

– GV đọc cả bài (ngữ điệu chung: to, rõ ràng, không cần diễn cảm); có thể mời 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trong bài.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *độc nhất, giá đỡ, vững chãi, cổ kính, rồng chầu,...*), chú ý sửa lỗi phát âm cho HS.

+ Ngắt giọng với câu dài.

VD: *Năm 2012,/ chùa được Tổ chức Kỉ lục châu Á/ xác nhận là/ "Ngôi chùa/ có kiến trúc độc đáo/ nhất châu Á".*

+ Chia bài đọc thành 4 đoạn (như thể hiện 4 đoạn trong SGK) và nêu nội dung từng phần:

Đoạn 1: từ đầu đến *chùa Một Cột* (giới thiệu chung về chùa Một Cột).

Đoạn 2: Tiếp theo đến *gọi là Liên Hoa Đài* (nói về nét độc đáo của ngôi chùa, kết hợp giải thích về cái tên Một Cột và Liên Hoa Đài).

Đoạn 3: Tiếp theo đến *hồ nước yên bình* (nói về nét cổ kính của chùa Một Cột).

Đoạn cuối: còn lại (ca ngợi giá trị văn hoá của ngôi chùa này).

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn của bài đọc.

– HS làm việc cá nhân: đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ chú thích trong SHS, tìm hiểu nghĩa những từ ngữ khác. VD:

+ *Độc nhất vô nhị:* có một mà không có hai, rất hiếm.

+ *Hai con rồng chầu mặt nguyệt:* hình ảnh (trong chạm khắc) hai con rồng quay đầu vào mặt trăng, biểu thị sức mạnh thiêng liêng; thường được trang trí nơi đình, chùa,...

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Chùa Một Cột ở đâu và được xây dựng vào năm nào?*

– GV nêu câu hỏi 1 (hoặc gọi HS đọc câu hỏi 1).

– GV hướng dẫn HS xem lại đoạn 1, suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS khác nhận xét.

– GV nhận xét và chốt câu trả lời: Địa điểm của chùa: phường Ba Đình, trung tâm Thủ đô Hà Nội. Năm xây dựng chùa: 1049, thời vua Lý Thái Tông.

Câu 2. *Vì sao chùa có tên là Một Cột và Liên Hoa Đài? Theo em, điều gì khiến chùa Một Cột được xem là "Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất châu Á"?*

– 2 HS đọc câu hỏi 2.

– HS đọc nhanh đoạn 2 và 3, trao đổi nhóm 4 để thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu.

– GV khuyến khích HS trả lời câu hỏi theo những cách diễn đạt riêng.

– GV nhận xét và ghi nhận những câu trả lời đúng, diễn đạt rõ ràng.

(VD: Chùa có tên Một Cột vì chùa được đặt trên cột đá tròn duy nhất. Chùa có tên Liên Hoa Đài vì chùa có hình đoá sen khổng lồ vươn lên từ mặt nước.

Chùa Một Cột được xem là "Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất châu Á" vì ở châu Á, không có ngôi chùa nào mang kiến trúc độc đáo như vậy: được đặt trên một cột đá tròn, có hình đoá sen – quốc hoa của Việt Nam).

Câu 3. *Trong bài đọc, em ấn tượng nhất với thông tin nào? Vì sao?*

– GV nêu câu hỏi 3 (hoặc gọi 1 HS đọc câu hỏi 3).

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ HS xem nhanh lại bài đọc, tìm thông tin mà mình thấy có cảm xúc hay suy nghĩ nhiều nhất sau khi đọc được.

+ HS làm việc theo nhóm 4 để trao đổi trong nhóm và góp ý cho câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày.

– GV nhận xét, khen ngợi nhóm HS thảo luận tích cực và ghi nhận những chia sẻ tự nhiên, chân thực, hợp lí. (VD: Ấn tượng với thông tin chùa ngự trên một cột đá tròn. Vì thông tin này giúp em thấy rõ nét riêng biệt của chùa Một Cột. Trong khi các chùa khác có nhiều cột và cột được làm bằng gỗ./ Ấn tượng với thông tin chùa tựa đoá sen khổng lồ vươn lên từ mặt nước, bình yên đón ánh mặt trời. Vì thông tin này giúp em hình dung về một ngôi chùa rất đẹp, thanh tĩnh, thấy được tài năng và cốt cách dân tộc của những nghệ nhân xưa./...)

Câu 4. *Tóm tắt bài đọc theo gợi ý.*

– GV nêu câu hỏi 4 hoặc gọi HS đọc câu hỏi 4.

– GV hướng dẫn HS:

+ Xem lại bài đọc.

+ Dựa vào gợi ý và nêu lại các thông tin một cách ngắn gọn nhất.

+ Suy nghĩ và tự tóm tắt.

+ Trao đổi theo nhóm 4 để được góp ý, hoàn thiện bài tóm tắt.

– GV khuyến khích HS tóm tắt ngắn gọn, diễn đạt theo cách cảm nhận, suy nghĩ riêng.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét và ghi nhận những tóm tắt hợp lí.

Câu 5. *Bài đọc nói với chúng ta về điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.*

A. Kiến trúc độc đáo của chùa Một Cột.

B. Nguồn gốc những cái tên của chùa Một Cột.

C. Giá trị văn hoá của chùa Một Cột trong đời sống chúng ta.

– 2 HS đọc và nêu yêu cầu của câu hỏi 5.

– HS xem lại toàn bài đọc, suy nghĩ và chọn phương án trả lời.

– HS trao đổi theo nhóm 4 để chọn những câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS biết nêu ý kiến riêng của mình.

– GV ghi nhận ý kiến của HS (1 trong 3 câu trả lời A, B, C), khen ngợi những câu trả lời sáng tạo, hợp lí (VD: Bài đọc nói với chúng ta về nghệ thuật kiến trúc của người Việt/ khả năng sáng tạo của người Việt/ vẻ đẹp của những công trình xây dựng trên đất nước ta,...).

4. Luyện đọc lại.

– Làm việc chung cả lớp: 3 HS đọc nối tiếp 3 phần trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc.

– HS đọc theo cặp, góp ý cho nhau.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ KẾT TỪ

GV: Ở Bài 29, các em đã được học về khái niệm kết từ. Ở Bài 31 này, chúng ta sẽ luyện tập về nó: thêm các kết từ phù hợp để nối các từ ngữ trong câu với nhau; hoặc đặt câu với các kết từ cho sẵn.

1. Chọn từ ngữ ở cột A phù hợp với từ ngữ ở cột B trong SHS để tạo câu. Chỉ ra các kết từ trong mỗi câu.

Mục đích của bài tập này là luyện tập việc sử dụng kết từ. Nó tương đối khó vì đòi hỏi cùng lúc 2 nhiệm vụ: vừa nối các từ ngữ, vừa chỉ ra các kết từ. Tuy nhiên, nhờ các kết từ được dùng thành cặp như vậy mà HS dễ nối các vế câu với nhau hơn.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV cho HS làm việc nhóm, giao nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ các dữ liệu cho sẵn ở 2 cột A và B (thực chất, đây là các vế của câu ghép).

+ Khai thác quan hệ nghĩa giữa các vế câu, xem chúng có liên quan với nhau như thế nào. VD: Vế câu a, cột A nói về đất nước âm nhạc, như vậy nó sẽ liên quan đến nhạc sĩ ở vế câu 4 của cột B. (Cột B bắt đầu bằng từ "bởi", chỉ ra lí do *nước Áo được coi là đất nước của âm nhạc*.)

+ Chỉ ra các kết từ đã có. Về câu b, c, d: *nếu, không những, mặc dù.* Về câu 1,2,3: *nhưng, mà còn, thì.*

+ Tìm các kết từ phù hợp với nhau. (GV lưu ý HS về các kết từ được dùng thành cặp: Từ *nếu* sẽ đi với từ *thì, không những* sẽ đi với *mà còn*, *mặc dù* đi với *nhưng*).

– Đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

– GV và HS cùng thống nhất đáp án:

Đáp án: (Các kết từ là những từ được in đậm)

a. Nước Áo được coi là đất nước của âm nhạc **bởi** nhiều nhạc sĩ nổi tiếng thế giới đã sống ở đây.

b. **Nếu** không tính toán thật kĩ lưỡng và luyện tập tỉ mỉ trong mỗi cảnh quay **thì** các diễn viên đóng thế sẽ rất dễ gặp nguy hiểm.

c. Âm nhạc **không những** làm tăng sự lạc quan **mà còn** giúp ta ngủ sâu và hoàn toàn thư giãn.

d. **Mặc dù** nhiều bức tranh của Van Gốc có màu vàng chói chang đến nhức mắt, **nhưng** đó vẫn là những bức tranh đắt nhất thế giới.

2. Chọn kết từ phù hợp để hoàn thành câu.

Mục đích của bài tập này là luyện cho HS khả năng sử dụng kết từ để nối các từ ngữ trong một đoạn văn cụ thể. Như vậy, HS phải hiểu được quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành tố để dùng đúng kết từ.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi, đọc các từ ngữ.

– GV cho HS làm việc nhóm, giao nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ các câu.

+ Tập trung vào các từ ngữ xung quanh bông hoa.

+ Thống nhất đáp án.

– Đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý. GV lưu ý HS: cùng một vị trí, có thể có nhiều kết từ phù hợp.

– GV và HS cùng thống nhất đáp án.

Đáp án:

Nghị lực phi thường, sự lãng mạn **và/ cùng** lòng nhân ái đã chắp cánh **cho** tài năng âm nhạc **của** Mô-da. Di sản **mà** ông để lại **cho** nhân loại thật là vĩ đại: hơn 600 tác phẩm lớn nhỏ. Đây là một cống hiến đồ sộ vào mức kỉ lục **của** một con người chỉ sống trên đời có 35 năm.

(Theo *Kể chuyện danh nhân thế giới*)

3. Viết tiếp các câu trong SHS với mỗi kết từ cho sẵn.

Bài tập này là dạng bài tập vận dụng, có đáp án mở. Bài đã cho sẵn các kết từ, HS sẽ hoàn thiện câu.

Với bài tập này, GV nên tổ chức hoạt động nhóm, các nhóm thi với nhau xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất. Có thể chấm thêm tiêu chí bình chọn cho câu hay nhất.

– HS đọc yêu cầu đề bài.

– Các nhóm thảo luận và đưa ra đáp án.

– GV giúp đỡ các nhóm khi cần.

– Đại diện các nhóm trả lời.

– GV và HS cùng nhận xét và đưa ra những câu hay nhất, thú vị nhất.

Đáp án tham khảo:

a. (1) Tôi học chơi đàn ghi-ta *và học khiêu vũ.*

(2) Tôi học chơi đàn ghi-ta *để thoả mãn niềm đam mê âm nhạc của mình.*

(3) Tôi học chơi đàn ghi-ta *vì nó giúp tôi giải toả căng thẳng.*

b. (1) Môn ảo thuật luôn kích thích người xem *bởi nó vô cùng bất ngờ.*

(2) Môn ảo thuật luôn kích thích người xem *nên nhiều người thích nó.*

(3) Môn ảo thuật luôn kích thích người xem *với nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau.*

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em đã được xem.

1. Dựa vào các ý đã tìm được trong hoạt động Viết ở Bài 30, viết đoạn văn theo yêu cầu.

HS làm việc cá nhân:

– Đọc lại dàn ý đã lập trong hoạt động viết ở Bài 30.

– Đọc lại phần lưu ý trong SHS.

– Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 30 để viết đoạn văn có đủ các phần mở đầu, triển khai, kết thúc.

– GV lưu ý HS khi viết nhớ sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá để câu văn sinh động.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

GV cho đọc lại bài làm của mình, dựa vào gợi ý của SHS để phát hiện lỗi hoặc cho HS đổi vở với bạn bên cạnh để soát lỗi cho nhau.

Chỉnh sửa lỗi (nếu có).

– GV chiếu một số bài của HS lên bảng.

– Các HS khác nhận xét, góp ý theo các nội dung: Cách mở đầu đoạn văn; Cách giới thiệu nhân vật trong phim; Cách kết thúc đoạn văn; Cách lựa chọn và đưa dẫn chứng; Cách dùng từ, đặt câu... (Nếu không có máy chiếu, GV cho HS đọc to bài làm, HS khác lắng nghe, nhận xét. GV có thể viết nhanh một số câu cần sửa chữa của HS lên bảng để sửa chữa.)

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS nắm được yêu cầu Vận dụng: *Sưu tầm tranh ảnh về một công trình kiến trúc độc đáo của đất nước ta. Giới thiệu với bạn về công trình kiến trúc đó.*

CỦNG CỐ

– GV tóm tắt lại nội dung bài học

Đọc – hiểu: *Một ngôi chùa độc đáo.*

Luyện từ và câu: Luyện tập về kết từ.

Viết: Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– GV dặn dò HS ôn bài đã học và đọc trước bài 32.

Bài 32 SỰ TÍCH CHÚ TỄU (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm văn bản kịch *Sự tích chú Tễu*, biết thể hiện giọng đọc phù hợp với kịch (lời đối thoại của nhân vật); biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện ngữ điệu của lời nói, cảm xúc của nhân vật.

b. Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của 2 nhân vật trong vở kịch (ông quản phường múa rối và nhân vật anh trai làng, tức chú Tễu), cảm nhận được suy nghĩ, cảm

xúc của các nhân vật trong mỗi cảnh của vở kịch. Hiểu ý nghĩa của kịch bản: Đưa ra một cách giải thích về sự xuất hiện của nhân vật chú Tễu được yêu thích trong các vở múa rối nước.

2. Nhận biết ưu, nhược điểm trong đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình của mình, biết chỉnh sửa để bài văn hay hơn.

3. Biết giới thiệu, trình bày ý kiến về một bộ phim yêu thích đã xem.

4. Biết cảm nhận, thưởng thức nghệ thuật, có hứng thú tìm hiểu khám phá một số bộ môn nghệ thuật cổ truyền dân tộc.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Kịch, kịch bản.

– Nghệ thuật múa rối nước.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.

– Video về múa rối nước, nhân vật chú Tễu,...

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

– 2 HS đọc nối tiếp bài *Một ngôi chùa độc đáo* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm *Nghệ thuật muôn màu?*).

ĐỌC

1. Khởi động.

– GV giới thiệu tên bài học và giao nhiệm vụ: Làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, cùng nhau nêu nhận xét về gương mặt chú Tễu trong các tiết mục múa rối nước.

(GV cho HS xem video 1 trích đoạn múa rối nước, trong đó có nhân vật chú Tễu).

– GV giới thiệu khái quát về nghệ thuật múa rối nước. (VD: Múa rối nước là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống, ra đời từ nền văn minh lúa nước. Từ một nghệ thuật mang yếu tố dân gian, múa rối nước đã trở thành một nghệ thuật truyền thống và là một sáng tạo đặc trưng của người Việt Nam,...).

2. Đọc văn bản.

– GV giới thiệu văn bản kịch có 2 cảnh: Cảnh 1: Anh Tễu gặp ông quản phường múa rối nước để xin học nghề; Cảnh 2: Cuộc trò chuyện giữa ông quản và anh Tễu 3 năm sau, khi anh Tễu đã giỏi nghề.

– GV đọc lời của ông quản, 1 HS đọc lời của anh Tễu (lần lượt cảnh 1 sang cảnh 2): đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng thể hiện tình cảm, cảm xúc của mỗi nhân vật.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *ông quản phường rối nước, "một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ", phường rối làng ta,...*

+ Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của nhân vật. (VD: Giọng anh Tễu hồn nhiên, hài hước ở cảnh 1; giọng trầm, chậm rãi ở cảnh 2).

– HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc lời 1 nhân vật.

– 2 HS đọc trước lớp (nếu có thời gian).

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển.

3. Trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Ở cảnh 1, lí do anh Tễu tìm gặp ông quản là gì?*

– GV nêu câu hỏi (có thể mời HS phát biểu ngay).

– 2 – 3 HS trả lời (VD: anh Tễu gặp ông quản phường rối nước để xin học nghề/ xin học nghề biểu diễn rối nước./...).

– GV có thể hỏi thêm: Theo em, vì sao anh Tễu muốn học nghề rối nước?

– 2 – 3 HS trả lời (VD: Anh Tễu muốn học nghề rối nước vì anh thích ca hát nhưng tướng mạo không đẹp (khó coi), "bụng trống chầu, đầu cá trê". Chỉ có diễn rối nước mới mong được "giấu mặt mình, trình mặt rối" hát sau bức mành.)

Câu 2. *Qua lời chào hỏi, giới thiệu, trò chuyện với ông quản, em thấy anh Tễu là người thế nào?*

– GV nên tách thành 2 yêu cầu:

+ Khi đến gặp ông quản phường múa rối nước, anh Tễu đã chào hỏi, giới thiệu, trò chuyện với ông quản thế nào?

+ Qua cách chào hỏi, giới thiệu, trò chuyện với ông quản, em thấy anh Tễu là người thế nào?

– HS làm việc nhóm theo hướng dẫn của GV.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. GV có thể lựa chọn cách trình bày dựa trên ý hiểu của HS. (VD: Anh Tễu là người thích ca hát, tính tình hiền lành, thật thà, rất hài hước (tự đánh giá tướng mạo khó coi bằng câu nói dân gian có vần có điệu "bụng trống chầu, đầu cá trê") và rất lạc quan: hát nhưng không để mọi người nhìn thấy mặt mình (hát sau bức mành, hát theo vai quân rối).

Câu 3. *Theo em, vì sao ông quản dạy cho anh Tễu diễn những quân rối hề?*

– GV nêu câu hỏi, dành thời gian cho HS suy nghĩ. GV có thể gợi ý: Quyết định của ông quản là xuất phát từ nguyện vọng của anh Tễu hay theo kinh nghiệm nhìn người của ông quản?

– HS trao đổi theo nhóm để tìm câu trả lời cho câu hỏi, thống nhất câu trả lời của nhóm.

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp. GV nói cho HS hiểu: Trong lời trò chuyện của anh Tễu, có hé lộ mong muốn học diễn hài (gây cười): "Mẹ con bảo tới đây "không đẹp nay thì đẹp mai, học cười má phấn có hai đồng tiền". Mặt khác, ông quản thấy anh Tễu là chàng trai hài hước, vui tính, lém lỉnh, hợp với vai diễn đem đến tiếng cười cho khán giả (vai hề).

Câu 4. *Ở cảnh 2, điều gì khiến anh Tễu có những xáo trộn trong tâm tư? Vì sao ông quản khích lệ anh Tễu đi theo tâm nguyện của mình?*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân (đọc lướt lại cảnh 2), tìm câu trả lời trước khi làm việc theo nhóm/ lớp.

– HS làm việc theo nhóm, từng em nêu ý kiến; cả nhóm bình chọn câu trả lời đúng và có cách trình thuyết phục (ngắn gọn, rõ ràng).

– Cả lớp cùng làm việc, GV tách thành 2 câu hỏi:

+ Ở cảnh 2, điều gì khiến anh Tễu có những xáo trộn trong tâm tư?

Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý, khen ngợi các câu trả lời thuyết phục. VD: Sau 3 năm theo ông quản học nghề và tham gia biểu diễn múa rối nước, anh Tễu được ông quản khen là đã giỏi nghề, vở diễn nào có anh Tễu tham gia, khán giả cũng vỗ tay cổ vũ. Thế nhưng, trong những giấc mơ, anh Tễu thấy mình thường được đến một nơi có nhà thuỷ đình rộng mênh mông, thoả sức ngân nga cho tròn vành rõ chữ. Ở đó có rất nhiều người đẹp như tiên đang múa ca, vẫy gọi anh tới...". Những giấc mơ đó có lẽ đã khiến anh Tễu bâng khuâng, thấy như thực như mơ, khơi dậy niềm ao ước cao xa...

+ Vì sao ông quản khích lệ anh Tễu đi theo tâm nguyện của mình?

Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý, khen ngợi các em có câu trả lời thuyết phục. VD: Khi nghe anh Tễu kể về những giấc mơ, ông quản đã hiểu giấc mơ của anh Tễu chính là niềm khát vọng đang nhen nhóm, tiềm ẩn trong tâm trí của anh Tễu. Ông quản hiểu đó là ước mơ, khát vọng đẹp đẽ của tuổi trẻ – "mong ước tìm cho nghề rối nước những tích trò hay hơn, những quân rối đẹp hơn". Vì thế, ông quản đã khích lệ anh Tễu đi theo tâm nguyện của mình.

Câu 5. *Vở kịch giải thích thế nào về sự xuất hiện nhân vật chú Tễu trong các vở rối nước?*

– HS làm việc theo nhóm: Từng em nêu ý kiến của mình, cả nhận xét, chọn câu trả lời hợp lí.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp. GV nhận xét các ý kiến và nói cho HS hiểu về nhân vật chú Tễu: Chú Tễu là nhân vật xuất hiện nhiều nhất và nổi tiếng nhất trong các vở rối nước. Chú Tễu luôn có vóc dáng to lớn hơn các nhân vật khác, luôn vui vẻ, dí dỏm, gây cười cho khán giả,... Qua vở kịch "Sự tích chú Tễu", tác giả đưa ra một cách giải thích về sự xuất hiện nhân vật chú Tễu trong các vở rối nước – là quân rối mô phỏng hình mẫu của một người vóc dáng to lớn, hiền hậu mà lém lỉnh, dí dỏm (anh Tễu trong vở kịch).

4. Luyện đọc lại.

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm vở kịch. GV có thể nói với HS: Đây là bài đọc cuối của chủ điểm *Nghệ thuật muôn màu*. Ở chủ điểm này, các em được tìm hiểu những nét đặc sắc của nhiều loại hình nghệ thuật: âm nhạc, hội hoạ, sân khấu, kiến trúc,...

– HS làm việc theo cặp: cách đọc diễn cảm vở kịch.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

– GV nêu mục đích của 2 bài tập, thời gian thực hiện và chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hay theo nhóm (tuỳ vào năng lực của HS trong lớp).

– Sau thời gian làm bài, có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1: Nhóm *Tâm có nghĩa là điểm chính giữa:* tâm bão, tâm điểm, trung tâm; Nhóm *Tâm có nghĩa là tình cảm, ý chí*: tâm tư, tâm nguyện, tâm trạng, tâm huyết, lương tâm.

Câu 2: Đặt câu với 1 – 2 từ trong mỗi nhóm.(HS tự làm và góp ý cho nhau).

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.

GV trả bài cho cả lớp và nhận xét chung. GV lưu ý nhận xét kĩ các lỗi nhiều HS mắc phải và khen ngợi một số bài làm tốt. GV có thể đọc 1 – 2 bài làm tốt để HS học tập.

2. Đọc lại đoạn văn của em và nhận xét của thầy cô để biết bài viết đạt được những điểm nào dưới đây.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ bài làm và nhận xét của GV rồi đối chiếu với những nội dung được nêu ở phần 2.

– Hướng dẫn HS dựa vào phần gợi ý trong SHS để tự đánh giá, đánh giá bài làm của bạn cùng bàn.

– GV dành thời gian để HS đọc bài và sửa chữa lỗi theo nhận xét.

– Sau khi HS đã tự sửa lỗi, GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, trao đổi bài viết để đọc và góp ý cho nhau.

– GV bao quát cả lớp để hỗ trợ những cặp HS chưa biết cách trao đổi, góp ý bài làm cho nhau.

3. Viết lại các câu hoặc đoạn trong bài làm của em cho hay hơn.

– HS làm việc cá nhân, viết lại 1 – 2 đoạn trong bài làm cho hay hơn. GV chiếu đoạn văn trước và sau khi viết lại của HS để lớp nhận xét.

– GV khen ngợi kết quả bài viết của HS.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

BỘ PHIM YÊU THÍCH

Yêu cầu: Giới thiệu một bộ phim mà em yêu thích.

– GV giới thiệu: Ai trong chúng ta cũng đã từng xem những bộ phim hay, đã thích thú hay xúc động trước những cảnh phim thú vị. Trong tiết học này, các em sẽ được giới thiệu một bộ phim mà các em yêu thích, được nói về những điều mà bộ phim đó khiến các em ấn tượng.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của tiết học. *(Giới thiệu một bộ phim mà em yêu thích).*

1. Chuẩn bị.

– GV hướng dẫn HS đọc và thực hiện các bước chuẩn bị trong SHS.

– HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV:

+ HS chọn một bộ phim để giới thiệu: bộ phim có thể là phim hoạt hình, phim tài liệu, phim khoa học, phim ca nhạc,... Bộ phim được chọn cần là phim phù hợp với lứa tuổi HS.

+ HS nhớ lại các thông tin về bộ phim và có thể ghi ra một số ý chính: tên đạo diễn, tên các nhân vật trong phim (chú ý tập trung vào nhân vật chính), nội dung phim (mở đầu, diễn biến, kết thúc), những điều ấn tượng về bộ phim (nhân vật, nội dung, tên phim, nhạc phim, ý nghĩa của bộ phim, kĩ xảo điện ảnh…).

+ Dựa trên các ý đã nhớ lại hoặc ghi lại, HS sắp xếp các ý theo trình tự logic, hợp lí để giới thiệu. GV khuyến khích HS vẽ sơ đồ tư duy để việc trình bày được khoa học.

+ HS tìm các phương tiện để hỗ trợ trình bày: máy chiếu, tranh ảnh minh hoạ, nhạc, clip,...

2. Trình bày.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi giới thiệu trong nhóm:

+ Đọc kĩ các bước đã nêu trong SHS và các câu hỏi gợi ý trong mỗi bước.

+ Đọc đoạn giới thiệu minh hoạ (lời nói của các bạn nhỏ trong tranh ở cuối trang) để tham khảo.

– GV hướng dẫn HS trình bày: HS giới thiệu bộ phim mình đã chọn trong nhóm theo hướng dẫn của GV và các bước trong SHS.

– HS làm việc nhóm, lần lượt từng thành viên giới thiệu bộ phim mình yêu thích theo các bước:

+ Bước 1: Giới thiệu chung về bộ phim (tên phim, thể loại phim, nước sản xuất, tên đạo diễn,…).

+ Bước 2: Nêu tóm tắt nội dung phim (bối cảnh, nhân vật, diễn biến, kết thúc).

+ Bước 3: Nêu cảm xúc và lí do yêu thích bộ phim.

– GV lưu ý HS khi giới thiệu cần kết hợp lời nói với điệu bộ, cử chỉ phù hợp. HS nói xong cần lắng nghe trao đổi, góp ý của bạn. Các HS khác cần chăm chú lắng nghe và có phản hồi lịch sự sau bài trình bày của bạn.

– GV bao quát lớp, hỗ trợ các cá nhân chưa biết cách giới thiệu hoặc chưa giới thiệu đúng trọng tâm.

3. Trao đổi, góp ý.

– Đại diện 1– 2 nhóm lên giới thiệu trước lớp.

– Cả lớp trao đổi, góp ý và nhận xét, đánh giá phần giới thiệu của các nhóm.

– GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi những cá nhân có phần giới thiệu hay, hấp dẫn, biết cách phối hợp nội dung giới thiệu với các hình thức trình bày sinh động. GV cũng có thể cho HS bầu chọn bộ phim hay nhất qua phần giới thiệu của các HS.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Kể cho người thân nghe nội dung vở kịch Sự tích chú Tễu. Trao đổi với người thân về ý nghĩa của vở kịch.*

– GV lưu ý HS lắng nghe những trao đổi, góp ý của người thân và có thể bổ sung thêm những ý cho đoạn văn hay hơn.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 32:

Đọc – hiểu: *Sự tích chú Tễu.*

Viết: Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn giới thiệu nhân vật trong bộ phim hoạt hình.

Nói và nghe: Bộ phim yêu thích.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào của Bài 32.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn dò HS đọc trước Bài *Ôn tập và Đánh giá cuối học kì I.*

TUẦN 18

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

I MỤC TIÊU

Việc ôn tập cuối học kì I giúp HS đánh giá được kết quả học tập của học kì đầu tiên theo các yêu cầu gắn với các nội dung đã học.

1. a. – Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút.

– Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 4.

– Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác.

– Biết đọc theo những cách khác nhau (đọc lướt và đọc kĩ).

– Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

b. Đọc hiểu văn bản:

– Đọc hiểu văn bản văn học:

+ Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản.

+ Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.

+ Hiểu chủ đề văn bản.

+ Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật.

+ Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện.

+ Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản.

+ Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

+ Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện.

+ Nêu được những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, màn kịch,...

– Đọc hiểu văn bản thông tin:

+ Nhận biết được những thông tin chính của văn bản.

+ Xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.

+ Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.

+ Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hành động.

+ Nhận biết bố cục của văn bản: phần đầu, phần giữa (phần chính), phần cuối và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.

+ Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng.

+ Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

+ Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.

2. Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo. Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả. Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện. Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách, một bộ phim hoạt hình đã xem,...

3. Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

4. Nhận biết được quy tắc viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. Biết mở rộng vốn từ theo chủ điểm. Nhận biết đại từ và kết từ; từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; dấu gạch ngang và dấu gạch nối; biết sử dụng từ điển để tìm từ và tra nghĩa của từ, tra cứu các thông tin khác,...

II CHUẨN BỊ

– Chuẩn bị các phiếu học tập (theo nội dung các tiết 1, 2, 3, 4, 5) để HS không làm bài vào SHS.

– Chuẩn bị phiếu đề kiểm tra tham khảo (Tiết 6 – 7) để các em luyện tập.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

PHẦN I – ÔN TẬP

TIẾT 1 – 2

GV có thể hướng dẫn HS làm lần lượt từng bài hoặc hướng dẫn HS tự làm việc theo nhóm (trước khi làm việc nhóm, dành thời gian để từng cá nhân thực hiện yêu cầu).

1. Kể tên 4 chủ điểm đã học ở học kì I và cho biết mỗi chủ điểm giúp em có thêm những hiểu biết gì về cuộc sống.

Bài này giúp HS có cái nhìn bao quát về 4 chủ điểm các em đã được học và quan trọng hơn là giúp các em khám phá, giải thích được ý nghĩa của mỗi chủ điểm.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài và yêu cầu HS xem kĩ tranh.

– HS làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ về 4 bức tranh chủ điểm và trả lời câu hỏi.

– Các nhóm cử đại diện trả lời. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– GV quan sát HS các nhóm, ghi nhận xét.

– GV và HS cùng thống nhất đáp án:

+ Chủ điểm 1. *Thế giới tuổi thơ*: bàn về niềm vui trong mỗi cá nhân, những trò chơi tuổi thơ, giờ học vui vẻ trên lớp, tình bạn tuổi học trò và những xúc cảm cá nhân,…

+ Chủ điểm 2. *Thiên nhiên kì thú*: nói về vẻ đẹp đầy bí ẩn và lí thú của rừng, của biển, đất trời, cỏ cây, muông thú, hang động,…

+ Chủ điểm 3. *Trên con đường học tập*: nói về hành trình đi tìm kiếm tri thức và phát triển bản thân, quá trình hoàn thiện của mỗi cá nhân, bài học về sự thành công của những người nổi tiếng,…

+ Chủ điểm 4. *Nghệ thuật muôn màu*: phản ánh vẻ đẹp của thế giới hội hoạ, âm nhạc, điện ảnh, văn chương,…

(HS có thể phát biểu suy nghĩ riêng của mình, không cần giống như gợi ý trên, miễn là GV thấy hợp lí.)

2. Đọc một câu chuyện hoặc bài thơ trong các chủ điểm đã học và trả lời câu hỏi.

– GV cho HS làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi trong SHS.

– GV mời đại diện một số nhóm trả lời.

– GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

3. Tìm kết từ phù hợp với mỗi bông hoa.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài, đọc đoạn trích.

– GV cho HS làm việc nhóm, giao nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ đoạn trích.

+ Tập trung vào các từ ngữ xung quanh bông hoa.

+ Thống nhất đáp án.

– Đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

– GV và HS cùng chốt đáp án: (Các kết từ được in đậm)

Và từ sau hôm đó, Hương bắt đầu viết thư ***cho*** *cô Thu. Một việc thật là mới mẻ* ***và*** *thích thú. Hương không còn thấy buồn chán* ***hay/ và*** *sợ hãi mỗi khi bố mẹ đi vắng. Mọi khi thì Hương nói chuyện* ***với*** *con mèo.* ***Nhưng*** *nói mãi cũng chán!* ***Vì*** *nó chẳng biết nói chuyện lại* ***với*** *Hương mà chỉ biết meo meo thôi. Bây giờ thì Hương đã có người trò chuyện rồi.*

(*Theo* Xuân Quỳnh)

4. Đọc câu chuyện *Chú mèo con nói nhiều* và thực hiện yêu cầu:

a. Tìm từ ngữ dùng để xưng hô của mèo con.

b. Tìm từ dùng để xưng hô trong câu "Hôm nay, chúng ta đừng ra ngoài tìm thức ăn nữa." và cho biết từ đó chỉ ai.

– GV cho HS làm việc nhóm, các nhóm thi với nhau xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất.

– Đáp án:

a. Các từ ngữ dùng để xưng hô của mèo con.

Mèo con	Với mèo mẹ	Với ngỗng	Với vịt	Với gà trống
Tự chỉ mình	con	cháu	cháu	em
Chỉ người nghe	mẹ	bác	cô	anh

b. Từ dùng để xưng hô trong câu trên là *chúng ta*. Đây là từ mà chuột đầu đàn dùng để chỉ mình và bầy chuột trong đàn.

TIẾT 3 – 4

1. Đọc một bài sau đây và nói lên cảm nghĩ của em về bài đọc đó: *Thư gửi các học sinh, Tấm gương tự học, Tranh làng Hồ, Một ngôi chùa độc đáo.*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tự chọn một trong số bốn bài được nêu, đọc thầm và ghi lại cảm nghĩ của mình về bài đọc đó.

– GV có thể mời một vài HS chia sẻ cảm nghĩ của mình về bài đọc.

– GV và HS cùng nhận xét.

2. Giải ô chữ: Ai giỏi tiếng Việt?

– GV có thể cho cả lớp làm chung, mỗi câu hỏi lại dành cho một HS xung phong trả lời. Hoặc GV cho làm theo nhóm, thi xem nhóm nào giải đúng và nhanh nhất.

– GV nhận xét và thống nhất đáp án.

a. Ô chữ hàng ngang:

1			Đ	I	Ệ	P	**T**	Ừ		
2			K	Ể	T	T	**Ừ**			
3							**Đ**	Ạ	I	T	Ừ
4	G	Ạ	C	H	N	G	**A**	N	G		
5					Đ	Ộ	**N**	G	T	Ừ	
6				X	Ư	N	**G**	H	Ô		
7					N	G	**H**	I	V	Ấ	N
8	Đ	Ồ	N	G	N	G	H	**Ĩ**	A		
9						T	H	**A**	Y	T	H	Ế

b. Ô chữ hàng dọc: **Từ đa nghĩa**

(GV có thể cho HS nhắc lại khái niệm từ đa nghĩa, lấy ví dụ minh hoạ.)

3. Tìm các điệp từ, điệp ngữ được sử dụng trong đoạn trích ở bài tập 3. Cho biết việc sử dụng các điệp từ, điệp ngữ đó có tác dụng gì.

– GV cho HS làm theo nhóm với nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ đoạn trích.

+ Tìm điệp từ, điệp ngữ

+ Nêu tác dụng (đối chiếu với phần gợi ý).

+ Cả nhóm chốt đáp án chung.

– GV mời đại diện nhóm trình bày trước lớp.

– GV và HS nhận xét, thống nhất đáp án: (Phần điệp từ, điệp ngữ được in đậm).

*Phượng **không phải** là một đoá, **không phải** vài cành; phượng đây là **cả một** loạt, **cả một** vùng, **cả một** góc trời đỏ rực. Mỗi hoa chỉ là một phần tử của xã hội thắm tươi; người ta quên đoá hoa, chỉ nghĩ **đến** cây, **đến** hàng, **đến** những tán hoa lớn xoè ra như muôn ngàn con bướm thắm đậu khít nhau.*

(Xuân Diệu)

Việc dùng các điệp từ, điệp ngữ trên có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp rực rỡ của hoa phượng; làm câu văn thêm hấp dẫn, tạo ấn tượng với người đọc,...

4. Viết một đoạn văn ngắn (4 – 5 câu) nói về một cảnh vật mà em quan sát được, trong đó có sử dụng điệp từ, điệp ngữ.

– GV gợi ý HS: Dựa vào cách miêu tả hoa phượng của Xuân Diệu trong đoạn văn trên.

– GV dành thời gian cho HS tự viết đoạn văn.

5. Trò chơi: Đặt câu với cặp kết từ "nếu... thì" hoặc "vì... nên".

Bài tập này giúp HS ôn lại cách sử dụng các cặp kết từ. Phải hiểu nghĩa của từng cặp kết từ mình sử dụng thì mới đặt được các vế câu có sự phù hợp về mặt ngữ nghĩa với nhau.

– GV mời 1 HS đọc phần "Cách chơi", sau đó mời 1 nhóm gồm 4 HS lên bảng làm theo mẫu:

+ HS 1: *Nếu còn sớm*

+ HS 2: *thì chúng ta sẽ đi xem phim.*

+ HS 3: *Nếu chúng ta đi xem phim*

+ HS 4: *thì nên đặt mua vé trước.*

Các HS trong nhóm cứ lần lượt nối theo cách như vậy cho đến hết thời gian quy định (chẳng hạn 2 phút cho 1 lượt chơi). (GV có thể nối tiếp ví dụ mẫu: *Nếu chúng ta đặt mua vé trước – thì chúng ta sẽ có chỗ ngồi tốt,...*)

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm để chuẩn bị theo đúng hướng dẫn.

– Các nhóm chuẩn bị trong vòng 5 – 7 phút.

– GV mời 1 số nhóm "nếu… thì" thi với 1 số nhóm "vì… nên". Nhóm nào nối được nhiều câu nhất và có nhiều đáp án chuẩn và thú vị nhất sẽ là nhóm chiến thắng. GV cho HS bình chọn nhóm có đáp án thú vị nhất.

TIẾT 5

1. Trao đổi với bạn về nội dung của một cuốn sách viết về một tấm gương học tập.

Bài luyện nói này có mục đích giúp HS thể hiện sự hiểu biết của mình, phát triển khả năng diễn đạt và tư duy. Đồng thời, đây cũng là phần chuẩn bị cho bài tập 2, HS viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật tài năng trong cuốn sách em đã đọc.

GV căn cứ vào mức độ mạch lạc trong sự trình bày, sự hấp dẫn trong cách thể hiện bài nói để nhận xét, đánh giá HS.

– HS làm việc nhóm, đọc kĩ phần gợi ý trong SHS, nói cho nhau nghe.

– Một số HS trình bày trước lớp. GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

2. Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật tài năng trong cuốn sách em đã đọc.

– HS làm việc cá nhân: viết bài (dựa trên phần luyện nói ở bài tập 1). GV có thể gợi ý thêm: nhân vật tài năng sẽ bao gồm cả những tấm gương trong học tập hoặc trong chiến đấu,…

– GV quan sát HS làm bài, trợ giúp khi các em cần.

3. Trao đổi với bạn để góp ý cho nhau rồi chỉnh sửa bài viết.

– HS trao đổi bài với bạn, cùng góp ý cho nhau.

– GV đọc một số bài trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS.

– HS chỉnh sửa bài theo góp ý của bạn hoặc của GV (nếu thấy phù hợp).

(Nếu HS nào làm bài chưa xong, GV nhắc HS về nhà hoàn thành nốt.)

– GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập thứ 5.

PHẦN II – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

TIẾT 6 – 7

SHS có giới thiệu đề kiểm tra để HS tập làm hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra cuối học kì. GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm:

– Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (câu hỏi trả lời miệng).

– Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một bài và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết).

– Viết một đoạn văn hoặc bài văn theo yêu cầu nêu trong Chương trình môn Tiếng Việt lớp 5.

– HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tuỳ theo năng lực HS và điều kiện của lớp.

Gợi ý hướng dẫn thực hiện Đề tham khảo:

A. ĐỌC

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động kiểm tra đọc thành tiếng bài *Bố đứng nhìn biển cả*, nghe GV giới thiệu sơ lược bài đọc và giải thích một số từ ngữ khó (nếu HS không hiểu).

– HS đọc bài và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Khi ra biển cùng bố, người con thường thả diều, học môn hình học, lấy ống nhòm khám phá biển khơi.

Câu 2. Câu thơ thể hiện niềm vui, sự tin tưởng của bố về tương lai con là *Theo con nhìn tương lai/ Khắp khởi mừng trong dạ.*

II. Đọc hiểu.

– HS đọc thầm bài *Những điều thú vị về chim di cư* và thực hiện các yêu cầu.

– Đáp án:

Câu 1. *Theo bài đọc, chim di cư có tập tính gì?*

Chim di cư có tập tính di chuyển đều đặn theo mùa và theo những đường bay cụ thể.

Câu 2. *Kể tên một số loài chim di cư.*

Tên một số loài chim di cư là: diều hâu, bồ nông, bồ câu, nhạn biển, hải âu,...

Câu 3. *Có mấy lí do khiến chim di cư? Đó là những lí do nào?*

Có 3 lí do khiến chim di cư. Đó là: (1) tránh cái lạnh của mùa đông; (2) đi theo chuỗi thức ăn của chúng; (3) sinh sản và nuôi con một cách dễ dàng trong tiết trời ấm áp.

Câu 4. *Vì sao chim di cư bay rất xa nhưng vẫn tìm được đường về nhà?*

Chim di cư tìm được đường về nhà vì chúng có thể tự định hướng bằng cách (1) quan sát vị trí của Mặt Trời và những vì sao; (2) dựa vào những mốc lớn như đường cao tốc hay bờ biển, dãy núi,... (Có thể trả lời vắn tắt là vì chúng có những kĩ năng đặc biệt trong việc tìm đường.)

Câu 5. *Trong câu "Như vậy, năng lượng, thức ăn và sự sinh sản chính là chìa khoá để các nhà khoa học giải mã hành vi thú vị này ở loài chim.", "hành vi thú vị này" là hành vi nào?*

Đáp án: C. di cư

Câu 6. *Lập sơ đồ cấu trúc bài đọc.*

HS vẽ thành mô hình với các nội dung sau:

– Đoạn 1: Giới thiệu khái quát về chim di cư và đặc điểm của chúng. Đặt câu hỏi về lí do chim di cư và lí do chúng định hướng được đường bay.

– Đoạn 2: Lí do chim di cư:

+ Tránh rét

+ Tìm kiếm thức ăn

+ Sinh sản và nuôi con.

– Đoạn 3: Lí do chim định hướng được đường bay:

+ Quan sát Mặt Trời và các vì sao.

+ Dựa vào những mốc lớn trên đường bay.

Câu 7. *Những từ ngữ nào được dùng để đánh dấu việc trình bày các lí do chim di cư?*

Những từ ngữ dùng để đánh dấu việc trình bày các lí do chim di cư là *trước hết; thứ hai; một lí do nữa; như vậy.*

Câu 8. *Dấu gạch ngang trong câu dưới đây được dùng để làm gì?*

"Các loại hoa trái, côn trùng, sâu bọ hoặc động vật cỡ nhỏ – "thực đơn" yêu thích của chúng – sẽ trở nên khan hiếm vào mùa đông".

Đáp án B. Dùng để đánh dấu phần chú thích.

Câu 9. *Có thể dùng từ ngữ nào để thay thế cho từ "nhà" trong câu: "Nhờ có những kĩ năng đặc biệt trong việc tìm đường như vậy, các loài chim dù di cư rất xa vẫn quay trở về đúng "nhà" của mình."?*

Có thể dùng từ *tổ* thay cho *nhà* (từ này vốn để chỉ nhà của loài chim).

Câu 10. *Viết một câu về chim di cư, trong câu có sử dụng 1 kết từ.*

(HS tự làm. Viết câu và chỉ rõ kết từ trong câu.)

B. VIẾT

– HS chọn 1 đề trong 2 đề bài đã cho. Các dạng đề này các em đã được hướng dẫn cách làm và thực hành qua nhiều tiết học.

– GV chọn thời gian thích hợp để chấm, chữa bài cho HS.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: LÊ THUÝ PHƯƠNG – TRỊNH MAI NHI

Thiết kế sách: NGUYỄN THÀNH TRUNG

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA – NGUYỄN THỊ NGỌC THUỶ

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 5 TẬP MỘT – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

In ..... cuốn (QĐ .....), khổ 19 x 26,5cm.

In tại Công ty cổ phần in .....

Số ĐKXB:

Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm ...

Mã số ISBN:

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 5 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 5, tập một – SGV
2. Tiếng Việt 5, tập hai – SGV
3. Toán 5 – SGV
4. Khoa học 5 – SGV
5. Đạo đức 5 – SGV
6. Âm nhạc 5 – SGV
7. Mĩ thuật 5 – SGV
8. Công nghệ 5 – SGV
9. Lịch sử và Địa lí 5 – SGV
10. Tin học 5 – SGV
11. Hoạt động trải nghiệm 5 – SGV
12. Giáo dục thể chất 5 – SGV
13. Tiếng Anh 5 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG